

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ ĐIỆN TỬ
Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Hà Nội, tháng 12/2023

**DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ ĐIỆN TỬ**

STT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Đinh Văn Châu	Quyền Hiệu trưởng	Chủ tịch	
2	Nguyễn Lê Cường	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch	
3	Bùi Văn Bình	Phó TK CK&ĐL	Phó Chủ tịch TT	
4	Doãn Thanh Bình	Phụ trách phòng KT&ĐBCL	Ủy viên TT	
5	Nguyễn Trường Giang	Phụ trách Bộ môn Khoa CK&ĐL	Ủy viên	
6	Nguyễn Hồng Lĩnh	Trưởng Bộ môn Khoa CK&ĐL	Ủy viên	
7	Nguyễn Hùng Mạnh	Giảng viên Khoa CK&ĐL	Ủy viên	
8	Ngô Văn Thanh	Giảng viên Khoa CK&ĐL	Ủy viên	
9	Phạm Duy Phong	Trưởng khoa Khoa ĐTVT, Thành viên HĐ trường	Ủy viên, Đại diện HĐ Trường	
10	Phùng Thị Xuân Bình	Trưởng phòng QLKH&HTQT	Ủy viên	
11	Trịnh Văn Toàn	Trưởng phòng ĐT	Ủy viên	
12	Nguyễn Tiến Thành	Phụ trách phòng CTSV	Ủy viên	
13	Nguyễn Ngọc Trung	Trưởng phòng TCCB	Ủy viên	
14	Đỗ Hữu Chế	Trưởng phòng HCQT	Ủy viên	
15	Nguyễn Đăng Bộ	Phó trưởng phòng KT&ĐBCL	Ủy viên	
16	Nguyễn Đàm Minh Thông	Phụ trách phòng KHTC	Ủy viên	
17	Đoàn Vũ Trọng Anh	Phụ trách TT Học liệu	Ủy viên	
18	Nguyễn Thị Phương Dung	Phó trưởng phòng ĐT	Ủy viên	
19	Nguyễn Vân Anh	Bí thư ĐTN	Ủy viên	

20	Lê Đình Hưng	Học viên lớp D15CODT2	Ủy viên, Đại diện SV	
----	--------------	--------------------------	-------------------------	--

MỤC LỤC

MỤC LỤC	iv
BẢNG KÝ HIỆU CÁC CHỮ VIẾT TẮT	viii
DANH MỤC BẢNG	ix
DANH MỤC HÌNH	xi
BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ	xii
PHẦN I: KHÁI QUÁT.....	1
1.1. Đặt vấn đề	1
1.2. Tổng quan chung.....	6
PHẦN II: TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ.....	12
Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo	12
Mở đầu	12
Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật Giáo dục đại học.....	12
Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo	17
Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai	22
Kết luận về Tiêu chuẩn 1:	24
Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả Chương trình đào tạo	25
Mở đầu	25
Tiêu chí 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật	25
Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật	27
Tiêu chí 2.3. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận	30
Kết luận về Tiêu chuẩn 2:	32
Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung Chương trình dạy học	32
Mở đầu	32
Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra.....	33
Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng.....	40
Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic, nội dung cập nhật và có tính tích hợp.....	42
Kết luận về Tiêu chuẩn 3:	46
Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học	47
Mở đầu	47
Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan	47

Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra.....	50
Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học	53
Kết luận về Tiêu chuẩn 4:	55
Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học	55
Mở đầu	55
Tiêu chí 5.1: Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra	56
Tiêu chí 5.2: Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học	58
Tiêu chí 5.3: Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.....	60
Tiêu chí 5.4: Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập	62
Tiêu chí 5.5: Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập.....	64
Kết luận về Tiêu chuẩn 5:	65
Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên	66
Mở đầu	66
Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.	67
Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.....	70
Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.	77
Tiêu chí 6.4. Năng lực đội ngũ giảng viên được xác định và đánh giá.	78
Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.	81
Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng	82
Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.	84
Kết luận Tiêu chuẩn 6:	86
Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên	86
Mở đầu	86
Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí	

nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.....	86
Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.	91
Tiêu chí 7.3. Năng lực đội ngũ nhân viên được xác định và đánh giá.....	92
Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó	95
Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.....	96
Kết luận Tiêu chuẩn 7:	98
Tiêu chuẩn 8: Người học và Hỗ trợ người học	99
Mở đầu	99
Tiêu chí 8.1: Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và cập nhật.....	99
Tiêu chí 8.2: Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá.	103
Tiêu chí 8.3: Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học.	104
Tiêu chí 8.4: Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học.	107
Tiêu chí 8.5: Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học	111
Kết luận về Tiêu chuẩn 8:	114
Tiêu chuẩn 9: Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác	115
Mở đầu	115
Tiêu chí 9.1: Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.....	115
Tiêu chí 9.2: Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.....	118
Tiêu chí 9.3: Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.....	121
Tiêu chí 9.4: Hệ thống công nghệ thông tin (gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.	123
Tiêu chí 9.5: Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.	125
Kết luận Tiêu chuẩn 9:	128
Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng	128
Mở đầu	128

Tiêu chí 10.1: Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học	129
Tiêu chí 10.2: Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến.....	133
Tiêu chí 10.3: Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra	135
Tiêu chí 10.4: Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học	137
Tiêu chí 10.5: Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến	138
Tiêu chí 10.6: Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.....	140
Kết luận Tiêu chuẩn 10:	142
Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra	142
Mở đầu	142
Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.	143
Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.....	146
Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.....	148
Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.....	151
Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.....	153
Kết luận Tiêu chuẩn 11:	156
PHẦN III. KẾT LUẬN	157
1. Tóm tắt những điểm mạnh của chương trình đào tạo ngành CNKT CĐT	161
2. Tóm tắt những điểm tồn tại của chương trình đào tạo ngành CNKT CĐT	169
3. Kế hoạch cải tiến chương trình đào tạo ngành CNKT CĐT	172
4. Tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT	185
PHẦN IV. PHỤ LỤC	188
DANH MỤC MINH CHỨNG	209

BẢNG KÝ HIỆU CÁC CHỮ VIẾT TẮT

BCT	: Bộ Công Thương
BCTĐG	: Báo cáo tự đánh giá
CĐR	: Chuẩn đầu ra
CĐT	: Cơ điện tử
CK&ĐL	: Cơ khí và Động lực
CNTT	: Công nghệ thông tin
CS1, CS2	: Cơ sở 1, Cơ sở 2
CTĐT	: Chương trình đào tạo
CTSV	: Công tác sinh viên
CVHT	: Cố vấn học tập
ĐHDL	: Đại học Điện lực
GD&ĐT	: Giáo dục và Đào tạo
HCQT	: Hành chính Quản trị
HTQT	: Hợp tác Quốc tế
HTVL&KN	: Hỗ trợ việc làm và Khởi nghiệp
KĐCLGD	: Kiểm định Chất lượng Giáo dục
KHCN	: Khoa học công nghệ
KQHT	: Kết quả học tập
KT&ĐBCL	: Khảo thí và Đảm bảo chất lượng
MC	: Minh chứng
NCKH	: Nghiên cứu khoa học
Ngành CNKT CĐT	: Ngành Công nghệ Kỹ thuật Cơ điện tử
QLKH	: Quản lý khoa học
TCCB	: Tổ chức cán bộ

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Bảng thống kê chi tiết CDR tương ứng với mục tiêu đào tạo cụ thể ngành CNKT CĐT	19
Bảng 2: Bảng tổng hợp CDR với thiết kế của các khối kiến thức ngành CNKT CĐT.	36
Bảng 3: Cấu trúc khối kiến thức trong chương trình đào tạo ngành CNKT CĐT	43
Bảng 4: Bảng so sánh khung CTĐT ngành CNKT CĐT của trường ĐHDL với một số trường Đại học ở Việt Nam	45
Bảng 5: Thống kê phương pháp kiểm tra, đánh giá cập nhật năm học 2023-2024.....	60
Bảng 6: Bảng thống kê giảng viên thuộc Bộ môn Cơ điện tử (Số liệu tính đến tháng 11/2023).....	70
Bảng 7: Khung định mức chuẩn giảng dạy các nhiệm vụ của giảng viên	71
Bảng 8: Bảng quy đổi các hoạt động giảng dạy ra giờ chuẩn	72
Bảng 9: Bảng quy đổi hoạt động hướng dẫn thực tập môn học, đồ án/khoá luận tốt nghiệp, luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ.....	72
Bảng 10: Bảng quy đổi công tác tổ chức thi kết thúc học phần	73
Bảng 11: Bảng thống kê giảng viên và FTE (2022-2023)	74
Bảng 12: Bảng tỷ lệ giảng viên/sinh viên ngành CNKT CĐT	75
Bảng 13: Bảng thống kê khối lượng nghiên cứu khoa học qua trong 5 năm của Khoa CK&DL	85
Bảng 14. Thống kê trình độ cán bộ nhân viên các phòng ban	89
Bảng 15: Bảng đánh giá quá trình thực hiện nhiệm vụ của nhân viên.....	93
Bảng 16: Thống kê tuyển sinh trong 5 năm gần đây của ngành CNKT CĐT (hệ đại học chính quy)	100
Bảng 17. Thống kê số người học đang học chương trình (trong 5 năm học gần nhất)	101
Bảng 18: Kết quả rèn luyện của sinh viên ngành CNKT CĐT giai đoạn 2018-2023	106
Bảng 19: Bảng thống kê số lượng sinh viên nhận học bổng ngành CNKT CĐT	108
Bảng 20: Bảng số lượng sinh viên miễn giảm học phí ngành CNKT CĐT	109

Bảng 21: Bảng thống kê danh mục cơ sở vật chất của Trường ĐHĐL.....	115
Bảng 22: Bảng thống kê danh mục cơ sở vật chất của Khoa CK&ĐL	116
Bảng 23: Bảng thống kê danh mục cơ sở vật chất Trung tâm Học liệu của Trường ĐHĐL	119
Bảng 24. Thống kê về trang thiết bị sử dụng phòng máy của sinh viên của Trường ĐHĐL	121
Bảng 25: Thống kê ý kiến phản hồi của cựu sinh viên về CTĐT đáp ứng với CĐR ngành CNKT CĐT	130
Bảng 26: Thống kê ý kiến phản hồi sinh viên về CTĐT với CĐR ngành CNKT CĐT	131
Bảng 27: Thống kê ý kiến phản hồi của doanh nghiệp về chương trình đào tạo đáp ứng với CĐR ngành CNKT CĐT	131
Bảng 28: Bảng thống kê tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp của sinh viên ngành CNKT CĐT giai đoạn 5 năm (khối kỹ thuật 4,5 năm).....	143
Bảng 29: Bảng đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên ngành CNKT CĐT.....	145
Bảng 30: Bảng thống kê thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên ngành CNKT CĐT 5 năm gần đây và đối sánh	147
Bảng 31: Bảng thống kê tỷ lệ việc làm của sinh viên ngành CNKT CĐT giai đoạn 2018-2023 và đối sánh.....	149
Bảng 32: Bảng thống kê số đề tài sinh viên cấp trường ĐHĐL của ngành CNKT CĐT và đối sánh so với các ngành khác thuộc trường giai đoạn 2018-2023.....	152
Bảng 33: Bảng thống kê mức độ hài lòng của sinh viên tốt nghiệp từ năm 2018 đến năm 2022	155

DANH MỤC HÌNH

Hình 1: Sơ đồ cơ cấu tổ chức Khoa CK&ĐL.....	10
Hình 2: Thống kê kết quả hoàn thành công việc của nhân viên.....	97

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

Tên cơ sở giáo dục: Trường Đại học Điện lực

Mã: DDL

Tên CTĐT: Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử

Mã CTĐT: 7510203

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼			
Tiêu chuẩn 1								5.00	3	100%
Tiêu chí 1.1					5					
Tiêu chí 1.2					5					
Tiêu chí 1.3					5					
Tiêu chuẩn 2								5.00	3	100%
Tiêu chí 2.1					5					
Tiêu chí 2.2					5					
Tiêu chí 2.3					5					
Tiêu chuẩn 3								5.00	3	100%
Tiêu chí 3.1					5					
Tiêu chí 3.2					5					
Tiêu chí 3.3					5					
Tiêu chuẩn 4								4.00	3	100%
Tiêu chí 4.1				4						
Tiêu chí 4.2				4						
Tiêu chí 4.3				4						
Tiêu chuẩn 5								4.40	5	100%
Tiêu chí 5.1				4						
Tiêu chí 5.2					5					
Tiêu chí 5.3					5					
Tiêu chí 5.4				4						
Tiêu chí 5.5				4						
Tiêu chuẩn 6								4.00	7	100%

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼			
Tiêu chí 6.1				4						
Tiêu chí 6.2				4						
Tiêu chí 6.3				4						
Tiêu chí 6.4				4						
Tiêu chí 6.5				4						
Tiêu chí 6.6				4						
Tiêu chí 6.7				4						
Tiêu chuẩn 7								4.00	5	100%
Tiêu chí 7.1				4						
Tiêu chí 7.2				4						
Tiêu chí 7.3				4						
Tiêu chí 7.4				4						
Tiêu chí 7.5				4						
Tiêu chuẩn 8								4.00	5	100%
Tiêu chí 8.1				4						
Tiêu chí 8.2				4						
Tiêu chí 8.3				4						
Tiêu chí 8.4				4						
Tiêu chí 8.5				4						
Tiêu chuẩn 9								4.00	5	100%
Tiêu chí 9.1				4						
Tiêu chí 9.2				4						
Tiêu chí 9.3				4						
Tiêu chí 9.4				4						
Tiêu chí 9.5				4						
Tiêu chuẩn 10								4.33	6	100%
Tiêu chí 10.1					5					
Tiêu chí 10.2					5					
Tiêu chí 10.3				4						

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼			
Tiêu chí 10.4				4						
Tiêu chí 10.5				4						
Tiêu chí 10.6				4						
Tiêu chuẩn 11								4.60	5	100%
Tiêu chí 11.1				4						
Tiêu chí 11.2					5					
Tiêu chí 11.3					5					
Tiêu chí 11.4					5					
Tiêu chí 11.5				4						
Đánh giá chung CTĐT								4.35		100%

PHẦN I: KHÁI QUÁT

1.1. Đặt vấn đề

“*Chất lượng giáo dục của chương trình đào tạo*” là sự đáp ứng mục tiêu đề ra của chương trình đào tạo của cơ sở giáo dục, đảm bảo các yêu cầu về mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục và Luật giáo dục đại học; phù hợp với yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực trong từng lĩnh vực chuyên môn nhất định để phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước. Trong nhiều năm qua, Khoa Cơ khí và Động lực (CK&DL), Trường Đại học Điện lực (ĐHDL) thường xuyên quan tâm đến chất lượng chương trình đào tạo, đã và đang áp dụng nhiều biện pháp nhằm duy trì và nâng cao chất lượng CTĐT, đáp ứng nhu cầu của xã hội.

CTĐT kỹ sư ngành Công nghệ Kỹ thuật Cơ điện tử (CNCKCĐT) của Trường ĐHDL đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng tốt các yêu cầu của các doanh nghiệp trên thị trường lao động. Chính vì vậy, để đáp ứng tốt hơn nữa những yêu cầu của các doanh nghiệp đối với kỹ sư ngành CNKT CĐT, Khoa CK&DL, Trường ĐHDL đã triển khai công tác tự đánh giá chất lượng CTĐT trình độ đại học ngành CNKT CĐT. Khoa CK&DL, Trường ĐHDL tự xem xét, nghiên cứu dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành để báo cáo về hiện trạng chất lượng, hiệu quả hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, nhân lực, cơ sở vật chất và các vấn đề liên quan khác thuộc CTĐT ngành CNKT CĐT để Trường tiến hành điều chỉnh các nguồn lực và triển khai các hoạt động cải tiến chất lượng nhằm đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

Tự đánh giá trước hết thể hiện tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của Nhà trường, là một phần của quy trình đánh giá và kiểm định chất lượng, góp phần xây dựng văn hóa chất lượng bên trong Nhà trường cũng như các khoa. Trong quá trình triển khai công việc này, Trường ĐHDL, Khoa CK&DL căn cứ vào các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng của Bộ GD&ĐT để tiến hành xem xét, tự đánh giá và báo cáo về thực trạng chất lượng CTĐT ngành CNKT CĐT, chỉ ra những mặt mạnh và mặt yếu cần khắc phục, từ đó đề ra các biện pháp cải tiến chương trình đào tạo nhằm đạt được các mục tiêu chương trình đào tạo đã đề ra. Về cấu trúc, Báo cáo tự đánh giá (BCTĐG) gồm 4 phần:

Phần 1 – Khái quát: Giới thiệu tổng quan về Trường ĐHDL với sứ mạng, tầm

nhìn, cơ cấu tổ chức, quy mô đào tạo, nghiên cứu khoa học trong những năm gần đây và quy trình bảo đảm chất lượng của Nhà trường. Tiếp đó là giới thiệu về Khoa CK&DL.

Phần 2 – Nội dung tự đánh giá theo các tiêu chuẩn của CTĐT ngành CNKT CĐT: Mô tả và phân tích, đánh giá các hoạt động của CTĐT ngành CNKT CĐT theo các yêu cầu của từng tiêu chí trong các tiêu chuẩn để thấy được mức độ đáp ứng của CTĐT so với bộ tiêu chuẩn đề ra. Trong mỗi tiêu chí đều được mô tả cụ thể về tiêu chí, chỉ ra điểm mạnh, điểm tồn tại, kế hoạch hành động khắc phục tồn tại và đánh giá điểm đạt của của từng tiêu chí.

Phần 3 – Kết luận: Báo cáo tổng hợp các điểm mạnh, những điểm cần phát huy của CTĐT, đồng thời chỉ ra những tồn tại của CTĐT và đưa ra các kế hoạch nhằm cải tiến chất lượng CTĐT trong tương lai.

Phần 4 - Phụ lục: Tổng hợp phụ lục cơ sở dữ liệu phục vụ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo.

➤ *Mục đích tự đánh giá:*

Tự đánh giá là một khâu quan trọng trong việc đảm bảo chất lượng CTĐT của Trường ĐHĐL. Giúp Trường ĐHĐL, đơn vị thực hiện CTĐT tự rà soát, xem xét, đánh giá thực trạng của CTĐT; xây dựng và triển khai các kế hoạch hành động nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng CTĐT; từ đó điều chỉnh mục tiêu cho giai đoạn tiếp theo theo hướng cao hơn. Là điều kiện cần thiết để Trường ĐHĐL đăng ký đánh giá ngoài và đề nghị công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng CTĐT với một tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục. Thể hiện tính tự chủ và tính tự chịu trách nhiệm của Trường ĐHĐL trong toàn bộ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, dịch vụ xã hội theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu đã được xác định.

Cụ thể, tự đánh giá là việc tập hợp một cách có hệ thống CTĐT đang có của ngành CNKT CĐT, từ đó có những báo cáo về chất lượng, hiệu quả hoạt động đào tạo, NCKH và các vấn đề liên quan tới CTĐT. Trên cơ sở những nhận định từ chính những hoạt động đã và đang làm được của Ngành kèm theo những tồn tại để đưa ra những hành động cụ thể cho việc phát triển Ngành, Khoa và Trường. Đây cũng chính là căn cứ để Ngành có những điều chỉnh cần thiết trong quá trình tổ chức thực hiện đào tạo, xây dựng nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng NCKH, đóng góp cho cộng đồng để từ đó nâng cao chất lượng giáo dục đại học. Hoạt động này tạo thành một chu trình khép

kín và rất cần được nhận định cả từ bên trong và bên ngoài để có được hướng phát triển phù hợp xu thế, khẳng định thương hiệu và chất lượng của ngành CNKT CĐT.

Việc tự đánh giá là cơ sở để Nhà trường đánh giá và xem xét khả năng đăng ký đánh giá ngoài và đề nghị công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng CTĐT với một tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục. Đồng thời, tự đánh giá thể hiện tính tự chủ và tính tự chịu trách nhiệm của cơ sở giáo dục trong toàn bộ hoạt động đào tạo, NCKH, dịch vụ xã hội theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu đã được xác định.

➤ *Quy trình tự đánh giá được tiến hành theo các bước sau:*

Bước 1: Thành lập Hội đồng tự đánh giá, ban thư ký, các nhóm công tác;

Bước 2: Lập kế hoạch tự đánh giá, phân công trách nhiệm cụ thể cho từng nhóm;

Bước 3: Thu thập, phân tích và xử lý thông tin minh chứng;

Bước 4: Viết báo cáo tự đánh giá;

Bước 5: Hoàn thiện báo cáo tự đánh giá tổng thể;

Bước 6: Công bố báo cáo tự đánh giá trong toàn Trường để đọc và góp ý kiến;

Bước 7: Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành tự đánh giá.

➤ *Phạm vi tự đánh giá:*

Bản BCTĐG được thực hiện căn cứ theo những văn bản hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GD&ĐT) về công tác đánh giá chất lượng đào tạo trình độ đại học, cụ thể như sau:

- Thông tư 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;
- Thông tư 04/2016/TT-BGD&ĐT ngày 14/3/2016 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học;
- Văn bản số 1074/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục hướng dẫn chung về sử dụng Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học;

- Văn bản số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng về việc thay thế Tài liệu đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDDH ban hành kèm theo Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD;
- Văn bản số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài CTĐT;
- Văn bản số 774/QLCL-KĐCLGD ngày 10/6/2021 của Cục Quản lý chất lượng về việc điều chỉnh một số phụ lục Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD;

Căn cứ Thông tư 04/2016/TT-BGD&ĐT, BCTĐG của CTĐT trình độ đại học ngành CNKT CĐT được viết theo 11 tiêu chuẩn, gồm 50 tiêu chí đánh giá. Kèm theo nội dung BCTĐG là các minh chứng điển giải cụ thể cho hoạt động mà ngành CNKT CĐT đã thực hiện. Cụ thể nội dung tự đánh giá gồm 11 tiêu chuẩn như sau:

- Tiêu chuẩn 1- Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT;
- Tiêu chuẩn 2- Bản mô tả CTĐT;
- Tiêu chuẩn 3- Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học;
- Tiêu chuẩn 4- Phương pháp tiếp cận trong dạy và học;
- Tiêu chuẩn 5- Đánh giá kết quả học tập của người học;
- Tiêu chuẩn 6- Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên;
- Tiêu chuẩn 7- Đội ngũ nhân viên;
- Tiêu chuẩn 8- Người học và hoạt động hỗ trợ người học;
- Tiêu chuẩn 9 - Cơ sở vật chất và trang thiết bị;
- Tiêu chuẩn 10 - Nâng cao chất lượng;
- Tiêu chuẩn 11- Kết quả đầu ra.

Nội dung chi tiết của 11 tiêu chuẩn, 50 tiêu chí được đề cập trong phần II của bản báo cáo. Các minh chứng trong báo cáo tự đánh giá của ngành được mã hóa theo quy định của Thông tư 04/TT-BGD&ĐT và Văn bản số 2085/QLCL-KĐCLGD của Cục Quản lý chất lượng về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài CTĐT ban hành ngày 31/12/2020. Việc mã hóa thông tin và minh chứng (MC) được ký hiệu bằng chuỗi có ít nhất 11 ký tự, bao gồm 1 chữ cái, ba dấu chấm và 7 chữ số; cứ 2 chữ số có 1 dấu chấm (.) để phân cách theo quy tắc sau: **[Hn.ab.cd.ef]**

Trong đó:

- H: Viết tắt của hộp MC
- n: Số thứ tự của hộp MC
- ab: Số thứ tự của tiêu chuẩn
- cd: Số thứ tự của tiêu chí
- ef: Số thứ tự của MC theo từng tiêu chí

Ví dụ: **[H1.01.01.07]** là MC thứ 7 của tiêu chí 1 thuộc tiêu chuẩn 1 và được đặt ở hộp 1.

Mỗi MC chỉ được mã hóa một lần. MC được dùng cho nhiều tiêu chí trong một tiêu chuẩn hoặc nhiều tiêu chuẩn thì mang mã MC của tiêu chí, tiêu chuẩn được sử dụng lần thứ nhất. Các MC này được tập hợp trong Danh mục MC được gửi kèm theo BCTĐG. Nội dung cụ thể từng MC được đặt trong hộp lưu trữ của ngành đào tạo. Các MC được cung cấp, sử dụng có độ tin cậy cao và liên tục được cập nhật. Các MC sẽ được đặt đúng vị trí hộp như đã mã hóa để bổ sung cho tính toàn diện của hoạt động tự đánh giá.

➤ *Phương pháp và công cụ đánh giá:*

Quá trình tự đánh giá chương trình đào tạo của Nhà trường, Khoa được dựa theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí của Bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng các trường đại học (Thông tư 04/2016/TT-BGD&ĐT ban hành ngày 14/03/2016).

Đối với mỗi tiêu chí ngành CNKT CĐT được tiến hành đồng thời với Trường và Khoa nên có sự đồng nhất về số liệu, thời điểm MC, nguồn gốc rõ ràng, xác thực và có tính hệ thống trong bố cục. Việc tiến hành xem xét theo trình tự sau:

(i) Mô tả hiện trạng: Cụ thể, có bảng, biểu đồ để đảm bảo tính trực quan về thực tế các tiêu chí. Việc mô tả dựa trên MC thực tế.

(ii) Phân tích, giải thích, so sánh để đưa ra những đánh giá, chỉ ra những điểm mạnh, tồn tại của CTĐT.

(iii) Lập kế hoạch hành động khắc phục những tồn tại để cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở thời gian, bộ phận thực hiện và đảm bảo tính khả thi.

(iv) Tự đánh giá: tự đánh giá mức độ đạt yêu cầu theo tiêu chí.

Quá trình đánh giá chất lượng đào tạo ngành CNKT CĐT có sự liên kết chặt chẽ của các giảng viên trong Khoa CK&ĐL với các cán bộ của các Phòng, Ban của Trường ĐHĐL, đặc biệt là Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng (KT&ĐBCL),

Phòng Đào tạo, Phòng Công tác sinh viên (CTSV), Phòng Tổ chức cán bộ (TCCB), Trung tâm Học liệu, Phòng Hành chính quản trị (HCQT) và Phòng Quản lý Khoa học và hợp tác quốc tế (QLKH&HTQT). Các phòng ban chức năng có người đại diện tham gia các nhóm công tác chuyên trách trong việc thu thập minh chứng, đánh giá minh chứng và nội dung trong các tiêu chuẩn tương ứng.

Giai đoạn thực hiện đánh giá CTĐT ngành CNKT CĐT là từ năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023.

1.2. Tổng quan chung

Trường Đại học Điện lực

Trường ĐHĐL là một trong những trường trọng điểm trực thuộc Bộ Công Thương với bề dày hơn 50 năm xây dựng và phát triển. Ngày 19/5/2006, Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định thành lập Trường ĐHĐL trực thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Ngày 01/9/2015, Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 1508/QĐ-TTg phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường ĐHĐL giai đoạn 2015 – 2017 và đến ngày 24/9/2015, Bộ trưởng Bộ Công Thương đã ra Quyết định số 10268/QĐ-BCT về việc chuyển Trường ĐHĐL trực thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam về trực thuộc Bộ Công Thương. Trong nhiều năm qua, Trường ĐHĐL thường xuyên quan tâm đến chất lượng đào tạo, đã và đang áp dụng nhiều giải pháp nhằm duy trì và nâng cao chất lượng đào tạo. Chất lượng hoạt động đào tạo của Nhà trường đã được khẳng định thể hiện thông qua việc Trường ĐHĐL đã tự nguyện đăng ký tự đánh giá và kiểm định chất lượng vào năm 2017 theo 11 tiêu chuẩn kiểm định chất lượng của Bộ GD&ĐT và được công nhận là cơ sở đạt chuẩn chất lượng giáo dục theo Quyết định số 226 ngày 30/6/2018 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định Chất lượng Giáo dục (KĐCLGD) – Đại học Quốc gia Hà Nội. Trường đã, đang và tiếp tục triển khai nhiều hoạt động để đảm bảo chất lượng như: cải tạo cơ sở vật chất; nâng cao năng lực đội ngũ công việc chức; định kỳ rà soát, hiệu chỉnh các CTĐT trên cơ sở các ý kiến của các bên liên quan (giảng viên, chuyên viên, sinh viên, cựu sinh viên, doanh nghiệp, nhà tuyển dụng và chuyên gia) về mọi mặt của Nhà trường.

Tổng diện tích hiện có của Trường là 9,9 ha với 129 phòng học được trang bị đầy đủ thiết bị nghe, nhìn, có đường truyền internet; diện tích phòng máy tính 875m². Thư viện của Nhà trường có diện tích 1.176 m² với 5.203 đầu sách và giáo trình điện

từ. Nhà trường có bề dày kinh nghiệm, đã khẳng định được chất lượng và uy tín trong đào tạo, NCKH ở trong nước và khu vực.

Hiện nay, tổng số CBVC của Nhà trường hiện có 533 người; trong đó giảng viên cơ hữu là 370 người với 36 Giáo sư và Phó giáo sư, 168 Tiến sĩ. Nhiều giảng viên của Nhà trường là những chuyên gia, tham gia các hoạt động NCKH, Hội đồng tư vấn và đánh giá các cấp.

Sứ mạng: Trường ĐHĐL có sứ mạng là cơ sở đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, NCKH và chuyển giao công nghệ đáp ứng nhu cầu của ngành năng lượng nói riêng và xã hội nói chung trong công cuộc hiện đại hoá và phát triển bền vững.

Giá trị cốt lõi trong hoạt động đào tạo và NCKH của Trường ĐHĐL đã được khẳng định với sáu chữ sau: (1) Trách nhiệm; (2) Sáng tạo và (3) Hiệu quả.

Tầm nhìn: Là trường đại học đa ngành theo định hướng ứng dụng có uy tín trong và ngoài nước, từng bước khẳng định vị thế hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực năng lượng.

Theo đó, mục tiêu giáo dục của Nhà trường là *“Trở thành trường đại học theo ứng dụng hàng đầu Việt Nam, theo mô hình tự chủ toàn diện, hội nhập với nền giáo dục tiên tiến khu vực và quốc tế. Người học được đào tạo toàn diện, đáp ứng tốt yêu cầu của thị trường lao động, có khả năng học tập suốt đời, có năng lực sáng tạo và khởi nghiệp. Kết quả nghiên cứu khoa học đáp ứng tốt yêu cầu thực tiễn, góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.”*.

Chính sách chất lượng: Trường ĐHĐL đã luôn quan tâm đến chất lượng giáo dục và đã có nhiều chính sách, áp dụng nhiều biện pháp để đảm bảo và không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo. Trường ĐHĐL đã hoàn thành công tác đánh giá ngoài cấp cơ sở giáo dục bởi Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – Đại học Quốc gia Hà Nội với kết quả tốt, đồng thời triển khai công tác tự đánh giá với một loạt các CTĐT khác trong đó có CTĐT ngành CNKT CĐT. Quan điểm của Ban lãnh đạo Nhà trường luôn coi chất lượng là một phần của giáo dục và được thực hiện thường xuyên theo chu trình cải tiến liên tục.

Khoa Cơ khí và Động lực

Khoa Cơ khí và Động lực (CK&ĐL) tiền thân là Khoa Công nghệ Cơ khí, là một trong những khoa có quy mô lớn trong trường Điện lực. Hiện nay (tính đến 11/2023), Khoa CK&ĐL có 30 giảng viên trong đó có 05 Phó Giáo sư - Tiến sĩ, 15

Tiến sĩ, 10 Thạc sĩ, 01 Thụ ký - Giáo vụ. Số lượng học viên của Khoa CK&ĐL hiện nay khá đông, trong đó có khoảng gần 1300 sinh viên đại học. Ngoài nhiệm vụ giảng dạy, giảng viên của Khoa CK&ĐL còn tham gia tích cực vào các hoạt động nghiên cứu khoa học. Cụ thể là đã tiến hành thực hiện rất nhiều các đề tài cấp Bộ, đề tài cấp cơ sở... Các sản phẩm nghiên cứu khoa học của Khoa CK&ĐL đã được các đơn vị đánh giá hoàn thành tốt và đang dần được ứng dụng vào thực tế.

Bên cạnh nhiệm vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học, các giảng viên còn tham gia vào các khóa đào tạo để nâng cao trình độ, hoàn thiện kỹ năng. Các giảng viên của Khoa CK&ĐL còn tham gia nhiều hội thảo cũng như các khóa đào tạo về nâng cao kỹ năng, như hội thảo về công tác ứng dụng phần mềm vào sản xuất.

Trong những năm qua, Khoa CK&ĐL đã tích cực đẩy mạnh công tác hợp tác quốc tế về giảng dạy và NCKH trong lĩnh vực Cơ khí và Cơ điện tử. Khoa CK&ĐL đã làm việc và trao đổi với Trường Đại học Nam Đài Loan, một số trường đại học của Trung Quốc, Đại học quốc gia KyungPook Hàn Quốc, Đại học Anna University Ấn Độ, kết hợp làm việc với các chuyên gia đến từ nhiều nước như Ấn Độ, Đức, Nhật Bản, Trung Quốc ...

Trong trường, ngoài lực lượng giảng viên của Khoa CK&ĐL, trong chương trình đào tạo trình độ đại học các ngành của Khoa CK&ĐL còn có nhiều môn học do các giảng viên khác có học hàm Phó giáo sư và học vị Tiến sĩ ở các khoa, các phòng ban khác trong và ngoài Trường cùng tham gia giảng dạy. Cụ thể là có 8 Tiến sĩ ở các khoa và các ngành khác cùng tham gia giảng dạy. Ngoài ra, Khoa CK&ĐL còn liên kết hợp tác mời giảng viên của một số trường đại học lớn tham gia như Đại học Bách khoa, Đại học giao thông, Đại học Mỏ, Học viện Kỹ thuật quân sự .v.v.

Khoa CK&ĐL là đơn vị trực thuộc trường Đại học Điện lực, với các nhiệm vụ chính là thực hiện đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong các lĩnh vực: Công nghệ cơ khí, Cơ điện tử, công nghệ ô tô... Các loại hình đào tạo của Khoa CK&ĐL hiện nay gồm: Chính quy, Tại chức, Liên thông, Đào tạo ngắn hạn. Các bậc đào tạo bao gồm: Đại học, Cao học.

Về cơ sở vật chất, Khoa CK&ĐL hiện tại có 01 văn phòng với đầy đủ các trang thiết bị phục vụ cho giảng viên. Khoa CK&ĐL cũng xây dựng thư viện để các giảng viên có nguồn tài liệu cơ bản quan trọng phục vụ công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

Tính đến thời điểm tháng 11 năm 2023, nguồn nhân lực tham gia đào tạo chuyên ngành CNKT CĐT có 30 giảng viên trong đó có 05 Phó Giáo sư - Tiến sĩ, 15 Tiến sĩ, 10 Thạc sĩ, 01 Thư ký - Giáo vụ. Ngoài ra, Khoa CK&DL còn có sự hợp tác tham gia thỉnh giảng từ các chuyên gia, các nhà khoa học có nhiều năm kinh nghiệm nghiên cứu và đào tạo trong lĩnh vực cơ khí và cơ điện tử. Đặc biệt, hội đồng Khoa CK&DL quy tụ được các nhà khoa học trong và ngoài trường có đủ lĩnh vực và trình độ chuyên môn.

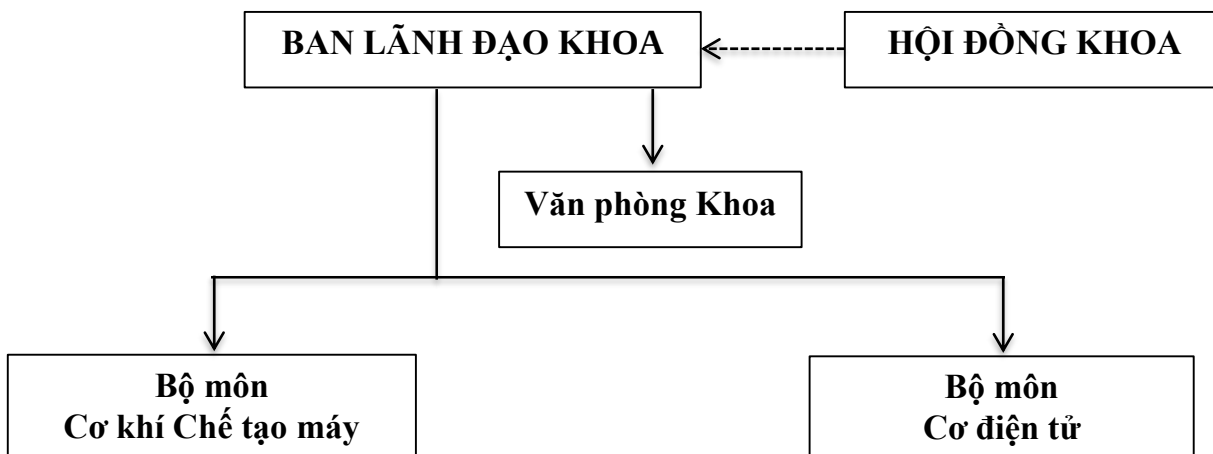
Kết quả đào tạo dài hạn: Trong công tác đào tạo, Khoa CK&DL đã và đang đào tạo được 18 khoá với tổng số lượng khoảng 10000 sinh viên. Số lượng sinh viên đã ra trường khoảng 9000 sinh viên và số lượng đang theo học các ngành của Khoa khoảng 1300 sinh viên.

Theo thống kê từ bộ phận quản lý cựu học viên, tại các thời điểm khảo sát, gần 100% cựu sinh viên phản hồi thông tin đã có việc làm và trên 80% trong số đó là làm đúng hoặc liên quan đến chuyên ngành được đào tạo.

Kết quả nghiên cứu khoa học: Khoa CK&DL luôn là một trong những đơn vị tiên phong trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học. Tính đến nay Khoa CK&DL đã chủ trì được trên 20 đề tài các cấp (cấp Bộ Công Thương và cấp cơ sở) và tham gia nhiều dự án cấp Bộ Công Thương được đánh giá có chất lượng tốt và có tính ứng dụng cao trong áp dụng thực tế.

Cùng với công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học, Khoa CK&DL cũng tích cực tham gia và các chương trình sản xuất thử nghiệm, thiết kế và chế tạo hỗ trợ các doanh nghiệp sản xuất, các nhà máy và xưởng bảo dưỡng, sửa chữa công nghiệp.

Sau hơn 17 năm thành lập, Khoa CK&DL đã khẳng định được vị trí và vị thế trong lĩnh vực đào tạo, tư vấn về lĩnh vực cơ khí và CĐT. Khoa CK&DL đã trở thành địa chỉ đào tạo tin cậy của lớp lớp thế hệ sinh viên và học viên, là đối tác tin cậy của các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp trong lĩnh vực cơ khí và CĐT. Cơ cấu tổ chức của Khoa CK&DL có 02 Bộ môn và 01 Văn phòng Khoa được mô tả như Sơ đồ trong Hình 1.



Hình 1: Sơ đồ cơ cấu tổ chức Khoa CK&ĐL

(Theo Quyết định 135/QĐ-ĐHĐL ngày 30/01/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Điện lực về việc thành lập bộ môn thuộc Khoa CK&ĐL)

Chương trình đào tạo ngành CNKT CĐT

Ngành CNKT CĐT là một trong 2 ngành đào tạo của Khoa CK&ĐL. Trong đó, CTĐT kỹ sư ngành CNKT CĐT được thiết kế theo chuẩn 4,5 năm. CTĐT đại học của các ngành do Khoa CK&ĐL quản lý được chỉnh sửa đảm bảo tính hệ thống, có tính liên thông giữa các bậc, các hệ đào tạo.

CTĐT ngành CNKT CĐT được xây dựng với 58 môn học tương ứng với 158 tín chỉ. Ngành CNKT CĐT xác định chất lượng CTĐT là một trong những yếu tố quan trọng nhất tác động đến chất lượng đào tạo của Khoa CK&ĐL và toàn trường. Chính vì vậy, việc đánh giá chất lượng CTĐT ngành CNKT CĐT là việc làm hết sức cần thiết để nâng cao chất lượng CTĐT cho phù hợp với nhu cầu đào tạo nguồn lực xã hội hiện nay.

Mục tiêu của CTĐT ngành CNKT CĐT được xác lập chính thức ngay trong Đề án mở ngành và CTĐT ban đầu, bao gồm các mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể, đảm bảo các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và thái độ. Mục tiêu chung của CTĐT nhằm đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức, có năng lực áp dụng những kiến thức khoa học kỹ thuật và xã hội để xử lý các vấn đề chuyên môn liên quan đến ngành Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử; Có khả năng tự chủ, khả năng sáng tạo, khả năng tự thích nghi mọi môi trường làm việc và có ý thức phục vụ cộng đồng. Đáp ứng tốt yêu cầu của thị trường lao động, có khả năng học tập suốt đời, có năng lực sáng tạo và khởi nghiệp.

Để đáp ứng nhu cầu của xã hội, CTĐT của ngành CNKT CĐT được thiết kế

phù hợp giữa lý thuyết và thực hành thông qua các hoạt động dạy và học, kết nối doanh nghiệp trong đào tạo nhằm tăng cường tính thực tiễn của sinh viên, nâng cao kiến thức và nghiệp vụ chuyên môn, phát triển kỹ năng mềm cần thiết cho phát triển nghề nghiệp, ý thức học tập suốt đời. CTĐT ngành CNKT CĐT thường xuyên được rà soát, điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn. Cụ thể là CTĐT ngành CNKT CĐT được phê duyệt theo Quyết định số 1003/QĐ-ĐHDL ngày 01/8/2013 và được được rà soát, cập nhật, điều chỉnh vào các năm 2015, 2017, 2019 và 2023.

PHẦN II: TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo

Mở đầu

Mục tiêu và chuẩn đầu ra (CĐR) của Chương trình đào tạo (CTĐT) đóng vai trò rất quan trọng trong cơ sở giáo dục đại học. Mục tiêu và CĐR của một CTĐT phản ánh sự gắn kết giữa cơ sở đào tạo, ngành đào tạo với nhu cầu nguồn nhân lực của xã hội và giúp các hoạt động đào tạo như quản lý, tổ chức giảng dạy và tổ chức hoạt động học tập của sinh viên hiệu quả hơn. Mục tiêu và CĐR của CTĐT ngành CNKT CĐT được xây dựng trên cơ sở tuyên bố sứ mạng và tầm nhìn mang tính chiến lược và dài hạn của Trường ĐHĐL. Đồng thời, mục tiêu và CĐR cũng đáp ứng các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và thái độ của người học đạt được sau khi ra trường, có tham chiếu với mục tiêu chung của giáo dục đại học được quy định tại Luật Giáo dục đại học. Sáu (06) CĐR (được chi tiết hóa bởi 23 chỉ báo) trong CTĐT mới nhất của ngành CNKT CĐT thể hiện kỳ vọng của người học sẽ có được và làm được sau khi tốt nghiệp. Đây cũng là những điều mà Trường ĐHĐL cam kết với người học về chất lượng đào tạo. Trên cơ sở đó, người học giám sát, đánh giá chất lượng đào tạo và kết quả đạt được trong hoạt động nghề nghiệp của mình sau khi tốt nghiệp.

Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật Giáo dục đại học

1. Mô tả hiện trạng

Khoa Công nghệ Cơ khí nay là Khoa CK&ĐL được nhà trường giao nhiệm vụ đào tạo hệ đại học ngành CNKT CĐT từ năm học 2008 ÷ 2009. Đến năm 2013, CTĐT của ngành CNKT CĐT đã thay đổi hệ thống đào tạo từ niên chế sang tín chỉ theo quyết định số 1003/QĐ ĐHĐL ngày 01 tháng 08 năm 2013 [H1.01.01.01]. Kể từ khi chuyển sang hệ thống đào tạo tín chỉ thì mục tiêu đào tạo của CNKT CĐT đã được xác lập với 3 nhóm chi tiết: kiến thức, kỹ năng và thái độ.

Mục tiêu chung của CTĐT đã được xác định rõ ràng ngay trong Đề án mở ngành, trong CTĐT ban đầu [H1.01.01.01] và trong các Quyết định ban hành CĐR của các CTĐT được hiệu chỉnh sau này như Quyết định số 1904/QĐ-ĐHĐL ngày 29 tháng 12 năm 2017 của trường ĐHĐL [H1.01.01.02], Quyết định số 798/QĐ-ĐHĐL

ngày 16 tháng 07 năm 2020 của trường ĐHDL [H1.01.01.03], Quyết định số 1681/QĐ-ĐHDL ngày 12 tháng 10 năm 2023 của trường ĐHDL [H1.01.01.04]. Theo đó, mục tiêu chung của CTĐT ngành CNKT CĐT hiện này được xác định là: *“Đào tạo toàn diện người học có phẩm chất chính trị, đạo đức, có năng lực áp dụng những kiến thức khoa học kỹ thuật và xã hội để xử lý các vấn đề chuyên môn liên quan đến ngành CNKT CĐT; Có khả năng tự chủ, khả năng sáng tạo, khả năng tự thích nghi mọi môi trường làm việc và có ý thức phục vụ cộng đồng. Đáp ứng tốt yêu cầu của thị trường lao động, có khả năng học tập suốt đời, có năng lực sáng tạo và khởi nghiệp. Kết quả nghiên cứu khoa học đáp ứng tốt yêu cầu thực tiễn, góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”*.

Mục tiêu của CTĐT ngành CNKT CĐT phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường ĐHDL, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật Giáo dục đại học. Mục tiêu này đã có nhiều cải tiến so với CTĐT ngành CNKT CĐT ban hành theo Quyết định số 1003/QĐ-ĐHDL ngày 01/8/2013 của Trường ĐHDL về tính rõ ràng, chi tiết trong mục đích cần đạt được của CTĐT về kiến thức chuyên sâu, tăng cường kỹ năng sử dụng các công cụ, phần mềm chuyên dụng và thực hành trong việc tính toán, thiết kế và chế tạo các sản phẩm, hệ thống CĐT, kỹ năng giải quyết vấn đề, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, khả năng học tập suốt đời, năng lực sáng tạo và khởi nghiệp [H1.01.01.04].

Mục tiêu chung đó đã được làm rõ thông qua sáu (06) mục tiêu cụ thể mà sinh viên ngành CNKT CĐT cần đạt được qua quá trình đào tạo. Theo đó, sinh viên tốt nghiệp CTĐT ngành CNKT CĐT cần có ý thức, có sáng kiến trong quá trình thực hiện các công việc thuộc lĩnh vực CĐT, có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau, nhận thức được giá trị về đạo đức nghề nghiệp, văn hoá doanh nghiệp trong công việc, có khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có tinh thần học hỏi, cầu tiến. Về kiến thức, sinh viên cần có kiến thức khoa học cơ bản, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành (kiến thức nghiên cứu, phân tích, tính toán,... các hệ thống, máy móc, cơ cấu trong lĩnh vực CĐT). Về kỹ năng, mục tiêu hướng đến của CTĐT là đào tạo sinh viên có kỹ năng về thiết kế, mô phỏng, lắp đặt, vận hành... các hệ thống, máy móc thuộc lĩnh vực cơ điện tử. Mục tiêu cụ thể của CTĐT ngành CNKT CĐT như sau:

PEO 1: Cung cấp các kiến thức cơ bản về chủ trương, chính sách của Đảng và

pháp luật của Nhà nước về văn hoá, chính trị xã hội; các kiến thức đại cương về khoa học cơ bản tự nhiên, tin học và ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu cho việc tiếp thu các kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành và kiến thức chuyên sâu liên quan đến ngành đào tạo;

PEO 2: Cung cấp các kiến thức liên quan đến việc tính toán, phân tích, đánh giá, thiết kế, gia công - chế tạo, tổ chức sản xuất,... liên quan đến ngành đào tạo;

PEO 3: Cung cấp các kiến thức chuyên sâu liên quan đến lĩnh vực Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử như: phân tích sản phẩm, xây dựng quy trình, lập kế hoạch sản xuất, phương pháp đánh giá sản phẩm, ... cũng như năng lực sử dụng các công cụ hiện đại liên quan đến ngành đào tạo;

PEO 4: Trang bị năng lực nghiên cứu, vận dụng sáng tạo và linh hoạt các cơ sở lý thuyết, kết quả nghiên cứu vào thực tiễn trong lĩnh vực chuyên môn cụ thể;

PEO 5: Trang bị năng lực học tập suốt đời, năng lực khởi nghiệp và năng lực làm việc trong môi trường làm việc liên ngành, đa văn hoá, đa quốc gia;

PEO 6: Có phẩm chất đạo đức, sức khỏe, động cơ và thái độ làm việc tốt.

Trong những lần sửa đổi CTĐT ngành CNKT CĐT vào các năm 2017, 2020 và 2023, Nhà trường và Khoa CK&ĐL căn cứ vào Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT về việc quy định khối lượng kiến về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và qui trình xây dựng, thẩm định, ban hành CTĐT trình độ Đại học, Thạc sỹ, Tiến sỹ **[H1.01.01.05]**, Khoa CK&ĐL xây dựng mục tiêu của CTĐT sau khi khảo sát về nhu cầu của thị trường lao động liên quan đến CTĐT ngành CNKT CĐT. Mục tiêu của CTĐT ngành CNKT CĐT là phản ánh nhu cầu của thị trường lao động thông qua việc tiếp thu các ý kiến đóng góp của các bên có liên quan. Cụ thể, những kiến thức, kỹ năng và thái độ mà người học được kỳ vọng tiếp thu được và thể hiện thành công khi tốt nghiệp được xác định sau khi khảo sát thị trường lao động và lấy ý kiến chuyên gia. Việc khảo sát thị trường lao động được tiến hành thông qua khảo sát các nguồn thông tin phản hồi của các cơ quan tuyển dụng, của người học, của cựu sinh viên và của các chuyên gia được thể hiện trong các hội thảo, cuộc họp, các cuộc tiếp xúc cá nhân, thông tin phản hồi của người học trong các đợt lấy ý kiến. Theo biên bản đánh giá, những năm gần đây về thị trường lao động ngành CNKT CĐT có sự tăng trưởng mạnh do nhu cầu xã hội đang mong muốn nâng cao năng suất, giảm sức lao

động bắt kịp với thời đại công nghệ 4.0 chuẩn bị bước sang 5.0 với thời đại của trí tuệ nhân tạo. Đó là căn cứ để Khoa CK&ĐL hiệu chỉnh CTĐT ngành CNKT CĐT. Bên cạnh đó, những yêu cầu về công nghệ tiên tiến, kỹ thuật mới trong sản xuất dẫn đến sự thay đổi toàn diện về mục tiêu đào tạo trong CTĐT của Nhà trường. Mục tiêu kiến thức không chỉ dừng lại ở kiến thức chuyên môn của ngành CNKT CĐT mà tăng cường mở rộng kiến thức tổng hợp hơn, liên thông đa ngành. Mục tiêu kỹ năng tăng cường về khả năng sử dụng công cụ hiện đại, phần mềm chuyên dụng, kỹ năng làm việc nhóm và đa chuyên môn. Bên cạnh đó, đạo đức nghề nghiệp, ý thức kỷ luật và tác phong công nghiệp cũng được đề cao và là mục đích của CTĐT. Do đó, mục tiêu về đạo đức nghề nghiệp chuyên môn, tính tự chịu trách nhiệm, khả năng học tập suốt đời, năng lực sáng tạo và khởi nghiệp được đề cập và là điểm khác biệt trong lần điều chỉnh này [H1.01.01.06], [H1.01.01.07], [H1.01.01.08].

Mục tiêu CTĐT CNKT CĐT được điều chỉnh theo sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường ở từng giai đoạn. Giai đoạn trước 2017, mục tiêu của CTĐT ngành CNKT CĐT phù hợp với sứ mạng của Trường ĐHĐL lúc này là “*Trường Đại học Điện lực là Trung tâm đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực có trình độ cao về khoa học công nghệ và quản lý kinh tế, đồng thời cũng là trung tâm nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ cho ngành Điện lực Việt Nam và xã hội, phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước*”, là cơ sở để đào tạo kỹ sư ngành CNKT CĐT có trình độ cao đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực cho lĩnh vực cơ khí nói riêng và cho xã hội nói chung [H1.01.01.02], [H1.01.01.09].

Đến giai đoạn 2017-2023, Mục tiêu đào tạo của ngành CNKT CĐT được xác định là phù hợp với tuyên bố sứ mạng của Nhà trường “*Là cơ sở đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ đáp ứng nhu cầu của ngành năng lượng nói riêng và xã hội nói chung trong công cuộc hiện đại hoá và phát triển bền vững*” với tầm nhìn là “*Trở thành trường đại học hàng đầu trong nước về lĩnh vực năng lượng, đạt đẳng cấp quốc tế vào năm 2030*”. Mục tiêu của CTĐT ngành CNKT CĐT hướng tới sự toàn diện giữa các khối kiến thức, kỹ năng và thái độ làm việc để tạo ra các kỹ sư có chất lượng hướng tới sự phát triển bền vững [H1.01.01.03], [H1.01.01.10].

Đến năm 2023, Trường ĐHĐL đã ra công bố mới về sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi, mục tiêu và triết lý giáo dục của Trường ĐHĐL trong Quyết định số 774/QĐ-

ĐHDL ngày 30 tháng 05 năm 2023 với sứ mạng “*Là trường đại học công lập đa ngành, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, tư vấn chính sách, chuyển giao trí thức, đặc biệt trong lĩnh vực năng lượng góp phần xây dựng, phát triển đất nước và hội nhập quốc tế*” và tầm nhìn “*Là trường đại học đa ngành theo định hướng ứng dụng có uy tín trong và ngoài nước, từng bước khẳng định vị thế hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực năng lượng*” trong Quyết định về việc Công bố sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi, mục tiêu và triết lý giáo dục của Trường ĐHDL[H1.01.01.11]. Mục tiêu đào tạo của ngành CNKT CĐT được xây dựng hướng tới sự rõ ràng trong từng mục tiêu cụ thể và nâng cao năng lực tự chủ, tự nghiên cứu, khả năng khởi nghiệp và khả năng làm việc dưới áp lực cao cũng như khả năng làm việc trong môi trường đa văn hóa. Có thể nói, mục tiêu CTĐT ngành CNKT CĐT được xác định là phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường ĐHDL [H1.01.01.04].

Mục tiêu đào tạo của ngành CNKT CĐT phù hợp với mục tiêu giáo dục trong Luật Giáo dục số 38/2005/QH11 ngày 14 tháng 06 năm 2005 [H1.01.01.12] và quy định tại Điều 5, Luật Giáo dục Đại học số 08/2012/QH13 ngày 18 tháng 06 năm 2012 “*Đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu khoa học, công nghệ tạo ra trí thức, sản phẩm mới, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh và hợp tác quốc tế; Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng nghiên cứu khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo; có sức khỏe; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc; có ý thức phục vụ nhân dân*” [H1.01.01.13]. Mục tiêu của CTĐT được cụ thể hóa theo quy định về chuẩn đầu ra, khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp. Các mục tiêu này được mô tả rõ ràng, chi tiết trong các CTĐT ngành CNKT CĐT các năm 2017, 2020 và 2023 [H1.01.01.14], [H1.01.01.15], [H1.01.01.16] và được công khai trên trang website của Khoa CK&ĐL [H1.01.01.17].

2. Điểm mạnh

- Mục tiêu đào tạo ngành CNKT CĐT của Khoa CK&ĐL được xác định rõ ràng hướng đào tạo chuyên sâu, đáp ứng nhu cầu của xã hội và đúng theo quy trình xây dựng, phát triển CTĐT. Mục tiêu đào tạo của chương trình đã phản ánh nhu cầu nhân sự của các tổ chức trong lĩnh vực CĐT, định hướng theo sự phát triển của thị trường

lao động và sự phát triển tính chuyên nghiệp trong lĩnh vực này. Mục tiêu đào tạo đã có sự đóng góp của cơ quan tuyển dụng, của người học và của các chuyên gia nên tính thực tế, tính chuyên nghiệp của mục tiêu đào tạo ngành CNKT CĐT được tăng cao.

- Mục tiêu đào tạo phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường, phù hợp với mục tiêu của GDĐH quy định tại Luật Giáo dục.

3. Điểm tồn tại

Khoa CK&ĐL chưa lấy ý kiến toàn diện về đóng góp cho mục tiêu của CTĐT của các nhà tuyển dụng, số lượng các đơn vị tuyển dụng được khảo sát còn hạn chế, tập trung chủ yếu ở các tỉnh phía Bắc.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2024, Khoa CK&ĐL tổ chức lấy ý kiến toàn diện về đóng góp về mục tiêu của CTĐT của nhà tuyển dụng, tổ chức nghề nghiệp, Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí 5/7.

Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo

1. Mô tả hiện trạng

Thực hiện Thông tư 2196/BGDĐT-GDĐH ngày 22/4/2010 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về hướng dẫn xây dựng và công bố CĐR các ngành đào tạo, Trường ĐHDL đã ban hành các văn bản về việc quy định CĐR cho các ngành đào tạo. CĐR được xây dựng cho từng chuyên ngành và được ban hành kèm theo Quyết định số 795/QĐ-ĐHDL ngày 25 tháng 11 năm 2010 **[H1.01.02.01]**. CĐR của ngành CNKT CĐT được ban hành lần đầu trong năm 2010 được chia thành CĐR Kiến thức, CĐR Kỹ năng và CĐR Thái độ. Tuy nhiên, CĐR không có sự khác biệt với mục tiêu cụ thể của CTĐT và chưa rõ thang đo đánh giá. Để khắc phục nhược điểm trên, ngày 02 tháng 11 năm 2017 Trường ĐHDL đã giao cho Khoa CK&ĐL hiệu chỉnh CTĐT ngành CNKT CĐT **[H1.01.02.02]**. Trong đợt hiệu chỉnh này, nhóm hiệu chỉnh đã vận dụng các quy định trong Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT về việc quy định khối lượng kiến thức về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và qui trình xây dựng, thẩm

định, ban hành CTĐT trình độ Đại học, Thạc sỹ, Tiến sỹ **[H1.01.01.05]** và Quyết định số 1982/2016/QĐ-TTg **[H1.01.02.03]** về việc phê duyệt khung trình độ Quốc gia Việt Nam để rà soát lại CĐR của CTĐT. Để thực hiện việc hiệu chỉnh này, Khoa CK&ĐL đã tiến hành tham khảo ý kiến của các bên liên quan theo mẫu phiếu chung **[H1.01.02.04]**. Sau khi lấy ý kiến, Khoa CK&ĐL phối hợp cùng Bộ môn Cơ điện tử, nhóm biên soạn đưa ra dự thảo CĐR trong CTĐT. CĐR cùng với CTĐT được Hội đồng KH&ĐT Nhà trường thông qua và được Nhà trường ban hành chính thức trong năm 2017 **[H1.01.01.14]**. CĐR của CTĐT ngành CNKT CĐT đã được cải tiến và xác định rõ ràng hơn qua các bước triển khai, nhất quán với mục tiêu đào tạo.

Trong lần cập nhật tiếp theo năm 2020, CĐR của ngành CNKT CĐT được điều chỉnh và cụ thể hóa theo thang đo Bloom và được ban hành cùng CTĐT ngành CNKT CĐT năm 2020, lúc này CTĐT ngành CNKT CĐT có 21 CĐR để mô tả cho ba khối kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm **[H1.01.01.15]**.

Trong lần rà soát, hiệu chỉnh năm 2023, Trường ĐHĐL đã ban hành Quyết định số 975/QĐ-ĐHĐL ngày 04 tháng 07 năm 2022 về việc quy định xây dựng, rà soát và điều chỉnh chuẩn đầu ra CTĐT trình độ đại học của Trường ĐHĐL **[H1.01.02.05]**. Trong đợt hiệu chỉnh này, CĐR đã được điều chỉnh và cụ thể hóa về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm đảm bảo đáp ứng các yêu cầu theo khung trình độ quốc gia, trong đó cụ thể hóa các CĐR như về kiến thức khoa học xã hội, quản lý, công nghệ, về kỹ năng về phân tích, phản biện, khởi nghiệp, năng lực ngoại ngữ, về năng lực tự chủ, trách nhiệm nghề nghiệp. Số lượng các CĐR được giảm xuống còn 6 và được bổ sung các chỉ báo để đánh giá từng tiêu chí được rõ ràng hơn, CĐR của đợt hiệu chỉnh này được ban hành cùng với Quyết định ban hành CTĐT ngành CNKT CĐT năm 2023. **[H1.01.01.16]**.

CĐR của CTĐT ngành CNKT CĐT được xác định rõ ràng, xúc tích phản ánh được mục tiêu cụ thể của CTĐT và được mô tả chi tiết như trong Bảng 1.

Bảng 1: Bảng thống kê chi tiết CDR tương ứng với mục tiêu đào tạo cụ thể ngành CNKT CĐT

Nhóm	CDR	Chỉ báo
Kiến thức	1. Hiểu và vận dụng kiến thức cơ bản về khoa học lý luận chính trị và pháp luật; về toán học và khoa học tự nhiên; kiến thức về công nghệ thông tin; về lĩnh vực năng lượng; sử dụng ngoại ngữ để xác định, xây dựng và giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên môn Công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử	1.1. Nhận diện được các kiến thức cơ bản về khoa học chính trị và pháp luật; về toán học và khoa học tự nhiên; kiến thức về công nghệ thông tin; một số kiến thức thuộc lĩnh vực năng lượng; ngoại ngữ cần để sử dụng.
		1.2. Sử dụng được các kiến thức cơ bản về khoa học chính trị và pháp luật; về toán học và khoa học tự nhiên; kiến thức về công nghệ thông tin; kiến thức thuộc lĩnh vực năng lượng; ngoại ngữ cần thiết phù hợp với tình huống chuyên môn.
		1.3. Vận dụng được các kiến thức cơ bản về khoa học chính trị và pháp luật; về toán học và khoa học tự nhiên; kiến thức về công nghệ thông tin; kiến thức thuộc lĩnh vực năng lượng; ngoại ngữ cần thiết để giải quyết vấn đề chuyên môn.
	2. Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành, kiến thức chuyên sâu và các công cụ hiện đại thuộc lĩnh vực công nghệ kỹ thuật để giải quyết các vấn đề chuyên môn liên quan đến ngành Công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử.	2.1. Nhận diện được kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành, chuyên sâu và các công cụ hiện đại của lĩnh vực công nghệ kỹ thuật cần sử dụng trong ngành Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử
		2.2. Sử dụng được các kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành, chuyên sâu và các công cụ hiện đại của lĩnh vực công nghệ kỹ thuật phù hợp với tình huống chuyên môn ngành Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử
		2.3. Vận dụng được kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành, chuyên sâu và các công cụ hiện đại của lĩnh vực công nghệ kỹ thuật cần để giải quyết vấn đề chuyên môn trong ngành Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử.
Kỹ năng	3. Có kỹ năng vận dụng các kiến thức để thực hiện các công việc như tính toán, thiết kế, phân tích, đánh giá, xây dựng các giải pháp cho vấn đề chuyên môn liên quan đến ngành Công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử.	3.1. Có khả năng đo lường, thí nghiệm, phân tích và đánh giá cho các vấn đề liên quan đến ngành Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử.
		3.2. Có khả năng xây dựng các giải pháp cho vấn đề chuyên môn liên quan đến ngành Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử
		3.3. Có khả năng tổ chức thu thập dữ liệu, khả năng khả năng tối ưu hóa các giải pháp công nghệ liên quan đến ngành Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử.
		3.5. Có khả năng nghiên cứu khoa học và khám phá kiến thức mới trong lĩnh vực ngành Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử
	4. Có kỹ năng xây dựng và lập kế	4.1. Có khả năng tham gia các hoạt động chuyên môn liên quan đến ngành Công nghệ

Nhóm	CĐR	Chỉ báo
	hoạch để tổ chức, triển khai, giám sát, quản lý các hoạt động chuyên môn liên quan đến ngành Công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử; dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác	kỹ thuật cơ điện tử.
		4.2. Có khả năng quản lý các hoạt động chuyên môn liên quan đến ngành CNKT CĐT
		4.3. Có khả năng tư vấn các hoạt động chuyên môn liên quan đến ngành CNKT CĐT
		4.5. Có khả năng giám sát các hoạt động chuyên môn liên quan đến ngành CNKT CĐT
		4.5. Có khả năng dẫn dắt, khởi nghiệp và tạo việc làm liên quan đến ngành CNKT CĐT cho mình và cho người khác
	5. Có kỹ năng giao tiếp hiệu quả trong các tình huống chuyên môn; có kỹ năng thuyết trình, thảo luận, đàm phán và làm chủ các tình huống; Sử dụng được ngoại ngữ để giao tiếp và khai thác tài liệu trong công việc chuyên môn ngành CNKT CĐT khi cần thiết	5.1. Có khả năng sử dụng tiếng Việt và ngoại ngữ trong các công việc liên quan đến chuyên môn ngành Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử.
Mức tự chủ và trách nhiệm	6. Hiểu biết về những ảnh hưởng, tác động của các giải pháp công nghệ kỹ thuật tới xã hội và toàn cầu.	5.2. Có kỹ năng thuyết trình, thảo luận, đàm phán và làm chủ các tình huống liên quan đến chuyên môn ngành Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử.
		5.3. Có kỹ năng giao tiếp thông qua viết, thuyết trình, thảo luận, sử dụng hiệu quả các công cụ và phương tiện hiện đại liên quan đến chuyên môn ngành Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử
		6.1. Có thái độ làm việc nghiêm túc, cầu tiến và sẵn sàng làm việc trong môi trường áp lực cao
		6.2. Có khả năng chủ động định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và tự tin, sẵn sàng đương đầu cũng như dám chấp nhận rủi ro để bảo vệ quan điểm cá nhân về chuyên môn.
		6.3. Có trách nhiệm với bản thân, với nghề nghiệp và có ý thức phục vụ cộng đồng đối với các công việc liên quan đến chuyên môn
		6.4. Có năng lực phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi;
		6.5. Có sức khỏe tốt, có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng, chấp hành tốt chủ trương, chính sách pháp luật của nhà nước và có đạo đức nghề nghiệp.
		6.6. Có thái độ làm việc nghiêm túc, cầu tiến và sẵn sàng làm việc trong môi trường áp lực cao

Với 06 CĐR (02 CĐR về kiến thức, 03 CĐR kỹ năng và 01 CĐR mức tự chủ và trách nhiệm) được thể hiện qua 23 chỉ báo của CTĐT bao quát được các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được khi hoàn thành CTĐT ngành CNKT CĐT [H1.01.01.16]. CĐR kiến thức được sắp xếp từ kiến thức chung trong khối khoa học tự nhiên sau đó đến các kiến thức cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành trong lĩnh vực CĐT. Sinh viên CĐT sau khi tốt nghiệp có kiến thức khoa học cơ bản, kiến thức cơ sở và chuyên ngành về hệ thống cơ điện tử; có khả năng phân tích, giải quyết vấn đề và đánh giá các giải pháp, có năng lực xây dựng kế hoạch, lập dự án phát triển sản xuất; tham gia tổ chức, điều hành và chỉ đạo sản xuất; có kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm; có khả năng tổ chức, triển khai, thực hiện quá trình đào tạo và các hoạt động nghiên cứu; có thái độ nghề nghiệp phù hợp đáp ứng được các yêu cầu phát triển của ngành và của xã hội. Sự khác biệt của sinh viên ngành CNKT CĐT của trường ĐHDL là có hiểu biết chuyên sâu về lĩnh vực CĐT, có kỹ năng sử dụng thành thạo một số phần mềm chuyên dụng phục vụ trong việc mô hình hóa, thiết kế, chế tạo các hệ thống máy móc thiết bị thuộc lĩnh vực CĐT. Với khả năng am hiểu về cơ khí, điện tử, tin học và các công nghệ hiện đại... người kỹ sư CĐT đưa vào các sản phẩm cơ khí hệ thống điều khiển linh hoạt bằng điện tử và thông qua hệ thống điện tử, kết nối với hệ thống xử lý thông tin - trí thông minh nhân tạo để tạo ra một sản phẩm hoàn chỉnh. Bên cạnh đó, khả năng làm việc theo nhóm, tự chịu trách nhiệm và đảm bảo chất lượng công việc là những yêu cầu của sinh viên ngành CNKT CĐT tại trường ĐHDL. Các vấn đề về đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp cũng như tác động tới xã hội, các bên liên quan được đề cập trong quá trình đào tạo các sinh viên ngành CNKT CĐT [H1.01.02.06].

Khi tuyên bố CĐR, Khoa CK&ĐL cũng đã chỉ rõ sự chuyên biệt CĐR chuyên ngành CNKT CĐT so với chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật cơ khí. Sau khi tốt nghiệp, 4 nhóm công việc ngành CNKT CĐT có thể đảm nhận sau tốt nghiệp như: Kỹ sư nghiên cứu, thiết kế, tư vấn kỹ thuật trong lĩnh vực CĐT tại các doanh nghiệp nhà nước và liên doanh; Kỹ sư quản lý, khai thác vận hành và triển khai các dự án thuộc lĩnh vực CĐT tại các doanh nghiệp nhà nước và liên doanh; Làm chủ, quản lý doanh nghiệp trong lĩnh vực CĐT; Nghiên cứu viên, giảng viên trong lĩnh vực CĐT ở các Viện, Trung tâm nghiên cứu và các trường đại học, cao đẳng, trường nghề. Các thông tin về CĐR của các chuyên ngành trong ngành CNKT CĐT cũng đã được cụ thể hoá.

CĐR của ngành CNKT CĐT thể hiện rõ ràng các đánh giá về kỹ năng, thái độ, mức độ tự chủ và tự chịu trách nhiệm của người học chương trình [H1.01.02.07]. Các CĐR được xác định trong thang đo nhận thức chú trọng đến các cấp độ hiểu, vận dụng, phân tích, đánh giá và một phần sáng tạo phù hợp với cấp độ đào tạo Đại học cũng như thỏa mãn được nhu cầu sử dụng lao động và nhu cầu người học [H1.01.02.08]. CĐR của CTĐT được thiết kế để có thể đo lường được, thông qua việc đánh giá KQHT của từng học phần và giúp sinh viên có thể đánh giá mức đạt được thông qua bảng kiểm đánh giá năng lực người học trong Bảng mô tả CTĐT. Các CĐR của CTĐT được chi tiết hoá thành CĐR các học phần và tương ứng là cách kiểm tra, đánh giá trong từng học phần [H1.01.02.09] và được công khai trên trang web của Khoa CK&ĐL [H1.01.01.17].

2. Điểm mạnh

Khoa CK&ĐL đã xây dựng và ban hành CĐR cho CTĐT ngành CNKT CĐT rõ ràng, toàn diện và nhất quán với mục tiêu đào tạo. CĐR của CTĐT được thiết kế phát huy năng lực chủ động, sáng tạo của sinh viên, đồng thời tạo môi trường thuận lợi cho sinh viên giao lưu, hợp tác trong học tập, gắn kết lý thuyết và thực hành, sinh viên qua đó có điều kiện phát triển kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp cũng như đạo đức nghề nghiệp.

3. Điểm tồn tại

Khoa CK&ĐL chưa lấy ý kiến toàn diện về đóng góp về CĐR của CTĐT của nhà tuyển dụng, tổ chức nghề nghiệp liên quan đến lĩnh vực CĐT.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2024, Khoa CK&ĐL tổ chức lấy ý kiến toàn diện về đóng góp về CĐR của CTĐT của nhà tuyển dụng, tổ chức nghề nghiệp liên quan đến lĩnh vực CĐT.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí 5/7.

Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai

1. Mô tả hiện trạng

CĐR của ngành CNKT CĐT [H1.01.01.04] đã đáp ứng các yêu cầu của Luật giáo dục năm 2005 (Điều 2) [H1.01.01.12], của Luật Giáo dục Đại học số 08 năm 2012 (Điều 5) [H1.01.01.13], Quyết định số 1982/2016/QĐ-TTg [H1.01.02.03], của

nhà tuyển dụng, chuyên gia và cựu sinh viên tốt nghiệp với các yêu cầu về kiến thức; kỹ năng; mức độ tự chủ và tự chịu trách nhiệm; khả năng công tác sau khi tốt nghiệp. Cụ thể yêu cầu của cựu sinh viên là tăng kỹ năng thực hành, thực tập, tăng cường tiếng anh chuyên ngành, kỹ năng tin học, giảm khối lượng học tập các môn học chính trị, chuyển đổi ngành học, học cùng lúc hai chương trình. Đối với nhà tuyển dụng thì yêu cầu tăng thêm các môn học về kỹ năng, giải quyết vấn đề, làm việc nhóm, ngoại ngữ, tin học. Đối với giảng viên mong muốn truyền đạt cho sinh viên cả kiến thức trong giáo trình và kiến thức áp dụng thực tiễn thông qua bài tập lớn, bài thực hành, những kiến thức thực tế trong các doanh nghiệp sản xuất **[H1.01.02.09]**.

Trong lần đầu ban hành CĐR vào năm 2010, việc xây dựng CĐR chỉ có nhóm chuyên gia thực hiện, sự đóng góp và phản biện của các giảng viên Khoa CK&ĐL, Phòng Đào tạo, không có sự tham gia đầy đủ của các bên liên quan. Trong năm 2017, Khoa CK&ĐL thực hiện rà soát điều chỉnh CĐR và CTĐT ngành CNKT CĐT theo các quy định trong Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT **[H1.01.01.05]** và Quyết định số 1982/2016/QĐ-TTg **[H1.01.02.03]** để rà soát lại CĐR của CTĐT. Việc điều chỉnh CĐR dựa trên ý kiến khảo sát của cán bộ giảng viên, các nhà quản lý nhà tuyển dụng, cựu sinh viên, sinh viên đang theo học về CTĐT **[H1.01.03.01]** để hoàn thiện chuẩn đầu ra CTĐT và CĐR các học phần. Tháng 12/2017, Nhà trường ban hành quyết định chuẩn đầu ra CTĐT ngành CNKT CĐT **[H1.01.01.02]**. Năm 2020, trên cơ sở cập nhật, đánh giá CTĐT, CĐR ngành CNKT CĐT được cập nhật, bổ sung **[H1.01.01.03]**. Đến năm 2023, CĐR ngành CNKT CĐT lại được tiếp tục được cập nhật, bổ sung trên cơ sở tham khảo các ý kiến góp ý từ giảng viên, sinh viên, cựu sinh viên, doanh nghiệp và ban hành theo Quyết định số 1681/QĐ-ĐHĐL ngày 12/10/2023 **[H1.01.01.14]**. Việc rà soát và hiệu chỉnh CĐR cho CTĐT ngành CNKT CĐT đảm bảo số lần hiệu chỉnh cần thiết theo Quy định.

Hàng năm, Khoa CK&ĐL và Bộ môn đều tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên môn để trao đổi kiến thức, kỹ năng giảng dạy và có các báo cáo tổng kết hoạt động giảng dạy, những sáng kiến cải tiến, những đề xuất góp ý nhằm hoàn thiện hơn kiến thức và kỹ năng cho người học. Qua đó, CĐR của CTĐT được góp ý chỉnh sửa hoàn thiện hơn và đưa ra những đề xuất góp ý nhằm hoàn thiện hơn kiến thức và kỹ năng cho người học **[H1.01.03.02]**. Năm học 2023, Hội đồng Khoa và Bộ môn đã đưa ra đóng góp về thang đo cho CĐR trong CTĐT ngành CNKT CĐT. CĐR của ngành

CNKT CĐT đã được điều chỉnh với 06 CĐR (02 CĐR về kiến thức, 03 CĐR kỹ năng và 01 CĐR mức tự chủ và trách nhiệm) được thể hiện qua 23 chỉ báo bám sát theo yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam cũng như đáp ứng một số góp ý của các bên liên quan **[H1.01.01.5]**

Qua những lần chỉnh sửa, hoàn thiện, CĐR của CTĐT được công bố công khai, rộng rãi bằng các hình thức và phương tiện khác nhau:

(1) Trên Website của Khoa và của trường **[H1.01.01.17]**

(2) Trong bộ lưu trữ tại Phòng Đào tạo, Văn phòng Khoa, Trung tâm Học liệu **[H1.01.01.02], [H1.01.01.03], [H1.01.01.04]**.

Điều này giúp cho Nhà trường chuyển tải được cam kết trong đào tạo tới người học và các bên liên quan. Tuy nhiên, việc công bố CĐR trên còn chưa đầy đủ để giúp sinh viên tiếp cận và tìm hiểu CĐR của ngành học.

2. Điểm mạnh

CĐR của ngành CNKT CĐT được xây dựng dựa trên có sự tham gia, đóng góp của các bên liên quan (các nhà tuyển dụng lao động, sinh viên tốt nghiệp, các chuyên gia). CĐR được xem xét định kỳ, có sự tham gia các bên liên quan – việc thực hiện được duy trì thường xuyên với nhóm các đối tác doanh nghiệp, cựu sinh viên thông qua các hoạt động kết nối.

3. Điểm tồn tại

Việc tiếp cận CĐR chưa được thuận tiện trên các phương tiện thông tin.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm 2024, Khoa CK&ĐL cùng phòng ban chức năng triển khai ứng dụng công nghệ thông tin để người học tiếp cận thuận tiện.

5. *Tự đánh giá:* Đạt yêu cầu của tiêu chí 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

CĐR của ngành CNKT CĐT được xây dựng rõ ràng phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường. CĐR đáp ứng được xác định rõ ràng, đáp ứng được yêu cầu chung, yêu cầu chuyên môn của người học, của nhà tuyển dụng. CĐR cũng tuân thủ các quy định của Bộ GD&ĐT, Chính phủ. CĐR được định kỳ rà soát điều chỉnh, được công bố công khai trên trang website, cổng thông tin đào tạo Nhà trường.

Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả Chương trình đào tạo

Mở đầu

Bản mô tả CTĐT ngành CNKT CĐT được Khoa CK&ĐL được xây dựng với đầy đủ các thông tin về mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra, cấu trúc chương trình, mô tả ngắn gọn học phần cũng như đánh giá và tổ chức thực hiện CTĐT để người học đạt được các CĐR của chương trình. Bản mô tả CTĐT đã cung cấp những thông tin cần thiết cho các bên liên quan và thông tin về bản mô tả được công bố công khai trên website của Nhà trường cũng như các kênh thông tin khác để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

Tiêu chí 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả hiện trạng

Khoa CK&ĐL xây dựng bản mô tả CTĐT giúp người học và những người quan tâm có được đầy đủ thông tin về mục tiêu đào tạo, CĐR, cấu trúc khoá học, nội dung căn bản, hoạt động đào tạo, ma trận khối kiến thức các học phần góp phần vào việc đạt CĐR của CTĐT, những mô tả ngắn gọn về các học phần trong CTĐT được thể hiện qua bản mô tả CTĐT qua các năm cập nhật: 2017, 2020 và 2023 **[H2.02.01.01]**, **[H1.01.01.02]**, **[H1.01.02.07]**.

Năm 2013, CTĐT ngành CNKT CĐT được yêu cầu điều chỉnh theo hệ thống tín chỉ, Bản mô tả CTĐT thời điểm này chưa được chi tiết hóa mà chỉ là bản mô tả vắn tắt chương trình dạy học. Năm 2017, Nhà trường chỉ đạo về rà soát điều chỉnh CTĐT **[H1.01.02.02]** trong đó bám sát quy định trong Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT **[H1.01.01.05]** quy định khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu năng lực người học và Quyết định số 1982/2016/QĐ-TTg **[H1.01.02.03]** về việc phê duyệt khung trình độ Quốc gia Việt Nam để rà soát lại CĐR của CTĐT. Với sự phối hợp của Khoa CK&ĐL và Bộ môn Cơ điện tử, đến tháng 12/2017, Khoa CK&ĐL đã ban hành bản mô tả CTĐT ngành CNKT CĐT **[H2.02.01.01]**. Đến ngày 30 tháng 06 năm 2018, Trường ĐHDL được Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Đại học Quốc gia Hà Nội công nhận đạt chuẩn chất lượng giáo dục theo Quyết định số 226/QĐ-KĐCL ngày 30/6/2018 **[H2.02.01.04]**.

Năm 2020, CTĐT ngành CNKT CĐT được Nhà trường triển khai thực hiện rà soát, hiệu chỉnh theo Hướng dẫn 66/HD – ĐHDL ngày 15 tháng 01 năm 2020 về việc

điều chỉnh số tín chỉ đối với các ngành đào tạo cấp bằng kỹ sư để hoàn thiện CTĐT [H2.02.01.05]. Việc hiệu chỉnh được trình bày rõ trong Bản mô tả CTĐT ngành CNKT CĐT năm 2020 [H2.02.01.02], đến năm 2023 trường tiến hành kiểm định cơ sở giáo dục chu kỳ 2 và tiếp tục được công nhận là cơ sở đạt chuẩn chất lượng giáo dục theo Nghị quyết số 71 ngày 7 tháng 8 năm 2023 của chủ tịch hội đồng kiểm định, Trung tâm KĐCLGD – ĐHQGHN [H2.02.01.06]

Năm 2023, CTĐT ngành CNKT CĐT tiếp tục được rà soát, hiệu chỉnh và bổ sung nhằm hoàn thiện hơn kiến thức và kỹ năng cho người học đáp ứng tốt yêu cầu của thị trường lao động, có khả năng học tập suốt đời, có năng lực sáng tạo và khởi nghiệp. Bản mô tả CTĐT ngành CNKT CĐT đã cập nhật các thông tin mới nhất như: Tên tiếng anh ngành đào tạo, mục tiêu, chuẩn đầu ra, vị trí việc làm,... và đảm bảo được các yêu cầu như: Tên Trường đào tạo, thời gian đào tạo 4,5 năm, tiêu chí tuyển sinh, ma trận kỹ năng, kế hoạch đào tạo, phương pháp đào tạo và đánh giá, sơ lược nội dung các học phần, ... [H1.01.02.07].

Bản mô tả CTĐT đã đề cập đến những thông tin về kế hoạch giảng dạy, học tập của chương trình theo mục tiêu chung là “*Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, tư vấn chính sách, chuyển giao trí thức, đặc biệt trong lĩnh vực năng lượng góp phần xây dựng, phát triển đất nước và hội nhập quốc tế*” [H1.01.01.11]. Đáp ứng tốt yêu cầu của thị trường lao động, có khả năng học tập suốt đời, có năng lực sáng tạo và khởi nghiệp. Kết quả nghiên cứu khoa học đáp ứng tốt yêu cầu thực tiễn, góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước Quá trình giảng dạy được kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, kết nối doanh nghiệp nhằm tăng cường tính thực tiễn cho sinh viên. Phương pháp đào tạo này giúp sinh viên có được cái nhìn gần gũi với thị trường lao động [H1.01.02.07].

Bản mô tả CTĐT ngành CNKT CĐT ban hành năm 2023, cung cấp cho sinh viên một cái nhìn tổng thể về khoá học để thực hiện kế hoạch học tập phù hợp. Bản mô tả CTĐT mô tả đầy đủ các CĐR phù hợp theo chương trình khung quốc gia với tổng số tín chỉ là 158 và 58 học phần (không bao gồm khối lượng giáo dục thể chất và an ninh quốc phòng), ngoài ra bản mô tả CTĐT ngành CNCK CĐT còn mô tả về mối liên hệ giữa các học phần trong CTĐT, có ma trận CĐR thể hiện sự đóng góp và mức độ đóng góp của mỗi học phần, đồng thời xác định rõ tỷ lệ mức độ đóng góp của các CĐR. Bản mô tả CTĐT mới nhất được ban hành theo QĐ 1684/QĐ-ĐHĐL ngày

12/10/2023 [H1.01.02.07].

Bản mô tả CTĐT cũng đề cập tới Kế hoạch giảng dạy của toàn khóa, trong đó chỉ ra khối lượng ở mỗi học kỳ trong 4,5 năm học, chi tiết những học phần sinh viên được dự kiến học tập. Tất cả những thông tin trên sẽ giúp người học hình dung khái quát về lộ trình học tập trong 4,5 năm nhằm xây dựng kế hoạch học tập để hoàn thành CTĐT. Trong bản mô tả CTĐT cũng còn có; danh mục các thiết bị phục vụ thực hành thí nghiệm, danh mục giáo trình,... theo các học phần cụ thể [H2.02.01.07], [H2.02.01.08], [H2.02.01.09].

Trong quá trình giảng dạy, CTĐT luôn có sự điều chỉnh (bổ sung học phần mới, đổi mới đề cương học phần, bổ sung các học phần, đổi mới phương pháp giảng dạy và phương pháp kiểm tra - đánh giá,...) để giúp sinh viên phát triển toàn diện hơn các kiến thức và kỹ năng như CDR đã công bố, đồng thời đáp ứng tốt hơn các yêu cầu ngày càng cao của nhà tuyển dụng. Một số nội dung về phương pháp giảng dạy trong các môn thực hành và hình thức đánh giá môn học được đa dạng hoá. Bản mô tả CTĐT ngành CNKT CĐT được rà soát và cập nhật định kỳ bao gồm cả phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá, tài liệu học tập,... [H2.02.01.10], [H2.02.01.09]. Nội dung của những lần chỉnh sửa, cập nhật Bản mô tả CTĐT ngành CNKT CĐT đều được công bố công khai, rộng rãi trên Website của nhà CK&DL [H1.01.01.17].

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT của ngành CNKT CĐT đã cập nhật theo quy định, cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết để người học, những người quan tâm nắm bắt, tiếp cận dễ dàng với CTĐT. Bản mô tả CTĐT được rà soát định kỳ và những vấn đề phát sinh trong CTĐT được bổ sung kịp thời.

3. Điểm tồn tại

Bản mô tả CTĐT ngành CNKT CĐT được cập nhật các thông tin mới nhất liên quan đến CTĐT theo kế hoạch định kỳ nhưng chưa toàn diện.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2024, Khoa CK&DL tiếp tục chủ động cập nhật các thông tin mới liên quan đến CTĐT đầy đủ hơn.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt yêu cầu và điểm là 5/7.

Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả hiện trạng

CTĐT ngành CNKT CĐT hiện nay có 58 học phần (không bao gồm học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng) tương ứng với 58 đề cương chi tiết với 158 tín chỉ **[H1.01.01.16]**. Toàn bộ đề cương học phần được thể hiện đầy đủ thông tin, gồm: thông tin về nội dung học phần, mục tiêu và CDR môn học, phương pháp và hình thức dạy học, môn học tiên quyết, học liệu chính và tài liệu tham khảo, phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá, tên giảng viên và khoa phụ trách. Đề cương có tên giảng viên soạn đề cương và được thông qua Khoa CK&DL trong các lần cập nhật. Đề cương đã bảo đảm thể hiện được sự tương hợp giữa ba yếu tố quan trọng: nội dung giảng dạy nhằm đạt được chuẩn đầu ra của môn học với CDR ngành CNKT CĐT, phương pháp giảng dạy sinh viên thông qua các nội dung yêu cầu sinh viên chuẩn bị, nội dung thảo luận và phương pháp đánh giá để đánh giá hiệu quả giảng dạy thông qua bài tập lớn, bài tập nhóm tăng cường cho thời gian tự học **[H1.01.02.06]**.

Bộ đề cương chi tiết các học phần được xây dựng đồng bộ kể từ năm 2013 khi thay đã thay đổi hệ thống đào tạo sang tín chỉ **[H1.01.01.01]**. Năm 2017, đề cương học phần cập nhật theo mẫu mới và thay đổi số tín chỉ các môn học theo hướng dẫn số 66/HD-ĐHDL của Trường ĐHDL **[H1.01.03.05]**. Năm 2020, theo quyết định giao cập nhật, đánh giá CTĐT của Trường ĐHDL **[H2.02.02.02]**, Khoa CK&DL đã tiến hành hiệu chỉnh một số đề cương chi tiết các học phần có sự thay đổi về tín chỉ đào tạo như: Thực tập tốt nghiệp, đồ án tốt nghiệp, phương pháp xây dựng bề mặt CAD/CAM,... **[H2.02.02.03]**. Ngoài ra nhằm tăng cường các tình huống xử lý đạo đức nghề nghiệp, định hướng và tạo tình yêu với ngành CNKT CĐT, môn học đồ án cơ điện tử đã được xây dựng theo hướng là một phần của đồ án tốt nghiệp giúp sinh viên có thể phát triển tư duy lý thuyết với thực hành với yêu cầu chung về nội dung và khối lượng kiến thức chuyên môn trong lần hiệu chỉnh CTĐT năm 2020 **[H2.02.02.04]**

Trong đợt rà soát năm 2023, đề cương chi tiết các học phần đã được rà soát chi tiết, cập nhật mục tiêu cũng như CDR phù hợp với CDR chung của CTĐT và bám sát yêu cầu theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam **[H1.01.02.03]** để đáp ứng các yêu cầu cơ bản với bên liên quan. Khoa CK&DL đã phân công đến từng giảng viên phụ trách nhiệm vụ rà soát, xây dựng, cập nhật các học phần trong CTĐT 2023 với xu hướng chú trọng tăng cường nội dung và thời gian thực hành, thực tập cũng như khả năng tự chủ, tự khởi nghiệp **[H2.02.02.05]**. Bộ đề cương chi tiết các học phần trong CTĐT đã

được Hội đồng thẩm định thông qua ngày 18 tháng 11 năm 2023 [**H2.02.02.06**] và được Hội đồng trường phê duyệt trong Biên bản 2327/BB-ĐHĐL ngày 12 tháng 10 năm 2023 [**H2.02.02.07**].

Trong quá trình giảng dạy, đề cương chi tiết các học phần liên tục được rà soát, cập nhật và điều chỉnh để đảm bảo thích ứng với các biến động của môi trường kinh doanh và doanh nghiệp trong thời đại mới, đáp ứng tốt hơn các yêu cầu của CĐR và thực tiễn nghề nghiệp. Quá trình rà soát, cập nhật, điều chỉnh đề cương chi tiết học phần được thực hiện 2 năm/lần, trên cơ sở kế hoạch chung của Nhà trường, Khoa CK&ĐL triển khai họp, rà soát, đánh giá, hiệu chỉnh theo quy định từ cấp bộ môn và hội đồng khoa học cấp Khoa [**H1.01.02.02**], [**H2.02.02.02**], [**H2.02.02.08**]. Các hoạt động dạy học thực tế của các môn học tuân thủ các phương pháp dạy học cơ bản được đưa ra trong đề cương chi tiết. Hàng năm, Nhà trường và Khoa CK&ĐL có tổ chức hoạt động dự giờ giảng dạy và seminar chuyên môn nhằm liên tục cải tiến và điều chỉnh kịp thời nội dung, phương pháp đánh giá học phần phù hợp hơn.

Việc tạo cơ hội nghề nghiệp cho sinh viên trong lĩnh vực CĐT, các môn học mới của chuyên ngành được xây dựng dựa trên việc lĩnh hội các ý kiến góp ý và từ nhu cầu thực tế của các doanh nghiệp sản xuất trong lĩnh vực CĐT, Khoa CK&ĐL đã biên soạn đề cương các học phần mới và đã bổ sung vào CTĐT [**H1.01.01.08**], [**H1.01.02.08**], [**H2.02.02.09**]. Để đảm bảo các nội dung giảng dạy hỗ trợ sinh viên làm việc trong môi trường quốc tế, ngoài môn Tiếng Anh chuyên ngành, một số môn học trong CTĐT ngành CNKT CĐT thường phải sử dụng các tài liệu Tiếng Anh để cập nhật thông tin mới về các thiết bị, linh kiện,... cũng như các phương pháp gia công mới trong cơ khí [**H1.01.02.06**].

2. Điểm mạnh

Đề cương các học phần của ngành được rà soát, đánh giá và điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu của ngành học. Việc giao quản lý môn học và thực hiện nhóm giảng dạy theo môn học cùng với việc trao đổi thường xuyên giúp cho đề cương môn học có được những cập nhật mới nhất.

3. Điểm tồn tại

Nội dung các đề cương học phần ngành CNKT CĐT được chú ý cập nhật theo quy định nhưng việc cập nhật còn chưa hoàn toàn đầy đủ và thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2024, bên cạnh yêu cầu cập nhật và hiệu chỉnh định kỳ 2 năm/lần của Nhà trường, Khoa CK&ĐL sẽ tiếp tục chủ động cập nhật thường xuyên hơn về nội dung đề cương học phần.

5. *Tự đánh giá:* Tiêu chí đạt yêu cầu và điểm là 5/7.

Tiêu chí 2.3. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận

1. Mô tả hiện trạng

Bản mô tả CTĐT ngành CNKT CĐT đã được ban hành vào các năm 2017, 2020 và 2023 trong các Quyết định của Trường ĐHĐL [H2.02.01.01], [H2.02.01.02], [H1.01.02.07], cùng với đó là các bộ đề cương chi tiết các học phần của CTĐT được ban hành đính kèm cùng các Quyết định ban hành CTĐT ngành CNKT CĐT trong các năm 2017, 2020 và 2023 [H1.01.01.14], [H1.01.01.15], [H1.01.01.16]. Bản mô tả CTĐT, đề cương chi tiết của ngành CNKT CĐT đã được công bố công khai trên nhiều kênh khác nhau, thuận tiện cho các bên tra cứu và tìm hiểu về chương trình Cụ thể:

(i) Trên trang website của Khoa CK&ĐL, sinh viên đang theo học, sinh viên tương lai, các đối tác của Khoa, nhà tuyển dụng lao động là những đối tượng chính tìm kiếm thông tin từ chương trình thông qua kênh này [H2.02.03.01].

(ii) Giảng viên và cán bộ quản lý chương trình đều có thể tiếp cận khung CTĐT, Bản mô tả, đề cương các học phần... tại Phòng Đào tạo, Văn phòng Khoa CK&ĐL [H2.02.03.02].

(iii) Một số thông tin cơ bản từ CTĐT trong đó có Bản mô tả được trích dẫn đưa vào trang thông tin tuyển sinh, thông tin về CDR và vị trí việc làm được đưa vào flyers thông tin tuyển sinh của Trường ĐHĐL để dễ dàng giới thiệu về chương trình tới đối tác và sinh viên tiềm năng của chương trình. Đồng thời, tại các buổi tư vấn tuyển sinh hàng năm, các thông tin chính của bản mô tả giới thiệu về chương trình được giới thiệu và cung cấp cho sinh viên tiềm năng và phụ huynh [H2.02.03.03]

(iv) Ngoài việc công bố trên các nền tảng mạng xã hội và các bản cứng tại văn phòng Khoa CK&ĐL thì thông tin về Bản mô tả và đề cương chi tiết các học phần còn được giới thiệu đến người học trong các tuần định hướng tân sinh viên, trong Sổ tay sinh viên được [H2.02.03.04].

(v) Sinh viên được cấp tài khoản riêng trên phần mềm quản lý sinh viên để có thể chủ động tiếp cận với các nguồn học liệu, trong đó có đề cương chi tiết các học phần trong CTĐT, bảng trọng số nội dung và cấu trúc đề thi để có định hướng học tập và hiểu rõ hình thức kiểm tra đánh giá kiến thức và năng lực học tập **[H2.02.03.05]**.

(vi) Sinh viên được công bố về đề cương chi tiết thông qua giảng viên giảng dạy đứng lớp học phần “Nhập môn Cơ điện tử”, Nội dung học phần bao hàm nội dung về CTĐT ngành CNKT CĐT **[H2.02.03.06]**.

(vii) Sinh viên tiếp cận toàn bộ đề cương chi tiết tại Trung tâm Học liệu Nhà trường **[H2.02.03.07]**.

Việc công khai các thông tin về Bản mô tả CTĐT giúp cho các đối tượng liên quan nắm bắt được một cách dễ dàng về CTĐT, nội dung các học phần, mục tiêu đào tạo cũng như các yêu cầu kiến thức, kỹ năng, các yêu cầu chuẩn đầu ra học phần đóng góp vào CDR chung của ngành CNKT CĐT. Thông qua các kênh thông tin trên, các bên liên quan dễ dàng tìm kiếm thông tin về CTĐT, đặc biệt các bạn sinh viên đang theo học nắm bắt và chủ động xây dựng kế hoạch học tập theo yêu cầu của chương trình học và tìm kiếm sự hỗ trợ từ phía các giảng viên, cán bộ chuyên trách đào tạo của Nhà trường.

2. Điểm mạnh

CTĐT ngành CNKT CĐT được công bố công khai rộng rãi, tạo điều kiện cho các bên liên quan dễ dàng tiếp cận, tạo cơ hội tăng cường hợp tác, gắn kết giữa Nhà trường và doanh nghiệp trong đào tạo và sử dụng nhân lực cho xã hội, đáp ứng yêu cầu của các nhà sử dụng lao động.

3. Điểm tồn tại

Bản mô tả CTĐT và thông tin đề cương chi tiết đã được cập nhật, công bố công khai trên trang Web của khoa và phần mềm quản lý người học để các bên liên quan có thể tiếp cận được nhưng công tác truyền thông trên các kênh khác chưa thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2024, Khoa CK&ĐL cùng các phòng ban chức năng tiếp tục tăng cường công tác truyền thông Bản mô tả CTĐT trên nhiều kênh khác nhau, đồng thời tiếp tục thực hiện khảo sát đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan về khả năng tiếp cận Bản mô tả CTĐT, đề cương chi tiết học phần nhằm hỗ trợ tốt hơn nữa cho quá

trình quản lý, giảng dạy, học tập.

5. *Tự đánh giá*: Tiêu chí đạt yêu cầu và điểm là 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

Bản mô tả CTĐT là một yếu tố quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo, đồng thời là cơ sở để hội nhập phát triển trong đào tạo. Trong quá trình xây dựng bản mô tả CTĐT Nhà trường và khoa chuyên môn đã chú trọng xây dựng một cách bài bản nghiêm túc, đồng thời có sự tham khảo bản mô tả CTĐT của các trường đại học có uy tín trong nước hoặc trên thế giới.

CTĐT của ngành CNKT CĐT được tổ chức đào tạo theo tín chỉ, đã có mục tiêu rõ ràng của từng chuyên ngành, có kết cấu gồm các kiến thức cơ bản, cơ sở ngành, chuyên môn ngành và chuyên ngành. Chương trình sau khi xây dựng đã được rà soát điều chỉnh theo đúng mục tiêu đặt ra là tiên tiến, hội nhập và phù hợp với điều kiện Việt Nam, đáp ứng nhu cầu của xã hội, nên đã có sự đóng góp của các chuyên gia, các nhà quản lý và các doanh nghiệp sử dụng các sinh viên của trường sau khi tốt nghiệp. Đây là các ý kiến quan trọng làm căn cứ trong quá trình điều chỉnh bản mô tả CTĐT.

CTĐT đại học hệ chính quy được làm cơ sở cho việc xây dựng CTĐT đại học thuộc các hệ liên thông, văn bằng 2, tạo ra sự liên thông giữa các chương trình, giúp sinh viên có điều kiện trong việc chuyển đổi CTĐT. Ngoài ra chương trình này còn là căn cứ để xây dựng CTĐT bậc cao học các ngành liên quan.

CTĐT ngành CNKT CĐT được công bố công khai rộng rãi, tạo điều kiện cho các bên liên quan dễ dàng tiếp cận, tạo cơ hội tăng cường hợp tác, gắn kết giữa Nhà trường và doanh nghiệp trong đào tạo và sử dụng nhân lực cho xã hội, đáp ứng yêu cầu của các nhà sử dụng lao động. Có thể khẳng định, bản mô tả CTĐT của ngành CNKT CĐT được xây dựng một cách bài bản theo đúng quy định, có sự tham khảo CTĐT và sự tham gia của các bên liên quan, xây dựng chương trình phù hợp với điều kiện và yêu cầu của thực tiễn Việt Nam.

Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung Chương trình dạy học

Mở đầu

Chương trình dạy học (CTDH) là cốt lõi của một CTĐT, bao gồm: mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể và CDR đối với mỗi ngành học và mỗi học phần; nội dung đào tạo, phương pháp đánh giá và thời lượng đối với ngành học và mỗi học phần.

CTDH của ngành CNKT CĐT được thiết kế với phương pháp giảng dạy, học tập và đánh giá hỗ trợ sinh viên đạt được các CĐR. CTDH có cấu trúc, trình tự logic và được thiết kế theo trật tự từ khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành và chuyên môn ngành đến kiến thức chuyên ngành. Học phần trước làm nền tảng cho các học phần tiếp theo. Các học phần song hành trong các khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên môn ngành được thiết kế có tính tích hợp. Mỗi học phần đều có vai trò quyết định trong việc đạt được CĐR của CTĐT.

Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng

Năm 2010, Nhà trường ban hành quy định xây dựng CĐR cho các ngành đào tạo đại học theo yêu cầu của Bộ GD&ĐT. Theo đó, các quy định này yêu cầu cụ thể đối với chuẩn đầu ra kiến thức, kỹ năng, thái độ được nêu cụ thể trong Quyết định số 795/QĐ-ĐHDL ngày 25 tháng 11 năm 2010 **[H1.01.02.01]**:

- **Về kiến thức:** Có hiểu biết về các nguyên lý cơ bản về Chủ nghĩa Mác – Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; có kiến thức trong lĩnh vực khoa học tự nhiên và xã hội. Có kiến thức giáo dục chuyên nghiệp cần thiết để tiếp thu các kiến thức trong các lĩnh vực chuyên môn. Nắm vững các kiến thức cơ bản về các quy định Pháp
- **Về kỹ năng:** Quy định cụ thể về các kỹ năng cứng và kỹ năng mềm cần đạt được của người học như khả năng phân tích, đánh giá và tính toán kinh tế kỹ thuật các giải pháp tiết kiệm năng lượng, xây dựng các hệ thống quản lý năng lượng. Các kỹ năng mềm như khả năng viết, thuyết trình rõ ràng, khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm...
- **Về thái độ:** Chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của Nhà nước và các quy định của đơn vị, có đạo đức nghề nghiệp, có tinh thần kỷ luật cao.

Năm 2017, Nhà trường đã ra quyết định hiệu chỉnh CTĐT trên cơ sở CĐR đã được ban hành trong Quyết định số 1904/QĐ-ĐHDL, ngày 29 tháng 12 năm 2017 **[H1.01.01.02]** nhằm khẳng định cam kết trong đào tạo của Nhà trường với xã hội. Các CĐR được xây dựng trên cơ sở tham khảo ý kiến các bên liên quan **[H1.01.03.01]** và từ đó CTDH được xác định **[H1.01.01.14]**. Chương trình được xây dựng trên cơ sở đề cương chi tiết, CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm, bản CTDH đã

được điều chỉnh theo hướng dẫn của Nhà trường bao gồm các nội dung trong CTDH:

- Mục tiêu đào tạo.
- CDR của ngành và CDR của mỗi học phần.
- Nội dung đào tạo.
- Phương pháp kiểm tra, đánh giá người học, thời lượng đào tạo của ngành và mỗi học phần.

Năm 2020, Nhà trường ban hành Hướng dẫn số 66/HD-ĐHDL ngày 15 tháng 1 năm 2020 về việc điều chỉnh số tín chỉ đối với các ngành đào tạo cấp bằng kỹ sư theo Nghị định số 99/2019/NB-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về việc sửa đổi và bổ sung Luật giáo dục đại học **[H2.02.01.06]**. Trên cơ sở thực hiện theo hướng dẫn của Nhà trường, Khoa CK&ĐL đã tiến hành khảo sát các ý kiến của các chuyên gia, người sử dụng lao động, người học, cựu người học,... về CTDH của ngành công nghệ kỹ thuật CĐT **[H3.03.01.01]**. Theo đó, một số môn học đã được điều chỉnh để thay đổi CTDH từ 135 tín chỉ thành 152 tín chỉ. Việc xây dựng các môn học trong CTDH theo các khối kiến thức đã đáp ứng được CDR và hiện trạng nhu cầu đào tạo tại thời điểm hiệu chỉnh (CTĐT có 8 CDR về kiến thức, 9 CDR về kỹ năng và 4 CDR về thái độ, mức độ tự chủ và tự chịu trách nhiệm, ngoài ra khối lượng môn học tự chọn đã được tăng thêm) **[H1.01.01.15]**.

Năm 2023, thực hiện theo kế hoạch số 1652/KH-ĐHDL-ĐT ngày 20/12/2021 về việc rà soát, cập nhật và đánh giá CTĐT theo định kỳ của nhà trường **[H3.03.01.02]**, Khoa CK&ĐL tiếp tục tiến hành khảo sát các bên liên quan sinh viên, doanh nghiệp, giảng viên và các chuyên gia để có cơ sở đề xuất cải tiến CTĐT **[H1.01.01.08]**, **[H1.01.02.08]**. Việc thực hiện rà soát, đánh giá, cập nhật và đánh giá CTĐT được thực hiện theo Quyết định số 638/QĐ-ĐHDL ngày 24 tháng 05 năm 2022 về việc ban hành Quy định xây dựng, thẩm định, đánh giá, cải tiến chất lượng CTĐT trình độ đại học của trường Đại học Điện lực **[H3.03.01.03]** và Quyết định số 975/QĐ-ĐHDL ngày 04 tháng 07 năm 2022 về việc ban hành Quy định xây dựng, rà soát và điều chỉnh chuẩn đầu ra CTĐT trình độ đại học của trường Đại học Điện lực **[H1.01.02.05]**. Trong đó, CDR của CTĐT trình độ đại học ngành CNKT CĐT được rà soát, hiệu chỉnh lại theo quy định tại Khoản 2, Điều 3 của Quyết định số 638/QĐ-ĐHDL để xác định được rõ ràng, bao quát các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được khi hoàn thành khóa học, đồng thời phản ánh được yêu cầu

của các bên liên quan đối với CTĐT. Cụ thể như sau:

- PLO1: Hiểu và vận dụng kiến thức cơ bản về khoa học lý luận chính trị và pháp luật; về toán học và khoa học tự nhiên; kiến thức về công nghệ thông tin; về lĩnh vực năng lượng; sử dụng ngoại ngữ để xác định, xây dựng và giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên môn Công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử
- PLO2: Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành, kiến thức chuyên sâu và các công cụ hiện đại thuộc lĩnh vực công nghệ kỹ thuật để giải quyết các vấn đề chuyên môn liên quan đến ngành Công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử.
- PLO3: Có kỹ năng vận dụng các kiến thức để thực hiện các công việc như tính toán, thiết kế, phân tích, đánh giá, xây dựng các giải pháp cho vấn đề chuyên môn liên quan đến ngành Công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử.
- PLO4: Có kỹ năng xây dựng và lập kế hoạch để tổ chức, triển khai, giám sát, quản lý các hoạt động chuyên môn liên quan đến ngành Công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử; dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác;
- PLO5: Có kỹ năng giao tiếp hiệu quả trong các tình huống chuyên môn; có kỹ năng thuyết trình, thảo luận, đàm phán và làm chủ các tình huống; Sử dụng được ngoại ngữ để giao tiếp và khai thác tài liệu trong công việc chuyên môn ngành Công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử khi cần thiết.
- PLO6: Có năng lực, ý thức và thái độ làm việc tốt trong mọi hoàn cảnh công việc; có trách nhiệm với bản thân, với nghề nghiệp và có ý thức phục vụ cộng đồng đối với các công việc liên quan đến chuyên môn; Có khả năng chủ động định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và tự tin, sẵn sàng đương đầu cũng như dám chấp nhận rủi ro để bảo vệ quan điểm cá nhân về chuyên môn; chủ động phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi.

Ngoài việc điều chỉnh và thay đổi CDR thì trong quá trình xây dựng CTĐT, tổ biên soạn còn điều chỉnh một số nội dung theo các Văn bản hướng dẫn của nhà trường cũng như kết quả khảo sát các bên liên quan để phù hợp với mục tiêu đào tạo như **[H1.01.01.16]**:

(i) Cấu trúc lại CTĐT với 58 Học phần và 158 TC; Bố cục lại tỉ lệ số học phần và tín chỉ ở các khối kiến thức (bảng 1).

(ii) Biên soạn mới đề cương chi tiết các học phần thay thế.

(iii) Biên soạn lại các đề cương học phần cũ theo hướng dẫn của nhà trường với các nội dung chính: Rà soát và cập nhật lại CDR, mục tiêu, phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá của môn học,...

Bảng 2: Bảng tổng hợp CDR với thiết kế của các khối kiến thức ngành CNKT CĐT

Khối kiến thức	Chuẩn đầu ra	Các học phần trong CTĐT
Giáo dục đại cương	- Hiểu và vận dụng kiến thức cơ bản về khoa học lý luận chính trị và pháp luật; về toán học và khoa học tự nhiên; kiến thức về công nghệ thông tin; về lĩnh vực năng lượng; sử dụng ngoại ngữ để xác định, xây dựng và giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên môn Công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử; - Có kỹ năng giao tiếp hiệu quả trong các tình huống chuyên môn; có kỹ năng thuyết trình, thảo luận, đàm phán và làm chủ các tình huống; Sử dụng được ngoại ngữ để giao tiếp và khai thác tài liệu trong công việc chuyên môn ngành Công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử khi cần thiết.	16 học phần và tổng cộng số tín chỉ cho khối kiến thức này là 42 tín chỉ: - Ứng dụng CNTT cơ bản - Toán cao cấp 1,2 - Triết học Mác - Lênin - Vật lý đại cương - Năng lượng cho phát triển bền vững - Đại cương về Hóa học trong khoa học vật liệu - Đại cương về quản lý điều hành và khởi nghiệp - Tiếng Anh 1,2 - Kinh tế chính trị Mác - Lênin - Pháp luật đại cương - Xác suất thống kê - Chủ nghĩa xã hội khoa học - Tư tưởng Hồ Chí Minh - Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Khối kiến thức	Chuẩn đầu ra	Các học phần trong CTĐT
Cơ sở ngành	- Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành, kiến thức chuyên sâu và các công cụ hiện đại thuộc lĩnh vực công nghệ kỹ thuật để giải quyết các vấn đề chuyên môn liên quan đến ngành Công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử. - Có kỹ năng vận dụng các kiến thức để thực hiện các công việc như tính toán, thiết kế, phân tích, đánh giá, xây dựng các giải pháp cho vấn đề chuyên môn liên quan đến ngành Công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử. - Có kỹ năng giao tiếp hiệu quả trong các tình huống chuyên môn; có kỹ năng thuyết trình, thảo luận, đàm phán và làm chủ các tình huống; Sử dụng được ngoại ngữ để giao tiếp và khai thác tài liệu trong công việc chuyên môn ngành Công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử khi cần thiết.	16 học phần và tổng cộng số tín chỉ cho khối kiến thức này là 38 tín chỉ: - Vẽ kỹ thuật - Cơ học kỹ thuật - Điện đại cương - Lý thuyết điều khiển tự động 1 - Vật liệu học - Cơ sở thiết kế máy 1 - Kỹ thuật thủy khí - Thực hành Autocad - Dung sai – Kỹ thuật đo - Dao động kỹ thuật - Thực hành điện cơ bản - Công nghệ chế tạo máy 1 - Phần mềm thiết kế cơ khí - Kỹ thuật điện tử - Thực tập điện tử cơ bản - Phương pháp phần tử hữu hạn
Ngành	- Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành, kiến thức chuyên sâu và các công cụ hiện đại thuộc lĩnh vực công nghệ kỹ thuật để giải quyết các vấn đề chuyên môn liên quan đến ngành Công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử. - Có kỹ năng vận dụng các kiến thức để thực hiện các công việc như tính toán, thiết kế, phân tích, đánh giá, xây dựng các giải pháp cho vấn	Gồm 12 học phần (03 học phần bắt buộc và 04 học phần tự chọn) với 35 tín chỉ. Cụ thể là: - Nhập môn cơ điện tử - Cơ học ứng dụng - Cơ sở thiết kế máy 2 - Truyền động thủy lực và khí nén - Tiếng anh chuyên ngành trong cơ điện tử - Đồ án cơ sở thiết kế máy

Khối kiến thức	Chuẩn đầu ra	Các học phần trong CTĐT
	đề chuyên môn liên quan đến ngành Công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử. - Có kỹ năng xây dựng và lập kế hoạch để tổ chức, triển khai, giám sát, quản lý các hoạt động chuyên môn liên quan đến ngành Công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử; dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác; - Có kỹ năng giao tiếp hiệu quả trong các tình huống chuyên môn; có kỹ năng thuyết trình, thảo luận, đàm phán và làm chủ các tình huống; Sử dụng được ngoại ngữ để giao tiếp và khai thác tài liệu trong công việc chuyên môn ngành Công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử khi cần thiết.	- Thực hành cơ điện tử - Kỹ năng thiết kế cơ khí - Công nghệ CNC (tự chọn) - Phần mềm hỗ trợ gia công (tự chọn) - Thực hành gia công cắt gọt (tự chọn) - Thực hành CNC (tự chọn)
Chuyên ngành	- Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành, kiến thức chuyên sâu và các công cụ hiện đại thuộc lĩnh vực công nghệ kỹ thuật để giải quyết các vấn đề chuyên môn liên quan đến ngành Công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử. - Có kỹ năng vận dụng các kiến thức để thực hiện các công việc như tính toán, thiết kế, phân tích, đánh giá, xây dựng các giải pháp cho vấn đề chuyên môn liên quan đến ngành Công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử. - Có kỹ năng xây dựng và lập kế hoạch để tổ chức, triển khai, giám sát, quản lý các hoạt động chuyên môn liên quan đến ngành Công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử; dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác;	Gồm 12 học phần (08 học phần bắt buộc và 03 học phần tự chọn) với 32 tín chỉ. Cụ thể là: - Điều khiển PLC trong cơ điện tử - Các hệ thống cơ điện tử - Thiết kế hệ thống cơ điện tử - Thiết kế khuôn mẫu - Rô bốt công nghiệp - Lập trình ứng dụng trong cơ điện tử - Đồ án các hệ thống cơ điện tử - Hệ thống sản xuất tự động - Thực hành PLC trong cơ điện tử - Cơ khí điện lực (tự chọn) - Phương pháp xây dựng bề mặt cho CAD/CAM (tự chọn) - Thực hành gia công tiên tiến (tự chọn)

Khối kiến thức	Chuẩn đầu ra	Các học phần trong CTĐT
	- Có kỹ năng giao tiếp hiệu quả trong các tình huống chuyên môn; có kỹ năng thuyết trình, thảo luận, đàm phán và làm chủ các tình huống; Sử dụng được ngoại ngữ để giao tiếp và khai thác tài liệu trong công việc chuyên môn ngành Công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử khi cần thiết.	
Tốt nghệ	- Có kỹ năng vận dụng các kiến thức để thực hiện các công việc như tính toán, thiết kế, phân tích, đánh giá, xây dựng các giải pháp cho vấn đề chuyên môn liên quan đến ngành Công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử. - Có khả năng tự chủ trong công việc	Gồm 2 học phần với 12 tín chỉ. Cụ thể là: - Thực tập tốt nghiệp - Đồ án tốt nghiệp

2. Điểm mạnh

CTDH của ngành công nghệ kỹ thuật CĐT được thiết kế phù hợp với CĐR của ngành. Cấu trúc các học phần trong CTDH đảm bảo tỷ lệ hợp lý giữa các khối kiến thức. Các đề cương chi tiết của từng học phần trong các khối kiến thức đều thể hiện tính gắn kết, liên mạch giúp CTDH trở thành một khối thống nhất.

3. Điểm tồn tại

Khoa CK&ĐL chưa thảo luận sâu để đánh giá mức độ phù hợp giữa phương pháp giảng dạy và nội dung học phần trong CTDH.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2024, Khoa CK&ĐL cần thảo luận chi tiết hơn để đánh giá mức độ phù hợp giữa phương pháp giảng dạy và nội dung học phần trong CTDH để điều chỉnh hợp lý hơn.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt và mức điểm là 5/7.

Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng

1. Mô tả hiện trạng

Tất cả các học phần trong CTĐT khi được xây dựng đều có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CĐR của ngành công nghệ kỹ thuật CĐT [H1.01.01.16]. Mức độ đóng góp của các học phần được xây dựng trong CTĐT được thể hiện rõ trong ma trận tích hợp CĐR của các học phần [H1.01.02.09]. Trong bảng ma trận này, mối quan hệ giữa CĐR với mục tiêu của các học phần trong CTĐT ngành công nghệ kỹ thuật CĐT được thể hiện thông qua mức độ đóng góp (cao, trung bình, thấp), tỷ trọng đóng góp của các học phần thể hiện tầm quan trọng của các học phần trong việc đảm bảo toàn diện các CĐR. Đối với các học phần thuộc khối kiến thức đại cương, sự đóng góp chủ yếu tập trung vào chuẩn đầu ra về các kiến thức khoa học xã hội - tự nhiên và một phần về mức độ tự chủ hoặc đạo đức nghề nghiệp. Đối với các học phần thuộc khối kiến thức chuyên nghiệp, sự đóng góp tập trung vào chuẩn đầu ra về các kiến thức và kỹ năng chuyên ngành.

Để đảm bảo được và đạt được CĐR cho CTĐT, khối kiến thức giáo dục đại cương đã bổ sung thêm các học phần mới như: Năng lượng cho phát triển bền vững, Đại cương về quản lý điều hành và khởi nghiệp,... để hoàn thiện và nâng cao năng lực khởi nghiệp cũng như kiến thức về năng lượng trong công nghiệp. Khối kiến thức chuyên nghiệp đã bổ sung các môn học như: Nhập môn cơ điện tử, Lập trình ứng dụng trong cơ điện tử, Thiết kế hệ thống cơ điện tử, Điều khiển PLC trong cơ điện tử,... để

đảm bảo ở mức độ cao CĐR về kiến thức và kỹ năng chuyên ngành. Trong CTĐT các học phần thực hành đã được biên soạn mới hoặc hiệu chỉnh lại để đảm bảo việc hình thành kỹ năng, trách nhiệm nghề nghiệp, mức tự chủ, độc lập trong công việc cũng như vấn đề đạo đức nghề nghiệp **[H3.03.02.01]**

Bên cạnh đó, Khoa CK&ĐL cùng với nhà trường đã và đang liên kết với các cơ quan, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất để đưa sinh viên đi tìm hiểu thực tế thông qua các buổi kiến tập, thực tập môn học và thực tập tốt nghiệp để nâng cao mức độ nhận thức, điều này được thể hiện rõ trong các quyết định cử sinh viên đi thực tập tại các doanh nghiệp và cơ sở sản xuất cũng như trong các biên bản triển khai hướng dẫn sinh viên đi thực tập **[H3.03.02.02], [H3.03.01.03]**.

Tương ứng với các các học phần trong CTDH, tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CĐR **[H2.02.01.10]**. Qua các lần điều chỉnh (năm 2017, 2020 và 2023) đề cương chi tiết các học phần đã được rà soát, điều chỉnh bổ sung thêm CĐR, mục tiêu và phương pháp kiểm tra đánh giá người học. Phương thức đánh giá kết quả người học theo tín chỉ là phương pháp đánh giá liên tục và đa dạng quá trình đào tạo. Bên cạnh điểm thi kết thúc học phần (trọng số 0,7) thì KQHT của người học còn được đánh giá qua điểm quá trình (trọng số 0,3) được xác định từ điểm đánh giá thường xuyên, điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận, điểm chuyên cần, điểm thi giữa học phần, điểm bài tập lớn và điểm thi kết thi học phần (trọng số 0,7) được thể hiện trong Sổ tay sinh viên **[H2.02.03.04]**. Căn cứ vào kết quả khảo sát người học về CTDH, công tác kiểm tra đánh giá người học được đánh giá là tốt cho các học phần thuộc kiến thức chuyên ngành của ngành **[H3.03.02.04]**.

Bắt đầu từ năm học 2018-2019, phần lớn các học phần thuộc khối kiến thức chuyên nghiệp trong CTĐT ngành CNKT CĐT đã được chuyển đổi theo hệ thống bộ đề thi trắc nghiệm đã đem lại sự bao quát toàn diện hơn trong quá trình kiểm tra, đánh giá. Đến nay, đã có 20/40 học phần thuộc khối này đã chuyển sang hình thức thi trắc nghiệm (Công nghệ tạo mẫu nhanh; Công nghệ CNC; Hệ thống sản xuất tự động,...) **[H3.03.02.05]**. Một số học phần thực hành được tiến hành kiểm tra, đánh giá trực tiếp trên hệ thống máy tính và trên máy gia công nhằm khẳng định tính thực hành cao của sinh viên (Thực hành CNC, Thực hành cơ điện tử, Thực hành gia công tiên tiến, Thực hành PLC trong cơ điện tử,...). Các học phần mang tính chất đồ án, tốt nghiệp được lựa chọn hình thức đánh giá là vấn đáp, tiểu luận hoặc báo cáo chuyên đề (Đồ án cơ sở thiết kế máy, Đồ án các hệ thống cơ điện tử, đồ án tốt nghiệp, ...) để đánh giá khả năng làm việc theo nhóm, tính tự chịu trách nhiệm, tính chuyên nghiệp khi hoàn thành các công việc được giao **[H2.02.01.10]**.

Nội dung các học phần trong CTDH thể hiện việc đạt được CĐR và được lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan. Cụ thể, khi xây dựng đề cương chi tiết các học phần, giảng viên luôn chú trọng đáp ứng các yêu cầu trong CĐR. Theo ý kiến của các nhà tuyển dụng, kỹ năng thực hành tăng cường như kỹ năng thực hành trên các máy công cụ vạn năng và máy điều khiển số CNC, các hệ thống điều khiển sử dụng vi xử lý hoặc bộ điều khiển khả trình PLC. Đề cương còn được phản biện và điều chỉnh từ ý kiến của các chuyên gia trong lĩnh vực CĐT đáp ứng với xu thế phát triển của ngành ở trong nước và trên thế giới được thể hiện trong biên bản góp ý CTĐT [H1.01.01.08].

2. Điểm mạnh

Nội dung chi tiết của từng học phần trong CTDH thể hiện rõ mục tiêu, yêu cầu của học phần và thể hiện được sự gắn kết của học phần trong các khối kiến thức khác đảm bảo quá trình dạy – học, đánh giá nhằm đạt được mục tiêu của CĐR của CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Chưa có công cụ để phân tích chi tiết mức độ đóng góp của các học phần trong CTĐT trong việc đạt được chuẩn đầu ra.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2024, Khoa CK&DL kết hợp với phòng KT&ĐBCL, phòng ĐT tìm kiếm công cụ để phân tích chi tiết mức độ đóng góp của các học phần trong CTĐT trong việc đạt được chuẩn đầu ra.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt và mức điểm là 5/7.

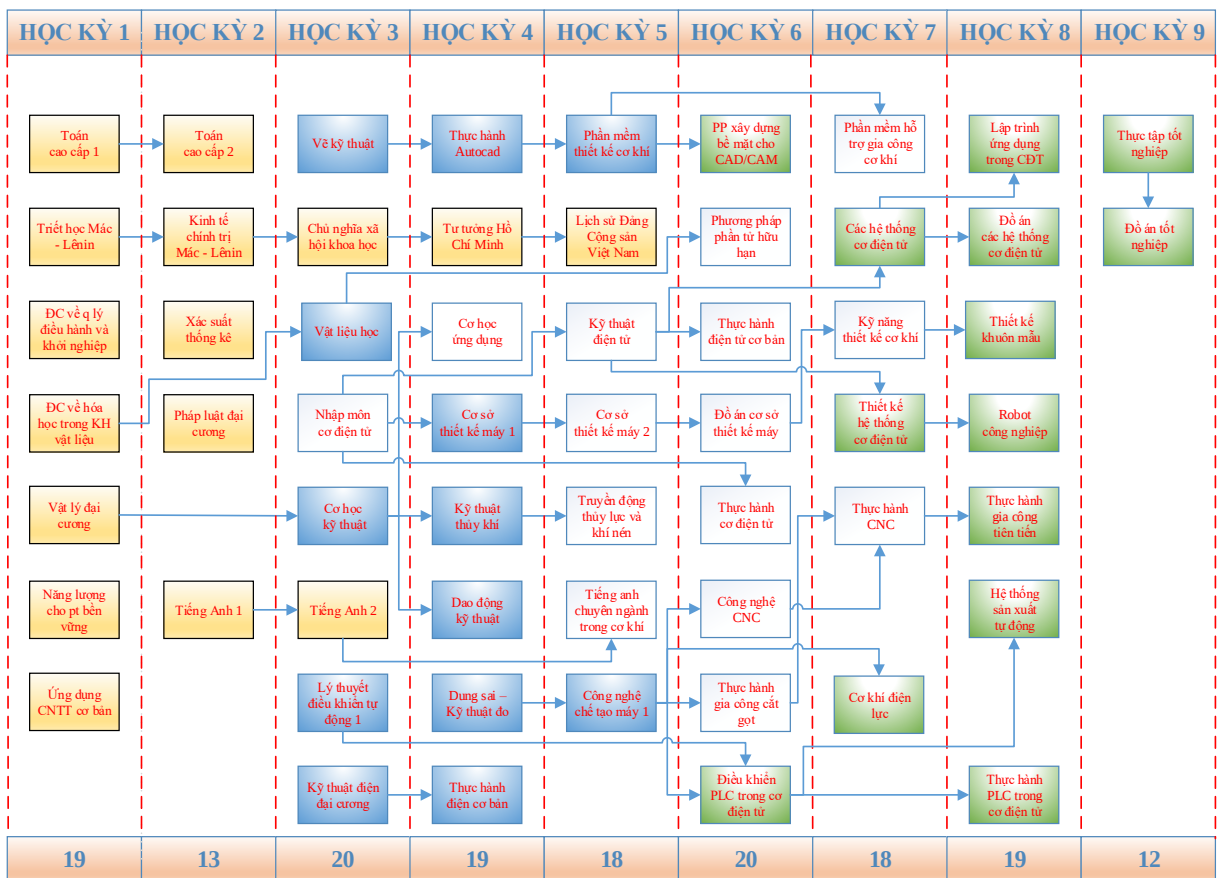
Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic, nội dung cập nhật và có tính tích hợp

1. Mô tả hiện trạng

CTDH ngành công nghệ kỹ thuật CĐT có kế hoạch phân bổ các học phần theo từng học kỳ, có tiến trình đào tạo phù hợp để thực hiện quá trình thực hiện giảng dạy. Trật tự các học phần trong CTDH được sắp xếp một cách hợp lý (từ các học phần cơ bản đến nâng cao) đảm bảo cho việc lĩnh hội kiến thức theo đúng trình tự logic (giữa các học phần tiên quyết cần có và học phần nâng cao) đảm bảo tính kế thừa và bổ sung, nâng cao và chuyên sâu. Các học phần trong CTDH được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất. Cấu trúc này đảm bảo kiến thức rộng qua kiến thức đại cương, cơ sở ngành và chuyên môn ngành; kiến thức sâu qua kiến thức chuyên ngành (hình 3.1) [H1.01.01.16].

Chương trình cũng đảm bảo sự cân đối giữa lý thuyết và thực hành. Sự cân đối

thể hiện ở tỷ lệ phân bố giữa các môn mang tính lý thuyết với số môn thực hành và tỷ lệ phân bố giữa tổng số giờ lý thuyết với số giờ thực hành trong tổng số giờ học của một môn học. Tỷ lệ kiến thức lý thuyết, thảo luận, bài tập, thực hành cân đối, hợp lý, logic, chặt chẽ trong từng học phần. Chương trình cũng đã chú trọng đến sự cân đối trong việc phân bố giữa số giờ tự học, tự nghiên cứu với số giờ trên lớp. Theo quan điểm lấy người học làm trung tâm, chương trình đã được điều chỉnh theo hướng giảm số giờ lý thuyết, tăng cường thực hành giao tiếp, tự học, tự nghiên cứu, làm tăng cường tính chủ động, sáng tạo và các khả năng nghề nghiệp cho người học. Trong mô tả học phần, đề cương chi tiết mỗi học phần đều xác định điều kiện tiên quyết đối với học phần đó nhằm giúp người học có kế hoạch học tập cụ thể [H1.01.01.16].



Hình 3: Sơ đồ về mối liên hệ giữa các học phần trong chương trình đào tạo

CTDH ngành Công nghệ kỹ thuật CĐT đảm bảo tỷ lệ cân đối giữa các khối kiến thức giáo dục đại cương, khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khối kiến thức tốt nghiệp. Trong đó, Khối lượng kiến thức giáo dục đại cương chiếm 26.58%, khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp chiếm 65.82% với 24.05% cho khối kiến thức cơ sở ngành, 12.3 % cho khối kiến thức ngành, 10.6% cho khối lượng kiến thức chuyên ngành và 18.99% cho khối kiến thức chuyên sâu đặc thù. Cấu trúc này đảm bảo kiến thức rộng qua kiến thức đại cương, cơ sở ngành, chuyên môn ngành, cũng như kiến thức sâu qua kiến thức chuyên ngành hay chuyên sâu đặc thù (Bảng 3).

Bảng 3: Cấu trúc khối kiến thức trong chương trình đào tạo ngành CNKT CĐT

STT	Nội dung kiến thức	Số HP	Số TC	Tỷ lệ %
I	Kiến thức giáo dục đại cương	16	42	26.58%
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	40	104	65.82%
1	<i>Kiến thức cơ sở ngành</i>	16	38	24.05%
1.1	<i>Các học phần lý thuyết, hỗn hợp</i>	13	32	
1.1.1	Bắt buộc	13	32	
1.1.2	Tự chọn	0	0	
1.2	<i>Các học phần thực hành, thực tập.</i>	3	6	
1.2.1	Bắt buộc	3	6	
1.2.2	Tự chọn	0	0	
2	<i>Kiến thức ngành</i>	7	19	12.03%
2.1	<i>Các học phần lý thuyết, hỗn hợp</i>	4	12	
2.1.1	Bắt buộc	2	6	
2.1.2	Tự chọn	2	6	
2.2	<i>Các học phần thực hành, thực tập.</i>	3	7	
2.2.1	Bắt buộc	1	2	
2.2.2	Tự chọn	2	5	
3	<i>Kiến thức chuyên ngành</i>	6	17	10.76%
3.1	<i>Các học phần lý thuyết, hỗn hợp</i>	4	12	
3.1.1	Bắt buộc	2	6	
3.1.2	Tự chọn	2	6	
3.2	<i>Các học phần thực hành, thực tập.</i>	2	5	
3.2.1	Bắt buộc	1	2	
3.2.2	Tự chọn	1	3	
4	<i>Kiến thức chuyên sâu đặc thù</i>	11	30	18.99%
4.1	<i>Các học phần lý thuyết, hỗn hợp</i>	11	30	
4.1.1	Bắt buộc	11	30	
4.1.2	Tự chọn	0	0	
4.2	<i>Các học phần thực hành, thực tập.</i>	0	0	
4.2.1	Bắt buộc	0	0	
4.2.2	Tự chọn	0	0	
III	Thực tập tốt nghiệp	1	4	2.53%
IV	Đồ án /Khóa luận tốt nghiệp	1	8	5.06%
	Cộng	58	158	100%

Khối kiến thức giáo dục đại cương (42 tín chỉ), khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp là 116 tín chỉ gồm khối kiến thức cơ sở ngành 38 tín chỉ, khối kiến thức ngành 19 tín chỉ, khối kiến thức chuyên ngành 17 tín chỉ, khối kiến thức chuyên sâu đặc thù 30 tín chỉ, Thực tập tốt nghiệp và Đồ án tốt nghiệp là 12 tín chỉ **[H1.01.01.16]**. Khối lượng kiến thức tích lũy của người học ngành CNKT CĐT là 158 tín chỉ - phù hợp với quy định khối lượng kiến thức tối thiểu do Bộ GD&ĐT đưa ra là 150 tín chỉ (đào tạo với thời gian 4,5 năm đối với hệ kỹ sư), đồng thời đáp ứng yêu cầu về năng lực mà người học đạt được khi tốt nghiệp ngành CNKT CĐT.

Các học phần của toàn bộ CTDH của ngành CNKT CĐT được sắp xếp trong quá trình đào tạo một cách hợp lý, logic: các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương được tổ chức đào tạo ở các học kỳ 1, 2 và 3; các học phần khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành được giảng dạy ở các học kỳ 2, 3, 4 và 5; các học phần khối kiến thức chuyên ngành được thiết kế giảng dạy ở các học kỳ 6, 7 và 8; thực tập tốt nghiệp và khóa luận tốt nghiệp được bố trí ở học kỳ 8 và 9 với số tín chỉ tương ứng; số tiết giảng lý thuyết thảo luận, bài tập lớn, thực hành, tự học quy định cụ thể cho từng học phần, mối quan hệ của các học phần với nhau (thể hiện ở quy định học phần tiên quyết). Bên cạnh đó, nhằm tăng cường tính thực tế trong đào tạo, sinh viên được tiếp cận các tài liệu thực tế ở các học kỳ 6, 7, 8 thông qua sự hợp tác giữa Trường ĐHDL, cũng như khoa CK&ĐL với các doanh nghiệp, các hiệp hội nghề nghiệp được thể hiện trong hình ảnh hợp tác cũng như hình ảnh hoạt động thực hành của các sinh viên với các đối tác đào tạo trong thực tế **[H3.03.03.01]**

Tất cả các học phần trong CTDH ngành CNKT CĐT đều được xây dựng và bố trí hợp lý, trong đề cương chi tiết mỗi học phần đều quy định và xác định rõ điều kiện môn học tiên quyết, thời lượng cho học phần và thời điểm thực hiện học phần để làm cơ sở thực hiện tiến độ đào tạo sinh viên **[H1.01.01.16]**.

Khi thiết kế xây dựng CTDH, Khoa CK&ĐL đã tham khảo ý kiến nhận xét của các chuyên gia trong nước và tiếp nhận ý kiến đóng góp của người học, của cựu sinh viên cũng như các nhà tuyển dụng về CTDH với đánh giá là đáp ứng yêu cầu **[H1.01.01.06]**, **[H1.01.01.07]**, **[H1.01.01.08]**, **[H1.01.03.01]**, **[H1.01.02.08]**, **[H3.03.01.01]**. CTDH sau khi điều chỉnh được đánh giá, thẩm định theo đúng Quy định xây dựng, thẩm định, đánh giá, cải tiến chất lượng CTĐT trình độ đại học của trường Đại học Điện lực trong Quyết định số 638/QĐ-ĐHDL ngày 24 tháng 05 năm 2022 với tiêu chí đảm bảo về CDR, mục tiêu, nội dung, kế hoạch đào tạo **[H3.03.01.01]**. Quy trình này được thể hiện rõ trong các biên bản làm việc với sự giám sát của Hội đồng khoa học và phòng đào tạo Nhà trường **[H2.02.02.07]**

Khi thực hiện điều chỉnh CTĐT, Khoa CK&ĐL tham khảo CTDH của một số trường cùng lĩnh vực đào tạo trong nước và trên thế giới như: Đại học Công nghiệp Hà Nội, Đại học Bách khoa Đà Nẵng, Đại học Bách Khoa HCM và Purdue University. Chính vì vậy, chương trình đào tạo ngành CNKT CĐT đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp. Số lượng tín chỉ của CTDH ngành công nghệ kỹ thuật CĐT của trường ĐHDL có mức độ vừa phải, tăng cường chuyên sâu chuẩn mực quốc tế, thực hành nghề nghiệp đem lại sự tự tin cho sinh viên ngành CNKT CĐT **[H3.03.03.02]**, **[H3.03.03.03]**. Khung CTĐT ngành CNKT CĐT của trường ĐHDL với một số trường Đại học ở Việt Nam được trình bày như trong Bảng 4.

Bảng 4: Bảng so sánh khung CTĐT ngành CNKT CĐT của trường ĐHDL với một số

trường Đại học ở Việt Nam

Khối kiến thức	Đại học Công nghiệp Hà Nội		Đại học Bách khoa Đà Nẵng		Đại học Bách Khoa HCM		Đại học Điện lực	
	Số lượng	Tỷ trọng	Số lượng	Tỷ trọng	Số lượng	Tỷ trọng	Số lượng	Tỷ trọng
A. Khối kiến thức giáo dục đại cương	45	32%	54	30%	50	38%	42	27%
B. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	95	68%	126	70%	82	62%	116	73%
1. Khối kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành	80	57%	111	62%	74	56%	104	66%
2. Khối kiến thức tập nghề nghiệp, Đồ án tốt nghiệp	15	11%	15	8%	8	6%	12	8%
Tổng tín chỉ	140	100%	180	100%	132	100%	158	100%

Trong lần cập nhật năm 2023, một số học phần được xác định thay đổi để đảm bảo tính cập nhật như CĐT quốc tế như tăng số tín chỉ từ 2 tín chỉ lên 3 tín chỉ với các môn học lý thuyết như: Dung sai – Kỹ thuật đo, Vật liệu học,... tăng các môn học có 1 tín chỉ lên 2 tín chỉ như: Đồ án cơ sở thiết kế máy, đồ án các hệ thống cơ điện tử,..Bổ sung một số học phần mới để đáp ứng sự phát triển của khoa học kỹ thuật như: Thiết kế hệ thống cơ điện tử, Lập trình ứng dụng trong cơ điện tử, ... Song song với đó là loại bỏ một số môn học không còn phù hợp hoặc ghép nối một số học phần để đảm bảo khối lượng kiến thức cần thiết như: Vẽ kỹ thuật 1, cơ học ứng dụng, nhập môn ô tô,...

[H3.03.03.02]

2. Điểm mạnh

CTDH có cấu trúc hợp lý, logic giữa các khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành, các học phần trong các khối kiến thức đều thể hiện tính gắn kết, liên mạch giúp CTDH trở thành một khối thống nhất, đảm bảo tính tích hợp, cập nhật và chuyên sâu đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động ngành công nghệ kỹ thuật CĐT trong nước và quốc tế.

3. Điểm tồn tại

Khoa CK&DL chưa phân tích chi tiết nội dung các học phần trong các CTĐT tham khảo.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2024, Khoa CK&DL tìm kiếm nội dung chi tiết các học phần trong các CTĐT tham khảo để phân tích chi tiết hơn.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt và mức điểm là 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

Nâng cao chất lượng CTĐT góp phần quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo đồng thời là cơ sở để hội nhập phát triển trong đào tạo. Trong CTĐT thì CTDH đóng vai trò cốt lõi. CTDH của ngành CNKT CĐT được thiết kế khối kiến thức, các học phần phù hợp với CĐR và các nội dung đào tạo, phương pháp đánh giá, số tín chỉ cho từng học phần và cho từng chuyên ngành để đạt được CĐR. CTDH của ngành CNKT CĐT đã thể hiện tính logic, cấu trúc hợp lý và tính tích hợp giữa các học phần. CTDH CĐT được tiếp cận với các CTDH CĐT các trường đại học lớn trong nước và quốc tế, cập nhật xu hướng mới, đề cao tính thực hành trong đào tạo. Với 03 tiêu chí của tiêu chuẩn 3, ngành CNKT CĐT tự đánh giá cả 03 tiêu chí đạt với mức điểm 5/7.

Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Mở đầu

Trong đào tạo Đại học, phương pháp tiếp cận dạy và học có vai trò quan trọng. Với chiến lược học tập của Khoa CK&DL, người học là trung tâm để tiếp cận, việc tổ chức các hoạt động dạy học và các hoạt động ngoại khóa nhằm đạt được CĐR đã tuyên bố trong CTĐT. Các phương pháp dạy học được sử dụng đa dạng nhằm phát triển tính chủ động sáng tạo trong học tập cho sinh viên.

Để làm được điều này, CTĐT cần xác định rõ mục tiêu đào tạo và CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và tự chịu trách nhiệm. Cách tiếp cận này được cụ thể hóa ở việc thiết kế chương trình với các môn học kế tiếp nhau một cách logic, môn cơ sở là môn tiên quyết cho những môn học chuyên ngành, các hoạt động dạy và học đều phải cùng hướng đến chuẩn đầu ra.

Thông điệp về cách tiếp cận, các hoạt động dạy học và CĐR của chương trình cần được mỗi giảng viên và sinh viên hiểu rõ để thực hiện tốt vai trò nhiệm vụ của mình.

Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan

1. Mô tả hiện trạng

Trước tháng 12/2018, Trường ĐHDL chưa có công bố chính thức về mục tiêu giáo dục nhưng được phản ánh trong Báo cáo của Đảng bộ hàng năm, báo cáo cho cuộc họp công nhân viên chức hàng năm về mục tiêu giáo dục **[H4.04.01.01]**. Điều này cũng đã truyền tải được thông điệp hướng tới công tác đào tạo của Nhà trường sẽ tạo cho xã hội những nhân lực chất lượng, đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao

động. Ngày 13 tháng 12 năm 2018, Trường ĐHĐL ban hành Quyết định số 2261/QĐ-ĐHĐL công bố Chiến lược phát triển Trường ĐHĐL giai đoạn năm 2017-2022 và tầm nhìn đến năm 2030: *“Đào tạo nguồn nhân lực phát triển toàn diện, có sức khoẻ, phẩm chất chính trị và đạo đức tốt; có kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá và hiện đại hoá của đất nước; có ý thức học tập suốt đời và khả năng thích ứng với sự phát triển không ngừng của xã hội”* [H1.01.01.10].

Để bắt kịp xu thế phát triển chung, năm 2023, Trường ĐHĐL tiếp tục công bố mục tiêu giáo dục mới nhất trong Quyết định số 774/QĐ-ĐHĐL ngày 30 tháng 5 năm 2023 về việc công bố Sứ mạng, Tầm nhìn, Giá trị cốt lõi, Mục tiêu và Triết lý giáo dục: *“Trở thành trường đại học theo ứng dụng hàng đầu Việt Nam, theo mô hình tự chủ toàn diện, hội nhập với nền giáo dục tiên tiến khu vực và quốc tế. Người học được đào tạo toàn diện, đáp ứng tốt yêu cầu của thị trường lao động, có khả năng học tập suốt đời, có năng lực sáng tạo và khởi nghiệp. Kết quả nghiên cứu khoa học đáp ứng tốt yêu cầu thực tiễn, góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.”* [H1.01.01.11].

Sứ mạng, Tầm nhìn, Giá trị cốt lõi, Mục tiêu và Triết lý giáo dục của Nhà trường được công bố trên trang Web và được truyền đạt tới các cán bộ công nhân viên Nhà trường, Phòng Hành chính có trách nhiệm gửi tới các Khoa qua hệ thống email nội bộ [H4.04.01.02]. Ngoài ra, thông điệp về mục tiêu giáo dục được gửi tới email cá nhân của cán bộ giảng viên trong toàn trường [H4.04.01.03]. Mục tiêu giáo dục cũng được lãnh đạo Nhà trường nhắc và chia sẻ tại các cuộc họp với cán bộ chủ chốt, cuộc gặp gỡ đầu năm, các hội nghị, hội thảo. Ngoài ra, mục tiêu giáo dục của Nhà trường cũng được các cán bộ, giảng viên phổ biến, tuyên truyền trong các buổi sinh hoạt của lớp, sinh hoạt đoàn thanh niên và đã trở thành một phong trào để cho mọi sinh viên cùng thi đua nhau học tập và hành động. Với mục tiêu giáo dục đào tạo đề ra, các ngành đào tạo của Nhà trường đã được thực hiện triển khai phù hợp.

Từ mục tiêu đào tạo của Nhà trường, Khoa CK&ĐL đã chỉ rõ chiến lược giảng dạy và học tập là *“Đào tạo toàn diện người học có phẩm chất chính trị, đạo đức, có năng lực áp dụng những kiến thức khoa học kỹ thuật và xã hội để xử lý các vấn đề chuyên môn liên quan đến ngành CNKT CĐT; Có khả năng tự chủ, khả năng sáng tạo, khả năng tự thích nghi mọi môi trường làm việc và có ý thức phục vụ cộng đồng. Đáp ứng tốt yêu cầu của thị trường lao động, có khả năng học tập suốt đời, có năng lực*

sáng tạo và khởi nghiệp. Kết quả nghiên cứu khoa học đáp ứng tốt yêu cầu thực tiễn, góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước” [H1.01.01.04]. Chiến lược giảng dạy và học tập này được Ban Lãnh đạo Khoa truyền tải tới từng giảng viên thông qua các cuộc họp của Khoa, thể hiện trên Bản mô tả CTĐT đăng tải trên Website của Khoa [H3.02.03.01] như công bố và cam kết tới các bên liên quan (sinh viên đang học, sinh viên tiềm năng, người sử dụng lao động, xã hội...) về trang bị kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp và đạo đức nghề nghiệp, năng lực tự học suốt đời được đề cao trong mục tiêu đào tạo của ngành CNKT CĐT.

Sự lan toả mục tiêu giáo dục không chỉ dừng trong giảng viên Khoa CK&DL mà còn lan tỏa tới sinh viên và các doanh nghiệp, hiệp hội nghề nghiệp. Chính vì vậy, sự hỗ trợ từ phía các doanh nghiệp, các hiệp hội nghề nghiệp về ấn phẩm nghề nghiệp, các buổi cố vấn kiến thức, kỹ năng, các buổi tiếp cận thực tế của giảng viên, sinh viên ngành CNKT CĐT được diễn ra thường xuyên [H3.03.03.01]. Các giảng viên đóng vai trò cố vấn, cầu nối giữa doanh nghiệp và sinh viên, họ là người truyền cảm hứng để sinh viên nhận thấy việc học tập phải gắn liền với thực tế, các kỹ năng mềm cần được bổ sung thường xuyên. Các buổi định hướng nghề nghiệp, kỹ năng học tập cho sinh viên năm nhất hay các buổi kiến tập hè, đi thực tế được tổ chức bởi chính các giảng viên đứng lớp. Trong quá trình giảng dạy, các giảng viên chia sẻ việc học tập suốt đời, bên cạnh tấm bằng đại học, tấm bằng thạc sĩ, tiến sĩ hoặc những chứng chỉ kỹ năng nghề nghiệp trở nên quan trọng và là một phần cho sự phát triển sự nghiệp bản thân, định hướng phát triển trở thành kỹ sư CĐT chuyên nghiệp cho sinh viên.

Chính từ mục tiêu giáo dục trên, trong bản mô tả CTĐT ngành CNKT CĐT và đề cương từng học phần đều nêu rõ những kiến thức, kỹ năng, phương pháp giảng dạy và học tập để đạt được CDR [H2.02.01.01], [H2.02.01.02], [H1.01.02.07]. Để đưa ra được mục tiêu giáo dục phù hợp, khi xây dựng mục tiêu này, Trường ĐHDL, Khoa CK&DL, Bộ môn Cơ điện tử đã tổ chức lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan (người sử dụng lao động ngành CNKT CĐT và các chuyên gia trong ngành CNKT CĐT). Kết quả khảo sát cho thấy mục tiêu giáo dục của ngành CNKT CĐT được đánh giá là rõ ràng, phù hợp với nhu cầu xã hội, đào tạo người học có khả năng tự học, tự nghiên cứu, sáng tạo và biết vận dụng kiến thức để giải quyết vấn đề. Các công ty được khảo sát trực tiếp đều có nhu cầu tuyển dụng đối với sinh viên ngành CNKT CĐT, không chỉ cho vị trí kỹ sư thiết kế, vận hành máy mà còn cho các vị trí khác

nhau trong công ty, tập đoàn kinh tế như: kỹ sư quản lý chất lượng sản phẩm, kỹ sư giám sát hệ thống sản xuất. người sử dụng lao động rất hài lòng với kỹ sư ngành CNKT CĐT [H1.01.01.06], [H1.01.01.07], [H1.01.01.08].

2. Điểm mạnh

Mục tiêu giáo dục của Nhà trường được truyền tải trong các mục tiêu đào tạo ngành CNKT CĐT và được lan toả mục tiêu giáo dục tới các giảng viên bộ môn, khoa, sinh viên và các doanh nghiệp, hiệp hội nghề nghiệp và nhận được sự đồng thuận lớn.

3. Điểm tồn tại

Hình thức phổ biến mục tiêu giáo dục chưa phong phú, sinh động, hấp dẫn.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2024, các đơn vị trong Nhà trường tăng cường tuyên truyền về mục tiêu giáo dục cho cán bộ giảng viên, sinh viên và các bên liên quan khác qua các kênh truyền thông trực tiếp và gián tiếp kết hợp với nền tảng công nghệ.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt và mức điểm là 4/7.

Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng

Khoa CK&ĐL thường xuyên tổ chức các buổi Seminar, các buổi trao đổi về phương pháp giảng dạy cho phù hợp với các môn học trong CTDH để giúp sinh viên đạt được các CDR của CTĐT [H1.01.03.02]. Từ năm 2017 đến nay, Khoa CK&ĐL đã chủ động xây dựng các tổ hợp phương pháp giảng dạy phù hợp và trao đổi, thảo luận với giảng viên [H2.02.01.10].

Các phương pháp giảng dạy được sử dụng linh hoạt cho phù hợp với diện tích lớp học và đối tượng người học. Ngoài ra, Khoa CK&ĐL cũng căn cứ vào tính chất của mỗi học phần là thuần lý thuyết, chuyên đề hay thực hành thực tập để lựa chọn tổ hợp các phương pháp giảng dạy phù hợp, mang lại hiệu quả tốt nhất cho người học để đạt được các CDR của học phần. Những giờ tự học và thảo luận được thiết kế xen kẽ với các buổi giảng lý thuyết, phù hợp với mục tiêu môn học [H1.01.01.16].

Khi giảng dạy giảng viên làm rõ trọng tâm và mối quan hệ logic giữa môn này với các môn học khác. Giảng viên nêu vấn đề và hướng dẫn sinh viên giải quyết, dẫn dắt sinh viên tự đưa ra kết luận cần thiết. Ngoài ra giảng viên còn liên hệ thực tế sinh

động để làm sâu sắc thêm bài giảng, giao bài tập, chủ đề nghiên cứu cho sinh viên. Đặc biệt, thông qua cổng thông tin học tập trực tuyến, sinh viên có thể dễ dàng truy cập vào các tài liệu cần thiết để rèn luyện kỹ năng tự học, tự nghiên cứu vấn đề của mình. Ngoài ra giảng viên còn liên hệ thực tế sinh động để làm sâu sắc thêm bài giảng, giao bài tập, chủ đề nghiên cứu cho sinh viên. Đặc biệt, thông qua cổng thông tin học tập trực tuyến, các phần mềm giảng dạy trên Zoom hoặc Google Meet, sinh viên có thể dễ dàng truy cập vào các tài liệu cần thiết để rèn luyện kỹ năng tự học, tự nghiên cứu vấn đề của mình. Bên cạnh đó, Google Classroom và Google Meet là nền tảng được ứng dụng trong giảng dạy và học tập tại trường suốt thời gian 2 năm Covid. Giảng viên tạo lớp học trên Google Classroom để sinh viên tham gia nhóm lớp với tư cách là người học. Thông qua lớp học online đó, ngoài việc sử dụng các tài liệu học tập trực tuyến do giảng viên tải lên, sinh viên còn trực tiếp tham gia các lớp học trực tuyến qua Google Meet theo thời khóa biểu, đồng thời nhận bài tập và phản hồi để hoàn thành nhiệm vụ do giảng viên giao trên nhóm lớp. giảng viên thiết kế các bài kiểm tra quá trình hoặc bài tập trên Google form dưới nhiều hình thức khác nhau (Quiz, Short answer, ...) giúp phân loại và đánh giá sinh viên hợp lý. Hoạt động thi cuối kỳ được tổ chức theo hình thức vấn đáp trực tuyến hoặc báo cáo chuyên đề, tiểu luận tùy từng môn học **[H4.04.02.01]**.

Nhà trường và Khoa chuyên môn luôn tạo điều kiện để các giảng viên được tham gia các chương trình đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm để nâng cao phương pháp giảng dạy **[H4.04.02.02]**. Khoa CK&ĐL cử giảng viên tham gia các buổi hội thảo trong sử dụng công nghệ thông tin, phương pháp giảng dạy mới hay nắm bắt tâm lý giảng dạy của người học. Những tài liệu hội thảo này được chia sẻ với các giảng viên, sinh viên. Để giúp sinh viên chuyển hóa kiến thức từ lý thuyết sang thực tế, có được sự hiểu biết sâu hơn về kiến thức và biết cách vận dụng kiến thức đã học thì trong CTĐT có cấu trúc cho sinh viên đi thực tập, thực hành, thực tế tại doanh nghiệp. Từ đó, kỹ năng phân tích, đánh giá công việc của người kỹ sư trong doanh nghiệp được tăng cường, người kỹ sư ra quyết định và nâng cao quan điểm nghề nghiệp, trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ, có ý thức đảm bảo chất lượng công việc được giao **[H3.03.03.01]**.

Hàng năm, Khoa CK&ĐL đều tổ chức buổi tọa đàm “*Chào tân sinh viên*”. Trong buổi tọa đàm này, Khoa CK&ĐL mời chuyên gia về trao đổi phương pháp học tập,

định hướng nghề nghiệp ngay từ thời gian đầu nhập trường. Sự kiện này được sinh viên đón nhận tích cực để thay đổi tư duy, phương pháp học tập từ môi trường phổ thông sang môi trường đại học **[H4.04.02.04]**. Trong CTĐT ngành CNKT CĐT, sinh viên được chia sẻ về phương pháp học và nghiên cứu trong học phần Nhập môn Cơ điện tử để đảm bảo việc tiếp thu kiến thức, vận dụng các kỹ năng và có thái độ tích cực, chủ động trong học tập **[H2.02.03.06]**.

Tuy vậy, một bộ phận không nhỏ các sinh viên năm thứ nhất do chưa quen với phương pháp dạy và học mới, vẫn còn bị ảnh hưởng của lối tư duy đọc chép từ phổ thông nên vẫn thụ động trong việc tiếp nhận kiến thức và chưa tích cực trong giờ học thảo luận, làm việc nhóm. Chính vì vậy, Khoa CK&DL đã có các hoạt động hỗ trợ thông qua 2 câu lạc bộ là: Câu lạc bộ thiết kế 3D và Câu lạc bộ Autocad **[H4.04.02.05]**.

Song song với việc học tập mang tính ứng dụng, nghề nghiệp, NCKH là một phần không thiếu trong hướng dẫn sinh viên của Khoa CK&DL. Trong giai đoạn 2017-2023, sinh viên của Khoa CK&DL dưới sự hướng dẫn của giảng viên đã tham gia nhiều hoạt động NCKH như: tham gia đề tài, tham gia cuộc robotcon,... **[H4.04.02.06]**.

Bên cạnh đó, việc đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên được Nhà trường tiến hành thường xuyên và định kỳ với nhiều hình thức khác nhau như: giám sát, kiểm tra hoạt động giảng dạy và đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng giảng viên theo định kỳ hàng tháng. Kết quả đánh giá đội ngũ giảng viên tham gia đào tạo ngành CNKT CĐT luôn luôn có kết quả tốt, phản ánh đúng với thực tế giảng dạy **[H4.04.02.07]**.

2. Điểm mạnh

Khoa CK&DL, Bộ môn Cơ điện tử cùng với Nhà trường đã đổi mới toàn diện phương pháp dạy và học theo hướng phát huy tính tích cực sáng tạo của người dạy và người học nên sinh viên ngành CNKT CĐT của Nhà trường được đánh giá là năng động, sáng tạo, ham học hỏi, tính thực tiễn và thực hành nghề nghiệp tốt.

3. Điểm tồn tại

Khoa CK&DL chưa phân tích chi tiết sự phù hợp của các phương pháp dạy - học với từng học phần.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2024, Khoa CK&ĐL phân tích, đánh giá chi tiết sự phù hợp của từng phương pháp dạy - học với từng học phần nhằm đạt được CDR ở mức độ cao nhất.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt và mức điểm là 5/7.

Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học

1. Mô tả hiện trạng

Các hoạt động dạy và học, từ các giờ học lý thuyết đến các hoạt động NCKH sinh viên, các bài tập nhóm, các bài thực hành, các bài thảo luận, thực tập thực tế đều hướng tới mục tiêu hình thành khả năng phân tích và tổng hợp, khả năng nhận diện vấn đề, tư duy phản biện, rèn luyện kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng làm việc nhóm. Hoạt động học tập đa dạng giúp sinh viên hiểu được các chiến lược học tập khác nhau để có thể lựa chọn chiến lược phù hợp nhất cho từng nhiệm vụ học tập cụ thể. Hoạt động NCKH sinh viên và thực tập thực tế đòi hỏi sinh viên phải rèn luyện khả năng vận dụng kiến thức vào việc giải quyết vấn đề cụ thể. Các bài tập nhóm dưới hình thức thuyết trình rèn cho sinh viên khả năng diễn đạt kiến thức của mình cho người khác. Tổ hợp các phương pháp giảng dạy này được thể hiện chi tiết trong CTĐT ngành CNKT CĐT vào các năm 2017, 2020 và 2023 **[H1.01.01.14], [H1.01.01.15], [H1.01.01.16]**.

Trong nội dung chi tiết các học phần, hoạt động tự nghiên cứu và tự học của sinh viên được chú trọng nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời. Đối với ngành CNKT CĐT, học tập suốt đời là yêu cầu cần thiết do sự thay đổi nhanh của khoa học và công nghệ, những thay đổi trong các cuộc cách mạng công nghiệp, đặc biệt hiện nay là cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư được gọi là Công nghiệp 4.0. Công nghiệp 4.0 tập trung vào công nghệ kỹ thuật số với sự trợ giúp của kết nối thông qua Internet vạn vật, truy cập dữ liệu thời gian thực và giới thiệu các hệ thống vật lý không gian mạng. Dung lượng tiết tự học, tài liệu tham khảo (các website nghề nghiệp, phần mềm, ...), sách tham khảo quốc tế được cung cấp tương đối đầy đủ trong đề cương chi tiết làm cơ sở cho sinh viên tìm tòi, nâng cao khả năng tự học. Các bài tập lớn, bài tập cá nhân được yêu cầu trong đề cương chi tiết môn học đòi hỏi sự tổng hợp, tự học cao **[H1.01.02.06]**.

Bên cạnh đó, sinh viên ngành CNKT CĐT được khuyến khích tham gia vào nhiều hoạt động chuyên môn như tọa đàm khoa học, hội thảo khoa học, tham gia NCKH với các thầy cô. Nhiều hoạt động ngoại khóa do các đoàn thể trong trường tổ chức cũng góp phần rèn luyện tinh thần học hỏi, kỹ năng tự học, nghiên cứu và giao lưu khoa học. Khoa CK&DL cũng thường xuyên tổ chức các buổi Talkshow định hướng nghề nghiệp sinh viên, đào tạo cho sinh viên kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng mềm **[H4.04.02.04]**.

Trong toàn khóa học, sinh viên luôn luôn nhận được sự tư vấn và hỗ trợ trong hoạt động học tập từ CVHT về việc đăng ký học tập và các vấn đề các liên quan như: tư vấn cho sinh viên tham gia các hoạt động học thuật, NCKH, rèn luyện kỹ năng thu thập, xử lý thông tin, phương pháp học tập theo hình thức tín chỉ giúp sinh viên chủ động trong quá trình học tập **[H4.04.02.05]**

Trong quá trình giảng dạy, Khoa CK&DL thường xuyên mời các chuyên gia có trình độ cao, tâm huyết, về giảng dạy hoặc trao đổi khoa học, tạo một tinh thần cởi mở, phản biện và học hỏi lẫn nhau trong khoa học **[H4.04.03.01]**. Việc lấy ý kiến phản hồi của người học là công cụ hỗ trợ đắc lực giúp cho việc nâng cao chất lượng dạy và học với kết quả khảo sát là trên 70% hoàn toàn đồng ý rằng giảng viên liên hệ nội dung bài học với thực tiễn đời sống, tổ chức, hướng dẫn sinh viên về cơ hội học tập và giao lưu để phát huy khả năng bản thân **[H4.04.03.02]**.

2. Điểm mạnh

Cấu trúc các học phần trong CTĐT và tỷ lệ giữa giờ giảng lý thuyết, thảo luận, bài tập và bài tập lớn trong từng học phần giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng lập luận và giải quyết vấn đề, suy luận, thu nhận, xử lý và truyền đạt thông tin đồng thời phương pháp giảng dạy mới hiện nay coi người học là trung tâm đã khuyến khích sinh viên ham học hỏi, nâng cao khả năng học tập suốt đời. Các đề cương chi tiết hướng tới hoạt động tự nghiên cứu, tự học thông qua hệ thống tài liệu tham khảo, bài tập cá nhân, bài tập lớn.

3. Điểm tồn tại

Khoa CK&DL chưa mở rộng mạng lưới chuyên gia tham dự các buổi trò chuyện, giao lưu với sinh viên.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2024, Khoa CK&DL tăng cường hơn nữa việc kết nối, mở rộng mạng lưới, kết hợp với các tổ chức, chuyên gia trong và ngoài ngành tham dự các buổi trò chuyện, giao lưu với sinh viên để thúc đẩy tinh thần học tập và tìm hướng nghiên cứu.

5. *Tự đánh giá:* Tiêu chí đạt và mức điểm là 4/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

Tiêu chuẩn 4 có 3 tiêu chí đạt.

Nhìn chung, phương pháp tiếp cận trong dạy và học của CTĐT đúng đắn, mục tiêu được diễn đạt rõ ràng được công bố công khai, rộng rãi. Các hoạt động giảng dạy và học tập đa dạng, linh hoạt, giúp người học đạt chuẩn đầu ra. Các hoạt động học tập đa dạng như NCKH, tự học, thảo luận, thuyết trình, thực tập, thực hành, các khóa học nâng cao kỹ năng mềm còn giúp sinh viên có khả năng và tinh thần học suốt đời. Có sự tương tác hỗ trợ giữa người dạy và người học. Môi trường học cởi mở và thân thiện, tôn trọng và nâng đỡ người học.

Bên cạnh đó, vẫn còn những điểm tồn tại cần khắc phục, đó là nhiều sinh viên chưa xác định được động cơ học tập đúng đắn, còn thụ động, thiếu kỹ năng, kém ngoại ngữ. Việc đánh giá kết quả học tập còn chú trọng nhiều vào khả năng nhớ và hiểu, chưa có sự ưu tiên đánh giá khả năng tư duy phản biện, tư duy sáng tạo, kỹ năng tự học và các kỹ năng mềm khác. Hoạt động ngoại khóa, mời chuyên gia tham dự các buổi trò chuyện, giao lưu với sinh viên chưa được tổ chức thường xuyên.

Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học

Mở đầu

Để xác định mức độ kiến thức và năng lực người học đạt được so với CDR của học phần và khóa học, Khoa CK&DL phối hợp với Phòng KT&ĐBCL thực hiện đánh giá kết quả học tập của sinh viên thường xuyên trong suốt quá trình sinh viên theo học ngành CNKT CĐT. Việc đánh giá này được thực hiện một cách chuyên nghiệp, phù hợp với mức độ đạt chuẩn đầu ra trong mọi thời điểm của toàn bộ quá trình học, chú trọng đánh giá thái độ, kiến thức, năng lực thông qua các phương pháp kiểm tra đa dạng, đảm bảo độ giá trị, tin cậy, sự công bằng. Đánh giá kết quả học tập của người học là một trong những yếu tố quan trọng nhất của giáo dục đại học bởi điều này ảnh hưởng sâu sắc đến việc học tập và hoạch định kế hoạch nghề nghiệp của người học. Qua đó, người học được thông tin một cách minh bạch về các quy định đánh giá, được

phản hồi kịp thời kết quả học tập, tiếp cận dễ dàng với các quy trình khiếu nại để chủ động lên kế hoạch và điều chỉnh kế hoạch học tập một cách phù hợp.

Tiêu chí 5.1: Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng

Trên cơ sở Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H5.05.01.01] về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ; Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học [H5.05.01.02]. Nhà trường đã ban hành chương trình giáo dục theo tín chỉ dùng cho các chuyên ngành đào tạo trình độ đại học [H1.01.01.01] và quy chế đào tạo hệ Đại học chính quy theo hình thức tín chỉ [H5.05.01.03] trong đó có những quy định về điều kiện, các tiêu chí đánh giá, cách tính điểm và xếp loại theo kết quả học tập của người học để đạt được CĐR CTĐT trình độ đại học đã ban hành.

Trường ĐHĐL cũng đã ban hành CĐR của chương trình đào tạo trình độ Đại học ngành CNKT CĐT vào các năm 2017, 2020 và 2023 [H1.01.01.02], [H1.01.01.03], [H1.01.01.04]. Để người học đạt được những CĐR này Nhà trường đã triển khai nhiều hoạt động kiểm tra đánh giá người học. Theo đó, trong đề cương chi tiết của các học phần được thiết kế có các phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp để đạt được CĐR [H1.01.02.06].

Trong các quyết định của Trường ĐHĐL Quy định tổ chức đánh giá kết quả học tập các học phần tại trường Đại học điện lực [H5.05.01.04] có quy định việc xây dựng ngân hàng đề thi phải đảm bảo các CĐR thông qua các cấp độ câu hỏi khó, trung bình, dễ khác nhau. Đối với các môn thi trắc nghiệm thì dải câu hỏi trải đều từ 150-200 câu/tín chỉ đảm bảo các CĐR được đánh giá một cách đúng và chính xác nhất. Đồng thời việc xây dựng ngân hàng được trải qua 8 bước để đảm bảo chất lượng của mỗi bộ đề được đưa ra. Cùng với đó là các hướng dẫn trên trang website <https://sinhvien.epu.edu.vn> hướng dẫn thực hiện quy trình đánh giá, kiểm tra [H5.05.01.05]. Mỗi SV khi nhập trường đều được phát 1 cuốn sổ tay SV trong đó có nêu rõ hình thức kiểm tra đánh giá, cách tính điểm, xếp loại [H2.02.03.04].

Bên cạnh đó, phần đánh giá kết quả học tập còn được trình bày ở ĐCCT các

học phần, trong bản mô tả chương trình đào tạo và thông tin rộng rãi tới giảng viên, sinh viên **[H2.02.01.01], [H2.02.01.02], [H1.01.02.07]**. Theo đó mỗi sinh viên có thể tự theo dõi và đánh giá KQHT của mình với từng học phần và tương ứng các mức cần đạt được. Để hướng dẫn các giảng viên thiết kế các phương pháp và công cụ kiểm tra, đánh giá phù hợp với đạt được CDR từng môn học, Khoa CK&ĐL đã có những buổi Seminar về phương pháp kiểm tra, đánh giá giữa các giảng viên trong bộ môn, trong khoa. Tài liệu hướng dẫn được tập hợp theo nhiều nguồn như cách xây dựng câu hỏi trắc nghiệm khách quan, cách xây dựng bài tập lớn và cách đánh giá bài kiểm tra đối với sinh viên. Qua đó lựa chọn và thống nhất hình thức đánh giá phù hợp nhất cho môn học **[H5.05.01.06]**. Đối với các học phần có CDR cần tập trung đánh giá kiến thức thì sẽ được tổ chức thi bằng hình thức thi tự luận, vấn đáp hoặc trắc nghiệm. Đối với các học phần có CDR cần tập trung đánh giá về năng lực thì được tổ chức thi bằng hình thức tiểu luận, báo cáo chuyên đề, đối với các học phần có CDR tập trung đánh giá về kỹ năng thì được tổ chức thi bằng hình thức thi Kiểm tra. Các hình thức thi kết thúc học phần của CTĐT ngành CNKT CĐT đã được thiết kế đa dạng với nhiều hình thức khác nhau: tự luận, trắc nghiệm trên máy tính, kiểm tra, báo cáo chuyên đề, tiểu luận, vấn đáp,... **[H2.02.01.10]**

Từ năm 2017, Nhà trường đã có qui định về CDR tiếng Anh cho sinh viên đại học chính qui. Theo đó, nhà trường đưa ra kế hoạch kiểm tra và phân loại trình độ ngoại ngữ của sinh viên nhằm giúp sinh viên hoàn thành CDR về ngoại ngữ. Chính vì vậy, sinh viên nhập trường sẽ phải kiểm tra phân loại trình độ ngoại ngữ đầu vào, trên cơ sở đó phân loại trình độ và cấp học cho sinh viên **[H5.05.01.07]**. Nhà trường cũng đã có đề án đánh giá năng lực tiếng Anh B1 chứng nhận năng lực tiếng Anh bậc 3/6 trong khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam, chứng chỉ tiếng Anh B1 được cấp cho sinh viên và học viên thi đạt chuẩn của trường ĐHĐL nhằm hỗ trợ cho việc hoàn thành CDR tiếng Anh của sinh viên khi tốt nghiệp. **[H5.05.01.05]**.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có kế hoạch đánh giá KQHT của người học trong suốt quá trình học tập. Việc thực hiện đánh giá được công bố và có những đánh giá, phản hồi giữa Phòng KT&ĐBCL và Khoa được thực hiện kịp thời cho sinh viên.

3. Điểm tồn tại

Chưa có công cụ để phân tích mức độ phù hợp ngân hàng đề thi để đo lường

CĐR các học phần trong CTĐT.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2024, Phòng KT&ĐBCL và Khoa CK&ĐL tìm hiểu công cụ phân tích mức độ phù hợp của ngân hàng đề thi với CĐR ngành CNKT CĐT.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí 4/7

Tiêu chí 5.2: Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHĐL đã ban hành quy chế đào tạo Đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ [H5.05.01.03] và qui định về quy trình tổ chức thi kết thúc học phần [H5.05.01.04], cùng với đó là quy định cụ thể thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan trong các kỳ thi, Nhà trường đều có hướng dẫn trong Chương 3 Quy định tạm thời về đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ở Trường ĐHĐL ban hành theo Quyết định số 1130/QĐ-ĐHĐL, ngày 21/8/2017 [H5.05.02.01]. Ngoài ra, Nhà trường cũng đã ban hành Quy trình in sao đề thi, giao nhận túi bài thi, làm phách, tổ chức chấm thi, rút bài chấm phúc khảo [H5.05.02.02]. Các quy định này đều được công khai và hướng dẫn trên website [https:// ktdbcl.epu.edu.vn](https://ktdbcl.epu.edu.vn) và được phổ biến trong cuốn Sổ tay sinh viên [H2.02.03.04]

Cách thức tính điểm học phần được quy định trong Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường ĐHĐL, sau đó sẽ tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy, từ đó xếp loại kết quả học tập cho sinh viên theo 2 loại đạt và không đạt. Hệ thống điểm đánh giá bao gồm: Điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá phần thực hành; điểm chuyên cần; điểm thi giữa học phần; điểm tiểu luận, báo cáo chuyên đề và điểm thi kết thúc học phần có trọng số 70% [H2.02.03.06].

Công tác ra đề thi luôn đảm bảo bám sát nội dung kiến thức đã học, có khả năng đánh giá được trình độ của người học. Nhà trường đã ban hành quy chế xây dựng ngân hàng đề thi, ra đề thi và tổ chức thi trắc nghiệm trên máy tính, trong đó nêu rõ: Ngân hàng câu hỏi phục vụ thi trắc nghiệm: các câu hỏi trắc nghiệm cần có đủ 4 phương án

lựa chọn trong đó có duy nhất một phương án đúng, số lượng câu hỏi từ 150 đến 200 câu/đơn vị tín chỉ; ngân hàng câu hỏi đề thi phục vụ thi tự luận: câu hỏi/bài tập bao gồm cả đáp án và biểu điểm chi tiết, điểm mỗi câu được chia nhỏ thành điểm của các ý, chi tiết đến 0,25 điểm cho mỗi ý, số lượng câu hỏi tối thiểu 30 câu hỏi/tín chỉ **[H5.05.01.04], [H3.03.02.05], [H5.05.02.03]**.

Trường Khoa chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng trong việc chỉ đạo, hướng dẫn giảng viên phụ trách môn học trực thuộc Khoa/Bộ môn biên soạn ngân hàng đề thi, đáp án, thang điểm dưới sự giám sát về mặt chuyên môn của Phụ trách Bộ môn học. Phụ trách Bộ môn trực tiếp chỉ đạo hoặc chỉ định người đánh máy vi tính, mã hóa, in, niêm phong, bảo quản và bảo mật ngân hàng đề thi trước khi bàn giao cho Phòng KT&ĐBCL. Việc tổ chức kiểm tra đánh giá, chấm điểm đều được thực hiện thống nhất với tất cả các học phần và tuân thủ văn bản quy định về phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá **[H5.05.01.04]**. Toàn bộ hoạt động thi, đánh giá kết quả học tập của toàn trường do Phòng KT&ĐBCL theo dõi và thường xuyên có các báo cáo tổng kết công tác ra đề, tổ chức kiểm tra đánh giá trong báo cáo tổng kết đánh giá hàng năm của Phòng KT&ĐBCL **[H5.05.02.04]**.

Kết quả học tập của người học được đánh giá theo quá trình bao gồm điểm đánh giá do giảng viên trực tiếp đánh giá và điểm thi kết thúc học phần, qui định rõ trong ĐCCT các học phần **[H1.01.02.06]**. Sinh viên được tổ chức thi tập trung vào cuối mỗi học kỳ, sau khi đã có kết quả thi kết thúc học phần (muộn nhất là 05 ngày kể từ ngày thi) người học sẽ biết được kết quả học tập của từng học phần đã đăng ký học theo quy định về việc ban hành tổ chức thi kết thúc học kỳ và được công bố trên tài khoản của từng sinh viên **[H5.05.02.05]**. Mọi quy định, quy chế phản hồi về đánh giá kết quả học tập sinh viên tuy được công bố trên website <https://egov.epu.edu.vn> cho cán bộ giảng viên nhưng chưa được công khai trên trang website <https://mpe.epu.edu.vn>, và <http://sinhvien.epu.edu.vn> nên sinh viên khó tiếp cận trong việc tra cứu các qui định, hướng dẫn liên quan.

Trong thời gian dịch bệnh Covid, công tác tổ chức thi vẫn được thực hiện theo các qui trình nghiêm ngặt; theo đó, hình thức thi được thay đổi từ tự luận/trắc nghiệm trên máy tính sang thi vấn đáp/báo cáo chuyên đề/tiểu luận. Đối với ca thi vấn đáp, giảng viên sẽ nộp đề về phòng KT&ĐBCL mỗi kỳ thi theo số lượng được yêu cầu, trước các ca thi phòng KT&ĐBCL tiến hành rút đề ngẫu nhiên và giao về khoa tổ chức

hội thi theo qui định. Đối với hình thức báo cáo chuyên đề / tiểu luận, giảng viên phụ trách chủ động giao nhiệm vụ và thực hiện chấm báo cáo theo qui định [H5.05.02.03].

2. Điểm mạnh

Các quy định về đánh giá KQHT của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trong số và cơ chế) đầy đủ, rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.

3. Điểm tồn tại

Việc tra cứu các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học còn chưa thuận tiện, dễ dàng.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2024, Phòng KT&ĐBCL cùng các phòng ban chức năng ứng dụng công nghệ thông tin trong hỗ trợ người học tra cứu các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí 5/7.

Tiêu chí 5.3: Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng

1. Mô tả hiện trạng

Các học phần trong CTĐT ngành CNKT CĐT sử dụng chủ yếu tổ hợp phương pháp đánh giá kết quả học tập cho hai đầu điểm là Kiểm tra giữa kỳ với các phương pháp đánh giá như: Tự luận, bài tập lớn, trắc nghiệm,... mà trong đó hình thức tự luận là chiếm chủ yếu; Thi kết thúc học phần với các phương pháp đánh giá như: Tự luận, trắc nghiệm, kiểm tra,... trong đó các môn học thực hành hình thức đánh giá là kiểm tra còn các môn học lý thuyết hình thức trắc nghiệm chiếm tỉ lệ lớn trong CTĐT [H1.01.02.06]. Tỷ lệ các phương pháp thi kết thúc học phần được mô tả như trên Bảng 5.

Bảng 5: Thống kê phương pháp kiểm tra, đánh giá cập nhật năm học 2023-2024

Phương pháp kiểm tra đánh giá kết thúc học phần								
	Tiểu luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Báo cáo chuyên đề	Vấn đáp	Kiểm tra	Thực hành	Tổng
Số môn học	5	28	12	1	3	3	6	58

Bắt đầu từ năm học 2017- 2018, Khoa CK&ĐL đã chuyển đổi hình thức thi cuối các học phần từ tự luận sang trắc nghiệm [H5.05.03.01], [H5.05.03.02] nhưng

vẫn thỏa mãn các CDR của các học phần. Một số học phần đã được đánh giá trực tiếp trên hệ thống máy tính của Nhà trường như: Phần mềm công nghiệp, Truyền động thủy lực khí nén, công nghệ CNC,... Một số học phần được đánh giá thông qua các bài kiểm tra trực tiếp trên các máy móc hoặc các phần mềm công nghiệp để đánh giá về kỹ năng. Ngoài ra đối với các học phần có sự tham gia của các doanh nghiệp trong CTĐT như: thực tập, thực hành,... thì việc đánh giá còn được phản ánh từ phía Doanh nghiệp, Điều này thể hiện tính nghiêm túc, công bằng trong đánh giá kết quả học tập và tích hợp đánh giá của người sử dụng lao động đối với kết quả học tập **[H5.05.03.03]**. Quá trình kiểm tra được tiến hành nghiêm túc, đảm bảo về độ tin cậy của đề thi, điểm thi trước khi công bố cho sinh viên và nhận được kết quả phản hồi tích cực về tính khách quan, chính xác cho kết quả kiểm tra, đánh giá **[H5.05.03.04]**.

Việc đánh giá kết quả học tập nằm trong chủ trương của Nhà trường nhằm đánh giá khả năng đạt CDR của người học, có quy định rõ ràng. Quyết định 633/QĐ-ĐHDL ngày 23/5/2022 về việc tổ chức đánh giá kết quả học tập các học phần của trường Đại học Điện lực đưa ra các bước tiến hành tổ chức ra đề và đánh giá đề thi chi tiết thông qua 8 bước chính **[H5.05.03.05]**. Việc ra đề, chấm thi và bảo quản bài thi cũng được quy định rõ ràng trong quyết định để đảm bảo tính khách quan, trung thực và đánh giá chuẩn xác kết quả học tập của mỗi sinh viên. Hiệu trưởng quy định về việc bảo quản các bài thi, quy trình chấm thi và lưu trữ các bài thi sau khi chấm. Thời gian lưu giữ các bài thi viết, tiểu luận, bài tập lớn ít nhất là hai năm, kể từ ngày thi hoặc ngày nộp tiểu luận, bài tập lớn. Thi vấn đáp kết thúc học phần phải do hai giảng viên thực hiện. Điểm thi vấn đáp được công bố công khai sau mỗi buổi thi. Trong trường hợp hai giảng viên chấm thi không thống nhất được điểm chấm thi các giảng viên chấm thi trình trưởng bộ môn hoặc trưởng Khoa quyết định **[H5.05.01.04]**.

Còn đối với cấu trúc đề thi cuối kỳ được quy định chi tiết tại QĐ số 633 năm 2022 của Trường ĐHDL để đảm bảo quyền lợi cũng như khả năng bao quát các phổ điểm đánh giá đúng năng lực của sinh viên **[H5.05.03.05]**. Đồng thời, hằng năm các khoa và bộ môn phải lập kế hoạch rà soát câu hỏi trong ngân hàng đề thi để đảm bảo phù hợp với nội dung học phần, đảm bảo đánh giá được CDR và yêu cầu năng lực của học phần và đảm bảo đạt đủ số lượng câu hỏi theo quy định **[H5.05.03.06]** sau đó đề xuất phương án xây dựng ngân hàng đề thi với Nhà trường **[H5.05.03.07]** và phân công nhiệm vụ biên soạn đến các giảng viên chuyên trách **[H5.05.03.08]**.

Hàng năm khi sinh viên đi thực tập đều nhận được những phản hồi tốt của đơn vị thực tập, nhà tuyển dụng thông qua phiếu đánh giá nhận xét thực tập cũng như khảo sát ý kiến người tuyển dụng về chương trình đào tạo cũng như chất lượng sinh viên khi ra trường.

2. Điểm mạnh

Việc thực hiện các phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp với đặc thù ngành CNKT CĐT giúp kiểm tra chính xác CDR hay đánh giá trong thực hành thực tế giúp sinh viên có được kết quả công bằng, khách quan và chính xác.

3. Điểm tồn tại

Trường ĐHĐL chưa thực hiện phân tích kết quả bài thi giữa các khoá, các lớp sinh viên ngành CNKT CĐT trong cùng một học phần để có những điều chỉnh phù hợp.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2024, Khoa CK&ĐL sẽ phối hợp với Phòng KT & ĐBCL rà soát, đánh giá ngân hàng đề ngành CNKT CĐT thông qua phân tích kết quả thi từng học phần để có những điều chỉnh phù hợp CTĐT, bộ đề thi.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt yêu cầu và điểm đạt 5/7.

Tiêu chí 5.4: Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường có các quy định về việc phản hồi kết quả đánh giá của người học được thể hiện rõ trong quyết định số 194/QĐ-ĐHĐL ban hành ngày 7/3/2014 [H5.05.04.01]; quyết định số 633/QĐ-ĐHĐL ngày 23 tháng 5 năm 2022 [H5.05.03.05]. Năm 2011, Nhà trường thành lập phòng KT&ĐBCL [H5.05.04.02], với nhiệm vụ xây dựng các văn bản hướng dẫn quy trình công tác khảo thí theo quy định của Bộ GD&ĐT; chủ trì và phối hợp với các đơn vị trong trường xây dựng quy trình kiểm tra, tổ chức thi hết học phần; quản lý lưu trữ bảo mật đề thi, bài thi; công bố kết quả thi cho người học...

Trường ĐHĐL đã ban hành các văn bản hướng dẫn, quy định về công tác thi kết thúc học phần [H5.05.01.04]. Để triển khai công tác tổ chức thi nói chung theo một quy trình thống nhất, Trường ĐHĐL đã ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý và

thực hiện tất cả các khâu của hoạt động trong công tác tổ chức thi. Kết quả đánh giá thường xuyên được giảng viên giảng dạy trực tiếp nhập vào hệ thống phần mềm quản lý thi và thông báo tới sinh viên ngay khi có kết quả thi, kiểm tra; kết quả thi được hệ thống tự động tổng hợp từ kết quả chấm thi của giảng viên và thông báo công khai tới từng tài khoản sinh viên. Sinh viên có thể tra cứu kết quả học tập của mình tại trang cá nhân theo địa chỉ <http://svdbcl.epu.edu.vn> hoặc <http://sinhvien.epu.edu.vn>

[H5.05.04.03]. Như vậy, các quy định về phản hồi kết quả đánh giá được công bố công khai, kịp thời đến giảng viên và sinh viên.

Nhờ việc ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý quá trình tổ chức thi, kiểm tra, hệ thống tự động đưa ra các cảnh báo về thời gian, tiến độ thực hiện nhiệm vụ của các thành viên, do đó việc thông báo kết quả tới người học luôn kịp thời và đúng quy định của Trường ĐHDL. Người học có thể tra cứu kết quả học tập từ nhiều nguồn. Các vấn đề phản hồi kết quả đánh giá về điểm quá trình, điểm thi kết thúc học phần được quy định và có biểu mẫu thực hiện. Các phản hồi như phúc khảo điểm thi đều được có sự rà soát của Ban Lãnh đạo Khoa và được công bố cho sinh viên. Một số ít sinh viên có kiến nghị về kết quả học tập đã được Nhà trường giải quyết theo đúng thủ tục quy định, đảm bảo quyền lợi của sinh viên. Việc chấm thi phúc tra được tiến hành bởi hai thầy cô độc lập, đảm bảo tính công bằng trong mọi trường hợp **[H5.05.04.01]**. Sự phản hồi kết quả học tập của sinh viên, đánh giá tổng hợp hoạt động học tập được Phòng KT&ĐBCL phối hợp cùng Khoa CK&ĐL để có những bước cải thiện. Qua kết quả khảo sát cho thấy tỷ lệ hài lòng về phản hồi kết quả đánh giá người học của sinh viên có tỷ lệ cao **[H5.05.03.04]**.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã có đầy đủ các hệ thống văn bản liên quan đến phản hồi đánh giá kết quả học tập của người học. Khoa CK&ĐL đã quan tâm, kết hợp chặt chẽ với Phòng KT&ĐBCL trong việc đánh giá phản hồi của người học và thông tin tới người học một cách kịp thời.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa khai thác hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin trong tiếp nhận kết quả đánh giá của người học.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2024, Phòng KT & ĐBCL và TTCNTT tăng cường ứng dụng thông tin

trong việc tiếp nhận kết quả đánh giá kịp thời.

5. *Tự đánh giá*: Tiêu chí đạt yêu cầu và điểm là 4/7.

Tiêu chí 5.5: Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập

1. Mô tả hiện trạng

Quy định về việc giải quyết khiếu nại của người học về kết quả học tập được ghi tại Điều 26 Quy định tạm thời đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ở Trường ĐHĐL ban hành kèm theo Quyết định số 1130/QĐ-ĐHĐL và được công bố công khai trên website www.ktdbcl.epu.edu.vn, sinhvien.epu.edu.vn để toàn bộ GV, người học đều hiểu rõ, dễ dàng tiếp cận **[H5.05.02.01]**.

Đối với hoạt động học tập, người học sẽ được đánh giá quá trình học và bài thi kết thúc học phần. Trong đó cụ thể việc khiếu nại được thực hiện như sau:

(i) Đối với điểm đánh giá quá trình học tập sẽ được giảng viên công bố vào buổi học cuối cùng. Nếu sinh viên có khiếu nại thì sẽ được giảng viên giải quyết ngay trong buổi học đó.

(ii) Đối với điểm bài thi kết thúc học phần, sau khi thi kết thúc học phần 5 ngày, người học có thể xem kết quả thi của mình trên hệ thống phần mềm quản lý thi PMT-EMS. Người học có thể nộp đơn phúc tra online về kết quả thi của mình nếu thấy có sai sót. Người học được phép nộp đơn phúc tra trong khoảng 3 ngày tính từ thời gian công bố điểm.

Trên cơ sở các quy định liên quan đến quá trình đào tạo và tổ chức hoạt động dạy và học, rèn luyện, chế độ chính sách đã được Nhà trường, Khoa CK&ĐL phổ biến tới sinh viên trong tuần lễ định hướng đầu khóa học và đề cập trong Những điều sinh viên cần biết trong sổ tay sinh viên trong đó có đủ các thông tin cụ thể và rõ ràng về lộ trình học tập cũng như các quy định, quy chế cần thiết liên quan đến quá trình học như: Điều kiện tốt nghiệp, cách tính điểm đánh giá thành phần, cách tính điểm học phần, hệ thống điểm số, điểm chữ và cách quy đổi, cách tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy trong môn học “Nhập môn Cơ điện tử” **[H2.02.03.06]**.

Các quy trình về đào tạo, tổ chức thi kiểm tra; các hướng dẫn và quy trình đánh giá quá trình rèn luyện của sinh viên với các tiêu chí đánh giá cụ thể và các hướng dẫn về quyền khiếu nại kết quả học tập, ... cũng được thông báo cho sinh viên từ đầu khóa

học. Tại buổi học đầu tiên của học phần, giảng viên giảng dạy có trách nhiệm thông báo chi tiết đến sinh viên những nội dung như: tên học phần, số tín chỉ, nội dung học tập, đề cương chi tiết, hình thức điểm danh, hình thức và những tiêu chí đánh giá kết quả học tập như số lượng bài kiểm tra, số lượng bài tập về nhà (nếu có), bài thảo luận nhóm, các tiêu chí đánh giá sẽ áp dụng trong học phần đó. Cuối học phần, giảng viên sẽ thông báo cho sinh viên kết quả đánh giá điểm thành phần để sinh viên chủ động có kế hoạch cải thiện kết quả học thông qua bài thi kết thúc học phần chủ động lên kế hoạch đăng ký học lại; học bổ sung các học phần không được dự thi hoặc chưa học. Ngoài ra, sinh viên còn có các buổi họp lớp hành chính chính thức, mỗi tháng đều có ít nhất 01 buổi họp hành chính chính thức với CVHT. CVHT là người sát sao với sinh viên để theo dõi sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện và có những hỗ trợ sinh viên đạt được mục tiêu học tập của mình. Thêm vào đó, sinh viên có thể hỏi về các thủ tục cũng như các quy định về khiếu nại hoặc thắc mắc về kết quả học tập qua Thư ký khoa, CVHT, ban chủ nhiệm khoa. Các kênh khiếu nại và địa điểm tiếp cận dễ dàng, đa dạng. Phòng công tác sinh viên có trách nhiệm tiếp nhận thông tin kết quả giải quyết các khiếu nại, phàn nàn của sinh viên.

Việc phổ biến các quy định, quy trình về khiếu nại kết quả học tập được công bố trên website quản lý người học và phòng khảo thí và đảm bảo chất lượng để sinh viên nắm bắt trước mỗi học kỳ **[H5.05.05.01], [H5.05.05.02]**. Theo số liệu thống kê, số người học khiếu nại về kết quả học tập và được giải quyết kịp thời, thỏa đáng **[H5.05.03.04]**.

2. Điểm mạnh

Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập đảm bảo công bằng cho sinh viên.

3. Điểm tồn tại

Một số sinh viên chưa nắm rõ các quy định trong công tác khiếu nại về KQHT nên chưa thực hiện phúc khảo điểm kịp thời theo quy định.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2024, Phòng KT&ĐBCL cùng các đơn vị trong trường tăng cường tuyên truyền phổ biến về quy trình đánh giá KQHT.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt yêu cầu và điểm là 4/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

Mặc dù còn một số tồn tại như đã nêu, nhìn chung, việc đánh giá kết quả học tập của người học ở Khoa CK&ĐL được thực hiện một cách công bằng, khách quan theo các hướng dẫn của Trường ĐHĐL để đảm bảo tính rõ ràng, công khai của quy trình. Khoa CK&ĐL luôn tập trung sâu vào đánh giá kiến thức, kỹ năng của người học thông qua các kỳ thi cử, kiểm tra, đặc biệt trong việc đo lường được mức độ đạt được chuẩn đầu ra, đa dạng hóa các phương thức đánh giá, phản hồi đến người học để người học xác định và điều chỉnh kế hoạch học tập.

Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Mở đầu

Trường ĐHĐL công bố mục tiêu giáo dục mới nhất trong Quyết định số 774/QĐ-ĐHĐL ngày 30 tháng 5 năm 2023 về việc công bố Sứ mạng, Tầm nhìn, Giá trị cốt lõi, Mục tiêu và Triết lý giáo dục: *“Trở thành trường đại học theo ứng dụng hàng đầu Việt Nam, theo mô hình tự chủ toàn diện, hội nhập với nền giáo dục tiên tiến khu vực và quốc tế. Người học được đào tạo toàn diện, đáp ứng tốt yêu cầu của thị trường lao động, có khả năng học tập suốt đời, có năng lực sáng tạo và khởi nghiệp. Kết quả nghiên cứu khoa học đáp ứng tốt yêu cầu thực tiễn, góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.”* [H1.01.01.11]. Với mục tiêu hướng tới đào tạo sinh viên trở thành những kỹ sư, cử nhân có phẩm chất chính trị, đạo đức, có kiến thức và năng lực thực hành nghề nghiệp tương xứng với trình độ đào tạo, có sức khỏe, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo và tiến hành NCKH và phát triển công nghệ, kết hợp đào tạo với NCKH và sản xuất, dịch vụ khoa học và công nghệ. Do đó, đội ngũ giảng viên có vai trò then chốt, quyết định việc thực hiện thành công của hoạt động đào tạo nói chung và thực hiện cho bất kỳ một chương trình đào tạo nào của Trường ĐHĐL. Chính vì thế, việc xây dựng đội ngũ giảng viên đủ về số lượng, có trình độ chuyên môn cao, có phẩm chất đạo đức và tư cách nhà giáo, có sức khỏe tốt và yêu nghề là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Trường ĐHĐL, các khoa đào tạo chuyên ngành nói chung và cụ thể là Khoa CK&ĐL nói riêng. Trong mục 3.1.7 ở Quyết định công bố Chiến lược phát triển trường ĐHĐL giai đoạn 2010-2015 đã nêu rõ quan điểm xây dựng đội ngũ giảng viên trình độ cao với chính sách tuyển dụng là: mỗi năm tiếp nhận từ 6 đến 9 tiến sĩ. [H1.01.01.09].

Trong những năm qua, Trường ĐHĐL và Khoa CK&ĐL đã xây dựng và triển

khai thực hiện các kế hoạch tuyển dụng, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ giảng viên và nhân viên; quy hoạch bổ nhiệm cán bộ quản lý trong từng năm học phù hợp với điều kiện cụ thể của Trường ĐHĐL và Khoa. Quy trình, tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm rõ ràng, công khai, minh bạch, dân chủ, công bằng. Kết quả tuyển dụng, bổ nhiệm cho thấy các cán bộ quản lý và giảng viên Khoa CK&ĐL đều có phẩm chất đạo đức tốt, năng lực quản lý chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng đáp ứng và hoàn thành nhiệm vụ được giao. Nhằm nâng cao năng lực quản lý, nghiệp vụ chuyên môn của các cán bộ quản lý và giảng viên, Trường ĐHĐL và Khoa CK&ĐL đã có những chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên tham gia học tập, nghiên cứu nâng cao trong nước và ngoài nước, đồng thời có những biện pháp tích cực để thu hút, tuyển dụng cán bộ quản lý, giảng viên có trình độ cao. Đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên Khoa CK&ĐL đủ về số lượng và chất lượng để đáp ứng yêu cầu hoạt động của Trường.

Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Việc phát triển đội ngũ GV, NCV để đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH luôn được Nhà trường chú trọng thực hiện. Điều này được thể hiện rất rõ trong chiến lược phát triển Trường qua các giai đoạn hội [H1.01.01.09] ÷ [H1.01.01.11], trong các chính sách thu hút [H6.06.01.01], [H6.06.01.02], [H6.06.01.03], chính sách bổ nhiệm [H6.06.01.04]÷[H6.06.01.11],...Ngoài ra, để đáp ứng nhu cầu đào tạo và NCKH trong giai đoạn tiếp theo Nhà trường đã đề ra chiến lược phát triển đội ngũ giảng viên có trình độ TS phải đạt mức tối thiểu 40% trong những năm tới [H1.01.01.11]. Để đạt được mục tiêu này, Nhà trường có các chế độ thu hút đặc biệt đối với người có trình độ cao. Ngoài mức lương cứng theo quy định, mỗi tháng GV có trình độ TS trở lên có thu nhập tăng thêm từ 4,5 triệu đến gần 10 triệu, tùy thuộc vào mức độ hoàn thành công việc trong giảng dạy và NCKH [H6.06.01.12], [H6.06.01.13]. Đây cũng là một động lực lớn để các GV tích cực học tập nâng cao trình độ. Ngoài ra, để tận dụng năng lực và trình độ chuyên môn của các cán bộ có trình độ cao, Nhà trường thực hiện đa dạng hóa các nguồn tuyển dụng, trong đó chiến lược “Ký hợp đồng chuyên gia với

những viên chức có trình độ chuyên môn cao đã nghỉ chế độ hưu trí nhưng vẫn đủ sức khỏe để tham gia công tác giảng dạy, phát triển ngành nghề đào tạo và nghiên cứu khoa học” **[H1.01.01.10]**. Hiệu quả từ việc thực hiện các chiến lược trên đã mang lại cho Trường ĐHĐL nhiều kết quả tương xứng: Quy mô đào tạo giữ mức ổn định khoảng 12.000 đến 15.000 sinh viên chính quy; Số công trình công bố hàng năm ngày càng tăng với tỷ lệ công bố quốc tế (ISI, SCOPUS) tăng nhanh trong những năm gần đây. Trong đó, Khoa CK&ĐL là một trong những khoa luôn hoàn thành chỉ tiêu tuyển sinh cũng như NCKH **[H6.06.01.14]**.

Quy chế Tổ chức và hoạt động của trường ĐHĐL quy định rõ cán bộ giữ chức vụ quản lý (trưởng khoa, phó trưởng khoa), việc quy hoạch đều được Nhà trường thực hiện với các tiêu chí cụ thể: “Trưởng khoa phải có trình độ tiến sĩ phù hợp với ngành, chuyên ngành đào tạo...”, “Phó trưởng khoa phải có trình độ thạc sĩ trở lên, riêng phó trưởng khoa phụ trách đào tạo, khoa học và công nghệ phải có trình độ tiến sĩ...” **[H6.06.01.06]**. Ngoài ra Đề án vị trí việc làm của Trường cũng là cơ sở để cơ cấu viên chức, giảng viên cũng như tuyển dụng **[H6.06.01.15], [H6.06.01.16]**.

Với mục tiêu xây dựng đội ngũ cán bộ, giảng viên đủ về số lượng và chất lượng đáp ứng được các tiêu chuẩn của một trường đại học, Lãnh đạo Khoa CK&ĐL luôn quan tâm, triển khai thực hiện thu hút các đối tượng đủ điều kiện và bồi dưỡng các giảng viên trẻ. Khoa luôn khuyến khích các Giảng viên tham gia vào các lớp học bồi dưỡng nâng cao đạo đức và nghiệp vụ nhà giáo theo kế hoạch hàng năm của Nhà trường **[H4.04.02.02]**. Tính đến 11/2023, tổng số cán bộ giảng viên của Khoa CK&ĐL là 31 cán bộ giảng viên (gồm 30 giảng viên và 01 thư ký-giáo vụ khoa), trong đó có 05 PGS, 15 TS và 10 cán bộ giảng viên có trình độ thạc sĩ **[H6.06.01.17]**. Với mục tiêu Chiến lược của Khoa là tăng học vị tiến sĩ để nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên, đưa ra những chương trình đào tạo tích hợp quốc tế hiệu quả đáp ứng tốt hơn nhu cầu đào tạo sinh viên và công tác NCKH. Số lượng giảng viên ngành CNKT CĐT là 14 giảng viên, tất cả các giảng viên có trình độ từ thạc sĩ trở lên.

Hàng năm, căn cứ vào quy mô sinh viên tuyển sinh của ngành CNKT CĐT mà Khoa làm bản kế hoạch nhu cầu nhân sự gửi Phòng Tổ chức cán bộ. Căn cứ vào nhu cầu nhân sự của Khoa gửi lên, Trường ĐHĐL xây dựng kế hoạch tuyển dụng, bổ sung nhân lực hàng năm trong đó xác định rõ yêu cầu và vị trí tuyển dụng theo quy chế và quy định của nhà trường **[H6.06.01.18], [H6.06.01.19]**. Dựa vào kế hoạch tuyển dụng,

Phòng TCCB triển khai công tác tuyển dụng theo đúng quy trình. Thông tin về tuyển dụng được công khai trên trang thông tin điện tử của Trường, gửi email về cho các phòng ban và Khoa chuyên ngành và công khai một số phương tiện thông tin đại chúng; mọi thông tin liên quan đến chỉ tiêu, điều kiện dự tuyển, hồ sơ dự tuyển... đều được thể hiện rõ ràng, minh bạch trong thông báo tuyển dụng **[H6.06.01.21]**.

Công tác bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp đối với các trường hợp hết tập sự, chuyển ngạch được thực hiện đúng quy trình. Công tác bổ nhiệm cán bộ quản lý Khoa CK&DL được thực hiện dựa trên năng lực và thành tích trong công tác đào tạo, NCKH nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác đào tạo cũng như đẩy mạnh các hoạt động NCKH của Nhà trường. Quy trình bổ nhiệm cán bộ quản lý các Khoa đều thực hiện công khai, đảm bảo đúng tiêu chuẩn và quy trình theo quy định của Nhà nước và Bộ Công Thương. Nhằm xây dựng nguồn cán bộ kế cận đồng bộ, đảm bảo số lượng và chất lượng, đáp ứng được yêu cầu đổi mới, xây dựng và phát triển của Nhà trường, Trường ĐHDL cũng đã thực hiện công tác quy hoạch cán bộ các giai đoạn và tiến hành rà soát, bổ sung hàng năm và cử đi học phát triển đội ngũ **[H6.06.01.22]**.

Việc xét hết hạn hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, nghỉ chế độ của giảng viên được thực hiện nghiêm túc và đúng kế hoạch. Việc chấm dứt, gia hạn hợp đồng hoặc nghỉ chế độ đều được Nhà trường thông báo trước tới Khoa và đương sự. Đối với cán bộ giảng viên sắp nghỉ hưu, giảng viên sẽ được thông báo 2 lần (thời hạn 6 tháng trước khi nghỉ hưu và thời hạn 3 tháng trước nghỉ hưu) **[H6.06.01.23]**. Tuy nhiên, với hiện trạng của Khoa là nguồn cán bộ giảng viên tương đối trẻ nên trong 5 năm gần đây không có trường hợp giảng viên đến tuổi nghỉ hưu. Đối với giảng viên ký hợp đồng có thời hạn, Nhà trường và Phòng TCCB sẽ gửi thông báo qua email trước thời hạn kết thúc hợp đồng. Khoa sẽ họp bộ môn với cán bộ giảng viên để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ và đưa ra Biên bản lấy ý kiến của Trưởng khoa gửi Nhà trường và Phòng TCCB. Công việc thực hiện của giảng viên được đánh giá hàng năm để làm cơ sở đề xuất đăng ký nhu cầu đào tạo của giảng viên trong bộ môn, khoa **[H6.06.01.24]**.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng được một số chính sách phù hợp, mang lại hiệu quả cao khi áp dụng vào thực tiễn của Nhà trường; xây dựng kế hoạch tuyển dụng, sử dụng và phát triển đội ngũ giảng viên hiệu quả; các tiêu chí tuyển dụng rõ ràng, minh bạch. Nhờ đó, Khoa đã tuyển được đội ngũ cán bộ, giảng viên có trình độ cao, đáp ứng được

nhu cầu đào tạo trong ngành CNKT CĐT, công tác nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

3. Điểm tồn tại

Tỷ lệ giảng viên trong Khoa là có học hàm Phó giáo sư, học vị Tiến sĩ còn thấp.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2024, Phòng TCCB xây dựng chính sách khuyến khích các giảng viên nâng cao trình độ, học hàm, học vị.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí và điểm là 5/7.

Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Tổng số giảng viên cơ hữu và chuyên gia của Khoa tính đến tháng 11/2023 là 30 giảng viên, độ tuổi bình quân là 52 tuổi. Số cán bộ đạt trình độ Phó giáo sư-Tiến sĩ là 05 giảng viên (chiếm 16,7%), Tiến sĩ là 15 giảng viên (chiếm 50,0%) và Thạc sĩ là 10 giảng viên (chiếm 33,3%) và 01 Giáo vụ khoa có trình độ Thạc sĩ. Trong đó ngành CNKT CĐT, số lượng giảng viên tham gia đào tạo tính đến tháng 11/2023 là 14 giảng viên (bao gồm: 03 Phó giáo sư – Tiến sĩ, 08 Tiến sĩ và 03 Thạc sĩ) (Thông tin chi tiết được mô tả như trong Bảng 6) [H6.06.01.16]. Ngoài ra, còn hợp tác với các giảng viên thỉnh giảng là các nhà khoa học, giảng viên có uy tín từ nhiều trường đại học, viện nghiên cứu, các tổ chức nghề nghiệp trong và ngoài nước.

Bảng 6: Bảng thống kê giảng viên thuộc Bộ môn Cơ điện tử (Số liệu tính đến tháng 11/2023)

TT	Trình độ, học vị,	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (người)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	<30	30-40	41-50	51-60	>60
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	3	21,43	3	0	0	0	0	0	3
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	8	57,14	8	0	0	2	4	0	2
5	Thạc sĩ	3	21,43	3	0	2	0	0	0	1
6	Đại học	0	0	0	0	0	0	0	0	0

	Tổng số	14	100	14	0	2	2	4	-	6
--	----------------	-----------	------------	-----------	----------	----------	----------	----------	----------	----------

Hàng năm, Phòng Đào tạo thực hiện tính toán xác định tỷ lệ giảng viên/người học của CTĐT làm căn cứ tuyển sinh. Tỷ lệ sinh viên/giảng viên đều đảm bảo quy định theo Thông tư 07/2020/TT-BGDĐT ngày 20/3/2020 của Bộ GD&ĐT quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng các ngành đào tạo giáo viên; trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ **[H6.06.01.90], [H6.06.01.93]**.

Khối lượng công việc, thời gian làm việc, định mức giờ chuẩn của giảng viên Khoa CK&ĐL được quy định cụ thể trong Văn bản số 1550/ĐHĐL-TCCB ngày 07/12/2021 của trường ĐHĐL về việc hướng dẫn thực hiện Thông tư 20/2020/TT-BGDĐT và thống kê khối lượng năm học 2020-2021 (theo Bảng 7) và được phân công tới từng giảng viên trong kế hoạch giảng dạy từng kỳ **[H6.06.02.02]**.

Bảng 7: Khung định mức chuẩn giảng dạy các nhiệm vụ của giảng viên

Chức danh giảng viên	Định mức
Giáo sư và giảng viên cao cấp	300
Giảng viên chính	280
Giảng viên	270

Cuối mỗi năm học, khối lượng công việc giảng dạy và các công việc khác của giảng viên được quy đổi về giờ tiêu chuẩn. Việc quy đổi khối lượng giảng dạy của đội ngũ GV được hướng dẫn chi tiết trong các quyết định số 136/QĐ-ĐHĐL-ĐT ngày 25 tháng 02 năm 2016 **[H6.06.02.03]**. Năm học 2020-2021, việc quy đổi khối lượng giảng dạy của đội ngũ GV được thực hiện theo hướng dẫn tại công văn số 1550/ĐHĐL-TCCB, ngày 07 tháng 12 năm 2021 **[H6.06.02.02]**. Việc quy đổi về số giờ NCKH được quy định rõ trong “Quy chế về quản lý hoạt động Khoa học và Công nghệ” theo quyết định số 67/QĐ-ĐHĐL, ngày 17 tháng 01 năm 2013 và “Quy chế sửa đổi Quản lý hoạt động Khoa học và Công nghệ” theo quyết định số 796/QĐ-ĐHĐL ngày 14 tháng 6 năm 2018 **[H6.06.02.04], [H6.06.02.05]**, trong đó quy định rõ khối lượng của mỗi đề tài các cấp, mỗi loại bài báo cụ thể. Hàng năm, cuối mỗi năm học, Nhà trường phối hợp với các khoa tiến hành thống kê khối lượng công việc của từng GV theo giờ chuẩn quy đổi làm cơ sở bình xét thi đua khen thưởng và thanh toán khối lượng công việc vượt định mức **[H6.06.02.06]**. Khối lượng công việc giảng dạy và các công việc khác của giảng viên được quy đổi về giờ tiêu chuẩn và tính thừa giờ đối với

các bậc đào tạo khác nhau và các lớp có lượng sĩ số khác nhau theo hệ số quy đổi theo Bảng 8, 9 và 10.

Bảng 8: Bảng quy đổi các hoạt động giảng dạy ra giờ chuẩn

TT	Nội dung	Hệ số theo bậc đào tạo			
		Đại học	Đại học CLC	Thạc sĩ	Tiến sĩ
1	Một tiết giảng lý thuyết trực tiếp trên lớp hoặc trực tuyến (bao gồm dạy chuyên đề, dạy lý thuyết, hướng dẫn làm bài tập)				
	Sĩ số ≤ 40	1,0	1,2	1,5	2,0
	$40 < \text{Sĩ số} \leq 60$	1,2	1,3	1,8	
	$60 < \text{Sĩ số} \leq 80$	1,3	1,4	1,95	
	Sĩ số ≥ 80	1,4	1,5	2,0	
2	Một tiết giảng lý thuyết kết hợp làm mẫu ở thao trường, bài tập môn học giáo dục quốc phòng và an ninh, một tiết giảng môn học giáo dục thể chất	1,0			
3	Một tiết giảng lý thuyết bằng tiếng nước ngoài đối với môn học không phải là ngoại ngữ	1,5	1,5	1,8	2,0
4	Một tiết thảo luận trên lớp				
	Sĩ số ≤ 40	0,5	0,6		
	$40 < \text{Sĩ số} \leq 60$	0,6	0,7		
	$60 < \text{Sĩ số} \leq 80$	0,7	0,8		
	Sĩ số ≥ 80	0,8	0,9		
5	Một tiết hướng dẫn thực hành, thí nghiệm (đối với học phần hỗn hợp và học phần thực hành, thực tập) trên một nhóm tại trường				
	Sĩ số ≤ 25	0,5	0,6		
	$25 < \text{Sĩ số} \leq 35$	0,6	0,65		
	$35 < \text{Sĩ số} \leq 45$	0,65	0,7		
	Sĩ số > 45	0,7	0,75		

Bảng 9: Bảng quy đổi hoạt động hướng dẫn thực tập môn học, đồ án/khoá luận tốt nghiệp, luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ

TT	Nội dung	Hệ số theo bậc đào tạo			
		Đại học	Đại học CLC	Thạc sĩ	Tiến sĩ
1	Hướng dẫn lớp sinh viên, học viên thực tập môn học tại cơ sở 1 = 1 tuần/lớp (<i>giờ chuẩn/tuần/lớp</i>)	10	10	15	20
2	Hướng dẫn (bao gồm cả đánh giá kết quả) đồ án môn học (<i>giờ chuẩn/sinh viên</i>)	1,0	1,2		
3	Hướng dẫn (bao gồm cả đánh giá kết quả) thực tập tốt nghiệp (<i>giờ chuẩn/sinh viên</i>)	1,5	1,5		
4	Hướng dẫn đồ án/khoá luận tốt nghiệp, luận văn, luận án (bao gồm cả đánh giá kết quả) thực tập tốt nghiệp (<i>giờ chuẩn/tín chỉ/sinh viên, học viên</i>)	1,5	1,7	2,0	2,5
5	Hướng dẫn (bao gồm cả đánh giá kết quả) tiểu luận tổng quan và chuyên đề (<i>giờ chuẩn/tín chỉ/học viên</i>)				2,0

Bảng 10: Bảng quy đổi công tác tổ chức thi kết thúc học phần

TT	Nội dung	Số giờ chuẩn theo bậc đào tạo	
		Đại học	Sau Đại học
I	Công tác đề thi (các đề thi phải kèm đáp án), Định mức bao gồm:		
1.1	Biên soạn một đề thi tự luận cho học phần chưa có ngân hàng đề	1,5	2,0
1.2	Soạn một đề thi trắc nghiệm (mỗi đề từ 40 đến 60 câu) đối với học phần chưa có ngân hàng đề	3,0	4,0
1.3	Biên soạn một đề thi tự luận bằng tiếng nước ngoài (đối với học phần không phải là học phần ngoại ngữ) cho học phần chưa có ngân hàng đề	3,0	4,0
1.4	Biên soạn một đề thi trắc nghiệm bằng tiếng nước ngoài (đối với học phần không phải là học phần ngoại ngữ) cho học phần chưa có ngân hàng đề	6,0	8,0
1.5	Biên soạn một bộ đề thi thực hành, vấn đáp	3,0	4,0

	(gồm 10 đề) cho học phần chưa có ngân hàng đề cho 1 ca thi		
1.6	Biên soạn một bộ đề thi thực hành, vấn đáp (gồm 10 đề) cho một ca thi bằng tiếng nước ngoài (đối với học phần không phải là học phần ngoại ngữ) cho học phần chưa có ngân hàng đề	6,0	8,0
II	Công tác coi thi		
2.1	Coi thi trắc nghiệm (giờ chuẩn/người/phòng thi)	1,0	1,0
2.2	Coi thi tự luận (giờ chuẩn/người/phòng thi)	1,5	1,5
III	Công tác chấm thi kết thúc học phần		
3.1	Chấm một bài tự luận (giờ chuẩn/bài/giảng viên)	0,1	0,2
3.2	Chấm một bài trắc nghiệm trên giấy (giờ chuẩn/bài/giảng viên)	0,05	0,1
3.3	Chấm một bài thi thực hành, vấn đáp, tiểu luận (giờ chuẩn/bài/giảng viên)	0,2	0,3
3.4	Chấm một báo cáo chuyên đề (BCCĐ) (giờ chuẩn/BCCĐ/giảng viên)	0,25	0,35

Đánh giá số giờ giảng dạy/khối lượng công việc tiêu chuẩn/tối thiểu quy đổi đối với đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên dựa trên việc tính toán FTE (Full Time Equivalent) cho giảng viên và người học cho ngành CNKT CĐT. Trong đó, FTE là chỉ số quy đổi thời gian toàn phần được xác định cho cả số lượng giảng viên và cho người học (sinh viên). Kết quả tính FTE của giảng viên giảng dạy ngành CNKT CĐT từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023 được thể hiện trong Bảng 11. Trong đó:

$$FTE \text{ của giảng viên} = \text{số lớp giảng dạy} \times \text{hệ số quy đổi theo học hàm, học vị} / 8$$

Với giảng viên là Giáo sư-Tiến sĩ, Phó giáo sư-Tiến sĩ, Tiến sĩ và Thạc sĩ thì hệ số quy đổi lần lượt là 5, 3, 2, 1.

Bảng 11: Bảng thống kê giảng viên và FTE (2022-2023)

Hạng mục	Nam	Nữ	Tổng số		Phần trăm có bằng Tiến sĩ
			Số lượng	FTEs	
Giáo sư	0	0	0	0	
Phó Giáo sư	3		3	2,50	100%

GV toàn thời gian	14	0	14	18,46	78,57%
GV không toàn thời gian	0	0	0	0	
Giáo sư/GV thỉnh giảng	0	0	0	0	
Tổng số	14	1	15	18,46	

Tỷ lệ Tiến sĩ của ngành CNKT CĐT là 78,57% (gồm 08 Tiến sĩ và 03 Phó giáo sư - Tiến sĩ là giảng viên hợp đồng dài hạn) và tiếp tục được Nhà trường bổ sung theo yêu cầu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao của Khoa CK&ĐL và Nhà trường.

Thông kê đội ngũ giảng viên giảng dạy và FTE của giảng viên tham gia giảng dạy và tỷ lệ giảng viên/sinh viên từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023 của ngành CNKT CĐT được mô tả như trong Bảng 12.

Bảng 12: Bảng tỷ lệ giảng viên/sinh viên ngành CNKT CĐT

Năm học	Tổng số FTEs của giảng viên	Tổng số sinh viên	Tổng số FTEs của sinh viên	Tỷ lệ sinh viên/tổng giảng viên quy đổi	Tỷ lệ FTEs của giảng viên/sinh viên
2018 - 2019	14,625	474	329,165	33,857	0,031
2019 - 2020	13,338	455	315,970	32,500	0,029
2020 - 2021	14,599	533	370,137	38,071	0,027
2021 - 2022	17,550	764	530,552	36,381	0,023
2022 - 2023	18,460	719	499,302	26,630	0,026

Trong đó: FTE của người học = số sinh viên x (FTE của 01 sinh viên/năm)

FTE của 01 sinh viên/năm = (Số tín chỉ mỗi khóa/năm)/48.

Số tín chỉ theo từng năm học đã được quy định rõ trong CTĐT của ngành CNKT CĐT của Trường ĐHĐL. Giai đoạn từ năm học 2018-2019 đến năm học 2020-2021 CTĐT của ngành CNKT CĐT được xây dựng với tổng số 145 tín chỉ đối với các khóa từ D9 đến D10, 150 tín chỉ đối với các khóa từ D11 đến D15 và học trong 4,5 năm học (9 học kỳ).

Tỷ lệ giảng viên quy đổi/sinh viên của giảng viên ngành CNKT CĐT hiện còn khá cao so với quy định chung của Bộ và Nhà trường. Tuy nhiên, tỷ lệ này sẽ giảm dần khi số giảng viên của ngành CNKT CĐT đang được bổ sung theo kế hoạch của Nhà trường trong giai đoạn tới để phù hợp với quy định chung của Bộ và Nhà trường.

Vào cuối năm học, các giảng viên Khoa CK&ĐL đều thực hiện việc tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học thông qua bản tự đánh giá kết quả dựa trên khối

lượng giảng dạy và NCKH [H6.06.02.07], [H6.06.02.08]. Căn cứ trên kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao đối với mỗi giảng viên, lãnh đạo Khoa đánh giá, trình lên Nhà trường và Hội đồng thi đua khen thưởng cấp trường phân loại, bình xét và xếp loại thi đua: “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Bằng khen cấp Bộ”, “Bằng khen cấp EPU”, “Giấy khen cấp trường”... Việc làm thường niên này không chỉ giúp từng giảng viên đánh giá được năng lực thực hiện nhiệm vụ của mình, từ đó đề xuất các giải pháp tự học tập nâng cao trình độ mà còn giúp cấp quản lý có được cái nhìn tổng quan về tình hình thực hiện nhiệm vụ của đơn vị mình. Bên cạnh đó, căn cứ vào kết quả đào tạo, đăng ký học tập để bồi dưỡng và đánh giá quá trình học tập không ngừng của giảng viên [H6.06.02.06]. Cán bộ và giảng viên của Khoa CK&ĐL luôn đạt được thành tích như Bằng khen, danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở. Đây là kết quả của sự phấn đấu nỗ lực không ngừng của toàn bộ giảng viên trong Khoa nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo, sự phát triển của Nhà trường và nâng cao phẩm chất năng lực bản thân mỗi giảng viên. Mặt khác, kết quả đạt được của sự phấn đấu không ngừng của giảng viên, cũng xuất phát từ sự hài lòng của đội ngũ giảng viên của Khoa về khối lượng, nội dung các công việc được giao, cũng như về kết quả đánh giá của lãnh đạo cấp trên đối với công việc giảng viên thực hiện [H4.04.02.07].

2. Điểm mạnh

Tỷ lệ giảng viên/sinh viên của khối ngành CNKT CĐT đảm bảo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Khối lượng công việc của từng giảng viên được xác định rõ ràng ngay từ đầu năm học; được giám sát chặt chẽ và đánh giá định kỳ (theo phân công quản lý môn học và tiến độ đào tạo). Trường ĐHĐL đã ban hành những quy định trong đó có tiêu chí cụ thể và đầy đủ để đánh giá hiệu quả công việc của cán bộ giảng viên theo các chức danh khác nhau.

3. Điểm tồn tại

Trường ĐHĐL chưa thực hiện phân tích các báo cáo thống kê khối lượng công việc để làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2024, Phòng TCCB và Khoa CK&ĐL thực hiện phân tích các báo cáo thống kê khối lượng công việc để làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí và điểm là 4/7.

Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả hiện trạng

Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV được Nhà trường xây dựng dựa trên các quy định trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường trong quyết định số 555/QĐ-ĐHDL, ngày 27 tháng 4 năm 2018 và được thay thế bằng Quy chế tổ chức và hoạt động của trường ĐHDL, ban hành kèm theo quyết định số 20/QĐ-ĐHDL, ngày 01 tháng 10 năm 2019. Các tiêu chuẩn tuyển dụng này được thể hiện rõ ràng, minh bạch trong thông báo tuyển dụng, trong đó quy định rõ số lượng tuyển dụng, trình độ, lĩnh vực chuyên môn và các yêu cầu khác... [H6.06.01.04], [H6.06.01.05]. Các tiêu chí này được sử dụng cho quy trình về công tác tuyển dụng [H6.06.01.20].

Các ứng viên tham gia dự tuyển làm giảng viên của Khoa CK&DL phải có đủ tiêu chuẩn về phẩm chất, chuyên môn nghiệp vụ, năng lực và điều kiện đăng ký dự tuyển theo quy định tại điều 22 của Luật Viên chức năm 2010 và điều 4 của Nghị định 29/2012/NĐ-CP về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức [[H6.06.03.01], [H6.06.03.02]; Đáp ứng được các yêu cầu về chuyên môn nghiệp vụ, năng lực theo yêu cầu của vị trí việc làm và chức danh nghề nghiệp quy định tại Thông tư 36/2014/TT-BGD&ĐT, có trình độ kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản [H6.06.03.03] và phải vượt qua bài sát hạch theo hình thức giảng dạy và phỏng vấn trực tiếp. Tất cả các tiêu chuẩn tuyển chọn giảng viên đều được Nhà trường công bố công khai trong thông báo tuyển dụng, trên trang thông tin điện tử của Nhà trường [H6.06.03.04]. Hội đồng tuyển dụng được thành lập đảm bảo việc tuyển dụng được chính xác khách quan. Kết quả tuyển dụng được công bố công khai. Giảng viên mới trúng tuyển phải trải qua thời gian tập sự theo quy định. Trong thời gian tập sự phải hoàn thành việc nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ theo quy định của Nhà trường theo chính sách nhân sự của Trường [H6.06.01.24]. Giảng viên sẽ được chính thức bổ nhiệm ngay khi hoàn thành chương trình tập sự và đạt được các yêu cầu của Nhà trường. Đối với giảng viên tập sự, khi kết thúc thời hạn tập sự, Khoa CK&DL sẽ tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của giảng viên tập sự, căn cứ vào kết quả của Khoa CK&DL gửi lên, Nhà trường và phòng TCCB tổ chức họp rà soát để đưa ra kết luận về kéo dài/ký kết Hợp đồng lao động đối với giảng viên tập sự

[H6.06.02.07], [H6.06.02.08].

Các cán bộ giảng viên tham gia giảng dạy tại Khoa CK&DL đều có phẩm chất đạo đức và năng lực học thuật, NCKH tốt; được học tập và tốt nghiệp tại các Trường Đại học danh tiếng trong và ngoài nước.

Nhà trường và Khoa CK&DL cũng luôn tuân thủ chặt chẽ các qui định cụ thể về tiêu chuẩn bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp của giảng viên (giảng viên chính, phó giáo sư, giáo sư) cũng như tiêu chuẩn bổ nhiệm Trưởng khoa, phó trưởng khoa và các trưởng bộ môn, trong đó nhấn mạnh đến các yếu tố thuộc về công tác giảng dạy và NCKH. Công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển được thực hiện trên cơ sở quy hoạch cán bộ đã được phê duyệt và được rà soát, bổ sung hàng năm; đồng thời đảm bảo tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn và quy trình bổ nhiệm theo quy định của Nhà nước và Bộ Công Thương.

2. Điểm mạnh

Các tiêu chí, quy trình tuyển dụng và bổ nhiệm được công khai, minh bạch; đảm bảo đúng quy định hiện hành. Tuyển được đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn tốt, đáp ứng tốt yêu cầu công việc và các điều kiện về tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT và của Nhà trường. Nhà trường đã có những chế độ ưu đãi để thu hút tuyển dụng tiến sĩ.

3. Điểm tồn tại

Tiêu chí kinh nghiệm thực tế chuyên sâu về lĩnh vực CĐT chưa được chú trọng trong tiêu chí tuyển dụng.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2024, Khoa CK&DL và Phòng TCCB nâng cao tiêu chí tuyển dụng giảng viên, nghiên cứu viên ngành CNKT CĐT.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí và điểm là 4/7.

Tiêu chí 6.4. Năng lực đội ngũ giảng viên được xác định và đánh giá.

1. Mô tả hiện trạng

Giảng viên là nguồn lực rất quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo, vì vậy công tác đầu tư phát triển đội ngũ giảng viên cả về số lượng và chất lượng luôn là một trong những mục tiêu then chốt trong định hướng phát triển của Trường ĐHDL và Khoa CK&DL [H1.01.01.10]. Nhà trường đã ban hành các văn bản liên quan, qua

đó có thể xác định năng lực của GV. Cụ thể là, năng lực NCKH được quy định rất chi tiết trong Quy chế sửa đổi Quản lý hoạt động KHCN, bao gồm định mức hoạt động KHCN ứng với từng chức danh GV cũng như các định mức hoạt động KHCN **[H6.06.02.05]**. Ngoài ra, ngay từ khâu tuyển dụng Nhà trường đã có quy định rõ về năng lực như: các tiêu chuẩn về học vị Thạc sĩ, ngoại ngữ, tin học, nghiệp vụ sư phạm theo quy định **[H6.06.01.19]**. Trong những năm qua, nhằm chuẩn hóa kỹ năng thực hành sư phạm cho đội ngũ giảng viên, Trường ĐHDL thường xuyên cử các giảng viên của Khoa đi tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ và cũng đã tổ chức riêng các khóa bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho đội ngũ giảng viên **[H6.06.04.01], [H6.06.04.01]**. Thông qua các chương trình học này, giảng viên được trang bị kiến thức, kỹ năng để chuẩn hóa năng lực sư phạm, nâng cao năng lực NCKH giúp cho việc đào tạo, giảng dạy của giảng viên ngày càng hiệu quả. Giảng viên của Trường ĐHDL được đào tạo bài bản, tỷ lệ giảng viên được đào tạo trình độ Tiến sĩ tại nước ngoài cao.

Từ năm 2020-2023, Khoa CK&DL đã tuyển dụng được 12 cán bộ giảng viên, trong đó có 01 giảng viên trình độ chuyên môn GS.TS (ký hợp đồng từ 3/2022 đến 3/2023), 06 giảng viên trình độ chuyên môn PGS.TS, 02 cán bộ giảng viên có trình độ chuyên môn Tiến sĩ, 03 cán bộ giảng viên trợ giảng có trình độ thạc sĩ và 01 giảng viên thỉnh giảng có trình độ thạc sĩ, tất cả các ứng viên trúng tuyển này đều đạt trình độ Tiếng Anh theo quy định, có chứng chỉ tin học, tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng của Trường ĐHDL tổ chức và đạt được Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm. giảng viên ngành CNKT CĐT thường xuyên được cử tham gia các hội thảo khoa học, khóa học nâng cao chuyên môn, cập nhật chuyên môn **[H6.06.01.16]**.

Kết thúc mỗi học phần, Nhà trường đều khảo sát lấy ý kiến người học đối với các hoạt động giảng dạy của giảng viên nhằm đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên thông qua phản hồi của người học về môn học thông qua phiếu đánh giá khuyết danh. Trong những năm vừa qua, kết quả đánh giá của sinh viên đều cho thấy đa phần các hoạt động giảng dạy đã đáp ứng được nhu cầu học tập của người học. Chất lượng công tác giảng dạy của mỗi giảng viên cũng được Nhà trường đánh giá hàng tháng, hàng năm và làm căn cứ để chi trả thu nhập hàng tháng cho đội ngũ giảng viên. Các cán bộ giảng viên của Khoa luôn nhận được thông tin phản hồi tích cực từ kết quả đánh giá của người học về môn học giảng dạy thông qua phiếu đánh giá khuyết danh **[H6.06.04.03]**.

Trường ĐHĐL cũng có quy định rõ ràng về trách nhiệm giảng dạy và NCKH của giảng viên; định mức giờ chuẩn cho từng giảng viên **[H6.06.02.02]**. Đây là cơ sở để Trường ĐHĐL tổ chức đánh giá, bình xét thi đua năm học và đánh giá viên chức hàng năm. Theo đó, mỗi giảng viên báo cáo kết quả giảng dạy, NCKH của cá nhân, tự đánh giá, phân loại và tự nhận hình thức thi đua khen thưởng. Báo cáo đánh giá được trình bày trong cuộc họp Khoa để tập thể Khoa đóng góp ý kiến và đánh giá, phân loại, bình bầu các danh hiệu thi đua. Sau đó, kết quả này được Trường ĐHĐL và Hội đồng thi đua đánh giá, bình xét xếp loại thi đua. Các kết quả đều được lưu trữ tại phòng Hành chính quản trị và Trường ĐHĐL. Nhiều năm qua, Khoa CK&ĐL đã nhận được danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, số giảng viên đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua”,... thể hiện sự nỗ lực không ngừng trong việc nâng cao năng lực giảng viên trong các hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng **[H6.06.04.04]**.

Như vậy, năng lực của đội ngũ cán bộ giảng dạy ngành CNKT CĐT được Trường ĐHĐL và Khoa CK&ĐL xác định rất rõ ràng và nhất quán; được thực hiện đánh giá đa dạng về hình thức và ở nhiều cấp độ khác nhau. Trên cơ sở đó, giảng viên không ngừng phấn đấu nâng cao năng lực giảng dạy và NCKH; các cấp quản lý có cơ sở để xây dựng kế hoạch và chiến lược phát triển cán bộ phù hợp.

2. Điểm mạnh

Năng lực giảng viên của Khoa CK&ĐL được xác định rõ ràng và được đánh giá thường xuyên, theo đúng quy định. Kết quả đánh giá năng lực giảng dạy của các giảng viên được đánh giá bằng nhiều hình thức khác nhau.

3. Điểm tồn tại

Sinh viên chưa nhận thức được tầm quan trọng của phiếu đánh giá giảng viên. Việc đánh giá giảng viên chưa tổng hợp đầy đủ các ý kiến đánh giá của các bên liên quan.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2024, Phòng KT&ĐBCL kết hợp với Khoa CK&ĐL phổ biến tới sinh viên tầm quan trọng của phiếu đánh giá trong việc đánh giá năng lực của đội ngũ giảng viên. Nhà trường cần thay đổi phương thức thực hiện đánh giá giảng viên để thu nhận được nhiều ý kiến phản hồi hơn trong công tác đánh giá. Việc đánh giá cần được đánh giá toàn diện (bao gồm các bên liên quan) và có tỷ trọng phù hợp.

5. *Tự đánh giá:* Đạt yêu cầu của tiêu chí và điểm là 5/7.

Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. Mô tả hiện trạng

Công tác bồi dưỡng, phát triển đội ngũ giảng viên cũng là một trong những nhiệm vụ trọng tâm được Trường ĐHDL và Khoa CK&DL rất chú trọng trong những năm vừa qua. Hàng năm, Trường ĐHDL có gửi thông báo về đăng ký kế hoạch bồi dưỡng [H4.04.02.02]. Sau đó, Khoa CK&DL tiến hành tổ chức đăng ký kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn cho các cán bộ giảng viên trong Khoa theo yêu cầu của Trường ĐHDL. Bản kế hoạch đăng ký có nội dung về thời gian học, hình thức các khóa học (online, offline). Trên cơ sở phân tích nhu cầu đào tạo nâng cao trình độ của giảng viên, cũng như nhân sự cho công tác chuyên môn, Khoa sẽ gửi bản tổng hợp đăng ký kế hoạch lên Phòng TCCB [H6.06.05.01].

Nhà trường xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng giảng viên và xây dựng chế độ, chính sách nhằm khuyến khích cán bộ, giảng viên học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Cán bộ, giảng viên tham gia các hoạt động này đều được Nhà trường hỗ trợ kinh phí và tạo điều kiện thời gian tham gia, cụ thể: hỗ trợ tiền lương và giảm định mức giảng dạy; Hỗ trợ kinh phí khi hoàn thành chương trình NCS và được cấp bằng tiến sĩ; đảm bảo các chế độ đúng theo quy định trong thời gian đi học. Đối với cán bộ giảng viên làm nghiên cứu sinh tại Trường sẽ được hỗ trợ học 100% học phí nghiên cứu sinh và giảm trừ 40% định mức giảng dạy mỗi năm [H6.06.05.02].

Khoa thường xuyên cử giảng viên tham gia các buổi hội thảo về nghề nghiệp cơ khí và cơ khí động lực được tổ chức bởi các tổ chức đào tạo có uy tín trong và ngoài nước. Thông qua những khóa học ngắn hạn này, các giảng viên được cập nhật và nâng cao trình độ chuyên môn thường xuyên để đáp ứng nhu cầu đào tạo sinh viên đúng như Chiến lược của Khoa đã đề ra. Khoa luôn đề cao và khuyến khích giảng viên bổ sung kiến thức cũng như các chứng chỉ nghề nghiệp,... [H6.06.05.03], [H6.06.05.04].

2. Điểm mạnh

Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của đội ngũ giảng viên luôn được xác định rõ ràng và có kế hoạch thực hiện cụ thể hàng năm. Các giảng viên ngành CNKT CĐT được

lên kế hoạch học tập, nâng cao trình độ, phát triển khả năng nghề nghiệp của cá nhân giảng viên (tăng cường kiến thức, nghề nghiệp).

3. Điểm tồn tại

Khoa CK&ĐL chưa có kế hoạch rõ ràng và dài hạn để phát triển chuyên môn sâu ngành CNKT CĐT.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2024, Khoa CK&ĐL có kế hoạch học tập chuyên sâu cho các GV nâng cao trình độ, đặc biệt là những giảng viên chưa có trình độ tiến sĩ.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí và điểm là 4/7.

Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường có quy định cụ thể về khối lượng giảng dạy và nghiên cứu khoa học đối với từng loại viên chức giảng dạy [H6.06.02.02]. Hàng năm, Phòng Đào tạo sẽ kết hợp cùng các Khoa CK&ĐL triển khai kế hoạch giảng dạy theo năm cho giảng viên, phòng đào tạo sẽ gửi danh sách các lớp học dự kiến và Khoa sẽ phân công khối lượng giảng dạy theo đôn chuyên môn cho các giảng viên [H6.06.06.01].

Hàng tháng, giảng viên tự đánh giá xếp loại thi đua gửi về Khoa CK&ĐL, Khoa CK&ĐL sẽ tổng hợp xếp loại gửi về phòng TCCB theo quy chế đánh giá hiệu quả hoạt động trong tháng của đơn vị và viên chức, lao động [H6.06.06.02] và Quy định về các hệ số trong quy chế chi trả tiền lương [H6.06.06.03]. Sau đó, Nhà trường tổ chức cuộc họp về kết quả lao động trong tháng để làm cơ sở trả thu nhập cho đội ngũ giảng viên theo Quyết định 38/QĐ-ĐHĐL, ngày 16/01/2020 và có gửi lại Kết luận cuộc họp của Hội đồng Thi đua - khen thưởng qua email cho từng Khoa và cán bộ giảng viên. Cuối năm, Nhà trường có thông báo về các đơn vị tổ chức đánh giá, phân loại công chức, viên chức. Các Khoa và Nhà trường sẽ tổ chức tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng giảng viên trong năm để làm cơ sở bình xét các hình thức thi đua, khen thưởng khác nhau theo những tiêu chí đánh giá được nêu cụ thể trong các quy chế về thi đua khen thưởng [H6.06.02.06]. Trong nhiều năm, các giảng viên của Khoa đa số được đánh giá đạt hiệu quả cao trong công việc, một số giảng

viên đã được nhận bằng khen của Bộ công thương và đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua **[H6.06.04.04]**. Việc xem xét khen thưởng cho cán bộ giảng viên chính là việc ghi nhận thành tích trong quá trình công tác của cá nhân sẽ tạo động lực cho cán bộ giảng viên phát huy hết khả năng trong giảng dạy và nghiên cứu.

Nhà trường cũng có quy định khen thưởng đối với những công trình khoa học công bố trên các tạp chí uy tín của nước ngoài. Theo đó, những bài báo được đăng tải trên các tạp chí thuộc danh mục Scopus, WoS đều được thưởng tiền từ 20.000.000 triệu đến 30.000.000 triệu đồng. Đối với giảng viên là tiến sĩ, Nhà trường có định mức về các công trình công bố hàng năm, và đây là cơ sở để các giảng viên được hưởng hệ số thu hút khi chi trả lương hàng tháng **[H6.06.05.02]**. Tính đến tháng 11/2023, Khoa CK&ĐL có 10 giảng viên được hưởng hệ số thu hút chi trả lương. Bằng những chính sách quản trị theo kết quả công việc nêu trên nên trong những năm qua, nhiều giảng viên của Khoa CK&ĐL và Nhà trường đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua. Số lượng các công trình được công bố trên các tạp chí quốc tế uy tín ngày càng tăng. Số lượng công trình nghiên cứu khoa học của Khoa từ năm 2018-2023 tăng lên hàng năm.

Các quy chế về lương, quy chế chi tiêu nội bộ đều được lấy ý kiến góp ý của tất cả các cán bộ, giảng viên trong Nhà trường; quy chế chi tiêu nội bộ được thông qua Hội nghị cán bộ công chức, viên chức và người lao động. Các công văn lấy ý kiến xây dựng, góp ý cho dự thảo các Văn bản quy định hiện hành về đánh giá hiệu quả công việc đều được gửi qua email cho cán bộ giảng viên của Khoa CK&ĐL và thông qua Hội nghị cán bộ công chức, viên chức và người lao động **[H6.06.06.04]**.

Qua các buổi họp Khoa CK&ĐL, Nhà trường, các cán bộ, giảng viên hài lòng với kết quả thi đua khen thưởng hàng năm của Khoa, Nhà trường. Các cán bộ, giảng viên trong Khoa có kết quả thi đua khen thưởng đều được đánh giá cao của tập thể cán bộ giảng viên Khoa.

2. Điểm mạnh

Trường ĐHĐL đã có những quy định cụ thể, rõ ràng về khối lượng công việc của mỗi giảng viên, có những quy chế đánh giá kết quả, bình xét thi đua và cơ chế chính sách lương không những giúp tạo động lực cho giảng viên trong giảng dạy, NCKH mà còn giúp nâng cao hiệu quả của công tác quản trị theo kết quả công việc của giảng viên.

3. Điểm tồn tại

Chính sách NCKH mới áp dụng cho giảng viên, nghiên cứu viên tiến sĩ, chưa được mở rộng cho giảng viên, nghiên cứu viên có trình độ Thạc sĩ.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2024, Khoa CK&ĐL khuyến khích và tạo điều kiện hơn nữa cho các giảng viên, nghiên cứu viên có trình độ Thạc sĩ thực hiện NCKH.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí và điểm là 4/7.

Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Để nâng cao chất lượng đào tạo, Khoa CK&ĐL đã nhận thức được tầm quan trọng của công tác NCKH đối với từng giảng viên. Các loại hình và định mức NCKH của giảng viên được quy định rõ trong quy chế quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của Trường ĐHDL. Từ năm 2017, ngoài các định mức chung về khối lượng NCKH quy định trong quy chế quản lý hoạt động KHCN, đối với các giảng viên của Khoa có trình độ tiến sĩ, Trường ĐHDL còn có quy định cụ thể về số lượng công trình công bố trên các tạp chí. Việc triển khai các hoạt động KHCN đã được thực hiện theo đúng quy trình, thủ tục; được quy định cụ thể trong Quy chế Hoạt động Khoa học công nghệ [H6.06.01.05]. Quy chế về QLKH CN của Trường đã xác định rõ các loại hình nghiên cứu khoa học của trường, đồng thời, quy chế này cũng đưa định mức chuẩn về NCKH cho từng chức danh giảng viên, từ giảng viên cao cấp đến giảng viên hợp đồng, giảng viên cao cấp là 280 tiết nghiên cứu KH/năm, giảng viên phải đạt 160 tiết NCKH/năm. Quy chế cũng quy đổi tính giờ NCKH cho giảng viên giữ chức vụ quản lý (đối với Trường khoa, phó Khoa).

Tổng hợp khối lượng NCKH trong giai đoạn 2018-2023 đã được Khoa CK&ĐL thống kê gồm 21 đề tài các cấp, trên 65 bài báo đăng trên các tạp chí và 47 bài hội thảo trong nước và quốc tế [H6.06.07.02].

Theo kết quả tổng hợp khối lượng NCKH trong 5 năm (2018-2023) của Khoa CK&ĐL có 21 đề tài các cấp, trên 65 bài báo và 47 bài hội nghị đăng trên các tạp chí và hội thảo trong nước và quốc tế (Bảng 13). Các công trình chủ yếu tập trung vào lĩnh vực gia công chế tạo, tối ưu hóa, mô phỏng dự đoán,...phù hợp với chuyên ngành đào

tạo. Kết quả Khoa đạt được trong công tác NCKH luôn thuộc tốp đầu của Nhà trường.

Bảng 13: Bảng thống kê khối lượng nghiên cứu khoa học qua trong 5 năm của Khoa CK&DL

Loại hình	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Tổng cộng
Đề tài Cấp Bộ/ Nhà nước	0	2	0	0	0	0
Đề tài Cấp trường	4	3	1	1	1	10
Bài báo	17	10	20	14	17	78
Báo cáo Hội thảo	5	1	15	7	18	46

(Nguồn: Số liệu tổng hợp từ Khoa CK&DL)

Để đánh giá chất lượng của các đề tài NCKH, trước khi được nghiệm thu, mỗi đề tài phải có ít nhất 01 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học hoặc 01 bài hội thảo. Trường ĐHĐL cũng có các chính sách khuyến khích cán bộ, giảng viên đăng tải các bài báo trên các tạp chí uy tín quốc tế (ISI, SCOPUS) cũng như khuyến khích công bố các kết quả NCKH tại các hội nghị trong và ngoài nước **[H6.06.05.02]**.

Kết thúc năm học, Khoa CK&DL so sánh kết quả thực hiện các hoạt động NCKH của giảng viên để đánh giá mức độ hoàn thành công việc và thi đua khen thưởng qua các năm. Mỗi giảng viên có tổng hợp công trình NCKH hàng năm đảm bảo yêu cầu của một giảng viên đại học **[H6.06.02.07]**, **[H6.06.02.08]**. Từ đó, Khoa và các giảng viên sẽ đưa ra các định hướng nghiên cứu mới và khắc phục những nhược điểm còn tồn tại trong công tác NCKH.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã có những quy định cụ thể về các loại hình KHCN và khối lượng NCKH đối với từng chức danh giảng viên. Các hoạt động NCKH được giám sát chặt chẽ và được đánh giá hàng năm khi kết thúc năm học. Giảng viên Bộ môn CĐT, Khoa CK&DL tích cực tham gia NCKH, trao đổi các vấn đề chuyên sâu.

3. Điểm tồn tại

Một số giảng viên chưa có định hướng NCKH, số lượng giảng viên thực hiện NCKH còn tập trung chủ yếu vào một số tiến sĩ, nghiên cứu sinh.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2024, Khoa CK&ĐL thực hiện phân tích, đánh giá và xác định các định hướng NCKH, khuyến khích cán bộ trẻ thực hiện các đề tài NCKH.

5. *Tự đánh giá*: Đạt yêu cầu của tiêu chí và điểm là 4/7.

Kết luận Tiêu chuẩn 6:

Đội ngũ giảng viên của Trường ĐHDL và Khoa CK&ĐL đảm bảo chất lượng về năng lực chuyên môn và NCKH. Hoạt động NCKH được Khoa CK&ĐL rất coi trọng, nhờ đó các giảng viên được nâng cao năng lực chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

Trường ĐHDL và Khoa CK&ĐL đã xây dựng kế hoạch tuyển dụng giảng viên hàng năm trên cơ sở phân tích nhu cầu, khối lượng công việc của từng khoa. Giảng viên được tuyển dụng theo đúng quy trình, quy định và tiêu chí tuyển dụng đã được Nhà trường công bố công khai trong các kỳ tuyển dụng.

Công tác đánh giá, quy hoạch, đào tạo, phát triển đội ngũ giảng viên được Nhà trường và Khoa CK&ĐL thực hiện bài bản theo đúng quy định, nhờ đó đội ngũ giảng viên đã đáp ứng được đúng, đủ nhu cầu về số lượng và chất lượng, phù hợp với chiến lược phát triển của Trường ĐHDL.

Tự đánh giá tiêu chuẩn 6: 7/7 tiêu chí đạt

Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên

Mở đầu

Đội ngũ hỗ trợ, phục vụ là thành phần không thể thiếu và là một trong những yếu tố quan trọng giúp giảng viên hoàn thành tốt công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ của Nhà trường có tinh thần phục vụ cao, có năng lực chuyên môn phù hợp, đáp ứng được yêu cầu đối với mỗi loại chức danh công việc, hỗ trợ tốt cho chương trình đào tạo ngành CĐT.

Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Căn cứ vào các kế hoạch sử dụng lao động, các công văn của Trường ĐHDL, quyết định của Trường về phê duyệt kế hoạch bổ sung lao động cho các đơn vị trực thuộc trường, kế hoạch tuyển dụng đội ngũ cán bộ hỗ trợ các bộ phận (Trung tâm học

liệu, trung tâm CNTT, phòng Đào tạo, phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, phòng Công tác sinh viên, phòng QLKH & HTQT, bộ phận Trực giảng thuộc phòng HCQT, Trung tâm Thực hành – thí nghiệm) **[H7.07.01.01], [H7.07.01.02], [H7.07.01.03], [H7.07.01.04], [H7.07.01.05]**. Điều này đã thể hiện rõ công tác phân tích/dự báo về nhu cầu về đội ngũ nhân viên hỗ trợ đào tạo, NCKH và các hoạt động khác trong Trường ĐHDL nói chung, ngành CNKT CĐT nói riêng.

Tại Trường ĐHDL, các quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ hỗ trợ rõ ràng, các quy hiện hành về việc chấm dứt hợp đồng và cho cán bộ nghỉ hưu đối với cán bộ hỗ trợ được áp dụng theo các quy định của Nhà nước, Bộ Công Thương và Nhà trường. Đồng thời, Nhà trường có chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhân viên hỗ trợ, đặc biệt, đội ngũ cán bộ hỗ trợ có trình độ là tiến sỹ, Nhà trường có hệ số phụ cấp lương thu hút, nhằm thu hút được lực lượng lao động chất lượng cao trong quản lý **[H7.07.01.04]**. Căn cứ vào nhu cầu nhân sự của các đơn vị, Nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển dụng, bổ sung nhân lực hàng năm trong đó xác định rõ yêu cầu và vị trí tuyển dụng **[H7.07.01.08], [H7.07.01.09], [H7.07.01.10], [H7.07.01.11]**. Căn cứ vào kế hoạch tuyển dụng, phòng TCCB Nhà trường triển khai công tác tuyển dụng theo đúng quy trình về công tác tuyển dụng **[H7.07.01.02], [H7.07.01.08]**. Thông tin về tuyển dụng được công khai trên trang thông tin điện tử của Trường và một số phương tiện thông tin đại chúng; mọi thông tin liên quan đến chỉ tiêu, điều kiện dự tuyển, hồ sơ dự tuyển... đều được thể hiện rõ ràng, minh bạch trong thông báo tuyển dụng **[H7.07.01.12]**. Cơ cấu, số lượng của từng vị trí việc làm đối với đội ngũ hỗ trợ, phục vụ cũng được Nhà trường phân tích và xác định rõ trong đề án vị trí việc làm **[H7.07.01.01], [H7.02.01.02]**.

Quy hoạch đội ngũ cán bộ chủ chốt, cán bộ quản lý các bộ phận như phòng Công tác sinh viên, phòng Đào tạo, trung tâm học liệu, trung tâm CNTT, phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, bộ phận Trực giảng thuộc phòng HCQT, Trung tâm Thực hành – thí nghiệm được thực hiện nhằm đảm bảo đội ngũ cán bộ quản lý chủ chốt luôn đủ về số lượng, chất lượng, thực hiện nhiệm vụ Nhà trường giao trong mọi giai đoạn công việc **[H7.07.01.03], [H7.07.01.04], [H7.07.01.05], [H7.07.01.06], [H7.07.01.07], [H7.07.01.13]**. Việc quy hoạch đội ngũ cán bộ thư viện, cán bộ CNTT và các dịch vụ hỗ trợ được thực hiện bài bản, khoa học, đáp ứng tốt nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng.

Đội ngũ hỗ trợ phục vụ cho CTĐT ngành CNKT CĐT có nhiệm vụ giải quyết các vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ theo từng đơn vị chuyên môn như trong quyết định quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm và Đề án vị trí việc làm. Cụ thể như sau:

Trung tâm Học liệu hiện tại có 06 cán bộ cơ hữu. Trung tâm có chức năng xây dựng, quản lý và phát triển các dịch vụ thông tin – thư viện; tiếp nhận, bổ sung, lưu giữ, quản lý thông tin, tư liệu phục vụ công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học: bao gồm quản lý và tổ chức sử dụng các tài liệu, ấn phẩm báo cáo khoa học, luận văn, luận án, chương trình đào tạo, giáo trình, tập bài giảng và các dạng tài liệu, ấn phẩm tài trợ, biếu tặng; tư vấn hỗ trợ sinh viên trong quá trình tra cứu, tìm kiếm, mượn, trả học liệu. Trung tâm luôn chú trọng công tác số hóa trong thông tin và lưu trữ, tạo được nguồn dữ liệu điện tử phục vụ hoạt động học tập và nghiên cứu của giảng viên và sinh viên trong trường nói chung và cho ngành CĐT nói riêng. Hàng ngày, thư viện mở cửa phục vụ sinh viên học tập, nghiên cứu từ 8h00 tới 21h00 (trong đó có thời gian hỗ trợ mượn tài liệu thư viện và thời gian tự học của sinh viên tại thư viện).

Phòng Đào tạo có 11 lao động trực thuộc, thực hiện quy trình đào tạo, hỗ trợ sinh viên đăng ký môn học và xếp thời khóa biểu, tư vấn lịch học phù hợp đối với các đối tượng sinh viên; hỗ trợ xét điều kiện tốt nghiệp, phát bằng tốt nghiệp. Thái độ của nhân viên hỗ trợ đào tạo luôn nhẹ nhàng, niềm nở và nhiệt tình đối với sinh viên.

Phòng KT&ĐBCL có 07 lao động trực thuộc, bao gồm các công việc hỗ trợ xây dựng quy trình, kế hoạch thi kết thúc học phần, thi cuối khóa, quản lý hệ thống ngân hàng đề thi cho từng môn học của ngành CĐT; hỗ trợ quản lý bài thi và lưu trữ bài thi; hỗ trợ cập nhật và thống nhất điểm thi cho sinh viên ngành CĐT.

Phòng CTSV có 07 lao động trực thuộc, thực hiện hỗ trợ quản lý sinh viên nghỉ học, bỏ học, quản lý báo cáo kết quả rèn luyện của sinh viên, hỗ trợ thống kê học bổng cho sinh viên; hỗ trợ quản lý chế độ bảo hiểm, miễn giảm học phí cho sinh viên.

Trung tâm CNTT có 04 lao động trực thuộc, thực hiện công việc hỗ trợ quản lý account, email; hỗ trợ đăng nhập sử dụng các phần mềm phục vụ tốt cho công tác đào tạo và quản lý sinh viên. Bốn lao động đều có bằng cấp về CNTT, đảm bảo khả năng hỗ trợ giảng viên và sinh viên trong việc giảng dạy và học tập về các vấn đề liên quan hệ thống thông tin, mạng Internet.

Trung tâm thực hành, thí nghiệm có 09 lao động, thực hiện quản lý hệ thống phòng thí nghiệm đảm bảo phục vụ tốt công tác giảng dạy và học tập các môn thực

hành, thực tập.

Bộ phận Thực giảng có 05 lao động trực thuộc, thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ việc sử dụng có hiệu quả hệ thống giảng đường và thiết bị trên giảng đường, hỗ trợ tốt cho công tác đào tạo của ngành CĐT cả môn lý thuyết và môn thực hành.

Trung tâm hỗ trợ việc làm và khởi nghiệp có 04 lao động, thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ việc làm, hỗ trợ ứng dụng các hoạt động khoa học công nghệ, ý tưởng sáng tạo của sinh viên phục vụ sản xuất thực tế và cộng đồng... Kể từ khi được thành lập, trung tâm HTVL&KN đã có rất nhiều các hoạt động hỗ trợ cho sinh viên, học viên và phục vụ cộng đồng như: tổ chức các cuộc thi sáng tạo sinh viên, chế tạo các thiết bị phòng chống dịch bệnh covid-19, ý tưởng khởi nghiệp, robotcon... Trung tâm cũng là địa chỉ để các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất phản hồi những nhận xét, đánh giá, góp ý cho các hoạt động cải tiến chương trình đào tạo của các khoa chuyên môn.

Phòng QLKH&HTQT có 07 lao động trực thuộc, thực hiện công việc hỗ trợ tổng hợp kết quả sơ duyệt các sáng kiến, các đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên và giảng viên ngành CĐT để xét duyệt, xác nhận khối lượng nghiên cứu khoa học.

Bảng 14. Thống kê trình độ cán bộ nhân viên các phòng ban

STT	Cán bộ hỗ trợ CTĐT	Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	Tổng	Ghi chú
1	Trung tâm Học liệu	4	2	0	6	
2	Trung tâm CNTT	0	3	1	4	
3	Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm	1	8	0	9	
4	Phòng Công tác sinh viên	4	3	0	7	
5	Phòng Đào tạo	0	9	2	11	
6	Phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng	0	5	1	6	
7	Phòng Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế	1	4	2	7	
8	Phòng Tổ chức cán bộ	0	5	1	6	
9	Phòng Hành chính quản trị	32	7	0	39	
10	Phòng Kế hoạch tài chính	5	6	0	11	
11	Phòng Thanh tra pháp chế	3	0	0	3	
12	Trung tâm hỗ trợ việc làm & khởi nghiệp	3	2	0	5	

13	Trung tâm Dịch vụ đời sống	9	0	0	9	
----	----------------------------	---	---	---	---	--

(Nguồn: Số liệu từ phòng TCCB)

Tất cả đội ngũ hỗ trợ, phục vụ đều có trình độ từ cao đẳng, đại học trở lên, (đa phần các trưởng phòng đều có trình độ Tiến sĩ, như: Trung tâm CNTT, Phòng Đào tạo, Phòng CTSV, Phòng KT&ĐBCL, Phòng QLKH&HTQT) để đảm đương được khối lượng công việc được phân công, hỗ trợ đắc lực để giải quyết các vấn đề cho giảng viên và người học ngành CĐT tính đến tháng 6 năm 2023 như Bảng 14.

Bên cạnh đó, các giảng viên ngành CĐT cũng được phân công kiêm nhiệm công tác cố vấn học tập, quản lý sinh viên của ngành; tư vấn cho sinh viên các vấn đề liên quan đến học tập; hướng dẫn sinh viên tiếp cận các nguồn học liệu; phối hợp chặt chẽ với các đơn vị, tổ chức đoàn thể trong nhà trường trong việc tổ chức cho sinh viên tham gia các hoạt động, phong trào xã hội, hoạt động cộng đồng; phối hợp với Phòng CTSV, Đoàn thanh niên Nhà trường để theo dõi, đánh giá toàn diện về học tập và rèn luyện của sinh viên; kết hợp với Ban cán sự và Chi đoàn lớp chấm điểm rèn luyện học kỳ, năm học của sinh viên. Đội ngũ giảng viên ngành CĐT kiêm nhiệm công tác cố vấn học tập, đều có trình độ từ thạc sĩ trở lên, có trình độ công nghệ thông tin, hỗ trợ và giải đáp thắc mắc kịp thời, nhiệt tình cho sinh viên của ngành. Việc tương tác giữa cố vấn học tập và nhân viên hỗ trợ của các phòng ban tạo điều kiện cho sinh viên dễ dàng tiếp cận được các thông tin về học tập, nghiên cứu khoa học cũng như hoạt động xã hội một cách nhanh chóng, kịp thời, đầy đủ. Điều này đã góp phần tích cực trong việc thúc đẩy công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Ngoài ra, Khoa CK&ĐL có 1 Thư ký - Giáo vụ khoa thực hiện công tác văn thư, lưu trữ, tổ chức sắp xếp và quản lý văn bản, hồ sơ, tài liệu của các ngành trong Khoa; trực văn phòng, cập nhật và gửi các văn bản, thông báo, quyết định, các thông tin của Nhà trường tới các giảng viên; đảm bảo yêu cầu thông tin liên lạc, tổ chức sắp xếp công việc hàng ngày nhằm hỗ trợ phục vụ cho hoạt động của toàn Khoa.

Phiếu khảo sát sinh viên, giảng viên hàng năm về mức độ hài lòng đối với các phòng ban, Trung tâm Học liệu, Trung tâm CNTT, Trung tâm thực hành, thí nghiệm đã được thực hiện nhằm tìm hiểu về trạng thái thỏa mãn mức độ hài lòng của sinh viên về đội ngũ giảng viên và hỗ trợ [H7.07.01.14].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ cán bộ thư viện, CNTT và các bộ phận dịch vụ hỗ trợ người học đủ về số lượng và thành thạo nghiệp vụ, có trình độ từ cao đẳng trở lên, được đào tạo đúng chuyên ngành, phù hợp với vị trí việc làm đáp ứng yêu cầu thực hiện CTĐT.

Đội ngũ cán bộ đã hỗ trợ sinh viên tận tình, giải đáp mọi thắc mắc của sinh viên liên quan đến vấn đề học tập và rèn luyện giúp sinh viên có thành tích học tập tốt đồng thời, giúp sinh viên hoàn thiện các kỹ năng mềm, tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng tốt hơn.

3. Điểm tồn tại

Đề án vị trí việc làm còn chưa cập nhật tác động của CMCN 4.0.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2024, Phòng TCCB cập nhật đề án vị trí việc làm theo yêu cầu của CMCN 4.0.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí và điểm là 4/7.

Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả hiện trạng

Để xây dựng đội ngũ nhân viên có đủ phẩm chất đạo đức, năng lực để đáp ứng được yêu cầu công việc được phân công, Nhà trường luôn chú trọng tới công tác tuyển dụng. Nhà trường có văn bản thông báo tuyển dụng bao gồm tiêu chí tuyển dụng đối với cán bộ hỗ trợ theo từng vị trí việc làm cụ thể **[H7.07.01.02], [H7.07.01.12], [H7.07.02.03]**. Các tiêu chí được đưa ra cụ thể trong quá trình tuyển dụng, lựa chọn các nhân viên hỗ trợ thực hiện CTĐT trong quá trình thực hiện của ngành đào tạo.

Tiêu chí chung áp dụng đối với các cán bộ nhân viên trong trường học:

1. Đủ sức khỏe, kỹ năng, khả năng, chuyên môn, trình độ phù hợp trong công việc được phân công để làm việc.
2. Có tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống phù hợp, ý thức kỷ luật tốt.
3. Có năng lực làm việc tốt, yêu nghề, giao tiếp và hỗ trợ tốt khoa chuyên môn và sinh viên trong thực hiện chương trình đào tạo.

Trên thực tế, công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển được thực hiện trên cơ sở quy hoạch cán bộ đã được phê duyệt và được rà soát, bổ sung hàng năm **[H7.07.01.05], [H7.07.01.11], [H7.07.02.03]** đồng thời đảm bảo tuân thủ

nghiêm ngặt các tiêu chuẩn và quy trình bổ nhiệm theo quy định của Nhà nước và Bộ Công Thương [H7.07.01.07]. Việc tuyển dụng, điều chuyển dựa trên cơ sở phân tích nhu cầu lao động và ý kiến đóng góp về vị trí việc làm [H7.07.01.01], [H7.07.01.02], [H7.07.02.03], [H7.07.02.01]. Dựa vào các tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc của nhân viên hỗ trợ đào tạo ngành [H7.07.02.02] Nhà trường xét cụ thể các tiêu chí tuyển dụng hàng năm nhằm tuyển dụng nhân lực phù hợp, nhằm đạt hiệu quả cao trong tuyển dụng, đồng thời tuyển dụng được nguồn nhân lực phù hợp cho nhiệm vụ hỗ trợ ngành đào tạo.

Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được phổ biến tới toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên và được công khai trên trang thông tin điện tử của Nhà trường và trong thông báo tuyển dụng của Nhà trường [H7.07.01.12].

2. Điểm mạnh

Các tiêu chí, quy trình tuyển dụng và bổ nhiệm được công khai, minh bạch; đảm bảo đúng quy định. Việc lựa chọn, bổ nhiệm theo quy hoạch, rà soát hàng năm. Nhân viên hỗ trợ, phục vụ có đủ năng lực, phẩm chất chính trị đáp ứng được các điều kiện, tiêu chuẩn được đề nghị bổ nhiệm để hỗ trợ tốt cho ngành đào tạo.

3. Điểm tồn tại

Trường ĐHĐL chưa sử dụng hiệu quả kết quả phân tích khảo sát đóng góp của các bên liên quan đến vị trí việc làm để bổ nhiệm và luân chuyển cán bộ.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2024, Phòng KT&ĐBCL và Phòng TCCB thực hiện phân tích sâu kết quả khảo sát đóng góp của các bên liên quan đến vị trí việc làm.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí và điểm là 4/7.

Tiêu chí 7.3. Năng lực đội ngũ nhân viên được xác định và đánh giá.

1. Mô tả hiện trạng

Đội ngũ nhân viên hỗ trợ cũng đóng vai trò quan trọng trong việc hoàn thành các mục tiêu chiến lược của Trường ĐHĐL. Chính vì vậy, công tác xây dựng và chuẩn hóa đội ngũ cán bộ giảng dạy, đội ngũ cán bộ viên chức luôn được Trường ĐHĐL quan tâm và đặt ở vị trí hàng đầu trong chiến lược phát triển của Trường ĐHĐL. Các quy định về các phương thức đánh giá năng lực của cán bộ công nhân viên được ghi rõ ràng trong một số văn bản [H7.07.03.01] [H7.07.03.02].

Căn cứ dựa trên các tiêu chí của mỗi công việc theo đề án việc làm, kết quả thực hiện nhiệm vụ của mỗi viên chức đều được Nhà trường đánh giá theo tháng dựa trên các tiêu chí về chấp hành các quy định của Nhà trường, mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao **[H7.07.03.03]**. Kết thúc năm, Nhà trường cũng triển khai đánh giá, phân loại viên chức, bình xét thi đua năm học nhằm làm rõ ưu, khuyết điểm, mạnh mẽ, mặt yếu về tư tưởng, phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao **[H7.07.03.04]**. Cụ thể các viên chức trong nhóm đội ngũ công tác hỗ trợ khoa chuyên môn trong triển khai chương trình đào tạo, được xem xét và đánh giá khá chi tiết quá trình thực hiện công việc của cá nhân (Bảng 15) **[H7.07.03.01]**.

Bảng 15: Bảng đánh giá quá trình thực hiện nhiệm vụ của nhân viên

STT	Cán bộ hỗ trợ CTĐT	Năm học 2021-2022				
		HTXSNV	HTTNV	HTNV	Không HTNV	Không ĐG
1	Trung tâm Học liệu	1	5	0	0	0
2	Trung tâm CNTT	1	3	0	0	0
3	Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm	0	9	0	0	0
4	Phòng Công tác sinh viên	1	5	0	0	0
5	Phòng Đào tạo	1	7	1	0	0
6	Phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng	0	6	0	0	0
7	Phòng Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế	1	4	0	0	1
8	Phòng Tổ chức cán bộ	1	4	0	0	1
9	Phòng Hành chính quản trị	1	33	0	0	2
10	Phòng Kế hoạch tài chính	0	8	0	0	1
11	Trung tâm hỗ trợ việc làm & khởi nghiệp	0	5	0	1	1
12	Phòng Thanh tra pháp chế	0	2	0	0	0
13	Trung tâm Dịch vụ đời sống	0	5	0	0	1
14	Trung tâm Đào tạo thường xuyên	1	5	0	0	0

Việc xác định, phân loại được năng lực của đội ngũ nhân viên bao gồm năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, đã được thực hiện hàng năm và đồng thời được lưu tại 02 bộ phận: phòng ban chức năng và Phòng TCCB [H7.07.03.02], [H7.07.03.03], [H7.07.03.04], [H7.07.03.05], [H7.07.03.06], [H7.07.03.07], [H7.07.03.08], [H7.07.03.09]. Năng lực của đội ngũ nhân viên còn được đánh giá bởi sự hài lòng của các bên liên quan như giảng viên, sinh viên, cụ thể phiếu khảo sát sự hài lòng đã được thực hiện từ năm 2018 đến nay [H7.07.01.13].

Thực hiện đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên thông qua tự đánh giá, cấp trên đánh giá, đồng nghiệp đánh giá thông qua các cuộc họp thường xuyên tại các bộ phận chức năng. Kết quả đánh giá đội ngũ hỗ trợ, phục vụ ngành đào tạo đều đạt mức hoàn thành và hoàn thành tốt nhiệm vụ, nhiều viên chức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, được công nhận chiến sĩ thi đua cấp cơ sở cho thấy đội ngũ hỗ trợ, phục vụ của Nhà trường đều đáp ứng tiêu chuẩn năng lực yêu cầu của vị trí việc làm và được ghi nhận trong báo cáo, hồ sơ hàng năm của đội ngũ hỗ trợ [H7.07.03.04], [H7.07.03.08]. Tuy nhiên trong một số trường hợp, các cán bộ công nhân viên thực hiện công việc chưa tốt, hoặc không đạt tiêu chuẩn, Nhà trường thực hiện luân chuyển cán bộ phù hợp để thực hiện triển khai công việc hỗ trợ đào tạo hợp lý hơn [H7.07.02.02], [H7.07.03.03].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ hỗ trợ phục vụ có kinh nghiệm và gắn bó lâu dài với Nhà trường, có trình độ chuyên môn vững vàng, trình độ CNTT tốt; liên tục được đào tạo, nâng cao trình độ đảm bảo thích ứng kịp thời với công việc; hỗ trợ tốt cho hoạt động đào tạo.

Nhà trường luôn quan tâm đến công tác hỗ trợ phát triển nghề nghiệp của đội ngũ hỗ trợ, phục vụ.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa sử dụng kết quả đánh giá để phân tích và cải tiến kết quả lao động của những năm sau.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2024, Phòng TCCB và các đơn vị sử dụng kết quả đánh giá để phân tích và cải tiến kết quả lao động của những năm sau.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí và điểm là 4/7.

Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Mô tả hiện trạng

Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực là hoạt động nhằm duy trì và nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên góp phần quyết định để Nhà trường phát triển trong môi trường cạnh tranh trong đào tạo như hiện nay. Vì vậy, công tác đào tạo, phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ hỗ trợ, phục vụ được Nhà trường thực hiện một cách bài bản. Hàng năm, trên cơ sở phân tích nhu cầu đào tạo nâng cao trình độ của đội ngũ nhân viên thông qua nhu cầu đào tạo cá nhân, đồng thời nhu cầu của Nhà trường để xác định các nội dung đào tạo trong tương lai gần cho đội ngũ nhân viên **[H7.07.04.01]**.

Dựa trên đánh giá nhu cầu đào tạo cá nhân, tổ chức, Nhà trường đã xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ nhân viên và xây dựng chế độ, chính sách nhằm khuyến khích đội ngũ nhân viên học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ **[H7.07.04.01]**.

Các khóa đào tạo, bồi dưỡng, số lượng cán bộ công nhân viên đã tham dự các khóa đào tạo tại mỗi năm học. Trong giai đoạn 2016-2021, Nhà trường đã cử 120 giảng viên đi học lớp nghiệp vụ sư phạm, 212 người đi học lớp bồi dưỡng ngạch chuyên viên; mở 01 lớp bồi dưỡng cán bộ quản lý cấp phòng cho 139 người và cử 70 lượt viên chức phòng chức năng tham gia lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ khác **[H7.07.04.02]**, **[H7.07.04.03]**. Cán bộ, giảng viên và nhân viên tham gia các hoạt động này đều được Nhà trường hỗ trợ kinh phí và tạo điều kiện thời gian tham gia, cụ thể: hỗ trợ tiền lương; đảm bảo các chế độ trong thời gian đi học...

Tất cả các chế độ chính sách đào tạo được công khai trong toàn trường thông qua quy chế chi tiêu nội bộ **[H7.07.04.04]**. Hàng năm, Trường ĐHĐL đã chi với số tiền hàng trăm triệu đồng cho đào tạo nhằm nâng cao chất lượng giảng viên và cán bộ công nhân viên tại các bộ phận, phòng ban **[H7.07.04.05]**.

2. Điểm mạnh

Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của đội ngũ hỗ trợ, phục vụ luôn được xác định rõ ràng và có kế hoạch thực hiện cụ thể hàng năm.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa thực hiện kiểm tra hiệu quả đánh giá đào tạo bồi dưỡng hàng năm.

4. Kế hoạch hành động

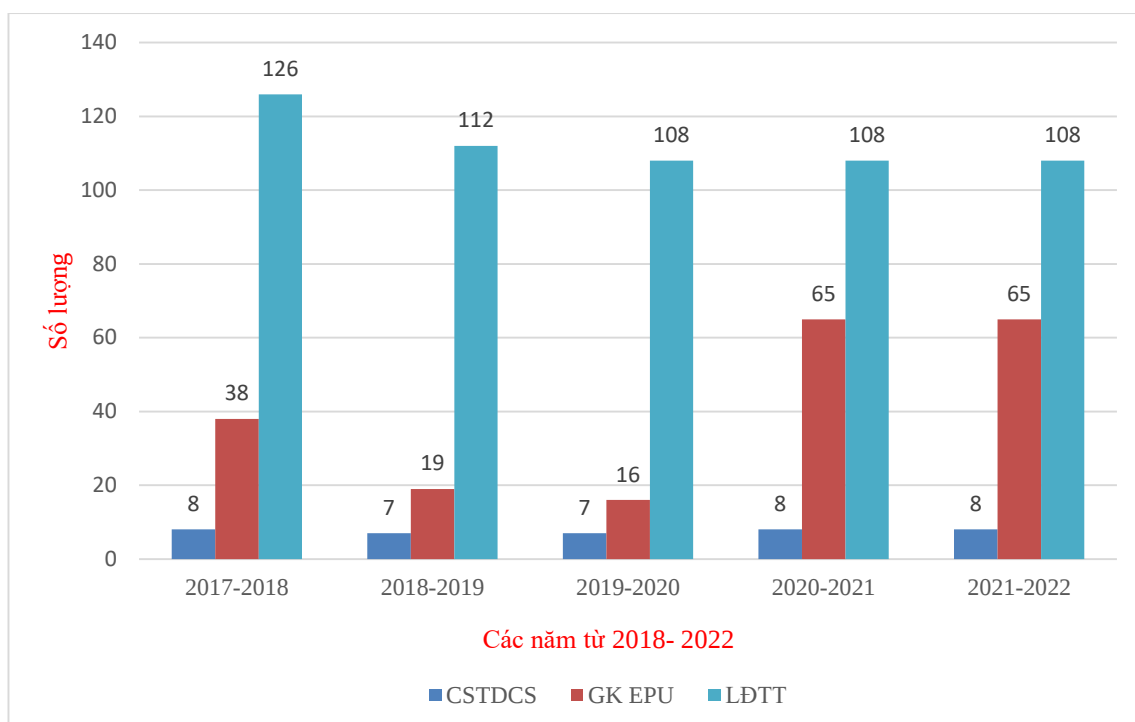
Từ năm 2024, Phòng TCCB và các đơn vị liên quan thực hiện kiểm tra hiệu quả đánh giá đào tạo bồi dưỡng hàng năm.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí và điểm là 4/7.

Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường luôn quan tâm và quản lý chặt chẽ kết quả công việc của nhân viên hỗ trợ nhằm tạo động lực cho đội ngũ nhân viên trong quá trình làm việc và hỗ trợ đắc lực cho hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Kết quả công việc của đội ngũ nhân viên được Nhà trường tổ chức đánh giá hàng tháng và đây là cơ sở để Nhà trường trả lương. Việc theo dõi, đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên được thực hiện nghiêm túc, công khai, minh bạch thông qua các tiêu chí đánh giá được quy định cụ thể trong các chính sách về nhân sự, về lương của Nhà trường theo dõi, đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên **[H7.07.03.03], [H7.07.05.01], [H7.07.05.02]**. Thống kê kết quả hoàn thành công việc của nhân viên được mô tả như trên Hình 2.



Hình 2: Thống kê kết quả hoàn thành công việc của nhân viên

Hàng kỳ, Nhà trường luôn triển khai công tác đánh giá kết quả thực hiện công việc và bình xét thi đua năm học. Những nhân viên hỗ trợ hoàn thành công việc được giao luôn nhận được những danh hiệu xứng đáng **[H7.07.05.04]** theo đúng Quy định về thi đua khen thưởng của Nhà trường. Sự công nhận và khen thưởng hàng năm được triển khai là động lực cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ, phục vụ tích cực hơn trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao. Năm 2019, sự đánh giá của người học về đội ngũ hỗ trợ đạt từ mức trung bình trở lên, tỷ lệ không hài lòng rất thấp **[H7.07.01.13]**.

Các đội ngũ nhân viên đều có bản kế hoạch thực hiện công việc hàng tháng, hàng năm dựa trên bản kế hoạch công việc hàng tháng cụ thể tại mỗi phòng ban chức năng.

Ví dụ: Giáo vụ khoa thường xuyên hỗ trợ sinh viên, giải đáp các thắc mắc qua nhiều hình thức: gặp trực tiếp, điện thoại cá nhân, email. Phòng Đào tạo thực hiện hỗ trợ sinh viên đăng ký môn học, mọi thắc mắc đã được trả lời nhanh chóng. Phòng CTSV trực tiếp hỗ trợ sinh viên nhanh chóng và hiệu quả trong quá trình hoạt động như xét học bổng, miễn giảm học phí, bảo lưu học tập. Trung tâm Học liệu đã cung cấp các giáo trình phù hợp cho môn học, thực hiện cập nhật thường xuyên các giáo trình theo yêu cầu của khoa chuyên môn. Tất cả các bộ phận hỗ trợ đã nâng cao hoạt động hiệu quả của các nhân viên hỗ trợ đào tạo, thống nhất hướng tới hiệu quả chung trong việc cung cấp một chất lượng dịch vụ hoàn hảo nhất cho các sinh viên tại

Trường ĐHĐL [H7.07.01.02].

Trong các văn bản dự thảo trước khi được ban hành chính thức, Trường ĐHĐL thường cho phép 100% nhân viên được tham gia xây dựng, góp ý trong quá trình xây dựng quy định đánh giá hiệu quả công việc. Đồng thời, các hội nghị công nhân viên chức hàng năm là thời điểm một văn bản được xem xét lần cuối cùng trước khi ban hành chính thức dựa trên số đông cán bộ công nhân viên đồng ý [H7.07.05.02], [H7.07.05.05].

Do căn cứ xem xét về kết quả công việc khá rõ ràng, đội ngũ nhân viên hài lòng về việc quản trị theo kết quả công việc đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của Trường ĐHĐL và các cấp có thẩm quyền không có đơn thư khiếu nại về các kết luận của hội đồng về thi đua khen thưởng tại Trường ĐHĐL [H7.07.05.03], [H7.07.05.04].

2. Điểm mạnh

Trường ĐHĐL có những quy chế đánh giá kết quả, bình xét thi đua rõ ràng và công khai; có cơ chế chính sách lương không những giúp tạo động lực cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ, phục vụ mà còn giúp nâng cao hiệu quả của công tác quản trị theo kết quả công việc của giảng viên.

3. Điểm tồn tại

Việc sử dụng kết quả khảo sát để phân tích và cải tiến việc quản trị kết quả theo công việc tại Nhà trường chưa thường xuyên, liên tục.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2024, Phòng KT&ĐBCL và Phòng TCCB, đơn vị sử dụng kết quả khảo sát để phân tích và cải tiến việc quản trị kết quả theo công việc.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí và điểm là 4/7.

Kết luận Tiêu chuẩn 7:

Đội ngũ nhân viên hỗ trợ, phục vụ của Trường ĐHĐL đảm bảo chất lượng về năng lực chuyên môn, đủ về số lượng. Trường ĐHĐL đã xây dựng kế hoạch tuyển dụng hàng năm trên cơ sở phân tích nhu cầu, khối lượng công việc của từng đơn vị. Nhân viên được tuyển dụng theo đúng quy trình, quy định và tiêu chí tuyển dụng đã được Trường ĐHĐL công bố công khai trong các kỳ tuyển dụng.

Công tác đánh giá, quy hoạch, đào tạo, phát triển đội ngũ nhân viên cũng được

Trường ĐHĐL thực hiện bài bản theo đúng quy định, nhờ đó đội ngũ giảng viên đã đáp ứng được đúng, đủ nhu cầu về số lượng và chất lượng, phù hợp với chiến lược phát triển của Trường ĐHĐL.

Tự đánh giá tiêu chuẩn 7: 5/5 tiêu chí đạt.

Tiêu chuẩn 8: Người học và Hỗ trợ người học

Mở đầu

Với quan điểm của giáo dục hiện đại, người học là trung tâm của quá trình đào tạo. Chất lượng người học sẽ quyết định đến sự phát triển về đào tạo, nghiên cứu khoa học, chất lượng đầu ra của ngành CNKT CĐT và của Khoa CK&ĐL. Vì vậy, tất cả các hoạt động của Trường ĐHĐL, Khoa CK&ĐL đều hướng đến việc phục vụ người học, đáp ứng các yêu cầu của người học, đồng thời cam kết đảm bảo đầy đủ quyền lợi và lợi ích chính đáng theo văn bản hiện hành của Nhà nước, quy chế, quy định của Bộ GD&ĐT và Trường ĐHĐL.

Để trợ giúp người học trong quá trình học tập ngành CNKT CĐT thì Trường ĐHĐL và Khoa CK&ĐL đã luôn tạo điều kiện tốt nhất cho người học như thành lập Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp và việc làm, định kỳ tổ chức các buổi giao lưu giữa sinh viên và doanh nghiệp, nhà tuyển dụng, nâng cấp hệ thống phần mềm quản lý sinh viên, ký kết hợp tác với các tổ chức nghề nghiệp ...

Ngay từ khi mới nhập học, tất cả sinh viên đều được Trường ĐHĐL phổ biến, hướng dẫn đầy đủ và chi tiết về chương trình giáo dục, tiến độ đào tạo, quy chế thi, kiểm tra đánh giá học phần, điều kiện để được thi kết thúc học phần, điều kiện để được thi tốt nghiệp, công nhận tốt nghiệp và các quy định khác trong Quy chế đào tạo của Bộ GD&ĐT ban hành để sinh viên hiểu rõ và tự giác phấn đấu học tập, rèn luyện đạt kết quả tốt, cũng như các hoạt động hỗ trợ sinh viên, hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao, NCKH, Câu lạc bộ kỹ năng cho sinh viên và đảm bảo an toàn trong trường học.

Chất lượng người học và hoạt động hỗ trợ người học là điều kiện chính để nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH, khẳng định uy tín của ngành CNKT CĐT, của Khoa CK&ĐL, của Trường ĐHĐL trong lĩnh vực CĐT. Các sinh viên ngành CNKT CĐT cũng đã và đang phát huy truyền thống của ngành, của Khoa và của Trường ĐHĐL, từ đó góp phần đưa Trường ĐHĐL trở thành một trường đại học có chất lượng.

Tiêu chí 8.1: Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố

công khai và cập nhật.

1. Mô tả hiện trạng

Là đơn vị tự chủ, trực thuộc Bộ Công Thương đồng thời chịu sự quản lý của Bộ GD&ĐT về lĩnh vực đào tạo, Trường ĐHDL luôn luôn thực hiện đúng các quy định về tuyển sinh của BGD&ĐT. Đề án tuyển sinh các năm của Trường ĐHDL đã xác định rõ về chính sách tuyển sinh của Nhà trường. Đề án đã quy định chi tiết về toàn bộ các đối tượng tuyển sinh, quy trình tuyển sinh **[H8.08.01.01]**. Từ năm 2015 đến nay, thực hiện đề án đổi mới công tác tuyển sinh đại học của Bộ GD&ĐT, Trường ĐHDL đã sử dụng kết quả thi trung học phổ thông quốc gia để xét tuyển các thí sinh vào hệ đại học chính quy.

Theo đúng tinh thần của đề án, hàng năm các thông tin về tuyển sinh Trường ĐHDL bao gồm: khối thi, chỉ tiêu tuyển sinh các ngành trong đó có ngành CNKT CĐT công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng, cổng thông tin tuyển sinh, trong cuốn những điều cần biết về tuyển sinh đại học các năm. Đề án tuyển sinh các năm của trường được công bố công khai trên cổng thông tin của Bộ (thituyensinh.com.vn), của Trường ĐHDL (epu.edu.vn, tuyensinh.epu.edu.vn), tờ rơi, facebook của trường ([epu235](https://www.facebook.com/epu235)), của Khoa (mpe.epu.edu.vn). Trường ĐHDL tham gia ngày hội tuyển sinh của Bộ GD&ĐT tổ chức tại các địa điểm trường đại học, trường phổ thông trong cả nước.

Khi xét tuyển, các đối tượng thuộc diện ưu tiên theo khu vực, theo chế độ chính sách được thụ hưởng điểm ưu tiên vào tổng điểm xét duyệt. Trước năm 2015, các thí sinh trúng tuyển vào trường là những thí sinh có điểm tổng 03 môn thi lớn hơn hoặc bằng điểm trúng tuyển chung của cả Trường sẽ được gọi nhập học theo ngành. Tất cả các thông tin đều được công bố công khai trong đề án tuyển sinh (năm 2019 với các khối thi A00, A01, D01 D07) **[H8.08.01.01]**.

Các số liệu thống kê về số người đăng ký dự tuyển, số người học trúng tuyển và nhập học, điểm chuẩn của ngành đều được phòng đào tạo tổng kết và báo cáo lãnh đạo Nhà trường nhằm đánh giá công tác tuyển sinh (Bảng 16) **[H8.08.01.02]**.

Bảng 16: Thống kê tuyển sinh trong 5 năm gần đây của ngành CNKT CĐT (hệ đại học chính quy)

Năm học	Ngành/ Chuyên ngành	Số TS đăng ký vào CTĐT	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số sinh viên trúng tuyển nhập học	Điểm tuyển đầu vào/thang điểm 30	Điểm trung bình sinh viên được tuyển
2018-2019 (D14)	CĐT	369	90	4,1	69	Khối A00, A01, D07, D01: (Kết quả thi: 15đ; Học bạ: 18đ)	17,95
2019-2020 (D15)	CĐT	627	242	2,6	141	Khối A00, A01, D07, D01: (Kết quả thi: 15đ; Học bạ: 18đ)	19,56
2020-2021 (D16)	CĐT	1590	347	4,6	301	Khối A00, A01, D07, D01: (Kết quả thi: 19đ; Học bạ: 19đ)	20,77
2021-2022 (D17)	CĐT	2493	102	24,4	96	Khối A00, A01, D07, D01: (Kết quả thi: 24.5đ; Học bạ: 22đ)	23,24
2022-2023 (D18)	CĐT	1284	120	10,7	112	Khối A00, A01, D07, D01: (Kết quả thi: 23.5đ; Học bạ: 23.25đ)	24,24

(Nguồn: Phòng đào tạo)

Bảng 17. Thống kê số người học đang học chương trình (trong 5 năm học gần nhất)

Năm học	Người học					Tổng số
	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Năm thứ tư	Năm tiếp theo	
2018-2019 (D14)	70	70	66	66	-	67
2019-2020 (D15)	131	130	130	106	-	106
2020-2021 (D16)	257	256	226	-	-	256
2021-2022 (D17)	209	209	-	-	-	209

Năm học	Người học					Tổng số
	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Năm thứ tư	Năm tiếp theo	
2022-2023 (D18)	268	-	-	-	-	268

(Nguồn: Phòng CTSV)

Riêng đối với các trường hợp tuyển thẳng, hoặc đào tạo theo hiệp định chính phủ thì quy trình tuyển sinh được thực hiện đúng theo quy định của Bộ GD&ĐT và được thể hiện trong đề án tuyển sinh của Nhà trường **[H8.08.01.01]**.

Chính sách tuyển sinh của Nhà trường được xây dựng trên cơ sở thực tiễn, đánh giá số lượng tuyển sinh các ngành cũng như nhu cầu thị trường lao động. Hàng năm, Khoa CK&DL có thực hiện khảo sát ý kiến của người học về CTĐT và chính sách chung của Nhà trường. Kết quả khảo sát năm 2019 cho thấy: Khi thực hiện khảo sát gần 40 sinh viên ngành CNKT CĐT có trên 80% sinh viên hài lòng về chính sách tuyển sinh của Nhà trường trong thời gian vừa qua **[H8.08.01.03]**.

Hàng năm, Trường ĐHDL tổ chức họp đánh giá cùng trong Hội đồng tuyển sinh trong trường để tổng kết để điều chỉnh quy mô, phương thức tuyển sinh. Đồng thời, để xây dựng đề án tuyển sinh hàng năm, Trường gửi thông báo tới Khoa CK&DL để phân tích xác định nhu cầu nhân lực cho ngành CNKT CĐT, xác định con số tuyển sinh phù hợp nhân lực của Khoa. Khoa đã họp và đánh giá số lượng giảng viên và dự báo số lượng nhân sự nghỉ theo chế độ, dự kiến định biên để xây dựng kế hoạch phát triển khoa từ đó xác định số lượng tuyển sinh đáp ứng nhu cầu nhân lực của xã hội và phù hợp quy mô nhân sự và cơ sở vật chất của Khoa. Khoa lập kế hoạch tuyển sinh gửi Trường ĐHDL để xây dựng Đề án tuyển sinh **[H8.08.01.01]**.

2. Điểm mạnh

Công tác tuyển sinh của Trường ĐHDL được xây dựng một cách bài bản, khoa học, dựa trên sự phân tích, đánh giá nhu cầu xã hội, chỉ tiêu của Trường ĐHDL, xu hướng phát triển của ngành, được thực hiện theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT và được công bố công khai trong toàn xã hội.

3. Điểm tồn tại

Các thông tin về tuyển sinh chưa được truyền thông một cách thuận tiện cho việc tiếp cận thông tin cho học sinh.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2024, Khoa CK&ĐL phối hợp với các phòng chức năng đa dạng hơn về phương thức truyền thông, quảng bá ngành nghề, đối tượng thí sinh dựa trên phân tích kết quả tuyển sinh hàng năm, với từng đối tượng thí sinh trúng tuyển và nhập học.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức điểm 4/7.

Tiêu chí 8.2: Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá.

1. Mô tả hiện trạng

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học của Trường ĐHĐL được ghi rõ trong Đề án tuyển sinh của Nhà trường hàng năm [**H8.08.01.01**]. Từ năm 2014 trở về trước, theo quy định của Bộ GD&ĐT, các thí sinh có trình độ tốt nghiệp phổ thông trung học và tương đương có tổng điểm các môn thi Toán, Văn, Tiếng Anh, cộng điểm ưu tiên xét tuyển lớn hơn hoặc bằng điểm xét tuyển chung của Nhà trường sẽ được gọi nhập học [**H8.08.02.01**]. Từ năm 2015, Nhà trường cũng đã thực hiện theo quy trình như năm 2014 trở về trước nhưng điểm trúng tuyển là điểm xét theo ngành đào tạo.

Thí sinh dự tuyển tra cứu kết quả xét tuyển tại cổng thông tin tuyển sinh của Nhà trường trên website: <http://tuyensinh.epu.edu.vn/home/XacNhanNH>. Sau khi có kết quả xét tuyển thì Hội đồng tuyển sinh của Nhà trường gửi giấy báo đến các thí sinh trúng tuyển ngành CNKT CĐT để thí sinh chuẩn bị các giấy tờ theo nội dung và đến nhập học theo thời gian ghi trong Giấy báo. Quá trình nhập học được tổ chức bài bản, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người nhập học.

Khoa CK&ĐL kết hợp với Nhà trường thường xuyên thực hiện rà soát, đánh giá các tiêu chí và phương pháp tuyển sinh cho phù hợp với nhu cầu đào tạo của trường và theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT. Hàng năm, sau khi hoàn thành tuyển sinh, Trường ĐHĐL tổ chức họp phân tích cơ cấu sinh viên, đánh giá số liệu sinh viên đầu vào, cải thiện tiêu chí tuyển chọn. Trong các năm 2016-2018, Trường ĐHĐL chỉ xét kết quả thi Trung học phổ thông Quốc gia. Năm 2019, Trường ĐHĐL có xét thêm phương thức xét tuyển dựa vào kết quả học tập các năm Trung học phổ thông. Khoa CK&ĐL tham gia quảng bá tuyển sinh, các hoạt động tuyển sinh của Nhà trường. Năm 2020, Trường ĐHĐL đã tổ chức xét tuyển theo 3 hình thức theo quy định của Bộ GD&ĐT: xét tuyển học bạ, xét tuyển theo điểm thi tốt nghiệp và xét tuyển thẳng. Dựa

trên chỉ tiêu tuyển sinh Nhà trường sẽ ra thông báo mức điểm sàn nhận hồ sơ theo các hình thức tương ứng. Năm 2022, Nhà trường đã đưa ra 4 phương thức xét tuyển gồm: Xét tuyển dựa trên kết quả học tập THPT (Học bạ); Xét tuyển dựa trên kỳ thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Hà Nội; Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi Tốt nghiệp THPT 2022; Xét tuyển thẳng theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H8.08.02.02], [H8.08.02.03].

Sau khi hoàn thành tuyển sinh, Nhà trường và Khoa đã tiến hành họp phân tích cơ cấu sinh viên. Các cuộc họp về tiêu chí và phương thức tuyển chọn đầu vào đều có ý kiến đại diện của Hội đồng tuyển sinh, Đoàn Thanh niên, các khoa để có đưa ra những phản hồi tích cực trong công tác tuyển sinh. Bên cạnh đó, để có thể tham mưu chính xác với Hội đồng tuyển sinh của Trường ĐHĐL về chỉ tiêu và phương án tuyển sinh, Khoa CK&ĐL cũng thường xuyên tiếp nhận, khảo sát và phân tích những thay đổi của thị trường lao động.

2. Điểm mạnh

Tiêu chí và phương pháp tuyển sinh, tuyển chọn người học của Trường ĐHĐL rõ ràng, theo quy định của Bộ GD&ĐT và được đánh giá thường xuyên để đảm bảo tuyển chọn được những thí sinh có đủ năng lực và trình độ vào Trường cũng như ngành CNKT CĐT.

3. Điểm tồn tại

Trường ĐHĐL và Khoa CK&ĐL chưa sử dụng có hiệu quả các kết quả phân tích tuyển sinh hàng năm để cải tiến tiêu chí, phương pháp tuyển sinh và dự báo số lượng thí sinh nhập học các ngành.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2024, Khoa CK&ĐL sẽ phân tích tình hình thực tế, phối hợp với các phòng chức năng cải tiến phương thức truyền thông, giới thiệu các chuyên ngành đến các đối tượng thí sinh phù hợp hơn.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức điểm 4/7.

Tiêu chí 8.3: Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học.

1. Mô tả hiện trạng

Quyết định giao nhiệm vụ CVHT được thực hiện hàng năm, theo sát tình hình của người học. CVHT là người sát sao với SV để theo dõi sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện và có những hỗ trợ SV đạt được mục tiêu học tập của mình **[H8.08.03.01]**. Hàng tháng, hàng kỳ đánh giá kết quả rèn luyện của người học, để từ đó động viên, khuyến khích người học tích cực trong học tập, tham gia các hoạt động đoàn thể, nâng cao tinh thần đoàn kết của tập thể lớp cũng như khuyến khích các cá nhân rèn luyện bản thân trong quá trình học tập tại Nhà trường.

Hàng kỳ, Phòng Đào tạo kết hợp với Phòng CTSV thống kê số lượng sinh viên các đạt kết quả cao trong học tập, số sinh viên phải học lại, sinh viên thôi học của ngành CNKT CĐT đến Khoa CK&ĐL và CVHT để kiểm soát kết quả học tập và kết quả rèn luyện của sinh viên; trên cơ sở đó, Nhà trường, Khoa và CVHT có biện pháp can thiệp kịp thời **[H8.08.03.02]**, **[H8.08.03.03]**, **H8.08.03.04]**, **[H8.08.03.05]**. Kết quả thống kê này được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của Khoa, Nhà trường.

Để giám sát kết quả học tập, khối lượng học tập và cảnh báo học vụ, Nhà trường giao trách nhiệm cho Phòng Đào tạo và Phòng CTSV. Phòng Đào tạo phân công nhiệm vụ cho chuyên viên chịu trách nhiệm, theo đó, sinh viên hàng năm đăng ký khối lượng tín chỉ theo từng học kỳ trên phần mềm, chuyên viên thông báo về kết quả đăng ký. Phòng CTSV cùng với Phòng Đào tạo giám sát công tác tiến bộ học tập của người học. CVHT là người sát sao với SV để theo dõi sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện và có những hỗ trợ SV đạt được mục tiêu học tập của mình **[H8.08.03.06]**.

Đối với ngành CNKT CĐT, người học sẽ phải hoàn thành 158 tín chỉ (quy đổi 1 tín chỉ bằng 15 tiết lý thuyết, 30 tiết thảo luận hoặc bài tập) trong 4,5 năm (9 học kỳ chính) thời gian khóa học quy định với thời gian hoàn thành chương trình tối đa là 13 học kỳ (6,5 năm) **[H1.01.01.04]**. Kết quả học tập cuối cùng của một học phần trong chương trình học được đánh giá theo loại thang điểm là thang điểm 10 và thang điểm chữ (hình thức kiểm tra và đánh giá kết quả học tập được thể hiện trong đề cương chi tiết của các học phần). Các học phần được đánh giá là đạt nếu điểm tổng kết học phần tính theo thang điểm chữ đạt từ điểm D (4-4,9 trên thang điểm 10). Trong trường hợp sinh viên không đạt phải đăng ký học lại học phần đó. Sinh viên được Trường công nhận tốt nghiệp khi có điểm trung bình chung tích lũy đạt 2.0 trở lên theo thang điểm 4. Theo thiết kế của CTĐT, khối lượng học tập mỗi học kỳ đối với ngành CNKT CĐT không vượt 20 tín chỉ. Sinh viên được phép đăng ký học với khối lượng học tập nhỏ

hơn khối lượng thiết kế mỗi học kỳ nhưng không được ít hơn 15 tín chỉ. Để giám sát tiến trình học tập, rèn luyện của người học trong hệ thống đào tạo theo tín chỉ Trường ĐHDL đã ban hành nhiều quy định, thực hiện nhiều biện pháp và các hoạt động phù hợp khác cụ thể là: Đã xây dựng, phát triển phần mềm quản lý đào tạo, website quản lý đào tạo, website thông tin đào tạo, cung cấp tài khoản cho người học, thành lập Hội đồng đánh giá và các quyết định về công tác rèn luyện sinh viên; Hội đồng và các quyết định về công tác công tác hỗ trợ, tư vấn, giám sát người học, quy định xét cảnh báo học tập và buộc thôi học [H8.08.03.07], [H8.08.03.08].

Ngay từ khi nhập học, sinh viên ngành CNKT CĐT cũng như sinh viên toàn trường được phổ biến, hướng dẫn nội quy quản lý sinh viên, quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của người học. Điểm rèn luyện của người học được đánh giá đảm bảo chính xác, công khai theo đúng quy định. Kết thúc học kỳ, năm học và khóa học, Khoa CK&ĐL tổ chức cho sinh viên tự chấm điểm đánh giá kết quả rèn luyện của mình thông qua tập thể lớp bình xét từng người một, trình Hội đồng khoa và cuối cùng là Nhà trường xem xét và quyết định công nhận. Kết quả rèn luyện của sinh viên ngành CNKT CĐT giai đoạn 2018-2023 được đánh giá chi tiết trong Bảng 18. Số sinh viên đạt kết quả rèn luyện đạt từ loại khá trở lên như sau: năm học 2016-2017 là (HK1: 91.67% và HK2: 95.12%) năm học 2017-2018 là (HK1: 94.47% và HK2: 93.30%), năm học 2018-2019 là (HK1: 94.44% và HK2: 93.30%); năm học 2019-2020 là (HK1: 79.05% và HK2: 95.00%); năm học 2020-2021 là (HK1: 94.84% và HK2: 97.44%); năm học 2021-2022 là (HK1: 97.83% và HK2: 96.66%); năm học 2022-2023 là (HK1: 95.32% và HK2: 95.22%); đây là cơ sở để xét học tiếp, ngừng học, buộc thôi học, xét công nhận tốt nghiệp và xét, cấp học bổng khuyến khích học tập cho sinh viên [H8.08.03.09].

Bảng 18: Kết quả rèn luyện của sinh viên ngành CNKT CĐT giai đoạn 2018-2023

Năm học	Học kỳ	Số lượng	Xuất sắc	Tốt	Khá	Trung Bình	Yếu	Kém	% khá trở lên
2018-2019	1	427	24	310	75	4	0	14	95,78%
	2	365	28	223	91	7	16	0	93,70%
2019-2020	1	386	57	178	133	6	0	12	95,34%
	2	374	18	202	93	18	16	0	83,69%
2020-2021	1	512	26	339	132	0	13	2	97,07%
	2	441	24	255	151	6	5	0	97,51%
2021-2022	1	739	44	475	204	5	11	0	97,83%
	2	628	33	356	218	8	13	0	96,66%

2022-2023	1	712	37	510	131	16	16	2	95,22%
	2	556	17	329	184	18	2	6	95,32%

(Nguồn: Phòng CTSV)

Bên cạnh đó, các giảng viên Khoa CK&ĐL, Khoa CK&ĐL, Nhà trường luôn có kế hoạch và triển khai các biện pháp phù hợp nhằm giám sát kết quả học tập của sinh viên, khuyến khích tinh thần học tập của sinh viên như: Tổ chức các buổi giới thiệu nghề nghiệp, kết hợp với các tổ chức nghề nghiệp; Tổ chức sinh viên tham gia các buổi thăm quan tại các công ty trong lĩnh vực CĐT, cơ khí chế tạo máy, hệ thống sản xuất tự động; trao học bổng cho sinh viên...

2. Điểm mạnh

Việc quy định chi tiết và ban hành công khai trong Sổ tay sinh viên về quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ và quy chế đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên hệ chính quy của Nhà trường cùng với sự hỗ trợ của phần mềm quản lý đào tạo đã giúp Nhà trường giám sát tốt kết quả học tập, rèn luyện của sinh viên nói chung và sinh viên ngành CNKT CĐT nói riêng.

3. Điểm tồn tại

Hệ thống giám sát từ các bộ phận như CVHT, Phòng CTSV, Phòng đào tạo còn chưa kịp thời phát hiện, đôn đốc các sinh viên ngay từ khi bắt đầu có hiện tượng chểnh mảng trong học tập, hoặc chưa hỗ trợ kịp thời các hoạt động nghiên cứu có ứng dụng thực tiễn của sinh viên các ngành.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2024, Phòng CTSV, Phòng ĐT và Khoa CK&ĐL cùng các CVHT thường xuyên kiểm tra, đôn đốc và hỗ trợ sinh viên, tạo kênh liên lạc hai chiều giữa Trường ĐHĐL và gia đình sinh viên.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt và mức điểm là 4/7.

Tiêu chí 8.4: Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học.

1. Mô tả hiện trạng

Để giúp sinh viên học tập tốt, rèn luyện tốt, có khả năng xin được việc khi tốt nghiệp thì ngoài khía cạnh giảng dạy trên lớp, giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn

luyện thi Trường ĐHĐL nói chung, Khoa CK&ĐL nói riêng đã huy động toàn hệ thống chính trị vào cuộc. Hệ thống chính trị (Đảng ủy Trường, Ban giám hiệu, Khoa CK&ĐL, Phòng CTSV, Phòng Đào tạo, Đoàn thanh niên Nhà trường, Trung tâm Hỗ trợ việc làm và Khởi nghiệp) **[H8.08.04.01]** đã thực hiện các hoạt động như: công tác tư vấn, hỗ trợ học tập của các CVHT, tổ chức hội thảo việc làm, các hoạt động tình nguyện, hiến máu nhân đạo, các giải thể thao, bóng đá, văn nghệ, các câu lạc bộ, nghiên cứu khoa học sinh viên, các buổi tập huấn kỹ năng viết lý lịch xin việc và phỏng vấn xin việc, vay vốn tín dụng sinh viên. Trường ĐHĐL đưa vào hệ thống quản lý phần mềm mới để phục vụ quá trình học tập, quá trình thi và đánh giá kết quả học tập của sinh viên như: website đăng ký môn học trực tuyến sinhvien.epu.edu.vn, dkmh.epu.edu.vn; hệ thống tổ chức thi hết học phần QKT.E.TEST, tăng cường liên kết gia đình và Nhà trường. Chính nhờ những hoạt động này cùng với hoạt động quảng bá, giới thiệu về trường, Khoa CK&ĐL, ngành CNKT CĐT trên các phương tiện đại chúng và sinh viên được bố trí thời gian đi thực tập tốt nghiệp nhằm giúp sinh viên tìm hiểu thực tế, vận dụng những kiến thức đã học vào làm thực tế nên tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành CNKT CĐT sau 1 năm tốt nghiệp trong 2 năm chiếm tỷ lệ cao.

Với sinh viên mới nhập học để giúp các em có thể sớm hòa nhập với môi trường học tập trong trường đại học thì Nhà trường đã phổ biến nội quy, quy chế, phương pháp học tập cho sinh viên trong tuần sinh hoạt chính trị đầu năm học, biết được các hoạt động Câu lạc bộ. Ngoài ra, Nhà trường thực hiện việc khen thưởng, cấp học bổng, giải thưởng đối với người học có thành tích học tập, NCKH tốt theo đúng quy định khen thưởng với mục đích khuyến khích sinh viên nâng cao hơn nữa kết quả học tập, rèn luyện của mình **[H8.08.04.02]** và đánh giá hoạt động tham gia Câu lạc bộ, nhóm nghiên cứu để tăng cường kỹ năng cho sinh viên. Số lượng sinh viên ngành CNKT CĐT nhận học bổng từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023 được thống kê như trong Bảng 19.

Bảng 19: Bảng thống kê số lượng sinh viên nhận học bổng ngành CNKT CĐT

Năm học	Học kỳ	Số lượng Sinh viên	Xuất sắc	Giỏi	Khá
2018-2019	1	9	0	6	3
	2	10	0	8	2
2019-2020	1	12	6	1	5
	2	13	1	9	3

2020-2021	1	41	6	19	16
	2	37	2	23	12
2021-2022	1	59	11	36	12
	2	49	6	14	29
2022-2023	1				
	2				

(Nguồn Phòng CTSV)

Nhà trường không ngừng hợp tác với các hiệp hội, doanh nghiệp trong việc hợp tác đào tạo, đồng thời trao học bổng cho sinh viên, phần thưởng khi tốt nghiệp, học bổng của doanh nghiệp, học bổng cho thủ khoa, trong các chương trình “Chào tân sinh viên” của Nhà trường, của Khoa.

Cụ thể như năm học 2015-2016, Tập đoàn Viettel quân đội, Ngân hàng Agribank, Ngân hàng BIDV và Tập đoàn HC, mỗi đơn vị tài trợ 5 suất học bổng, mỗi suất 2.000.000đ cho những sinh viên thủ khoa đầu vào các ngành học. Năm học 2016-2017, các chi nhánh của Ngân hàng Agribank tại Hà Nội, Ngân hàng BIDV và Tập đoàn Viettel quân đội đã tiếp tục tài trợ 35 suất học với tổng trị giá là 70 triệu đồng, Công ty MBT đã tài trợ mỗi suất thủ khoa đầu ra các ngành 5.000.000 đồng.

Về việc thực hiện chế độ miễn giảm học phí, Nhà trường thực hiện đầy đủ Nghị định 86/2015/NĐ-CP, 49/2010/NĐ-CP, Nghị định 74/2013/NĐ-CP, Thông tư 20/2014/TTLT-BDGDĐT-BTC-BLĐTBXH. Trước năm học 2015-2016, Nhà trường cấp giấy xác nhận để sinh viên thuộc đối tượng này về nhận trợ cấp tại các địa phương nơi gia đình sinh viên cư trú. Từ học kỳ 1 năm học 2015-2016, Nhà trường trực tiếp chi trả cho sinh viên. Nhà trường có văn bản thông báo cụ thể thời hạn tiếp nhận hồ sơ và giải quyết các chế độ ưu đãi cho sinh viên. Chính vì thế, mọi sinh viên đều hiểu rõ thực hiện nghiêm túc, mọi chế độ liên quan đến sinh viên đều được Nhà trường giải quyết nhanh chóng, kịp thời và đúng chế độ quy định của Nhà nước **[H8.08.04.03]**. Số lượng sinh viên miễn giảm học phí ngành CNKT CĐT được thống kê chi tiết như trong Bảng 20.

Bảng 20: Bảng số lượng sinh viên miễn giảm học phí ngành CNKT CĐT

Năm học	Học kỳ	Số lượng	100%	70%	50%	Tổng số tiền (đồng)
2018-2019	1	5	2	1	2	26.825.000

	2	5	2	1	2	26.825.000
2019-2020	1	3	3	0	0	18.692.000
	2	7	3	0	4	36.740.000
2020-2021	1	10	5	0	5	75.337.500
	2	8	3	0	5	44.183.000
2021-2022	1	7	2	0	5	40.209.000
	2	5	2	0	3	30.373.500
2022-2023	1	10	3	3	4	56.876.600
	2	9	2	3	4	64.604.600
Tổng		69	27	8	34	420.666.200

(Nguồn Phòng CTSV)

Khảo sát ý kiến người học cho thấy Trường ĐHDL chăm lo tốt nhu cầu cho sinh viên về sức khỏe, nhu cầu văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao các hoạt động Đoàn, Hội giúp ích và có tác dụng thiết thực đối với sinh viên **H8.08.04.04]**, **[H8.08.04.05]**, **[H8.08.04.06]**, **[H8.08.04.07]**.

Trường ĐHDL có Trung tâm HTVL&KN chịu trách nhiệm hỗ trợ việc làm cho người học. Các công tác hỗ trợ việc làm luôn được đẩy mạnh thông qua việc phối hợp với các công ty, doanh nghiệp tuyển dụng để giới thiệu việc làm cho sinh viên. Đồng thời cung cấp các thông tin thường xuyên cho sinh viên về thị trường lao động, nhu cầu tuyển dụng lao động của doanh nghiệp giúp sinh viên có những bước chuẩn bị cần thiết để đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động khi ra trường. Qua đó, Trung tâm HTVL&KN phối hợp với Khoa tổ chức cho sinh viên thực tập, kiến tập để tiếp cận với môi trường làm việc thực tế tại các doanh nghiệp, cơ quan nhà nước, tăng cường kiến thức thực tiễn cho sinh viên và tối ưu hóa việc vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết các tình huống thực tế. Đồng thời tăng cường tổ chức các cuộc thi ý tưởng sáng tạo khởi nghiệp, khuyến khích sinh viên tham gia.

Bên cạnh đó, Trường ĐHDL triển khai thăm dò ý kiến người học về chất lượng giảng dạy các môn học, về giảng viên; thăm dò ý kiến người học trước khi tốt nghiệp về chất lượng đào tạo. Ý kiến người học được tổng hợp theo các tiêu chí cho từng giảng viên, cho đơn vị và toàn trường. Để công tác thăm dò ý kiến người học thực hiện với số lượng phiếu lớn (mỗi đợt hơn 10 ngàn phiếu), đảm bảo 100% sinh viên được lấy ý kiến hàng năm và trên 90% giảng viên được lấy ý kiến, Nhà trường đã trang bị

cho Phòng KT&ĐBCL phần mềm lấy ý kiến người học online, các kết quả được công bố công khai để giảng viên và người học được biết. Trường đã thực hiện việc khảo sát về việc làm sau tốt nghiệp của sinh viên. Các kết quả cho thấy, hàng năm, tỉ lệ sinh viên xin được việc làm trên 97% số sinh viên trả lời. Nhà trường đã trang bị cho Phòng KT&ĐBCL phần mềm lấy ý kiến người học online, các kết quả được công bố công khai để giảng viên và người học được biết.

Năm 2022, Trường ĐHDL ra thông báo về việc phòng chống tiêu cực và khắc phục bệnh thành tích trong giáo dục tại trường Đại học Điện lực. Trong thông báo 844/TB-ĐHDL có nêu rõ: “Đề tích cực phòng, chống tiêu cực và khắc phục bệnh thành tích trong giáo dục, Nhà trường yêu cầu các sinh viên thực hiện nghiêm túc các quy chế, quy định của Nhà trường, tích cực học tập và rèn luyện. Tuyệt đối không được thực hiện các hành vi: Học hộ hoặc nhờ người học hộ; kiểm tra hộ hoặc thi hộ; làm hộ hoặc nhờ người làm hộ tiểu luận, đồ án, khóa luận tốt nghiệp; chạy điểm hoặc tổ chức chạy điểm và các hành vi tiêu cực khác trong học tập”. Đoàn thanh niên nhà trường đã tổ chức triển khai phát động phong trào “Văn minh học đường, nói không với bệnh thành tích trong học tập và thi cử” tới các Liên chi đoàn trực thuộc.

2. Điểm mạnh

Trường ĐHDL, Khoa CK&DL, đã có nhiều hoạt động ngoại khóa, hoạt động hỗ trợ sinh viên trong ngành CNKT CĐT tìm hiểu về việc làm khi tốt nghiệp, tư vấn hỗ trợ học tập, trao học bổng, thực hiện đầy đủ chế độ chính sách giúp sinh viên nâng cao thành tích học tập và cơ hội tìm kiếm việc làm khi ra trường.

3. Điểm tồn tại

Công tác truyền thông cho các chương trình và đưa thông tin hỗ trợ đến từng người học còn hạn chế, thủ tục hành chính để sinh viên có thể được hỗ trợ còn chậm.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2024, Phòng KT&ĐBCL và các đơn vị liên quan thực hiện hiệu quả việc phân tích các kết quả khảo sát nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động hỗ trợ sinh viên.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt và mức điểm là 4/7.

Tiêu chí 8.5: Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học

1. Mô tả hiện trạng

Mặc dù khuôn viên, diện tích, điều kiện cơ sở vật chất của Nhà trường còn hạn chế, cụ thể trường có diện tích 1,98ha ở cơ sở 1 tại Hoàng Quốc Việt, Từ Liêm, Hà Nội với tổng diện tích xây dựng 33.503m², và 7,93ha ở cơ sở 2 tại Tân Minh, Sóc Sơn, Hà Nội với tổng diện tích xây dựng 37.736m², nhưng Nhà trường đã có nhiều biện pháp cùng với giảng viên, người học tạo ra được môi trường tâm lý thoải mái cho người học. Hiện nay, khuôn viên của trường được tách làm hai phần rõ rệt. Một khu vực dành cho đào tạo, NCKH, các khối hành chính, văn phòng với các phòng học được trang bị điều hòa, máy chiếu, camera. Một khu vực dành cho thực hành, thí nghiệm, giáo dục thể chất, an ninh quốc phòng được đầu tư, bài bản, hiện đại, tầm cỡ của quốc gia với không gian thoáng đãng, sạch sẽ, tiện lợi với nhiều cây xanh, có vườn hoa, ghế đá, khu tập luyện thể thao gồm sân bóng đá mini, sân bóng chuyền, bóng rổ, cầu lông, hội trường **[H8.08.05.01]**. Tại các khu vực này đều có những bảng, biểu hướng dẫn sử dụng cũng như quy tắc ứng xử của cán bộ giảng viên, sinh viên trong Trường ĐHĐL **[H8.08.05.02]**.

Sức khỏe là yếu tố quan trọng để người học thực hiện được nhiệm vụ học tập và NCKH của mình. Chính vì vậy, Trường ĐHĐL đã ký hợp đồng khám sức khỏe với các trung tâm y tế, đảm bảo 100% sinh viên nhập học được khám sức khỏe **[H8.08.05.03]**. Trong năm học, Phòng y tế của Trường thực hiện nhiệm vụ tư vấn sức khỏe, sơ cứu, điều trị, cấp phát thuốc các bệnh thông thường cho sinh viên và chuyển tuyến trong những trường hợp cần thiết. Trường ĐHĐL thực hiện đúng việc mua bảo hiểm y tế cho sinh viên theo quy định của Nhà nước, mua bảo hiểm thân thể tự nguyện cho sinh viên **[H8.08.05.03]**. CVHT, Đoàn Thanh niên và Trung tâm HTVL&KN đóng vai trò là bộ phận tư vấn hỗ trợ tâm lý cho người học khi người học có những vấn đề thắc mắc đồng thời trực tiếp quản lý mọi mặt các hoạt động của tập thể lớp, của từng sinh viên trong quá trình học tập tại trường. Các CVHT đã lên kế hoạch, bố trí thời gian theo thời khóa biểu để gặp gỡ sinh viên, tìm hiểu hoàn cảnh gia đình, lập danh sách lý lịch trích ngang sinh viên, cùng gia đình sinh viên hướng dẫn phương pháp học tập đại học, NCKH, tư vấn tâm lý cho sinh viên... Hàng năm, Phòng CTSV đều tiến hành tổng kết công tác quản lý sinh viên và đề ra phương hướng nhiệm vụ năm học tiếp theo.

Thư viện điện tử của Trường có phòng đọc rộng, được trang bị máy lạnh, có

đầy đủ tài liệu, giáo trình, sách giáo khoa phục vụ cho việc học tập và nghiên cứu khoa học của sinh viên. Các sinh viên đều được hướng dẫn phương pháp học ở đại học, hướng dẫn sử dụng thư viện, tìm kiếm tài liệu học tập, các thông tin mới nhất về các thư viện sách truyền thống và thư viện điện tử được cập nhật cho sinh viên **[H8.08.05.04]**.

Trường ĐHĐL, Khoa CK&ĐL thường xuyên tạo mọi điều kiện thuận lợi cho sinh viên tham gia hoạt động, tập luyện văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao, Nhà trường có sân thể thao đa năng, và một số sân thể thao riêng về cầu lông, bóng bàn, bóng rổ, bóng đá ở cơ sở 1 và 2. Hàng năm, Trường ĐHĐL duy trì: Tổ chức hội diễn văn nghệ toàn trường vào dịp 20/11; Hội thao toàn trường vào dịp 26/3, thi giọng ca vàng, nữ sinh thanh lịch, thi cắm hoa, thi nấu ăn, thi đấu bóng đá, bóng chuyền, tennis, cầu lông... Đến năm 2017, Đoàn Thanh niên đã thành lập được 11 câu lạc bộ sở thích để các sinh viên tham gia như: Câu lạc bộ thanh niên tình nguyện, Câu lạc bộ thanh niên vận động hiến máu, Câu lạc bộ Sinh viên NCKH, Câu lạc bộ Robocon, Câu lạc bộ văn nghệ, Câu lạc bộ Guitar, Câu lạc bộ Kỹ năng sống, Câu lạc bộ Tiếng Anh, Câu lạc bộ võ thuật, Câu lạc bộ cầu lông, Câu lạc bộ nữ sinh Công tác an ninh trật tự trong Trường luôn được giữ vững với nhiều biện pháp khác nhau để triển khai nhiệm vụ an ninh, an toàn trong trường học, cụ thể là: Ban hành nội quy cơ quan, nội quy Ký túc xá. Khoa CK&ĐL có 2 Câu lạc bộ sinh viên đó là Câu lạc bộ vẽ 3D, Câu lạc bộ vẽ Autocad) **[H8.08.05.05]** và tạo điều kiện cho sinh viên CĐT có cơ hội tham gia các hoạt động ngoại khoá, tăng cường các kỹ năng và sự tự tin trong quá trình học tập tại môi trường đại học.

Trường ĐHĐL có đội ngũ giữ gìn an ninh trật tự, hệ thống camera theo dõi thường xuyên, Nhà trường đã phối hợp Công an các phường, xã trên địa bàn để kiểm tra, nắm rõ tình hình học sinh, sinh viên, đăng ký tạm trú tạm vắng cho sinh viên trong ký túc xá. Do đó sinh viên luôn được đảm bảo an toàn về tính mạng, sức khỏe cũng như tài sản cá nhân.

Trường duy trì tổ chức bếp ăn tập thể, căng tin để phục vụ ăn uống và các nhu cầu thiết yếu hàng ngày của sinh viên; định kỳ đã được cơ quan Y tế Hà Nội kiểm tra, đánh giá và cấp giấy chứng nhận đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

Ngoài ra, công tác phòng chống cháy nổ trong Trường ĐHĐL cũng được thực sự quan tâm. Hàng năm, Trường ĐHĐL tiến hành các buổi tập huấn phòng chống cháy

nỗ cho sinh viên.

Môi trường và cảnh quan của Trường ĐHĐL được người học đánh giá tốt bởi đã tạo được hứng thú cho họ để phát huy khả năng học tập. Nhìn chung, các hoạt động hỗ trợ sinh viên đã có tác dụng tích cực, giúp sinh viên đạt kết quả tốt trong học tập và rèn luyện, số lượng sinh viên được khen thưởng ngày càng tăng. Sinh viên được khảo sát đánh giá hài lòng về môi trường, cảnh quan phục vụ học tập.

2. Điểm mạnh

Người học được học tập, nghiên cứu và phát triển đầy đủ cả về thể chất cũng như tinh thần trong một môi trường đào tạo thuận lợi về an ninh, an toàn, xanh, sạch, đẹp. Thường xuyên tổ chức hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục, thể thao, các phong trào tình nguyện... qua đó giúp rèn luyện sinh viên về thể chất, tinh thần, có tác dụng giáo dục tốt, góp phần nâng cao chất lượng học tập của sinh viên.

3. Điểm tồn tại

Tiến độ xây dựng còn chưa đáp ứng nhu cầu (mặc dù đã có quy hoạch, kế hoạch).

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2024, Phòng HCQT cùng các đơn vị liên quan đẩy nhanh tiến độ xây dựng đáp ứng nhu cầu học tập, rèn luyện của sinh viên.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt và mức điểm là 4/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 8:

Chất lượng người học là yếu tố chính để đánh giá chất lượng đào tạo của ngành CNKT CĐT. Trường ĐHĐL và Khoa CK&ĐL đã có nhiều biện pháp để đảm bảo chất lượng người học. Chất lượng này thể hiện trước hết ở điểm đầu vào của các chuyên ngành khi Nhà trường tổ chức tuyển sinh cho đến kết quả học tập và rèn luyện trong suốt thời gian đào tạo tại Nhà trường của người học, được lưu trữ trên phần mềm quản lý của Nhà trường, có hệ thống giám sát kết quả học tập và rèn luyện, kết nối Nhà trường và gia đình sinh viên. Bên cạnh đó, người học còn được sự hỗ trợ của Khoa, Nhà trường về hoạt động tư vấn học tập, cấp học bổng cho những sinh viên có thành tích học tập và rèn luyện đạt tiêu chuẩn quy định của Nhà trường, cho vay vốn theo chương trình hỗ trợ của ngân hàng, các hoạt động hỗ trợ học bổng, tư vấn hướng nghiệp, hoạt động đoàn thể... nhằm khuyến khích người học nâng cao kết quả học tập,

rèn luyện và NCKH.

Tiêu chuẩn 9: Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác

Mở đầu

Hệ thống các phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành, thư viện, trang thiết bị và cơ sở vật chất của Trường ĐHDL thường xuyên đầu tư bổ sung, cải tạo, sửa chữa đã làm giàu thêm, phong phú thêm cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và NCKH cho Nhà trường. Nhà trường đã tăng cường công tác quản lý và khai thác sử dụng có hiệu quả tới đa cơ sở vật chất hiện có, đồng thời xây dựng môi trường Nhà trường cảnh quan đảm bảo xanh - sạch - đẹp. Công tác quản lý nề nếp ngày càng đi vào thực chất đáp ứng mọi nhu cầu của người học. Từ Thư viện, phòng học lý thuyết tới xưởng thực hành, phòng thí nghiệm... Trong thời gian tới Nhà trường sẽ tiếp tục tập trung nguồn lực và tiếp tục đầu tư thêm các trang thiết bị để phục vụ cho việc nâng cao chất lượng đào tạo và NCKH.

Tiêu chí 9.1: Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả hiện trạng

Để tạo điều kiện làm việc, Trường ĐHDL bố trí nơi làm việc riêng cho nhóm giảng viên chất lượng cao như: 01 phòng cho phó giáo sư, 01 phòng sinh hoạt chuyên môn cho nghiên cứu sinh, học viên cao học. Tuy nhiên, khi bố trí phòng làm việc cho cán bộ, giảng viên và nhân viên cơ hữu Nhà trường mới chỉ dựa vào số biên chế, tính chất công việc và cách tổ chức sắp xếp nhân sự của từng đơn vị để quyết định số lượng phòng và diện tích phòng làm việc mà chưa có quy định hay thống nhất chung về vấn đề này. Danh mục cơ sở vật chất của Trường ĐHDL được thống kê như trong Bảng 21 [H9.09.01.01].

Bảng 21: Bảng thống kê danh mục cơ sở vật chất của Trường ĐHDL

STT	Danh mục	Số lượng/đơn vị
1	Số phòng học lý thuyết	129 phòng (16.610 m ²)
2	Số phòng làm việc	99 phòng (3.782 m ²)
3	Số phòng thí nghiệm, thực hành	62 phòng (10.424 m ²)
4	Thư viện	2 trung tâm (1.176 m ²)

5	Ký túc xá sinh viên	253 phòng (13.851 m ²)
6	Sân thể thao đa năng	2 cơ sở (11.985 m ²)

(Nguồn: Trích từ thống kê cơ sở vật chất của Trường ĐHDL)

Trang thiết bị vật chất trong phòng làm việc được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu như: bàn, ghế ngồi làm việc, tủ đựng tài liệu, máy in, máy phôtô đèn, quạt, điều hòa nhiệt độ, bộ phát wifi, máy tính được nối mạng đảm bảo đủ tốc độ làm việc.... Đồng thời, Nhà trường áp dụng triển khai ứng dụng CNTT mạnh mẽ trong hầu hết các nội dung quản lý với nhiều phần mềm quản lý chuyên dụng như: phần mềm quản lý đào tạo Edusoft, cổng thông tin tuyển sinh, phần mềm tổ chức thi kết thúc học phần, phần mềm thi trắc nghiệm, phần mềm thống kê lấy ý kiến người học, phần mềm chấm thi trắc nghiệm tuyển sinh, phần mềm quản lý đề thi tự luận, phần mềm thư viện điện tử, cổng thông tin Trường ĐHDL (<http://epu.edu.vn>), phần mềm quản lý công văn, phần mềm quản lý nhân sự. Hệ thống phòng học, giảng đường được trang bị với nhiều trang thiết bị hiện đại nhìn chung đã đáp ứng đủ phòng học phục vụ cho dạy, học và nghiên cứu khoa học của Nhà trường. Các phòng học của Nhà trường đã được đầu tư đầy đủ các trang thiết bị, phương tiện dạy và học gồm: bàn, ghế, bảng, bục, đèn chiếu sáng, quạt, điều hòa nhiệt độ, máy chiếu và phần lớn đã được phủ sóng wifi... **[H9.09.01.01]**

Để tăng cường công tác quản lý và khai thác có hiệu quả các phòng học năm 2017, Trường ĐHDL đã quyết định thành lập tổ trực giảng và quản lý cơ sở vật chất với nhiệm vụ trực giảng, quản lý và tổ chức sửa chữa, thay thế các trang thiết bị khi bị hỏng hóc. Các trang thiết bị, phương tiện dạy và học đã được tổ trực giảng định kỳ bảo dưỡng, sửa chữa kịp thời. Mặt khác ngay sau khi được đầu tư, Trường ĐHDL đã bàn giao cho các đơn vị quản lý đưa vào sử dụng theo lịch học của Trường nên đã đáp ứng đầy đủ nhu cầu về phòng học, đã hỗ trợ kịp thời và hiệu quả các hoạt động đào tạo và NCKH của trường.

Qua kết quả lấy ý kiến của người học về tình trạng của phòng học, cơ sở vật chất với hơn 86,11% người được khảo sát không có ý kiến phàn nàn về tình trạng thiếu phòng học, giảng đường, và các trang thiết bị phục vụ học tập cho thấy rằng hiện tại Trường ĐHDL đã đảm bảo tương đối số phòng học, giảng đường lớn phục vụ cho dạy, học và NCKH đáp ứng yêu cầu của từng ngành đào tạo **[H9.09.01.02]**.

Bảng 22: Bảng thống kê danh mục cơ sở vật chất của Khoa CK&DL

STT	Danh mục cơ sở vật chất	Khả năng/ Số lượng
1	Ghế trường Khoa	1
2	Ghế xoay	8
3	Bàn Trường khoa	1
4	Tủ cá nhân 12 cánh	1
5	Điện thoại bàn	1
6	Máy photocopy + khay nạp tự động + tặng kệ máy	1
7	Máy in	1
8	Bàn họp	1
9	Ghế tựa khung sắt	20
10	Giá sắt để tài liệu	2
11	Điều hòa LG 18000 BTU 2 cục	2
12	Tủ 4 cánh có kính	2
13	Tủ trường phòng	1
14	Máy tính để bàn Lenovo ThinkCentre E73 - Lenovo 18.5" LCD	1
15	Máy tính để bàn Acer	2
16	Bàn làm việc gỗ công nghiệp	3
17	Bảng viết	1
18	Bàn ghế sinh viên (2 chỗ)	6
19	Màn hình máy tính	5
20	Máy tính Lenovo ThinkCentre E73	5
21	Máy cắt Laze CO2 40W (Thuộc đề tài cấp trường)	1
22	Máy phay CNC (Thuộc đề tài cấp trường)	1
23	Máy tiện CNC (Thuộc đề tài cấp trường)	1

(Nguồn: Thống kê trang thiết bị Khoa CK&ĐL năm 2023)

Hàng năm, Trường ĐHĐL vẫn tiếp tục cải tạo, sửa chữa và đầu tư thêm một số phòng làm việc, phòng học. Trong thời gian tới Trường ĐHĐL tiếp tục triển khai lên kế hoạch đầu tư tiếp theo nhằm phục vụ tốt hơn nữa khả năng đáp ứng yêu cầu của người học [H9.09.01.03].

Khoa CK&ĐL đã được Trường ĐHĐL bố trí đầy đủ, kịp thời phòng làm việc và trang thiết bị cần thiết cho quá trình giảng dạy và NCKH. Trường ĐHĐL cũng đã bố trí vị trí làm việc riêng cho lãnh đạo từng khoa. Về cơ sở vật chất, trang thiết bị của Khoa phục vụ chuyên ngành đào tạo CĐT được thống kê như trong Bảng 22.

Văn phòng Khoa CK&ĐL đặt tại phòng M304 được phân thành 4 khu vực: Khu vực 1 là khu vực làm việc riêng của Trưởng Khoa, khu vực 2 phục vụ cho họp và seminar sinh hoạt chuyên môn, khoa học, khu vực 3 khu vực làm việc riêng của Phó Khoa, khu vực 4 tiếp khách và giáo vụ. Khu vực làm việc của Trưởng phó đơn vị được trang bị đầy đủ bàn ghế, máy in, tủ đựng tài liệu phục vụ nhu cầu quản lý. Khu vực 2

với bàn họp lớn có khả năng phục vụ 20 người họp, các tủ sắt mỗi giảng viên được bố trí một ô phục vụ nhu cầu riêng của từng giảng viên [H9.09.01.04]. Văn phòng khoa chưa có bộ phận riêng phục vụ nhu cầu liên quan đến việc đào tạo ngành CNKT CĐT. Tuy nhiên, mọi hoạt động sinh hoạt chuyên môn của chuyên ngành CNKT CĐT vẫn được đảm bảo thông qua việc đăng ký sinh hoạt về thời gian cụ thể cho Giáo vụ khoa để phục vụ tốt các hoạt động đào tạo, nghiên cứu liên quan đến chuyên ngành.

2. Điểm mạnh

Trường ĐHĐL có đủ phòng làm việc cho các cán bộ, giảng viên và nhân viên cơ hữu theo quy định và đều được trang bị đầy đủ điều kiện, trang thiết bị để làm việc. Nhà trường có đủ số phòng học với các trang bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Trường ĐHĐL có quy định về chế độ quản lý, sử dụng máy móc thiết bị.

3. Điểm tồn tại

Các phòng làm việc của khoa chuyên môn và phòng Seminar còn chưa đáp ứng nhu cầu.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2024, Phòng HCQT và các đơn vị liên quan sẽ bố trí phòng làm việc của khoa chuyên môn và phòng Seminar.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt và điểm là 4/7.

Tiêu chí 9.2: Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

Thư viện Trường ĐHĐL tại Cơ sở 1 do Trung tâm Học liệu quản lý và vận hành, hỗ trợ trong công tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu của cán bộ, giảng viên và sinh viên của Trường ĐHĐL.

Thư viện Trường ĐHĐL - thành viên của Liên Chi hội Thư viện Đại học khu vực phía Bắc, đã từng bước được Nhà trường đầu tư, nâng cấp, hoàn thiện về cơ sở vật chất và các nguồn học liệu đã thỏa mãn phần lớn nhu cầu nghiên cứu và học tập của cán bộ giảng viên, sinh viên trong trường. Các trang thiết bị chuyên dụng của thư viện phục vụ trực tiếp và đảm bảo hoạt động thông tin - thư viện hàng ngày như hệ thống chiếu sáng, hệ thống điều hòa, bàn ghế, giá, tủ, hệ thống wifi với đường truyền

Internet tốc độ cao đã đáp ứng yêu cầu và phù hợp mục đích sử dụng của bạn đọc. Hệ thống các phòng đọc được quy hoạch phù hợp với từng đối tượng độc giả: phòng đọc tài liệu chuyên ngành, đọc tại chỗ, tự học, mượn trả, với trên 200 chỗ ngồi đã đáp ứng được nhu cầu đa dạng của bạn đọc (Chi tiết như trong Bảng 23) **[H9.09.02.01]**.

Bảng 23: Bảng thống kê danh mục cơ sở vật chất Trung tâm Học liệu của Trường ĐHDL

STT	Danh mục	Khả năng phục vụ	Minh chứng
1	Diện tích sàn	924m ²	
2	Số phòng đọc	3 phòng	
3	Số chỗ ngồi	200 chỗ	
4	Hệ thống máy tính	3 máy tính	
5	Số lượng sách, giáo trình điện tử	8.097 đầu sách	
6	Số thư viện điện tử liên kết ngoài trường	84 Thư viện điện tử	[H9.09.02.01]

(Nguồn: Trung tâm Học liệu - Trường ĐHDL)

Thư viện được quản lý bằng phần mềm Libol 8.0 bao gồm các phân hệ, mỗi phân hệ có các chức năng phù hợp với yêu cầu nghiệp vụ: tra cứu, biên mục, bổ sung, lưu thông, báo cáo thống kê, v.v... Toàn bộ hoạt động của thư viện được quản lý và được truy cập thông qua mạng máy tính. Thư viện đã xây dựng cơ sở dữ liệu cho các loại hình tài liệu hiện có, thông tin được mã hóa sử dụng hệ thống chip từ, mã vạch. Tại các phòng đọc, bạn đọc có thể kết nối Internet bằng hệ thống wifi để tra cứu tài liệu, tài liệu số thông qua phần mềm Libol 8.0 cũng như thông qua liên kết thư viện số **[H9.09.02.02]**. Thư viện được quản lý bởi các cán bộ chuyên trách, có trình độ phù hợp gồm 01 cán bộ quản lý và 05 chuyên viên. Cán bộ giảng viên và sinh viên luôn được hỗ trợ nhiệt tình trong việc hướng dẫn sử dụng, tìm kiếm và truy cập các tài liệu nghiên cứu, học tập.

Vốn tài liệu tại thư viện phong phú và đa dạng bao gồm sách, giáo trình, tài liệu, học liệu phù hợp với các chuyên ngành đào tạo của trường. Đến cuối năm 2023, Thư viện đã có 8.097 đầu sách, tương đương với 32.040 bản sách. Tài liệu, học liệu liên quan đến chương trình đào tạo của các chuyên ngành được cung cấp đầy đủ, bao gồm các giáo trình chính và tài liệu tham khảo của các môn học. Nhiều môn học có tài liệu tham khảo với cả đầu sách tiếng Việt và tiếng nước ngoài (tiếng Anh) **[H9.09.02.01]**.

Hàng năm, Trung tâm Học liệu đều tổng hợp số liệu, ý kiến phản hồi của bạn đọc đến thư viện học tập, nghiên cứu và truy cập các nguồn tài liệu. Kết quả tổng hợp cho thấy ý kiến phản hồi của bạn đọc về các nguồn tài liệu học liệu là rất tốt. Công kết nối với các tạp chí nghiên cứu uy tín cũng đã được mở cho phép các giảng viên và các sinh viên cập nhật kịp thời các kết quả và công trình nghiên cứu khoa học. Bên cạnh đó, Trung tâm Học liệu cũng thường xuyên cập nhật thêm sách, tài liệu thông qua công tác mua sắm, bổ sung sách từ các nguồn **[H9.09.01.03]**, **[H9.09.02.04]**.

Kết quả quá trình khảo sát lấy ý kiến của người đọc hằng năm về mức độ hài lòng của người đọc cho thấy Thư viện Nhà trường đã đáp ứng được nhu cầu của bạn đọc. Kết quả khảo sát ý kiến của bạn đọc là sinh viên năm 2020 cho thấy, với 93.8% sinh viên hài lòng về cơ sở vật chất, 90.1% sinh viên hài lòng về tài liệu trong thư viện và 98.7% sinh viên hài lòng về các hoạt động quản lý và phục vụ tại thư viện. Năm 2022, các kết quả tương ứng là 90.4% sinh viên hài lòng về cơ sở vật chất, 89.7% sinh viên hài lòng về tài liệu trong thư viện và 95.6% sinh viên hài lòng về hoạt động quản lý, phục vụ tại thư viện **[H9.09.02.05]**.

Trong tuần lễ công dân các năm học, sinh viên được giới thiệu về mô hình hoạt động, các quy định và hướng dẫn tra cứu, sử dụng để khai thác hiệu quả các tài nguyên học liệu **[H9.09.02.01]**. Tại cổng thông tin điện tử của TTHL (<https://arc.epu.edu.vn/>) cũng có sẵn các nội dung hướng dẫn sử dụng hệ thống tìm kiếm, tra cứu thông tin trong thư viện.

2. Điểm mạnh

Thư viện nhà trường do Trung tâm Học liệu chuyên trách quản lý, có chức năng nhiệm vụ rõ ràng, được xây dựng ở vị trí độc lập với khu giảng đường, không gian phù hợp, yên tĩnh, cơ sở vật chất khang trang, hệ thống mạng được trang bị rộng rãi giúp bạn đọc dễ dàng truy cập và sử dụng giúp việc học tập và nghiên cứu đạt hiệu quả tốt.

Thư viện có nguồn học liệu phong phú trên nhiều lĩnh vực và chủng loại: sách, tài liệu, từ điển, luận văn, luận án, báo cáo khoa học và các tạp chí, tài liệu chuyên ngành, v.v.. Hệ thống máy tính, phần mềm, mạng Internet tốc độ cao, giúp bạn đọc dễ dàng truy cập và khai thác các nguồn học liệu, đáp ứng nhu cầu học tập và nghiên cứu khoa học.

3. Điểm tồn tại

Tỷ trọng các tài liệu học tập được số hoá chưa cao.

4. Kế hoạch hành động

Việc ưu tiên tăng tỷ lệ số hóa nguồn tài liệu nội sinh của nhà trường và bổ sung nguồn tài liệu số ngoại sinh tiếp tục được được tiến hành và đề xuất mua sắm sẽ giúp giải quyết vấn đề phát triển nguồn tài nguyên thông tin và cải thiện dịch vụ cung cấp thông tin cho bạn đọc.

5. *Tự đánh giá:* Tiêu chí đạt và điểm là 5/7.

Tiêu chí 9.3: Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

Đối với ngành CNKT CĐT, hệ thống phòng thí nghiệm, thực hành đã được bổ sung các trang thiết bị hàng năm. Hiện tại, hệ thống mạng Internet, máy chiếu được lắp và truyền tới các phòng học. Laptop là công cụ học tập phù hợp và được sinh viên sử dụng rộng rãi trong quá trình học tập nên quá trình học thực hành một số môn học và học kỹ năng sử dụng một số phần mềm chuyên dụng của ngành CNKT CĐT được thực hiện giữa giảng viên và sinh viên trên lớp học. Hệ thống phòng máy phục vụ cho thực hành trên máy và hình thức thi trắc nghiệm được Trung tâm CNTT phối hợp với Phòng KT&ĐBCL thực hiện thống kê về số lượng phòng máy, số máy phục vụ trong phòng. Trung tâm CNTT thống kê tần suất sử dụng trang thiết bị phòng máy người học CTĐT ngành CNKT CĐT. Trung tâm CNTT mới được thành lập năm 2018. Trung tâm CNTT thống kê chi phí hàng năm chi cho trang cấp, sửa chữa, bảo dưỡng trang thiết bị phòng máy. Hệ thống phòng máy phục vụ cho thực hành trên máy và hình thức thi trắc nghiệm được Trung tâm Thí nghiệm thực hành quản lý từ năm 2021 và thực hiện thống kê về số lượng phòng máy, số máy phục vụ trong phòng như trong Bảng 24 [H9.09.03.01].

Trong quá trình học tập, các phần mềm liên quan đến lĩnh vực CĐT thường xuyên được cập nhật và sử dụng. Các phần mềm hỗ trợ sinh viên trong đào tạo, tiếp cận với công việc thực tế.

Bảng 24. Thống kê về trang thiết bị sử dụng phòng máy của sinh viên của Trường ĐHDL

Phòng	AB101	A102	A104	A105	A107	A108
-------	-------	------	------	------	------	------

Phòng	AB101	A102	A104	A105	A107	A108
Máy tính	30	41	31	50	30	40
Máy chủ	-	-	-	-	2	-
Tủ tài liệu	-	-	-	1	-	1
Máy chiếu	1	1	1	1	1	1
Bàn máy tính	22	12	7	9	12	10
Ghế gấp	49	45	45	56	48	51
Giá sắt	1	1	1	1	1	1
Quạt	4	6	6	6	6	6
Điều hòa	2	2	2	2	2	2

Thay bằng đầu tư hệ thống phòng thực hành, sinh viên ngành CNKT CĐT được trải nghiệm thực tế tại các doanh nghiệp sản xuất (với 7-8 tuần Thực hành môn học). Đây là sự đổi mới trong đào tạo của Khoa CK&ĐL, Trường ĐHĐL đối với ngành CNKT CĐT từ năm học 2015-2016.

Nhìn chung, hệ thống phòng thực hành và các trang, thiết bị hiện tại của Trường ĐHĐL đã đầy đủ và phù hợp với chương trình đào tạo và NCKH của cán bộ giảng viên và sinh viên của Trường. Tuy nhiên, để đảm bảo luôn có đủ trang thiết bị phục vụ học tập và NCKH, hàng năm Trường ĐHĐL vẫn dành một khoản kinh phí hàng tỷ đồng cho việc mua sắm bổ sung, duy tu, bảo dưỡng thường xuyên và bảo dưỡng định kỳ trang thiết bị trong toàn trường [H9.09.03.02]. Để nâng cao chất lượng, hỗ trợ đào tạo và nghiên cứu ngày một tốt hơn, hàng năm Trường ĐHĐL đã thực hiện khảo sát lấy ý kiến đối với giảng viên và người học về phòng thí nghiệm, thực hành và các trang thiết bị, kết quả khảo sát cho thấy có 82% giảng viên và người học hài lòng về số lượng và chất lượng trang thiết bị giảng dạy.

Phòng thí nghiệm, phòng thực hành đều có các giảng viên đảm nhiệm phụ trách quản lý phòng, Khoa CK&ĐL đã cử thầy giáo phụ trách phòng đồng thời đã xây dựng quy trình để quản lý và sử dụng các trang thiết bị của phòng thí nghiệm. Phòng máy phục vụ đào tạo cũng được giao cho đơn vị chuyên trách là Trung tâm Thí nghiệm Thực hành phụ trách quản lý [H9.09.03.03].

2. Điểm mạnh

Phòng máy phục vụ CTĐT được giao cho Trung tâm CNTT phụ trách quản lý

tạo điều kiện thuận lợi cho trang bị, bảo dưỡng, thay mới. Việc có bộ phận quản lý riêng cũng giúp cho việc quản lý sử dụng phòng máy được tốt hơn. Các máy tính trang thiết bị mới được đầu tư bổ sung phục vụ nhu cầu học và thi tốt hơn.

3. Điểm tồn tại

Số lượng máy tính và một số thiết bị phục vụ thí nghiệm, thực hành còn ít chưa đáp ứng nhu cầu thực hành của sinh viên.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2024, Phòng HCQT rà soát để trang bị bổ sung số lượng máy tính và thiết bị phục vụ thí nghiệm, thực hành đáp ứng nhu cầu thực hành của sinh viên.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt và điểm là 5/7.

Tiêu chí 9.4: Hệ thống công nghệ thông tin (gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

Về trang thiết bị và cơ sở vật chất: Hệ thống CNTT được Nhà trường đầu tư đầy đủ, phù hợp và định kỳ được cập nhật đã hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy và học, nghiên cứu khoa học và quản lý của Nhà trường. Thiết bị tin học để hỗ trợ các hoạt động dạy và học, NCKH cho từng chuyên ngành gồm: 293 máy tính để bàn, 16 máy tính xách tay, 4 máy chủ và 43 phần mềm phục vụ cho giảng viên và sinh viên giảng dạy, học tập như Edusoft, QMCE.Test, phần mềm đào tạo Elearning, mô phỏng tính toán lưới điện phân phối và phần mềm thư viện điện tử... **[H9.09.04.01]**. Thiết bị tin học để hỗ trợ cho công tác quản lý, điều hành gồm: 6 máy chủ, 179 máy tính để bàn, 29 máy tính xách tay cho các bộ phận: Ban Giám hiệu, cán bộ quản lý cấp phòng, khoa, trung tâm, trưởng bộ môn và chuyên viên đảm bảo 1 máy tính/người. Mỗi văn phòng khoa được trang bị ít nhất 01 máy tính để bàn, 01 máy tính xách tay **[H9.09.04.02]**.

Sinh viên, cán bộ công nhân viên được sử dụng máy tính, cơ sở hạ tầng thông tin của Trường cho các hoạt động tìm kiếm, trao đổi tài liệu phục vụ cho việc học tập và NCKH.

Nhà trường đã xây dựng website, đầu tư hệ thống wifi cho phần lớn các khu vực trong trường như KTX, Thư viện, lớp học và kết nối mạng nội bộ (mạng LAN), mạng Internet cho tất cả các máy tính trong toàn trường. Nhà trường đang sử dụng 7

đường truyền FTTH của các nhà cung cấp: Viettel, FPT, VNPT. Với tổng số băng thông là 335 MB đảm bảo cho 670 kết nối đồng thời với tốc độ 512 kbps [H9.09.04.03].

Về phần mềm hỗ trợ quản lý thông tin: Nhà trường sử dụng 14 phần mềm quản lý chuyên dụng như: phần mềm quản lý đào tạo Edusoft, Cổng thông tin tuyển sinh, phần mềm quản lý tiền đặt cọc, cổng thông tin Trường Đại học Điện lực (<http://epu.edu.vn>), phần mềm quản lý công văn, phần mềm quản lý nhân sự. Mỗi cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên đều có email công vụ và tài khoản truy cập internet miễn phí. Mỗi cán bộ làm việc tại văn phòng được trang bị một máy tính để bàn [H9.09.04.02].

Về quản lý hệ thống công nghệ thông tin: Để tăng cường công tác quản lý và khai thác có hiệu quả hệ thống công nghệ thông tin của Trường, Nhà trường đã quyết định thành lập Trung tâm CNTT gồm các thành viên có trình độ chuyên môn cao và giao nhiệm vụ quản lý, vận hành hạ tầng mạng và các thiết bị tin học phục vụ công tác quản lý, giảng dạy của Nhà trường [H9.09.04.04]. Các công việc duy trì hệ thống do Trung tâm CNTT thực hiện. Trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ tại trung tâm đạt tiêu chuẩn, trong đó có một cán bộ trình độ tiến sĩ, 2 cán bộ đang thực hiện đề tài tiến sĩ, còn lại là các cán bộ đạt trình độ thạc sĩ

Hiện nay, Nhà trường chưa bố trí hệ thống CNTT phục vụ riêng cho học tập, nghiên cứu CTĐT CĐT. Hệ thống công nghệ thông tin phục vụ cho CTĐT này thuộc hệ thống thông tin phòng máy chung của Trường do Trung tâm CNTT phụ trách. Nhà trường cũng trang bị các thiết bị tối ưu trong Hội trường M, B1 bao gồm màn hình LED, ti vi các dãy ngồi, hệ thống loa âm thanh, wifi phục vụ hội thảo, nghiên cứu, hoạt động ngoại khóa của giảng viên, sinh viên Nhà trường.

Định kỳ, Nhà trường kiểm tra thực trạng của cổng thông tin, hệ thống Email, các phần mềm và khảo sát đối với cán bộ, giảng viên và người học về các thiết bị tin học, kết quả khảo sát cho thấy có 86% cán bộ giảng viên và người học hài lòng về các thiết bị tin học phục vụ giảng dạy phục vụ hoạt động dạy và học, nghiên cứu khoa học và công tác quản lý [H9.09.04.05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã trang bị đầy đủ hệ thống công nghệ thông tin để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy và học, nghiên cứu khoa học và quản lý.

Đội ngũ quản lý, vận hành thiết bị tin học có trình độ chuyên môn cao, có khả năng tự phát triển và vận hành các hệ thống phần mềm phục vụ công tác quản lý của Trường ĐHDL.

3. Điểm tồn tại

Trường đã áp dụng hệ thống CNTT hợp nhất toàn trường nhưng chưa ổn định và chưa khai thác hết chức năng sử dụng.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2024, Phòng HCQT và Trung tâm CNTT hoàn thiện hệ thống công nghệ thông tin trong Nhà trường và tiếp tục khai thác chức năng của phần mềm hợp nhất.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt và điểm là 5/7.

Tiêu chí 9.5: Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHDL có 02 cơ sở cách xa nhau; khuôn viên rộng; cơ sở 2 có 3 mặt tiếp giáp với khu dân cư, cơ sở 1 có 2 mặt tiếp giáp với đường giao thông, bên ngoài khuôn viên có nhiều hộ kinh doanh tự phát nên rất khó khăn cho công tác bảo vệ. Trường có những quy định về môi trường học tập, sức khỏe và an toàn trong học tập lý thuyết, thực hành....

Nhằm tăng cường công tác giữ gìn an ninh trật tự, bảo vệ tài sản, thiết bị cơ sở vật chất trong Trường, Nhà trường đã đầu tư cơ sở vật chất và có các biện pháp cụ thể như sau:

Đầu tư xây tường rào bao quanh trường và bổ sung thêm dây thép gai phía trên tường, lắp đặt hệ thống camera giám sát tại một số khu vực và cổng ra vào. Trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy, có phương án, tiêu lệnh, hướng dẫn về phòng cháy chữa cháy ở tất cả các khu vực giảng đường, các phòng học thực hành thí nghiệm, ký túc xá...

Nhà trường đã trang bị bảo hộ lao động cho cán bộ, giảng viên và sinh viên khi tham gia thí nghiệm, thực hành và ban hành hệ thống các nội quy, quy định như: nội quy phòng làm việc, nội quy phòng học, nội quy phòng thí nghiệm, thực hành, nội quy Ký túc xá, nội quy ra vào cơ quan... và được treo, dán tại các khu vực phòng học,

phòng làm việc, phòng thí nghiệm, phòng ở và được phổ biến tới toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên, sinh viên trong Nhà trường để thực hiện **[H9.09.05.01]**.

Nhà trường đã thành lập ban chỉ huy, đội phòng cháy chữa cháy, ban chỉ huy phòng chống lụt bão. Ban chỉ huy phòng chống lụt bão, phòng cháy chữa cháy có trách nhiệm lập kế hoạch, lập phương án và tổ chức thực hiện nhiệm vụ khi có sự cố xảy ra. Hàng năm, Nhà trường tổ chức tập huấn về công tác Phòng cháy chữa cháy **[H9.09.05.02]**, **[H9.09.05.03]**.

Ngoài ra, để tăng cường công tác an ninh trật tự, Nhà trường thường xuyên phối kết hợp với các đơn vị công an tại khu vực Sóc Sơn và Bắc Từ Liêm để tăng cường tuyên truyền giáo dục về pháp luật, về phòng chống các tệ nạn xã hội, ý thức chấp hành pháp luật và các quy định của địa phương; nắm bắt tình hình và bàn biện pháp quản lý số sinh viên nội, ngoại trú và để giải quyết kịp thời khi có sự việc bất thường xảy ra. Phối hợp với Huyện đội Bắc Từ Liêm và Sóc Sơn để thành lập đội dân quân tự vệ, định kỳ lực lượng dân quân tự vệ được huấn luyện và được phân công trực tăng cường trong các ngày lễ, tết và các sự kiện quan trọng khác. Nhà trường đã thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo với Công an Thành phố Hà Nội về tình hình bảo vệ chính trị nội bộ của Trường ĐHĐL **[H9.09.05.04]**.

Nhà trường đã thành lập tổ y tế để thực hiện nhiệm vụ tư vấn, khám sức khỏe, sơ cứu, cấp cứu, điều trị, cấp phát thuốc các bệnh thông thường tại chỗ cho cán bộ công nhân viên và sinh viên. Sinh viên sau khi nhập trường đều được khám sức khỏe đầu vào và mua bảo hiểm y tế theo quy định của nhà nước, mua bảo hiểm thân thể tự nguyện cho sinh viên **[H9.09.05.05]**.

Hệ thống phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành được bố trí thành khu vực riêng, có thiết kế phù hợp được trang bị các thiết bị hiện đại để thực hành, thí nghiệm và các máy móc thiết bị khác như máy chiếu, máy điều hòa nhiệt độ, hệ thống âm thanh, hệ thống camera, có mạng Internet, có nội quy và hướng dẫn sử dụng thiết bị. Thư viện điện tử của Trường có phòng đọc rộng, được trang bị máy lạnh, có đầy đủ thiết bị, tài liệu, giáo trình, sách giáo khoa phục vụ cho việc học tập và NCKH của sinh viên.

Nhà trường đã đầu tư đầy đủ trang thiết bị, dụng cụ thể dục thể thao và sân bãi, tại 2 cơ sở của trường với số lượng sân bãi gồm: 01 sân thể thao đa năng, 01 sân bóng đá, 01 sân tennis, 03 sân bóng chuyền, 03 sân cầu lông và 01 sân tập xà đơn, xà kép,

nhảy cao, nhảy xa. Tổng diện tích sân bãi cho các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao của Nhà trường là 113.765m², trong đó diện tích sân bãi tại hai cơ sở của Trường là 11.985m², diện tích sân bãi liên kết sử dụng với các đơn vị là 101.780m² với lưu lượng sinh viên như hiện tại khoảng hơn 9000 sinh viên thì đã đáp ứng đủ diện tích sân bãi theo quy định **[H9.09.05.06]**.

Ký túc xá cho người học được bố trí ở cả 2 cơ sở đào tạo của trường với 253 phòng, sức chứa 2.104 chỗ ở và tổng diện tích các phòng ở là 6.789 m². Các tòa nhà Ký túc xá được trang bị cầu thang máy, bình đun nước uống miễn phí cho sinh viên, hệ thống phòng cháy chữa cháy và các tiện nghi tối thiểu khác cho người ở. Trong mỗi phòng ở được trang bị đủ giường 02 tầng, tủ đựng quần áo, đèn chiếu sáng, quạt trần, giá phơi quần áo và hàng tháng mỗi sinh viên được Nhà trường bao cấp 8kWh điện và 4m³ nước. Nhà trường đã ban hành đầy đủ các quy định, nội quy ký túc xá và được công bố công khai **[H9.09.05.06]**.

Trong khu vực ký túc xá đều có nhà ăn phục vụ sinh viên được thiết kế đúng tiêu chuẩn và trang bị đầy đủ trang thiết bị đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh. Sử dụng nguồn nước sạch và thực phẩm an toàn trong quá trình chế biến. Thức ăn hàng ngày được lưu mẫu theo quy định. Nhân viên phục vụ tại nhà ăn được kiểm tra sức khỏe định kỳ, được tham gia các khóa tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về an toàn thực phẩm. Định kỳ các cơ quan chức năng của quận, thành phố Hà Nội đến trường kiểm tra vệ sinh học đường và an toàn vệ sinh thực phẩm. Kết quả sau khi kiểm tra đều được đánh giá tốt và đã được Chi cục an toàn vệ sinh thực phẩm Hà Nội cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm.

2. Điểm mạnh

Môi trường, an toàn, sức khỏe luôn triển khai đáp ứng được yêu cầu và tạo ra môi trường học tập, an toàn cho sinh viên.

Trường có đội ngũ nhân viên bảo vệ, cán bộ phục vụ có bề dày kinh nghiệm, tính kỷ luật và trách nhiệm cao, được tập huấn, học nghiệp vụ công tác bảo vệ thường xuyên.

Nhà trường đã kết hợp tốt với các cơ quan quản lý trên địa bàn, triển khai nhiều biện pháp hữu hiệu bảo vệ tài sản, trật tự, an toàn cho cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và người học.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa khai thác hiệu quả các dữ liệu khảo sát để cải tiến các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2024, Phòng HCQT khai thác hiệu quả các dữ liệu khảo sát để cải tiến các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt và điểm là 5/7.

Kết luận Tiêu chuẩn 9:

Trong suốt thời gian hơn 50 năm xây dựng và phát triển, Trường Đại học Điện lực luôn chú trọng đến công tác đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất; đặc biệt trong 02 năm qua Nhà trường đã đầu tư thêm kinh phí và đẩy nhanh tiến độ xây dựng cơ sở vật chất đảm bảo đầy đủ các điều kiện phục vụ giảng dạy, học tập và NCKH cho CB, giảng viên, nhân viên cơ hữu và sinh viên trong toàn trường. Mức đầu tư cơ sở vật chất phục vụ cho giảng dạy, học tập và NCKH của năm sau luôn cao hơn so với năm trước.

Vì vậy, trong tổng số 5 tiêu chí của Tiêu chuẩn 9 thì có 5 tiêu chí đạt yêu cầu. Tuy nhiên ở mỗi tiêu chí còn một số tồn tại cần phải khắc phục.

Để khắc phục những tồn tại, trong thời gian tới Nhà trường sẽ tăng cường và đổi mới công tác quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở vật chất. Đồng thời, Nhà trường có kế hoạch đầu tư để bổ sung và nâng cấp cả hai cơ sở để đáp ứng nhu cầu của một trường đại học hiện đại.

Số tiêu chí đạt yêu cầu: 5/5 tiêu chí.

Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng

Mở đầu

Chất lượng đào tạo là nhân tố cốt lõi quyết định sự tồn tại và phát triển của một cơ sở đào tạo. Trường ĐHDL nói chung, Khoa CK&ĐL nói riêng rất chú trọng đến việc nâng cao chất lượng đào tạo. Công tác nâng cao chất lượng được thực hiện chặt chẽ và có hệ thống, từ việc thu nhận thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan (giảng viên, sinh viên, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng) để thiết kế và phát triển chương trình dạy học đến việc đảm bảo chất lượng trong kiểm tra, đánh giá, áp dụng các kết quả nghiên cứu khoa học để cải tiến việc dạy và học cũng như đáp ứng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, tạo cơ chế phản hồi cho các bên liên quan.

Tiêu chí 10.1: Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học

1. Mô tả hiện trạng

Để phát triển CTDH, việc thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan gồm chuyên gia, cán bộ quản lý, giảng viên, nghiên cứu viên, sinh viên, đại diện của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, nhà sử dụng lao động và cựu sinh viên là hết sức cần thiết. Điều này đã được chính thức hoá trong quy trình cập nhật, đánh giá CTĐT năm 2019 của Trường ĐHDL **[H10.10.01.01]**. Việc tiếp nhận thông tin phản hồi được lấy nguồn từ Phòng KT&ĐBCL là bộ phận trực tiếp thực hiện tiếp nhận phản hồi của các bên liên quan (như cựu sinh viên, người sử dụng lao động, sinh viên) và Khoa chuyên môn.

Đối với sinh viên đang học, theo quy định của Nhà trường, người học phải tham gia phản hồi về học phần trước khi kết thúc học phần trong mỗi học kỳ bằng một phiếu hỏi do Phòng KT&ĐBCL xây dựng nhằm đánh giá về chất lượng học phần và hoạt động giảng dạy của giảng viên. Các tiêu chí đánh giá bao gồm: Hoạt động giảng dạy, mục tiêu, chương trình và nội dung học phần, hoạt động kiểm tra đánh giá và điều kiện cơ sở vật chất.

Trong giai đoạn 2018-2023, Khoa CK&ĐL còn tổ chức tiếp nhận thông tin và phản hồi trực tiếp của các bên liên quan thông qua các buổi hội thảo chuyên môn, giao lưu kết nối doanh nghiệp....về nhu cầu thực tế đối với CTĐT ngành CNKT CĐT theo chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, thái độ **[H1.01.01.06]**, **[H1.01.01.07]**, **[H1.01.01.08]**, **[H1.01.02.08]**, **[H1.01.03.01]**. Khoa cũng tổ chức các buổi seminar định kỳ để đưa ra các góp ý phát triển CTĐT ngành CNKT CĐT **[H1.01.03.02]**. Việc này đã giúp nâng cao chất lượng đào tạo, phương pháp đào tạo góp phần đảm bảo sinh viên của chuyên ngành CNKT CĐT sau tốt nghiệp có cơ hội việc làm cao và đáp ứng nhu cầu xã hội .

Từ những nguồn này, Khoa CK&ĐL lồng ghép các kết quả tổng hợp ý kiến đánh giá phản hồi của các bên liên quan vào hoạt động tổng kết năm học và xây dựng phương hướng hoạt động trong năm học kế tiếp **[H10.10.01.02]**, từ đó làm cơ sở việc tìm kiếm, xác định những giải pháp đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội như sửa đổi chương trình, xác định CDR.

CTĐT ngành CNKT CĐT luôn được định kỳ rà soát, cập nhật điều chỉnh 2

năm/lần. Vì vậy, theo lộ trình điều chỉnh, CTĐT ngành CNKT CĐT đã được hiệu chỉnh vào năm học 2017-2028, 2019-2020; 2022-2023 **[H1.01.01.14], [H1.01.01.15], [H1.01.01.16]**. Trong các lần cập nhật điều chỉnh CTĐT, Khoa CK&DL đều mời các chuyên gia cùng chuyên ngành có uy tín từ các trường đại học, các nhà sử dụng sinh viên tốt nghiệp, giảng viên và cán bộ quản lý các cấp tham gia vào thảo luận, điều chỉnh, góp ý sửa đổi. Bên cạnh đó, giảng viên Bộ môn Cơ điện tử cũng thường xuyên tham khảo những CTĐT tiên tiến từ các trường Đại học đào tạo ngành CNKT CĐT hàng đầu trong nước như Đại học Bách khoa Hà Nội, Đại học Giao thông Vận tải, Đại học Công nghiệp.... Quá trình điều chỉnh CTĐT đều dựa trên các văn bản quy định, hướng dẫn của Trường ĐHDL và Bộ GD&ĐT. Trong các lần điều chỉnh CTĐT, Khoa CK&DL cùng Phòng Đào tạo đều thực hiện quy trình điều chỉnh đúng theo quy định của Bộ GD&ĐT, trường ĐHDL và có sự tham gia đóng góp ý kiến của các bên liên quan để sử dụng làm căn cứ điều chỉnh CTĐT nhằm nâng cao chất lượng dạy học theo nhu cầu xã hội **[H1.01.03.02]**.

Trong năm 2022, Khoa CK&DL đã tiếp nhận ý kiến của các bên liên quan và sử dụng để cập nhật trong CTĐT. Cụ thể 48 cựu sinh viên, 54 sinh viên và 20 doanh nghiệp sử dụng sinh viên tốt nghiệp ngành CNKT CĐT của Trường ĐHDL. Kết quả khảo sát được mô tả chi tiết trong Bảng 25, 26 và 27.

Bảng 25: Thống kê ý kiến phản hồi của cựu sinh viên về CTĐT đáp ứng với CDR ngành CNKT CĐT

TIÊU CHÍ NHẬN XÉT		Hoàn toàn không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Không ý kiến (%)	Đồng ý (%)	Hoàn toàn đồng ý (%)
1.	Ngành học có mục tiêu rõ ràng và CDR phù hợp với yêu cầu xã hội	0%	4%	2%	19%	75%
2.	Cấu trúc chương trình đào tạo linh hoạt, tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên học tập	0%	2%	4%	40%	54%
3.	Chương trình đào tạo có khối lượng vừa phải so với thời lượng quy định	0%	6%	0%	25%	69%
4.	Tỷ lệ phân bố giữa lý thuyết và thực hành hợp lý	0%	8%	2%	23%	67%
5.	Nội dung chương trình phù hợp với mục tiêu đào tạo	0%	4%	2%	15%	79%

6.	Sinh viên được tiếp cận dễ dàng với chương trình đào tạo	0%	2%	4%	19%	75%
7.	Cảm nhận chung của bạn về chất lượng đào tạo của khóa học	0%	2%	2%	21%	75%

Bảng 26: Thống kê ý kiến phản hồi sinh viên về CTĐT với CDR ngành CNKT CĐT

TIÊU CHÍ NHẬN XÉT		Hoàn toàn không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Không ý kiến (%)	Đồng ý (%)	Hoàn toàn đồng ý (%)
1.	Ngành học có mục tiêu rõ ràng và CDR phù hợp với yêu cầu xã hội	0%	0%	2%	17%	81%
2.	Cấu trúc chương trình đào tạo linh hoạt, tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên học tập	0%	4%	0%	24%	72%
3.	Chương trình đào tạo có khối lượng vừa phải so với thời gian quy định	0%	2%	0%	15%	83%
4.	Tỷ lệ phân bổ giữa lý thuyết và thực hành hợp lý	0%	2%	0%	19%	80%
5.	Nội dung chương trình phù hợp với mục tiêu đào tạo	0%	0%	2%	13%	85%
6.	Sinh viên được tiếp cận dễ dàng với chương trình đào tạo	0%	2%	2%	19%	78%
7.	Chương trình đào tạo có thỏa mãn và hữu ích cho công việc của bạn hiện nay và trong tương lai	0%	0%	0%	20%	80%
8.	Các môn học được thiết kế hợp lý và hệ thống	0%	2%	2%	15%	81%

Bảng 27: Thống kê ý kiến phản hồi của doanh nghiệp về chương trình đào tạo đáp ứng với CDR ngành CNKT CĐT

TIÊU CHÍ NHẬN XÉT		Hoàn toàn không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Không ý kiến (%)	Đồng ý (%)	Hoàn toàn đồng ý (%)
1.	Ông/bà hài lòng về năng lực chuyên môn của người lao động trong Cơ quan/doanh nghiệp do trường ĐHĐL đào tạo.	0%	0%	5%	50%	45%
2.	Ông/bà hài lòng về năng lực ngoại ngữ của người lao	0%	10%	0%	55%	35%

TIÊU CHÍ NHẬN XÉT		Hoàn toàn không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Không ý kiến (%)	Đồng ý (%)	Hoàn toàn đồng ý (%)
	động trong Cơ quan/doanh nghiệp do trường ĐHĐL đào tạo.					
3.	Ông/bà hài lòng về năng lực tin học của người lao động trong Cơ quan/doanh nghiệp do trường ĐHĐL đào tạo.	0%	5%	0%	45%	50%
4.	Ông/bà hài lòng về kỹ năng giao tiếp của người lao động trong Cơ quan/doanh nghiệp do trường ĐHĐL đào tạo.	0%	5%	0%	55%	45%
5.	Ông/bà hài lòng về kỹ năng giải quyết vấn đề của người lao động trong Cơ quan/doanh nghiệp do trường ĐHĐL đào tạo.	0%	0%	5%	40%	55%
6	Ông/bà hài lòng về tinh thần kỷ luật và tính cầu thị trong công việc của người lao động trong Cơ quan/doanh nghiệp do trường ĐHĐL đào tạo.	0%	0%	5%	45%	50%

Đối với các doanh nghiệp, Hiệp hội nghề nghiệp việc tham khảo ý kiến phản hồi trong các hội thảo, báo cáo về phát triển năng lực nghề nghiệp cũng như áp dụng thay đổi chuẩn đào tạo trong lĩnh vực cơ khí, tự động hóa của Việt Nam. Những thay đổi, cập nhật này được chuyển hoá thành nội dung phát triển trong CTDH (như tăng cường kỹ năng thực hành trong các môn thực hành môn học, tăng thời lượng giảng dạy các môn môn kỹ năng thiết kế...).

2. Điểm mạnh

Việc xây dựng và hiệu chỉnh CTĐT luôn được Trường ĐHĐL và Khoa CK&ĐL dựa trên ý kiến phản hồi của các bên liên quan nhằm đưa ra những thay đổi phù hợp cho phát triển CTDH.

Các kênh tiếp nhận thông tin phản hồi đa dạng gồm: Bảng hỏi khảo sát, hội thảo, tọa đàm phương pháp học tập, họp Khoa, họp Bộ môn.

3. Điểm tồn tại

Số lượng phiếu khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan để phát triển CTDH còn

chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2024, Khoa CK&ĐL tăng số lượng phiếu khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan để phát triển CTDH.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7

Tiêu chí 10.2: Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả hiện trạng

CTDH ngành CNKT CĐT được định kỳ hiệu chỉnh và đánh giá tính hiệu quả từ ý kiến phản hồi của các bên liên quan và theo hướng dẫn đã được Bộ GD&ĐT ban hành. Trường ĐHĐL đã chuẩn hoá quy trình phát triển CTĐT từ năm 2019 [H1.01.10.01]. Quy trình cập nhật, đánh giá CTĐT được ban hành kèm theo kế hoạch số 432/KH-ĐHĐL ngày 08/4/2019 gồm 6 bước: 1. Lập kế hoạch cập nhật, đánh giá CTĐT; 2. Thu thập thông tin, minh chứng liên quan đến sự cần thiết phải cập nhật, đánh giá CTĐT; 3. Đánh giá, xây dựng báo cáo đánh giá về tính hiệu quả của CTĐT đang thực hiện; 4. Dự thảo những nội dung cần cập nhật, lấy ý kiến HĐKH&ĐT Khoa; 5. Thông qua HĐKH&ĐT Trường; 6. Ký ban hành CTĐT (phiên bản sau cập nhật, đánh giá). Các bước đều được mô tả chi tiết thông qua các nội dung cần thực hiện, quy định rõ đơn vị thực hiện và các biểu mẫu cụ thể. Trong quá trình thực hiện, các khoa phối hợp với phòng Đào tạo để tiến hành đầy đủ các bước trong quy trình. Để cập nhật các quy định mới nhất của Bộ GD&ĐT, nhà trường đã ban Quy định xây dựng, thẩm định, đánh giá, cải tiến chất lượng CTĐT trình độ đại học [H3.03.01.03]. Khi có chủ trương xây dựng quy định mới để hiệu chỉnh CTĐT.

Trong mỗi lần hiệu chỉnh, phát triển CTDH (2017-2018, 2019-2020, 2022-2023), Khoa CK&ĐL tổ chức hội thảo, khảo sát lấy ý kiến từ cựu sinh viên; giảng viên; cán bộ quản lý các cấp; các chuyên gia trong lĩnh vực CĐT. Theo hướng dẫn của Trường ĐHĐL, Ban Lãnh đạo Khoa, Bộ môn và đại diện nhóm hiệu chỉnh chương trình đã thảo luận về sự cần thiết hiệu chỉnh, sự thay đổi giữa CTDH cũ và mới, thống nhất mục tiêu, chuẩn đầu ra và kết cấu CTDH hiệu chỉnh. Các nội dung trong khung chương trình dự thảo được gửi đến giảng viên trong khoa, chuyên gia ngành CNKT CĐT từ các trường đại học, người sử dụng lao động, sinh viên đã tốt nghiệp để lấy ý

kiến góp ý, phản biện trước khi đưa ra Hội đồng Khoa **[H1.01.01.06]**, **[H1.01.01.07]**, **[H1.01.01.08]**. Sau khi họp, thảo luận, nhóm chuyên gia tiếp thu ý kiến góp ý và chỉnh sửa theo kết luận trong biên bản đề Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Nhà trường chính thức ban hành khung CTDH ngành CNKT CĐT sau điều chỉnh năm 2019-2020 và 2022-2023 **[H2.02.02.07]**.

Định kỳ năm, Khoa CK&ĐL cùng Phòng KT&ĐBCL thực hiện hoạt động lấy ý kiến phản hồi của nhà sử dụng lao động về chất lượng người học tốt nghiệp. Căn cứ vào kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi hàng năm về CTDH, nhà trường và khoa đưa ra các giải pháp cải tiến chất lượng phù hợp về điều chỉnh CTDH, nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội.

Căn cứ vào CĐR ban hành trong các giai đoạn của CTDH trình độ đại học ngành CNKT CĐT, Khoa CK&ĐL tiến hành đánh giá việc thực hiện CĐR trong việc biên soạn đề cương các học phần, giáo trình đáp ứng chuẩn đầu ra mới **[H1.01.02.09]**. Trong quá trình thực hiện CTDH, Trường ĐHĐL và Khoa CK&ĐL định kỳ tổ chức hoạt động khảo sát ý kiến giảng viên về chất lượng CTDH, tính thiết yếu của các học phần trong chương trình để thường xuyên cải tiến nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo, đáp ứng tốt kết quả học tập mong đợi của sinh viên và đáp ứng yêu cầu của xã hội **[H1.01.02.06]**.

Ngoài ra, ý kiến của các chuyên gia có uy tín, giảng viên thường xuyên được ghi nhận trong các biên bản của các Hội nghị, Hội thảo của Khoa, các tọa đàm trao đổi thông tin học thuật nhằm củng cố các khối kiến thức lý thuyết gắn với thực hành nghề, đem lại sự tiếp cận đa dạng cho người học về nghề nghiệp chuyên môn từ thực tiễn chuyên môn của các chuyên gia. Những thay đổi, cập nhật này được chuyển hoá thành nội dung phát triển trong CTDH, giúp Khoa CK&ĐL và Bộ môn đánh giá, cải tiến CTDH đáp ứng CĐR của CTĐT.

Bên cạnh đó, Hội đồng khoa và Ban lãnh đạo khoa khi nhận được yêu cầu hiệu chỉnh, cập nhật CTDH **[H1.01.10.01]**, cũng thực hiện đánh giá, rà soát sự phù hợp của quy trình thiết kế và phát triển CTDH với thực tế và quy định của Bộ GD&ĐT, các trường đại học khác, các chương trình đánh giá tiên tiến. Từ đó, làm cơ sở bổ sung biểu mẫu và những đề xuất để quy trình thiết kế và phát triển CTDH được hoàn thiện.

2. Điểm mạnh

Nhà trường ban hành Quy định xây dựng, thẩm định, đánh giá, cải tiến chất

lượng CTĐT phù hợp với quy định của Bộ GD&ĐT. Việc xây dựng và hiệu chỉnh CTDH luôn được thực hiện đúng theo quy định, hướng dẫn của Trường ĐHDL, bám sát CDR. CTDH được định kỳ hiệu chỉnh, cải tiến thông qua đánh giá của các bên liên quan giúp CTDH luôn đáp ứng được nhu cầu của người học và nhà tuyển dụng.

3. Điểm tồn tại

Kết quả khảo sát sinh viên tại thời điểm tốt nghiệp chưa tổng hợp theo từng ngành đào tạo.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2024, Phòng KT&ĐBCL thực hiện tổng hợp kết quả khảo sát sinh viên tại thời điểm tốt nghiệp theo từng ngành để có cơ sở đưa ra giải pháp hiệu quả hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7.

Tiêu chí 10.3: Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng

Để bảo đảm chất lượng, các phòng ban của Nhà trường, Khoa kết hợp với Bộ môn và các phòng ban tham gia vào quá trình giám sát và đánh giá như sau:

Ở cấp Trường, Phòng KT&ĐBCL có chức năng khảo sát kết quả học tập của sinh viên, đảm bảo quá trình thi cử được công bằng, đúng quy chế, thực hiện nghiêm túc các quy trình tác nghiệp như giao nhận đề thi, bài thi, báo điểm, phúc tra....., là đơn vị chủ trì bảo đảm chất lượng bên trong và công tác kiểm định chất lượng phục vụ đánh giá ngoài [H10.10.03.01].

Trong quá trình giảng dạy, học tập, tiến hành lấy ý kiến sinh viên về phương pháp và cách tổ chức bài giảng của giảng viên. Việc làm này diễn ra thường xuyên vào cuối mỗi kỳ, cho tất cả các học phần. Kết quả khảo sát được tổng hợp và gửi tới từng giảng viên, Bộ môn và Khoa để có điều chỉnh kịp thời nhằm đảm bảo chất lượng dạy và học. Ngoài ra Phòng KT&ĐBCL còn tiến hành lấy ý kiến về các công tác phối hợp nâng cao, cải tiến chất lượng của các phòng ban. 100% các học phần trong CTDH trình độ đại học ngành CNKT CĐT đều được lấy ý kiến. Kết quả thu được cho thấy chất lượng giảng dạy đạt hiệu quả tốt và ngày càng được sinh viên đánh giá cao.

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được Nhà trường tổ chức, theo quy

định tổ chức đánh giá kết quả học tập tại trường ĐHĐL **[H10.10.03.02]**. Căn cứ tiến độ đào tạo, Phòng KT&ĐBCL yêu cầu Khoa gửi đề thi và đáp án lên phòng sau 3 tuần học; Phòng KT&ĐBCL tổ chức thi và tiến hành tổ chức chấm thi tập trung. Quy định tổ chức thi và công nhận kết quả được Nhà trường xây dựng giúp việc đánh giá kết quả học tập và quá trình giảng dạy là độc lập với nhau. Kết quả học tập qua đó trở thành thước đo quan trọng đánh giá năng lực học tập của người học và khả năng giảng dạy của giảng viên.

Tổ Trục giảng thuộc Phòng HCQT kiểm tra các hoạt động dạy/học thường xuyên, mức độ nghiêm túc của các hoạt động giảng dạy như thời gian lên lớp, lịch trình giảng dạy, quy chế thi cử **[H10.10.03.03]**. Khi có bất cứ vi phạm nào Tổ trực giảng sẽ tổng hợp vào cuối tháng và nhà trường thông báo trên hệ thống EGOV để nhắc nhở các Khoa và giảng viên và là cơ sở đánh giá thi đua cuối năm của giảng viên **[H10.10.03.04]**.

Hoạt động giảng dạy là một điều kiện cơ bản để xét thi đua khen thưởng các cấp dịp cuối năm. Trong buổi tổng kết năm học, Ban lãnh đạo Khoa tổng kết, đánh giá các mặt tích cực, những kết quả đạt được của các bộ môn và những tồn tại hạn chế. Ngoài ra Khoa cũng sẽ tập hợp ý kiến các giảng viên để gửi lên các cấp trên trong cuộc họp tổng kết năm học và hội nghị cán bộ công chức, viên chức toàn trường. Hàng tháng, trong các cuộc họp giao ban của các đơn vị trong Nhà trường cũng luôn có nội dung trao đổi, kiểm tra, rút kinh nghiệm về công tác giảng dạy và học tập trong Nhà trường. Ngoài ra, trường đã cho lắp camera ở hầu hết các phòng học khu giảng đường tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra.

Về phía Khoa CK&ĐL, định kỳ thực hiện Seminar về nội dung giảng dạy, học liệu chuẩn bị cho quá trình giảng dạy. Các hoạt động tham gia hội thảo khoa học, cách tiếp cận phương pháp giảng dạy mới luôn được chú trọng. Đặc biệt, đối với giảng viên mới tuyển dụng hoặc môn học mới, môn học cập nhật thay đổi. Kết quả dự giờ giảng qua các buổi Seminar sẽ được tổng hợp, góp ý cho giảng viên ngay sau khi kết thúc tiết giảng. Việc làm này sẽ giúp cho giảng viên có những nắm bắt và điều chỉnh kịp thời về nội dung kiến thức cách thức truyền đạt và phân phối thời gian giảng dạy hợp lý hơn góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy.

Kết quả học tập cũng là một tiêu chí được Nhà trường sử dụng để ra quyết định giao khóa luận tốt nghiệp cho sinh viên **[H10.10.03.06]** và là cơ sở xác nhận đủ điều

kiện hoàn thành khoá học tại trường theo quy chế đào tạo trình độ đại học.

Hàng năm, sau khi có thông kê tỷ lệ điểm thi kết thúc học phần của mỗi lớp từ Phòng KT&ĐBCL, Khoa tiến hành rà soát và đánh giá kết quả một số học phần có tỷ lệ sinh viên điểm thi thấp để phân tích, tìm nguyên nhân, đưa ra giải pháp về nội dung, phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá để sinh viên đạt được chuẩn đầu ra của học phần. Điều chỉnh hình thức thi một số học phần mới đưa vào giảng dạy để phù hợp hơn với tính chất môn học.

2. Điểm mạnh

Các quy định, bộ phận rà soát, đánh giá được thiết kế và tổ chức thực hiện một cách có hệ thống, đồng bộ, chặt chẽ và nghiêm túc, góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở đánh giá được thực chất chất lượng dạy và học nhưng đồng thời phát huy được tính chủ động, sáng tạo của cả giảng viên và người học.

3. Điểm tồn tại

Thực hiện phân tích phổ điểm kết quả học tập học phần trong CTDH còn ít.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2024, Khoa CK&ĐL và Phòng KT&ĐBCL thực hiện phân tích phổ điểm kết quả học tập của nhiều học phần trong CTDH và phân tích chi tiết hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7.

Tiêu chí 10.4: Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học

1. Mô tả hiện trạng

Khoa CK&ĐL là một trong những khoa có phong trào nghiên cứu mạnh của Trường, cụ thể số lượng bài báo khoa học đăng trên các tạp chí trong và ngoài nước, các đề tài các cấp của giảng viên trong Khoa liên tục tăng cao trong những năm gần đây. Các đề tài của Khoa có xu hướng ứng dụng rất cao và đã đóng góp đáng kể vào công tác dạy học. Rất nhiều đề tài nghiên cứu khoa học được ứng dụng trong giảng dạy của giảng viên và học tập của sinh viên ngành CNKT CĐT [H10.10.04.01].

Trường ĐHĐL và Khoa CK&ĐL cũng rất coi trọng việc đào tạo kỹ năng NCKH cho sinh viên. Hàng năm, Trường ĐHĐL thông báo đăng ký đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên để khuyến khích sinh viên có nguyện vọng tham gia NCKH đăng

ký cùng với giảng viên hay thực hiện đồ án tốt nghiệp có sản phẩm là mô hình thực tế. Nội dung các đề tài NCKH của sinh viên ngành CNKT CĐT đăng ký đều thuộc lĩnh vực chuyên môn đào tạo để giúp sinh viên hiểu rõ hơn kiến thức chuyên ngành, nắm được phương pháp, cách thức tổ chức nghiên cứu, phát huy khả năng tư duy độc lập, tập hợp tài liệu, phân tích, so sánh, lý giải các vấn đề lý luận, thực tiễn đặt ra một cách khoa học. Bên cạnh đó, một số các công trình NCKH của giảng viên trong Khoa có sự tham gia tích cực của sinh viên [H10.10.04.02], [H10.10.04.03].

Đối với giảng viên, NCKH là một trong hai nhiệm vụ chính. NCKH không chỉ là nhiệm vụ mà còn là trách nhiệm. NCKH giúp giảng viên đưa vào giảng dạy những hiểu biết mới, làm tăng chất lượng giảng dạy và với sự phát triển nhanh của khoa học, người giảng viên phải thường xuyên cập nhật thêm nhiều những kiến thức mới, ko thể giảng những kiến thức cũ đã hết giá trị. Nhiệm vụ NCKH của giảng viên được Nhà trường quy định rất cụ thể bằng các quy định như: Quy chế NCKH, Quy định về các hệ số áp dụng trong Quy chế chi trả tiền lương [H10.10.04.04], [H10.10.04.05].

2. Điểm mạnh

Các quy chế về NCKH của Nhà trường đầy đủ, có khả năng khuyến khích giảng viên, sinh viên thực hiện nhiệm vụ NCKH cũng như thực hiện các đề tài NCKH có tính ứng dụng cao.

3. Điểm tồn tại

Số lượng sinh viên CĐT tham gia NCKH, tham gia các đề tài NCKH chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2024, Khoa CK&ĐL đưa ra các giải pháp thúc đẩy sinh viên tích cực tham gia NCKH.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 4/7.

Tiêu chí 10.5: Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHDL đã có những quy định về đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ (của thư viện, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) thông qua kết

quả khảo sát sinh viên hàng năm. Trước khi sinh viên tốt nghiệp, Phòng KT&ĐBCL sẽ có Phiếu khảo sát cho sinh viên đánh giá toàn bộ về Nhà trường, trong đó có đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích cho sinh viên **[H10.10.05.01]**.

Để thực hiện cải tiến, đánh giá chất lượng dịch vụ và tiện ích, Nhà trường xây dựng Quy định vận hành mạng lưới đảm bảo chất lượng **[H10.10.05.02]**. Thông tin về kết quả cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác được thể hiện trong báo cáo tổng kết hàng năm **[H10.10.05.03]**.

Trung tâm Học liệu có Phiếu khảo sát riêng hàng năm để đánh giá chất lượng phục vụ thư viện của Nhà trường, giảng viên đối với việc phục vụ của thư viện. Thông qua quá trình khảo sát lấy ý kiến của sinh viên hàng năm về hoạt động và mức độ hài lòng về thư viện của bạn đọc **[H10.10.05.04]**. Hàng năm, Trung tâm Học liệu đều có phương án nâng cấp bổ sung sách, trang thiết bị cho phù hợp.

Hàng năm, Nhà trường có buổi giao lưu thầy và trò hàng năm (tổ chức vào tháng 4 hàng năm), các vấn đề về chất lượng giáo dục, các kênh thông tin về fanpage của Nhà trường được sử dụng để Ban Giám hiệu Nhà trường, các phòng ban chức năng tiến hành cải tiến, nâng cao chất lượng phục vụ **[H10.10.05.05]**.

Trong năm 2022, Khoa CK&ĐL thực hiện khảo sát 50 sinh viên ngành CNKT CĐT tham gia trả lời khảo sát đánh giá hài lòng về: thái độ phục vụ sinh viên của cán bộ, nhân viên văn phòng; thư viện có đủ tư liệu tham khảo cho các môn học; và trang thiết bị đầy đủ phục vụ giảng dạy, học tập. Số lượng sinh viên chưa hài lòng về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích chỉ chiếm chưa đến 5%. Khoa CK&ĐL còn có những đóng góp về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của Nhà trường trong các cuộc họp công nhân viên chức hàng năm, họp tổng kết năm học **[H10.10.05.06]**.

2. Điểm mạnh

Trên cơ sở phân tích đánh giá tiện ích phục vụ cho hoạt động giảng dạy và học tập, Trường ĐHDL đã kịp thời có những sự cải tiến để đáp ứng nhu cầu người học.

3. Điểm tồn tại

Một số dịch vụ sinh viên chưa được khai thác hiệu quả (Thư viện điện tử, phần mềm quản trị trường), số đầu sách còn ít, chưa cập nhật.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2024, Khoa CK&ĐL và Trung tâm Học liệu sẽ tăng cường phổ biến để sinh viên có thông tin khai thác hiệu quả các dịch vụ và tiện ích của Nhà trường (Thư viện điện tử, phần mềm quản trị trường).

5. *Tự đánh giá*: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 4/7.

Tiêu chí 10.6: Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến

1. *Mô tả hiện trạng*

Phòng KT&ĐBCL trực thuộc Trường ĐHĐL có chức năng tham mưu trong công tác xây dựng, tổ chức thực hiện, vận hành và giám sát thực hiện các quy trình đảm bảo chất lượng, hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục, công tác khảo thí trong phạm vi toàn Trường; phát triển hệ thống quản lý chất lượng, thực hiện các chức năng khác theo quy định của pháp luật và Quy chế tổ chức, hoạt động của Nhà trường, được quy định trong chức năng nhiệm vụ Phòng KT&ĐBCL theo Quyết định số 1230/QĐ-ĐHĐL ngày 10/8/2022 [H10.10.03.01]. Trong công tác khảo sát các bên liên quan để cải tiến chất lượng, ngoài Phòng KT&ĐBCL còn có sự tham gia của Phòng CTSV, Trung tâm học liệu và các khoa chuyên ngành. Cụ thể như sau:

Thứ nhất, cơ chế phản hồi của các bên liên quan được thực hiện mang tính hệ thống, theo quy trình, được đánh giá và cải tiến liên tục, thường xuyên, có kế hoạch, có phương thức tiến hành và được quản lý trực tiếp của Phòng KT&ĐBCLGD tại Trường. Để hoạt động có chất lượng, trong quá trình đánh giá chất lượng CTĐT ngành CNKT CĐT, Phòng KT&ĐBCLGD đã xây dựng, hoàn thiện hệ thống các bảng hỏi phục vụ hoạt động lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan để thu thập thông tin nhằm đánh giá chất lượng giáo dục CTĐT định kỳ. Phòng CTSV cung cấp CSDL hỗ trợ kênh liên lạc với sinh viên; Trung tâm học liệu khảo sát giảng viên và người học về cơ sở vật chất và nguồn học liệu phục vụ đào tạo. Trong các đợt cập nhật, hiệu chỉnh CTĐT trình độ đại học ngành CNKT CĐT, Khoa CK&ĐL lập kế hoạch, phân công các thành viên trong nhóm khảo sát gửi online (email, đường link) và thu thập phiếu khảo sát các bên liên quan, phân tích thông tin thu được từ phiếu khảo sát. Kết quả phản hồi của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ điều chỉnh khối lượng kiến thức các học phần trong chương trình, điều chỉnh chuẩn đầu ra... Trong các lần điều chỉnh, hệ thống bảng hỏi đều có sự điều chỉnh cho phù hợp nhằm thu thập thông tin chuẩn xác nhất [H10.10.06.01].

Định kỳ, hàng năm, các hoạt động đánh giá chất lượng thông qua phản hồi từ các bên liên quan đều được Phòng KT&ĐBCL phối hợp với Khoa CK&ĐL thực hiện theo đúng hướng dẫn của Trường ĐHĐL. Hiện nay, theo quy định và hướng dẫn của Trường ĐHĐL, vào cuối năm, tất cả các giảng viên cơ hữu phải thực hiện hoạt động tự đánh giá nhiệm vụ: nhiệm vụ giảng dạy; nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn **[H10.10.06.02]**. Ngoài ra, Khoa CK&ĐL phối hợp với Phòng KT&ĐBCL thực hiện hoạt động lấy ý kiến của người học về học phần, hoạt động lấy ý kiến phản hồi về chất lượng hoạt động hỗ trợ người học **[H10.10.06.03]**. Ngoài ra hoạt động lấy ý kiến phản hồi của nhà sử dụng lao động về mức độ cần đạt được của người học sau khi tốt nghiệp được tuyển dụng vào làm việc. Kết quả phản hồi của các bên liên quan được sử dụng trong các hoạt động đánh giá chất lượng giáo dục CTĐT trình độ đại học ngành CNKT CĐT **[H1.01.01.08]**, **[H1.01.02.08]**.

Theo đăng ký nguyện vọng của sinh viên trong các đợt thực tập tốt nghiệp, Nhà trường có Công văn đề nghị các Doanh nghiệp hỗ trợ sinh viên trong các đợt thực tập đó và nhận được sự ủng hộ rất lớn từ các đơn vị. Có được điều này là do công tác tiếp nhận ý kiến và trao đổi về nhu cầu thực tế của sinh viên và doanh nghiệp tuyển dụng đối với CTĐT theo chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, thái độ **[H10.10.06.04]**.

Trong các đợt giãn cách do dịch Covid, Nhà trường chuyển hình thức dạy online nên các bài giảng của các học phần đều được cập nhật thêm các nội dung mới, phương thức đánh giá tuân thủ theo quy chế khảo thí của Nhà trường nhưng có sự linh hoạt trong các phương tiện đánh giá như sử dụng Google Classroom, MSTeams, Google Form để làm các bài kiểm tra ngắn **[H10.10.06.05]**.

Ngoài ra, trong những năm qua, Trường ĐHĐL đã thành lập Trung tâm hỗ trợ việc làm và khởi nghiệp. Đây là một địa chỉ đầu mối trong rất nhiều hoạt động để sinh viên, cựu sinh viên và giảng viên kết nối với doanh nghiệp, cơ sở sản xuất và chuyển giao công nghệ. Trung tâm hỗ trợ việc làm và khởi nghiệp đã và đang có rất nhiều hoạt động, tiếp nhận và xử lý nhiều thông tin phản hồi từ các tổ chức, cá nhân, các cơ sở sản xuất,...đến hoạt động cải tiến chất lượng đào tạo. Khoa CK&ĐL cũng đã tổ chức buổi tọa đàm “Định hướng nghề nghiệp” với các hoạt động giúp cho sinh viên có cơ hội tiếp xúc với nhà tuyển dụng, tăng tính thực tiễn **[H10.10.06.05]**. Trong buổi tọa đàm, các chuyên gia, đại diện các doanh nghiệp, nêu các ý kiến và trao đổi trực tiếp

với GV và lãnh đạo Khoa, sinh viên về nhu cầu thực tế đối với CTĐT theo chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, thái độ và phù hợp chuẩn đầu ra.

2. Điểm mạnh

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan đã được xây dựng chặt chẽ giữa Phòng KT&ĐBCL với Khoa CK&ĐL, giữa Khoa CK&ĐL với các doanh nghiệp giúp tiếp nhận thông tin để cải tiến chất lượng đào tạo.

3. Điểm tồn tại

Trường ĐHĐL chưa phân tích và xử lý thông tin hiệu quả từ phản hồi của các bên liên quan trong việc cải tiến CTĐT ngành CNKT CĐT.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2024, Phòng KT&ĐBCL và Khoa CK&ĐL xây dựng các biểu mẫu và báo cáo chi tiết phân tích ý kiến các bên liên quan để cải tiến CTĐT ngành CNKT CĐT.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 4/7.

Kết luận Tiêu chuẩn 10:

Khoa CK&ĐL đã thực hiện thường xuyên và định kỳ nhiều công việc để đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo. Cụ thể, việc thiết kế và cải tiến CTĐT được tuân thủ theo đúng quy định. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR. Việc NCKH thông qua đề tài NCKH các cấp của các giảng viên được quan tâm và được sử dụng trong cải tiến việc dạy và học.

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, Trung tâm công nghệ thông tin, Khoa CK&ĐL,...) thường xuyên được rà soát và nâng cao nhằm tạo điều kiện tốt nhất.

Tiêu chuẩn 10 có 04 tiêu chí đạt 4/7 điểm, 02 tiêu chí đạt 5/7 điểm.

Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

Mở đầu

Đánh giá chất lượng sinh viên sau khi ra trường có vai trò quan trọng trong hệ thống mạng lưới đảm bảo chất lượng của Nhà trường. Hàng năm, dưới sự chỉ đạo của Ban Giám hiệu, Phòng KT&ĐBCL cùng Khoa CK&ĐL đã thực hiện đánh giá việc đạt

chuẩn đầu ra đối với các sinh viên tốt nghiệp của ngành CNKT CĐT, tổ chức thống kê tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp quá hạn, thời gian hoàn thành chương trình, tỷ lệ sinh viên thôi học. Đặc biệt, việc thống kê số lượng sinh viên tốt nghiệp xin được việc làm là trọng tâm chính trong việc thực hiện cải tiến chương trình đào tạo.

Các hoạt động NCKH cho sinh viên được quy định với trình tự chặt chẽ, đảm bảo phù hợp với chuẩn đầu ra của CTĐT, các hướng nghiên cứu ưu tiên của Nhà trường tập trung cho những đề tài có tính ứng dụng và có thể thương mại hóa, các hướng nghiên cứu này được lên kế hoạch hàng năm và khuyến khích thực hiện.

Trường đã xây dựng hệ thống thu thập và phân tích sự hài lòng của các bên liên quan là cơ sở quan trọng cho việc cải tiến CDR, CTĐT, hoạt động đào tạo và hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong.

Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Trên cơ sở các quy định quy định trong Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ được ban hành bởi Bộ GDĐT [H11.11.01.01], Trường ĐHDL đã phổ biến và hướng dẫn các đơn vị trong trường triển khai thực hiện đào tạo trình độ Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. Nhà trường đã giao trách nhiệm cho Phòng CTSV làm đầu mối phối hợp với cố vấn học tập theo dõi và cập nhận thường xuyên danh sách các sinh viên thôi học và tốt nghiệp hàng năm của từng ngành đào tạo để làm căn cứ điều chỉnh chất lượng giảng dạy.

Phòng Đào tạo tham gia thống kê và cung cấp điểm vào gửi Phòng CTSV kết hợp để theo dõi sinh viên. Việc thống kê các tỷ lệ sinh viên thôi học và tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp theo từng ngành đào tạo được Phòng CTSV thực hiện hàng năm [H11.11.01.02]. Theo thống kê riêng của Khoa CK&ĐL với một số khóa đã ra trường, số lượng sinh viên ngành CNKT CĐT tốt nghiệp có tỷ lệ cao, số lượng sinh viên buộc thôi học ngày càng giảm (Chi tiết như trong Bảng 28).

Bảng 28: Bảng thống kê tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp của sinh viên ngành CNKT CĐT giai đoạn 5 năm (khối kỹ thuật 4,5 năm)

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	Năm	Năm	Năm	Năm	Năm

	2018	2019	2020	2021	2022
	D9	D10	D11	D12	D13
Số sinh viên nhập học (người)	88	63	64	102	157
Số lượng người học tốt nghiệp (người).	57	48	44	69	86
Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).	65%	76%	69%	68%	55%
Số sinh viên tốt nghiệp lần đầu (người)	52	39	44	43	60
Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp lần đầu so với số tuyển vào (%)	59%	62%	69%	42%	38%
Số sinh viên thôi học (người)	18	15	13	13	18
Tỷ lệ sinh viên thôi học so với số tuyển vào (%)	20%	24%	20%	13%	11%
Số sinh viên tốt nghiệp trước hạn (người)	0	0	0	0	0
Số sinh viên tốt nghiệp đúng hạn (người)	52	39	44	43	60
Số sinh viên tốt nghiệp muộn (người)	5	9	0	26	26
Thời gian tốt nghiệp trung bình (năm)	4,518	4,625	4,5	4,855	4,651

(Nguồn: Số liệu tổng hợp của Phòng Đào tạo và Phòng CTSV, trường ĐHDL)

Để theo sát và quản lý công tác đào tạo, Khoa CK&ĐL đã theo dõi và thống kê tỷ lệ sinh viên thôi học (số lượng sinh viên thôi học/ Số lượng sinh viên đầu vào), kết quả cho thấy tỷ lệ giảm qua những năm gần đây. Một số nguyên nhân của việc thôi học là do chuyển trường, chuyển ngành, ngoài ra một số sinh viên tạm thời xin bảo lưu để đi làm do hoàn cảnh gia đình. Cụ thể, một số sinh viên sau khi nhập học và học theo hình thức tín chỉ, cần phải tăng cường tự học, học thực hành, sinh viên sẽ phải làm việc nhóm nhiều hơn, tự chuẩn bị học nhiều hơn, chủ động tự nghiên cứu nhiều hơn. Thực tế, sinh viên chưa nắm bắt kịp cách học này dẫn đến bị động khi lên lớp và chưa tận dụng hết được thời gian thực hành. Bên cạnh đó, một số sinh viên có định hướng chuyển sang ngành học khác. Giáo viên CVHT ở đại học không giống chủ nhiệm giống như Trung học phổ thông. Hình thức đào tạo theo lớp tín chỉ không còn được tổ chức theo niên chế cố định đòi hỏi các sinh viên chủ động trong việc đăng ký môn học cũng khiến nhiều sinh viên còn gặp khó khăn trong việc thích nghi [H11.11.01.02].

Để đưa ra biện pháp giảm thiểu tỷ lệ thôi học của sinh viên:

(i) Nhà trường đã sử dụng phần mềm quản trị nhằm theo dõi, đánh giá kịp thời quá trình học tập của người học.

(ii) Bên cạnh đó, Nhà trường cũng xây dựng công tác cố vấn học tập trong đó quy định nhiệm vụ của cố vấn học tập là nắm bắt liên tục tình hình học tập, ý thức rèn luyện, hạnh kiểm của từng sinh viên trong lớp. Định kỳ, cố vấn học tập nộp báo cáo

về Phòng CTSV để làm căn cứ và thông báo về gia đình **[H11.11.01.03]**.

(iii) Biện pháp cảnh báo của Phòng Đào tạo về điểm tích lũy của sinh viên.

(iv) Hầu hết giảng viên thuộc Bộ môn CĐT đều tham gia công tác cố vấn học tập, tổ chức sinh hoạt lớp định kỳ với sinh viên, trao đổi thường xuyên với ban lãnh đạo khoa về các vấn đề phát sinh của lớp chủ nhiệm nhằm đưa ra các biện pháp xử lý kịp thời **[H11.11.01.03]**.

(v) Tổ chức học kỳ phụ để tạo điều kiện cho sinh viên trả nợ môn kịp thời (từ năm 2012).

(vi) Xác định môn học tương đương để sinh viên lựa chọn.

Thực hiện đối sánh và phân tích giữa các năm với khoa khác trong trường để xác định nguyên nhân (Chi tiết như trong Bảng 29) **[H11.11.01.04]**.

Bảng 29: Bảng đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên ngành CNKT CĐT

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	Năm 2018-2019	Năm 2019-2020	Năm 2020-2021	Năm 2021-2022	Năm 2022-2023
Tỷ lệ tốt nghiệp so với số tuyển vào ngành CNKT CĐT (trừ số thôi học) – trường ĐHDL (%)	65%	76%	69%	68%	55%
Tỷ lệ tốt nghiệp so với số tuyển vào ngành CK (trừ số thôi học) - ĐHDL (%)	64%	49%	63%	59%	56%
Tỷ lệ tốt nghiệp so với số tuyển vào ngành Xây dựng (trừ số thôi học) - ĐHDL (%)	57,8 %	71 %	62,5 %	45,6 %	45 %
Tỷ lệ tốt nghiệp so với số tuyển vào ngành Quản lý công nghiệp (trừ số thôi học) - ĐHDL (%)	82,4%	62,2%	46,4%	69,7%	62,1%
Tỷ lệ tốt nghiệp so với số tuyển vào ngành Công nghệ thông tin (trừ số thôi học) - ĐHDL (%)	61,6%	56,5%	53,6%	32,0%	35,0%

(Nguồn: Số liệu từ Phòng CTSV – Trường ĐHDL)

Từ bảng thống kê tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp lần đầu trong các năm vừa qua **[H11.11.01.04]**, giữa các ngành trong Trường ĐHDL, chúng ta có thể thấy tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp ở các ngành đang giảm dần theo năm, sự chênh lệch về tỷ lệ tốt nghiệp giữa các ngành là không rõ ràng. Trên cơ sở kết quả điều tra phản hồi từ SV tốt nghiệp và nhà tuyển dụng về việc làm, về điểm mạnh, điểm yếu của SV tốt nghiệp, nhận xét

của các cán bộ giảng viên trong Khoa, Khoa CK&ĐL thấy có một số nguyên nhân như sau: 1) Sinh viên thiếu tính định hướng nghề nghiệp nên thiếu động lực khi học tập, rèn luyện, 2) một số vấn đề về thứ tự môn học, tên môn học, thời lượng thực hành chưa phù hợp. Dựa vào các phân tích, Khoa CK&ĐL đã có những điều chỉnh phù hợp khi rà soát điều chỉnh CDR, CTĐT, lập kế hoạch năm học như điều chỉnh thứ tự môn học, điều chỉnh tên môn học, tăng cường các môn học thực hành và đồ án, tăng cường học phần thực tập..., thể hiện trong [H2.02.02.01], đồng thời các CVHT đã chủ động trao đổi thêm với sinh viên về định hướng nghề nghiệp trong các buổi gặp gỡ với sinh viên bên cạnh các chương trình hướng nghiệp, giới thiệu của Khoa [H4.04.02.04]. Việc đổi mới thực hiện ở các ngành tại Trường ĐHĐL, chưa có số liệu đối sánh với các ngành tương ứng ở các trường khác.

2. Điểm mạnh

Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp và sinh viên thôi học được Khoa CK&ĐL và Trường ĐHĐL theo dõi sát sao, được công bố công khai đến các bên liên quan (Ban giám hiệu Trường ĐHĐL, Phòng ban chức năng, Khoa chuyên môn, giảng viên, CVHT, sinh viên...). CVHT có thể xác định được vấn đề của sinh viên và có những động viên, hỗ trợ kịp thời.

Gắn tỷ lệ thôi học với hiệu quả đánh giá từng Khoa, Phòng ban.

3. Điểm tồn tại

Hiện nay, Khoa CK&ĐL và Phòng CTSV phối hợp với gia đình những sinh viên thôi học để nắm bắt được thông tin tốt hơn về những sinh viên CĐT thôi học.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2024, Khoa CK&ĐL cùng Phòng CTSV phối hợp với gia đình những sinh viên thôi học để nắm bắt được thông tin tốt hơn về những sinh viên này, tìm hiểu nguyên nhân thực sự có phải từ phía Trường ĐHĐL hay từ phía người học.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 4/7.

Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Phòng Đào tạo hằng năm theo dõi và thống kê số lượng sinh viên tốt nghiệp và thời gian trung bình mà các SV trong khóa học tốt nghiệp đối với từng ngành học,

được thể hiện qua Quyết định phê duyệt chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong trường **[H10.10.03.01]**. Phòng Đào tạo tổng hợp số liệu từ Phòng KT&ĐBCL, Phòng CTSV, Phòng Kế hoạch tài chính để thực hiện công tác thống kê này. Số liệu được chuyển cho Phòng KT&ĐBCL để đưa lên báo cáo 3 công khai của Nhà trường trên web **[H9.09.01.05]**

Thời gian tốt nghiệp trung bình của ngành CNKT CĐT trong trường theo thiết kế chuẩn là 4,5 năm. Thực tế thời gian tốt nghiệp của SV ngành Công nghệ kỹ thuật cơ khí là 4,63 năm.

Định kỳ hàng năm, Nhà trường nói chung và Khoa CK&ĐL nói riêng đều thực hiện thống kê thời gian tốt nghiệp trung bình của ngành CNKT CĐT.

Bảng 30: Bảng thống kê thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên ngành CNKT CĐT 5 năm gần đây và đối sánh

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	Năm 2018-2019	Năm 2019-2020	Năm 2020-2021	Năm 2021-2022	Năm 2022-2023
Thời gian tốt nghiệp trung bình ngành CNKT CĐT - ĐH Điện lực (năm) (TG Đào tạo 4.5 năm)	4.518	4.625	4.5	4.855	4.651
Thời gian tốt nghiệp trung bình ngành Công nghệ kỹ thuật cơ khí - ĐH Điện lực (năm) (TG Đào tạo 4.5 năm)	4.602	4.593	4.533	4.912	4.625
Thời gian tốt nghiệp trung bình ngành Quản lý công nghiệp - ĐH Điện lực (năm) (TG Đào tạo 4.5 năm)	4,8	4,82	5,01	5,05	4,67
Thời gian tốt nghiệp trung bình ngành Xây dựng - ĐH Điện lực (năm) (TG Đào tạo 4.5 năm)	4,65	4,68	4,8	5,0	5,25

(Nguồn: Số liệu từ Phòng Đào tạo – Trường ĐHĐL)

Trường ĐHĐL cũng giao nhiệm vụ cho Phòng CTSV làm đầu mối phối hợp với các cố vấn học tập tìm hiểu và phân tích nguyên nhân người học còn chưa hoàn thành số tín chỉ dẫn đến chưa được công nhận tốt nghiệp từ đó đưa ra các giải pháp hỗ trợ người học.

Theo tổng kết các cuộc họp cuối năm của Phòng CTSV, Phòng Đào tạo, Khoa CK&ĐL thấy được những nguyên nhân chính sau làm cho sinh viên chưa tốt nghiệp đúng thời hạn, kéo dài thời gian học tập **[H11.11.02.01]**, **[H11.11.02.02]**.

- (1) Sinh viên chưa cân đối tốt giữa thời gian học tập và thời gian đi làm thêm
- (2) Sinh viên chưa có kế hoạch học tập phù hợp để tích lũy đủ số tín chỉ cần thiết trong CTĐT.

Nhằm giảm thiểu thời gian tốt nghiệp, các biện pháp hỗ trợ của Nhà trường gồm:

(1) Phòng Đào tạo lên kế hoạch các lớp học kỳ phụ nhằm giúp sinh viên hoàn thành môn học, đẩy nhanh thời gian tốt nghiệp thể hiện trong thời khóa biểu học kỳ phụ **[H11.11.02.03]**. Tạo điều kiện để sinh viên có thể học vượt hoặc kéo dài như số tín chỉ tối đa và tối thiểu trong kỳ học được quy định, thời gian học là 4,5 năm học, thời gian tối đa đối được ra hạn học tập là 2 năm sau khóa học, quy chế này được thể hiện rõ trong hồ sơ nghiệp vụ của các CVHT và Sổ tay sinh viên **[H2.02.03.04]**.

(2) Đẩy mạnh nhiệm vụ của CVHT sát sao và thực hiện tư vấn cho sinh viên đạt được số điểm tích lũy.

2. Điểm mạnh

Trường có quy định rõ ràng và cơ chế giám sát chặt chẽ đối với thời gian tốt nghiệp của sinh viên, Nhà trường giao cho Phòng Đào tạo thống kê và Khoa CK&DL, Phòng CTSV phối hợp với CVHT hỗ trợ kịp thời cho sinh viên, tạo điều kiện cho sinh viên hoàn thành các điều kiện tốt nghiệp, nâng cao chất lượng đào tạo.

3. Điểm tồn tại

Trường ĐHĐL chưa thống kê, đánh giá tính hiệu quả thời gian tốt nghiệp của sinh viên và các biện pháp hỗ trợ người học rút ngắn thời gian tốt nghiệp của sinh viên.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2024, Phòng CTSV và Phòng Đào tạo thống kê và báo cáo về thời gian tốt nghiệp của sinh viên và đưa ra các đề xuất phù hợp giúp sinh viên rút ngắn thời gian tốt nghiệp.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7.

Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Tại Trường ĐHĐL, phòng KT&ĐBCL được giao làm đầu mối (Quyết định Quy

định chức năng nhiệm vụ của phòng KT&ĐBCL [H10.10.01.01]) lập kế hoạch và phối hợp với các khoa (trong đó có Khoa CK&ĐL) hằng năm thống kê số lượng sinh viên có việc làm, vị trí việc làm và mức thu nhập bình quân của sinh viên tốt nghiệp có việc làm. Các khoa tiến hành khảo sát người học đã tốt nghiệp (khảo sát nhiều thông tin, trong đó có tình hình việc làm, vị trí làm việc, mức thu nhập bình quân, đơn vị công tác) và gửi lại kết quả tới Phòng KT&ĐBCL để lưu trữ và tổng hợp kết quả.

Bảng câu hỏi khảo sát mà Phòng KT&ĐBCL xây dựng có các câu hỏi về khoảng thời gian có việc làm trong vòng 12 tháng sau tốt nghiệp. Số liệu thu được được phân tích trong nhiều năm và có độ tin cậy khá cao và ổn định, thể hiện trong Bảng thống kê việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp các năm 2018 đến 2023 (Chi tiết như trong Bảng 31) [H11.11.03.01].

Từ những dữ liệu về việc làm của sinh viên ngành CNKT CĐT, Khoa CK&ĐL đã thực hiện hoạt động phân tích và so sánh với các ngành khác trong Trường ĐHĐL. Từ số liệu thống kê có thể thấy tỷ lệ tốt nghiệp giữa các ngành không chênh lệch nhau quá nhiều và sự chênh lệch không có quy luật, mang tính ngẫu nhiên theo năm. Qua đó, Khoa CK&ĐL đưa ra những kế hoạch điều chỉnh chương trình đào tạo và phương pháp giảng dạy phù hợp [H11.11.03.02].

Việc thảo luận, phân tích nguyên nhân sinh viên thất nghiệp khi ra trường. Hàng năm, trong cuộc họp giữa Ban Lãnh đạo Khoa, CVHT, Đoàn Thanh niên, các chia sẻ từ CVHT cho thấy:

- (1) Sinh viên chưa xây dựng mục tiêu nghề nghiệp rõ ràng
- (2) Sinh viên thích tìm công việc tại các thành phố lớn
- (3) Sinh viên học thêm ngoại ngữ, chuẩn bị học sau đại học tại trường đại học nước ngoài

Bảng 31: Bảng thống kê tỷ lệ việc làm của sinh viên ngành CNKT CĐT giai đoạn 2018-2023 và đối sánh

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	Năm 2018-2019	Năm 2019-2020	Năm 2020-2021	Năm 2021-2022	Năm 2022-2023
Tỷ lệ người học có việc làm ngành CNKT CĐT – trường ĐHĐL (%)	100%	97%	100%	100%	100%
Tỷ lệ người học có việc làm	100%	95%	100%	100%	100%

ngành Công nghệ kỹ thuật Cơ khí – trường ĐHDL (%)					
Tỷ lệ người học có việc làm ngành Điện tử viễn thông – trường ĐHDL (%)	98%	95%	94%	97%	96%

(Nguồn: Số liệu từ báo cáo phòng KT&ĐBCL và Khoa CK&ĐL của Trường ĐHDL)

Các biện pháp khắc phục, hỗ trợ giảm thiểu tỷ lệ thất nghiệp cho sinh viên ngành CNKT CĐT:

(i) Khoa CK&ĐL cùng Nhà trường luôn có các biện pháp nhằm khắc phục và đẩy mạnh vấn đề này. Hàng năm, Khoa CK&ĐL có tổ chức hội nghị doanh nghiệp nhằm trao đổi với các nhà tuyển dụng để thu thập ý kiến đóng góp của nhà tuyển dụng từ đó đối chiếu với các học phần đã xây dựng nhằm tìm ra những giải pháp trong đào tạo giúp nâng cao khả năng đáp ứng yêu cầu tuyển dụng cho sinh viên ra trường.

(ii) Khoa luôn chú trọng kết nối với một số doanh nghiệp tạo điều kiện cho sinh viên trong quá trình học tập cũng như hỗ trợ việc làm **[H11.11.03.03]**.

- Công ty Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC
- Công ty Cổ phần ADT Quốc tế
- Công ty LG Electronics Việt Nam
- Công ty Cổ phần Bkav
- Công ty Cổ phần nhân lực Quốc tế Việt (Vilaco)
- Công ty TNHH Phần mềm FPT
- Công ty Cổ phần Woodland
- Công ty Cổ phần TNTech
- Công ty Cổ phần chế tạo biến thế điện lực Hà Nội
- Công ty Cổ phần quản lý và khai thác tài sản PSA
- Hội Doanh nhân trẻ Việt Nam
- Công ty Cổ phần Vector Shinwa - Nhật Bản
- Công ty afterFIT Engineering

(iii) Năm 2018, Trường ĐHDL đã thành lập Trung tâm HTVL&KN. Trung tâm có chức năng định hướng sinh viên tới doanh nghiệp và hỗ trợ sinh viên tìm việc làm sau tốt nghiệp cũng như triển khai các dự án khởi nghiệp của sinh viên **[H11.11.03.03]**.

(iv) Khoa CK&ĐL đã phân công một giảng viên chủ động liên hệ mời các cựu sinh viên tham dự tham gia CLB “Cựu sinh viên Khoa CK&ĐL”. Mục đích của CLB này hình thành mạng lưới cựu sinh viên nhằm hỗ trợ cho các sinh viên còn đang học tập tại trường, đồng thời hỗ trợ, tư vấn cho sinh viên sau khi ra trường [H11.11.03.04].

(v) Khoa CK&ĐL có fanpage về Việc làm cho sinh viên ngành CNKT CĐT nói riêng và Khoa CK&ĐL nói chung [H11.11.03.05].

2. Điểm mạnh

Trường ĐHĐL và Khoa CK&ĐL tạo các điều kiện tốt nhất cho sinh viên, giúp sinh viên đáp ứng được yêu cầu từ nhà tuyển dụng về cả chuyên môn, ngoại ngữ và các kỹ năng khác. Trong những năm gần đây, tỷ lệ có việc làm sau 01 năm rất cao với hơn 97% sinh viên tốt nghiệp đã có việc làm (trong số các cựu sinh viên phản hồi).

3. Điểm tồn tại

Việc phân tích, thảo luận hỗ trợ việc làm của sinh viên cần được làm sát sao, chi tiết.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2024, Khoa CK&ĐL chú trọng phân tích kết quả để hỗ trợ việc làm cho sinh viên ngành CNKT CĐT.

5. *Tự đánh giá:* Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7.

Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHĐL có chiến lược rõ ràng về phát triển KHCN cho người học, thể hiện trong Quyết định về việc phê duyệt chiến lược phát triển của trường ĐHĐL giai đoạn 2017-2022 và tầm nhìn 2030 [H1.01.01.10], đồng thời ban hành danh mục các hoạt động KHCN trong Quy chế sửa đổi Quản lý hoạt động Khoa học và Công nghệ [H6.06.07.03]. Kế hoạch NCKH hàng năm được ban hành và được thông báo rộng rãi cho giảng viên và sinh viên [H11.11.04.01].

Đối với Khoa CK&ĐL, sinh viên từ học kỳ 8 đã được khoa phân công đề tài cho môn học và định hướng nghiên cứu để phát triển thành đồ án tốt nghiệp. Các sinh viên nghiên cứu đồ án theo nhóm với định hướng chế tạo, sản xuất máy móc thiết bị; đồ án tốt nghiệp có chế tạo mô hình sản phẩm thực. Các kế hoạch và hướng giao đề tài

được giảng viên phổ biến rộng rãi trong sinh viên, sinh viên cũng có thể đề xuất hướng nghiên cứu riêng. Tất cả các đề tài phải đảm bảo khối lượng của đồ án môn học và đồ án tốt nghiệp hệ đại học **[H11.11.04.02]**.

Theo kế hoạch đã đề ra, từ năm học 2015 đến nay, Khoa CK&ĐL đã thực hiện phong trào NCKH cho sinh viên trong khoa bằng hình thức giao đồ án ngay từ học kỳ 8. Kế hoạch tổ chức giao đề tài nghiên cứu và thông báo để sinh viên có thể đăng ký theo nhóm trong thời gian tháng 11 đến tháng 2 năm sau **[H11.11.04.04]**. Các đề tài sinh viên đăng ký có sự bàn bạc thống nhất với giảng viên hướng dẫn, đề tài được hội đồng Khoa CK&ĐL xét duyệt và quyết định mức độ khối lượng thực hiện cũng như tiến độ thực hiện.

Đối với giảng viên và sinh viên thực hiện đề tài cấp Trường ĐHĐL, trong năm học 2017-2018, Khoa CK&ĐL có 7 đề tài nghiên cứu, trong đó có 03 đề tài có sự tham gia của sinh viên được nghiệm thu, năm 2018-2019 có 4 đề tài trong đó chỉ có 1 đề tài có sự tham gia của sinh viên, năm 2019-2020 là 3 đề tài, có 1 đề tài có sự tham gia của sinh viên (năm 2020-2021 đến nay, sinh viên chỉ thực hiện các đề tài nghiên cứu là đồ án tốt nghiệp do tình hình dịch bệnh covid-19). Điều này là do nguồn kinh phí thực hiện các đề tài là giảng viên tự túc. Tuy nhiên, để hoạt động NCKH trong sinh viên được liên tục, rộng khắp toàn khoa/ngành, Khoa CK&ĐL đã thực hiện việc định hướng giao đề tài tốt nghiệp cho sinh viên từ năm thứ 4 (đầu học kỳ 8). Sinh viên thực hiện đề tài theo hai giai đoạn: Giai đoạn 1 là nghiên cứu lý thuyết và phục vụ đồ án môn học của học kỳ 8, giai đoạn 2 là sinh viên nghiên cứu hoàn thiện cơ sở lý thuyết và xây dựng, chế tạo mô hình sản phẩm thực tế của đồ án tốt nghiệp. Chính vì vậy, mọi sinh viên của Khoa CK&ĐL đều thực hiện việc nghiên cứu khoa học ngay từ rất sớm. Các đề tài đồ án có sản phẩm của khoa hàng năm được trình bày trong các buổi Techshow trước khi bảo vệ đồ án tốt nghiệp rất phong phú **[H11.11.04.05]**.

Tại Trường ĐHĐL, Phòng QLKH&HTQT được giao nhiệm vụ quản lý, giám sát các hoạt động khoa học và công nghệ. Chuyên viên được phân công thực hiện nhiệm vụ quản lý, tổng hợp các đề tài **[H11.11.04.06]**.

Bảng 32: Bảng thống kê số đề tài sinh viên cấp trường ĐHĐL của ngành CNKT CĐT và đối sánh so với các ngành khác thuộc trường giai đoạn 2018-2023

Các tiêu chí	Năm học				
	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023

Số lượng đề tài NCKH của sinh viên ngành CNKT CĐT - ĐHĐL	0	0	0	0	0
Số lượng đề tài NCKH của sinh viên ngành Quản lý Công nghiệp DN - ĐHĐL	0	5	3	-	-
Số lượng đề tài NCKH của sinh viên ngành Công nghệ thông tin - ĐHĐL	0	-	-	-	-
Số lượng đề tài NCKH của sinh viên ngành Công nghệ năng lượng - ĐHĐL	1	-	-	-	-

(Nguồn: Tổng hợp của Khoa CK&ĐL, phòng QLKH&HTQT)

Tại Khoa CK&ĐL, giảng viên khi được giao nhiệm vụ NCKH phải thực hiện việc lên kế hoạch, triển khai các công việc để hoàn thành đúng tiến độ và chất lượng. Trường ĐHĐL có ngân sách phân bổ cho hoạt động NCKH cho sinh viên tuy nhiên kinh phí thực tế phải phụ thuộc vào tính khả thi của đề tài nghiên cứu. Các đề tài sinh viên nghiên cứu trong quá trình làm đồ án thường chưa đáp ứng được với yêu cầu của Trường ĐHĐL để được cấp kinh phí thực hiện. Do đó, đến nay, số lượng đề tài NCKH cấp Trường ĐHĐL của sinh viên Khoa CK&ĐL so sánh với các ngành khác thuộc Trường ĐHĐL còn khiêm tốn.

Khoa CK&ĐL đã chú trọng định hướng cho sinh viên thực hiện các đề tài có tính ứng dụng cao, phù hợp với xu thế phát triển của thời đại cũng như phù hợp với khả năng của sinh viên thông qua các buổi phát động nhằm hướng dẫn lựa chọn đề tài, trao đổi phương pháp nghiên cứu, giải đáp các thắc mắc liên quan.

2. Điểm mạnh

Sinh viên tham gia tích cực trong NCKH, ý tưởng sáng tạo phù hợp với xu thế. Khoa CK&ĐL chủ động trong công tác NCKH sinh viên.

3. Điểm tồn tại

Số lượng NCKH sinh viên ngành CNKT CĐT còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2024, Phòng QLKH&HTQT xây dựng chính sách hỗ trợ hoạt động NCKH của sinh viên.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7.

Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Từ năm 2016 đến nay, Nhà trường giao cho phòng KT&ĐBCL làm đầu mối, phối hợp với các Khoa và các phòng ban khác tổ chức lấy ý kiến của các bên liên quan. Bên cạnh việc Nhà trường giao cho Phòng KT&ĐBCL làm đầu mối thực hiện lấy ý kiến phản hồi về mức độ hài lòng của các bên liên quan (cán bộ nhân viên, giáo viên, người học, người học đã tốt nghiệp, nhà tuyển dụng) về chất lượng đào tạo, các hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ giảng viên, dịch vụ hỗ trợ người học, cơ sở vật chất...) [H1.01.03.02], [H2.02.02.01], Khoa CK&ĐL cũng thực hiện giao nhiệm vụ cho nhóm giảng viên chủ động lấy ý kiến đóng góp về chất lượng đào tạo và môi trường học tập trong thời gian sinh viên học tập tại trường thông qua kênh khảo sát cựu sinh viên, đây là những kênh thông tin hữu ích giúp Khoa và Nhà trường điều chỉnh CĐR và CTĐT (sau khi sinh viên ra trường).

Để giám sát khách quan việc thu thập thông tin phản hồi của sinh viên, Phòng KT&ĐBCL thực hiện lấy ý kiến phản hồi sinh viên sau khi kết thúc môn học trên tài khoản cá nhân. Đây là một yêu cầu bắt buộc đối với sinh viên trước khi thi kết thúc học phần [H11.11.05.02]. Phòng KT&ĐBCL thực hiện giám sát việc thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan.

Đối với Khoa CK&ĐL, trong những năm học gần đây, bắt đầu từ năm học 2017 – 2018, phiếu khảo sát online được gửi trực tiếp tới email của từng cựu sinh viên (hàng năm, hơn 95% cựu SV tham gia trả lời phiếu khảo sát) để thu thập ý kiến nhận xét, đánh giá về môi trường học tập và chất lượng đào tạo, công tác phục vụ học tập một cách khách quan nhất [H1.01.02.08], [H1.01.03.01].

Các công cụ chủ yếu trong tiếp nhận phản hồi từ các bên liên quan về mức độ hài lòng gồm:

- (1) Phiếu khảo sát online từ sinh viên đối với giảng viên về chất lượng đào tạo
- (2) Phiếu khảo sát cho sinh viên trước khi tốt nghiệp được phát phiếu trực tiếp
- (3) Phiếu khảo sát gửi sinh viên sau khi tốt nghiệp một năm qua mail, online.
- (4) Tổ chức hội thảo để tiếp nhận ý kiến phản hồi
- (5) Phiếu khảo sát gửi doanh nghiệp, giảng viên đánh giá sự hài lòng.

(6) Tiếp nhận thông tin phản hồi từ các hoạt động của Trung tâm hỗ trợ việc làm và khởi nghiệp trong các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, hợp tác doanh nghiệp, sở hữu trí tuệ...

Thông qua thu thập kết quả từ các phiếu khảo sát, mức độ hài lòng của các bên liên quan được định lượng, tính toán, tổng hợp và so sánh giữa các năm thực hiện khảo sát nhằm phân tích thực trạng, xu hướng và tìm ra những nguyên nhân nhằm củng cố, nâng cao mức độ hài lòng.

Đến thời điểm hiện tại, theo như thống kê kết quả khảo sát của sinh viên tốt nghiệp từ năm 2018 đến năm 2022 (Bảng 33), mức độ hài lòng của các đối tượng khảo sát về các bên liên quan ngày càng được nâng lên qua từng năm. Có được kết quả này cũng là do Khoa CK&DL luôn sát sao trong việc thực hiện khảo sát định kỳ, thống kê và thực hiện đối sánh kịp thời nhằm tìm ra những điểm số chưa được đánh giá cao để đưa ra các biện pháp cải tiến kịp thời [H11.11.05.04].

Nhờ sự kết hợp chặt chẽ giữa Phòng KT&ĐBCL với Khoa CK&DL trong việc ghi nhận, phân tích thông tin phản hồi sự hài lòng từ các bên, kết quả mức độ hài lòng của các bên liên quan đã được Nhà trường, Khoa và ngành đối sánh và sử dụng làm căn cứ nhằm đưa ra những điều chỉnh cần thiết. Ý kiến của các bên liên quan được ghi nhận thông qua phương pháp khảo sát khách quan, làm cơ sở trung thực cho việc lập kế hoạch cải tiến chất lượng của Khoa CK&DL.

Bảng 33: Bảng thống kê mức độ hài lòng của sinh viên tốt nghiệp từ năm 2018 đến năm 2022

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
	D9	D10	D11	D12	D13
Tỷ lệ hài lòng của người học đối với CTĐT ngành CNKT CĐT	96%	91%	95%	95%	96%
Tỷ lệ hài lòng của người học đối với đội ngũ giảng viên	98%	95%	98%	97%	97%
Tỷ lệ hài lòng của người học đối với quản lý và phục vụ đào tạo	94%	93%	93%	95%	96%
Tỷ lệ hài lòng của người học đối với sinh hoạt và đời sống	96%	91%	95%	95%	97%

Tỷ lệ hài lòng của người học đối với công tác kiểm tra đánh giá	94%	93%	95%	94%	96%
---	-----	-----	-----	-----	-----

2. Điểm mạnh

Mức độ hài lòng của các bên liên quan đã được Nhà trường, Khoa và ngành ghi nhận, giám sát việc thực hiện phản hồi thông tin, đưa ra những điều chỉnh để cải tiến.

Sự kết hợp chặt chẽ giữa Phòng KT&ĐBCL với Khoa CK&ĐL trong nhận thông tin phản hồi sự hài lòng từ các bên liên quan.

3. Điểm tồn tại

Trường ĐHĐL khai thác chưa hiệu quả kết quả khảo sát các bên liên quan để thực hiện cải tiến chất lượng.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2024, Khoa CK&ĐL phân tích và khai thác hiệu quả kết quả khảo sát các bên liên quan để thực hiện cải tiến chất lượng.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 4/7.

Kết luận Tiêu chuẩn 11:

Nhờ sự theo dõi hỗ trợ thường xuyên và cải tiến kịp thời, số lượng sinh viên cảnh báo học vụ, thôi học của ngành CNKT CĐT giảm. Tỷ lệ tốt nghiệp sau 4,5 năm học cao, với chất lượng tốt. Sinh viên tích cực tham gia hoạt động NCKH sinh viên, tham gia các đề tài NCKH, tham gia các hoạt động sáng tạo khoa học tại Trung tâm HTVL&KN, tham gia trực tiếp vào quá trình sản xuất tại các doanh nghiệp. Nhiều sinh viên đã tham gia và đạt giải thưởng trong các cuộc thi trong trường, trong ngành, được các học bổng học trao đổi, thực tập ở các doanh nghiệp sản xuất lớn trong thời gian theo học chương trình. Sinh viên học chương trình ngành CNKT CĐT sau khi tốt nghiệp với trình độ chuyên môn và ngoại ngữ tốt nhanh chóng có việc làm bởi khả năng thích ứng cao với yêu cầu thực tế trong lĩnh vực chuyên môn cơ điện tử và được phản hồi tích cực từ nhà tuyển dụng. Trong đó, nhiều sinh viên đã được tuyển dụng bởi các công ty liên doanh với nước ngoài.

PHẦN III. KẾT LUẬN

Trường ĐHĐL đã tiến hành công tác tự đánh giá CTĐT ngành CNKT CĐT một cách nghiêm túc, đúng quy định, đảm bảo kết quả tự đánh giá chính xác, phản ánh đúng thực trạng chất lượng của trường.

Thông qua việc tự đánh giá ngành CNKT CĐT, Khoa CK&ĐL, Nhà trường đã nhận diện đầy đủ những điểm mạnh và tồn tại trong từng lĩnh vực công tác, trên cơ sở đó lập kế hoạch hành động, tiếp tục phát huy ưu điểm, nâng cao hiệu quả những mặt đã làm được, khắc phục và cải tiến những mặt còn hạn chế, tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH, hướng đến thực hiện đầy đủ những cam kết đào tạo mà Trường đã tuyên bố với xã hội.

Mục tiêu của CTĐT ngành CNKT CĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mệnh giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của Trường ĐHĐL đã đề ra – được ghi rõ trong bản tuyên bố sứ mạng của trường. Sứ mạng của Khoa CK&ĐL cũng như của ngành CNKT CĐT được xác định phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, các nguồn lực và định hướng phát triển của Nhà trường, của ngành; phù hợp và gắn kết với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước. Trong đó CĐR của ngành CNKT CĐT được xác định rõ ràng, bao quát được các yêu cầu chung, yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được cũng như những yêu cầu của nhà tuyển dụng đặt ra. CĐR của ngành được định kỳ rà soát điều chỉnh và công bố công khai.

Bản mô tả CTĐT ngành CNKT CĐT đầy đủ và cập nhật thường xuyên cho phù hợp. Đề cương các học phần đầy đủ cho ngành CNKT CĐT. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần trong ngành cũng như riêng biệt cho từng chuyên ngành được công bố công khai và các bên liên quan bao gồm: giảng viên; người học; nhà tuyển dụng dễ dàng được tiếp cận thông qua trang web của khoa; của Nhà trường; qua quyển tổng hợp chương trình đào tạo toàn trường được in mới nhất năm 2019.

Chương trình dạy học ngành CNKT CĐT được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra đã được công bố. Trong đó các đề cương học phần được xây dựng một cách chi tiết. Tỷ lệ các khối kiến thức cơ bản; cơ sở ngành; chuyên ngành được phân bổ hợp lý. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng, được ghi rõ trong đề cương chi tiết học phần. Chương trình dạy học có cấu trúc logic với phần lý thuyết, thực hành, thảo luận. Nội dung chương trình cập nhật với sự đóng góp của các

nhà khoa học, nhà tuyển dụng, sinh viên.

Mục tiêu giáo dục của Khoa được tuyên bố rõ ràng lấy người học làm trung tâm và được phổ biến tới từng giảng viên tham gia giảng dạy. Các hoạt động giảng dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra. Trong đó chương trình được thiết kế hợp lý, đề cương được làm chi tiết tới từng chương mục bao gồm lý thuyết và thực hành cũng như kèm theo phần tự học của sinh viên. Bên cạnh việc học tập trên lớp còn được thực tập, thực hành môn học tại các doanh nghiệp phù hợp chuyên môn để giúp người học có thêm kiến thức thực tế trước khi ra trường. Các hoạt động dạy và học đòi hỏi người học phải tự tìm hiểu thêm kiến thức và được kiểm nghiệm thông qua các tiết thảo luận trên lớp, bài tập tìm hiểu dài, điều này thúc đẩy rèn luyện các kỹ năng nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học. Việc đánh giá kết quả học tập của người học thuộc ngành CNKT CĐT được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được của chuẩn đầu ra. Với việc Nhà trường ban hành quy định một phần về ngân hàng đề thi đáp án, được triển khai đến toàn khoa và từng ngành với từng học phần đã giúp cho việc tổ chức đánh giá thuận tiện hơn đảm bảo tính công bằng minh bạch. Cách đánh giá người học cũng được mô tả chi tiết trong đề cương học phần. Trong đó quy định 30% điểm quá trình, 70% điểm cho bài thi học kỳ. Các quy định về đánh giá này đã được Nhà trường văn bản hóa và ngành CNKT CĐT thực hiện nghiêm túc theo quy định này. Trong quy định các phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng như: bài thi tự luận; thi trắc nghiệm. Chính điều này đã đảm bảo đánh giá chính xác kiến thức của người học, tùy vào từng học phần mà lựa chọn ra phương pháp đánh giá phù hợp nhất. Việc sử dụng phương pháp kiểm tra nào cũng được ghi rõ trong đề cương chi tiết học phần. Điều này đã nhận được những phản hồi tốt từ người học, đánh giá sát năng lực người học. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời như: điểm quá trình được công bố khi kết thúc học phần, điểm thi học kỳ được công bố 10 ngày sau khi thi. Người học có thể dễ dàng tiếp cận thông tin qua tải khoản cá nhân, Phòng Đào tạo, Phòng KT&ĐBCL. Chính điều này đã giúp người học kịp thời nắm được thông tin và cải thiện việc học tốt nhất. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập thông qua các mẫu đơn gửi đến đơn vị chức năng và được phản hồi kịp thời trong thời gian nhanh nhất.

Toàn bộ giảng viên ngành CNKT CĐT đều đảm bảo yêu cầu và chất lượng trong công tác giảng dạy. Tỷ lệ giảng viên/người học được đáp ứng theo chuẩn khối

lượng đào tạo quy định. Việc tuyển dụng giảng viên ngành CNKT CĐT đảm bảo theo quy trình do trường ban hành, đảm bảo yêu cầu về chuyên môn ngành và chuyên môn sư phạm. Mọi công tác tuyển dụng đều được thông báo công khai trên trang thông tin của Nhà trường. Năng lực của đội ngũ giảng viên được xác định và đánh giá thông qua Hội đồng chuyên môn, khối lượng giảng dạy, khối lượng nghiên cứu khoa học mà giảng viên hoàn thành. Ngành CNKT CĐT luôn tạo điều kiện cho các giảng viên tham gia học tập, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Kết quả công việc của giảng viên ngành được đánh giá đầy đủ chính xác, công bằng thông qua đánh giá hoàn thành nhiệm vụ từng tháng; đánh giá hoàn thành công việc năm học (khối lượng giảng dạy; khối lượng nghiên cứu khoa học) và các hoạt động chung khác trong khoa và trong trường. Các hoạt động nghiên cứu của giảng viên trong ngành CNKT CĐT được thực hiện một cách đa dạng thông qua các học phần; đề tài khoa học sinh viên; đề tài khoa học cấp trường; bài báo khoa học...

Đội ngũ cán bộ hỗ trợ bao gồm cán bộ văn phòng khoa, thư viện, giảng đường, kỹ thuật hạ tầng cơ sở vật chất... được tuyển dụng theo quy định công khai minh bạch, đúng chức năng nhiệm vụ; đã hoàn thành nhiệm vụ được giao. Năng lực của khối cán bộ hỗ trợ cũng được đánh giá một cách rõ ràng thông qua biên bản đánh giá hoàn thành nhiệm vụ của từng tháng. Việc tuyển dụng cán bộ hỗ trợ được xác định phù hợp với quy mô và sự phát triển của Nhà trường về cơ sở vật chất, sinh viên, ...

Chính sách tuyển sinh của ngành CNKT CĐT được thực hiện nghiêm túc, tuân thủ theo chính sách tuyển sinh của Nhà trường. Chính sách này được xác định rõ ràng, công khai và được cập nhật liên tục cho từng ngành. Tiêu chí tuyển được công khai trên trang thông tin của trường, phương pháp tuyển chọn qua việc nộp hồ sơ và được các cơ quan quản lý về giáo dục đào tạo đánh giá cao. Nhà trường nói chung và ngành CNKT CĐT nói riêng sử dụng hệ thống giám sát kết quả cũng như sự tiến bộ của người học trong học tập và rèn luyện thông qua hệ thống tài khoản cá nhân cố vấn học tập, tài khoản quản lý đào tạo của trường. Điều này giúp nhanh chóng tiếp cận hỗ trợ sinh viên để nâng cao tỷ lệ sinh viên ra trường và có việc làm phù hợp. Các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoài khóa được thực hiện đầy đủ thông qua các hoạt động cố vấn học tập, hoạt động đoàn thanh niên, câu lạc bộ. Tất cả những điều này tạo thuận lợi cho người học và tâm lý thoải mái giúp người học hoàn thiện quá trình học tập tốt hơn.

Hệ thống cơ sở vật chất phòng học của Nhà trường trang bị đầy đủ cho người học trên lớp tại các giảng đường. Trang bị cơ sở vật chất hỗ trợ cho hoạt động giảng dạy như máy chiếu, loa, micro...Thư viện của Nhà trường được xây dựng hiện đại với nhiều đầu sách đa dạng, quý cung cấp môi trường học tập nghiên cứu cho người học một cách tốt nhất. Phòng thí nghiệm, thực hành được trang bị đầy đủ cơ sở vật chất giúp sinh viên tiếp cận với kiến thức thực tế. Nhà trường cung cấp hạ tầng mạng internet wifi, thư viện điện tử để hỗ trợ cho người học cũng như người dạy trong đào tạo và nghiên cứu. Tất cả các cơ sở vật chất này đều đảm bảo yêu cầu về vệ sinh môi trường, ánh sáng, âm thanh.

Tất cả các hoạt động dạy và học đều được đánh giá một cách khách qua từ phía người dạy và người học để Nhà trường cũng như khoa và cụ thể là ngành CNKT CĐT kịp thời nắm bắt thông tin điều chỉnh khi cần thiết nhằm nâng cao chất lượng đào tạo. Hàng năm Khoa, Nhà trường có nhiều đề tài nghiên cứu khoa học được thực hiện để cải tiến hoạt động dạy và học trong Nhà trường. Ngành CNKT CĐT cũng thường xuyên tổ chức hội thảo, gửi thư xin ý kiến của đơn vị tuyển dụng về hoạt động đào tạo của ngành để từ đó tập hợp lại đưa ra những cải tiến nhằm hoàn thiện chương trình đào tạo một cách tốt nhất.

Chính vì việc luôn nỗ lực cố gắng hoàn thiện hệ thống quản lý giáo dục đào tạo, quản lý chất lượng đã giúp cho ngành CNKT CĐT hạ thấp tỷ lệ sinh viên thôi học, nâng cao tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp. Khoa CK&DL và ngành CNKT CĐT cùng với Nhà trường thường xuyên thống kê số lượng sinh viên ra trường có việc làm trong năm đầu tiên và nhận thấy tỷ lệ sinh viên ra trường làm đúng ngành ngày càng tăng, năm sau cao hơn năm trước. Các nhà tuyển dụng cũng có những đánh giá tốt về chất lượng sinh viên đến làm việc sau khi ra trường.

Qua quá trình nghiên cứu văn bản hướng dẫn, thu thập, xử lý MC, viết dự thảo báo cáo và từ việc tiếp thu ý kiến tư vấn của các chuyên gia và các bên liên quan, Khoa CK&DL và ngành CNKT CĐT đã tổ chức thảo luận và chỉnh sửa và hoàn thành báo cáo tự đánh giá CTĐT của Ngành. Báo cáo tự đánh giá ngành CNKT CĐT đã mô tả rõ ràng và đầy đủ các hoạt động của CTĐT, trong đó đã chỉ ra những điểm mạnh, điểm tồn tại, khó khăn cùng với kế hoạch khắc phục của ngành.

Với những kết quả tự đánh giá theo từng tiêu chí, Nhà trường và Hội đồng tự đánh giá Trường Đại học Điện lực trân trọng đề nghị Bộ GD&ĐT cùng các cơ quan

chức năng cho phép tiến hành các bước tiếp theo để Nhà trường được công nhận là cơ sở đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục đối với chương trình đào tạo ngành CNKT CĐT.

1. Tóm tắt những điểm mạnh của chương trình đào tạo ngành CNKT CĐT

Về mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu đào tạo ngành CNKT CĐT của Khoa CK&ĐL được xác định rõ ràng phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường, gắn với mục tiêu giáo dục trong Luật giáo dục và Luật GDĐH. Mục tiêu đào tạo ngành CNKT CĐT của Khoa CK&ĐL được xác định rõ ràng hướng đào tạo chuyên sâu, đáp ứng nhu cầu của xã hội và đúng theo quy trình xây dựng, phát triển CTĐT. Mục tiêu đào tạo của chương trình đã phản ánh nhu cầu nhân sự của các tổ chức trong lĩnh vực CĐT, định hướng theo sự phát triển của thị trường lao động và sự phát triển tính chuyên nghiệp trong lĩnh vực này. Mục tiêu đào tạo đã có sự đóng góp của cơ quan tuyển dụng, của người học và của các chuyên gia nên tính thực tế, tính chuyên nghiệp của mục tiêu đào tạo ngành CNKT CĐT được tăng cao.

Khoa CK&ĐL đã xây dựng và ban hành CĐR cho CTĐT ngành CNKT CĐT rõ ràng, toàn diện và nhất quán với mục tiêu đào tạo. CĐR của CTĐT được thiết kế phát huy năng lực chủ động, sáng tạo của sinh viên, đồng thời tạo môi trường thuận lợi cho sinh viên giao lưu, hợp tác trong học tập, gắn kết lý thuyết và thực hành, sinh viên qua đó có điều kiện phát triển kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp cũng như đạo đức nghề nghiệp.

Chuẩn đầu ra của ngành CNKT CĐT được xây dựng dựa trên có sự tham gia, đóng góp của các bên liên quan (các nhà tuyển dụng lao động, sinh viên tốt nghiệp, các chuyên gia). CĐR được xem xét định kỳ, có sự tham gia các bên liên quan – việc thực hiện được duy trì thường xuyên với nhóm các đối tác doanh nghiệp, cựu sinh viên thông qua các hoạt động kết nối.

Về Bản mô tả chương trình đào tạo

Bản mô tả CTĐT của ngành CNKT CĐT đã cập nhật theo quy định, cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết để người học, những người quan tâm nắm bắt CTĐT. Việc cập nhật định kỳ và những vấn đề phát sinh trong CTĐT được bổ sung kịp thời theo đóng góp của các bên liên quan.

Đề cương các học phần của ngành được rà soát, đánh giá và điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu của ngành học. Việc giao quản lý môn học và thực hiện nhóm giảng dạy theo môn học cùng với việc trao đổi thường xuyên giúp cho đề cương môn học có được những cập nhật mới nhất.

CTĐT ngành CNKT CĐT được công bố công khai rộng rãi, tạo điều kiện cho các bên liên quan dễ dàng tiếp cận, tạo cơ hội tăng cường hợp tác, gắn kết giữa Nhà trường và doanh nghiệp trong đào tạo và sử dụng nhân lực cho xã hội, đáp ứng yêu cầu của các nhà sử dụng lao động.

Về cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

CTDH của ngành CNKT CĐT được thiết kế phù hợp với CĐR của ngành. Cấu trúc các học phần trong CTDH đảm bảo tỷ lệ hợp lý giữa các khối kiến thức. Các đề cương chi tiết của từng học phần trong các khối kiến thức đều thể hiện tính gắn kết, liên mạch giúp CTDH trở thành một khối thống nhất.

Nội dung chi tiết của từng học phần trong CTDH thể hiện rõ mục tiêu, yêu cầu của học phần và thể hiện được sự gắn kết của học phần với các học phần trong các khối kiến thức khác đảm bảo quá trình dạy – học và đánh giá đạt được mục tiêu của CĐR của CTĐT.

CTDH có cấu trúc hợp lý, logic giữa các khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành, các học phần trong cấu trúc CTDH đảm bảo tính tích hợp, cập nhật và linh hoạt với sự thay đổi của khoa học và công nghệ đang thay đổi từng ngày trong nước và thế giới.

Về phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Mục tiêu giáo dục của Nhà trường được truyền tải trong các mục tiêu đào tạo ngành CNKT CĐT và được lan toả mục tiêu giáo dục tới các giảng viên bộ môn, khoa, sinh viên và các doanh nghiệp, hiệp hội nghề nghiệp và nhận được sự đồng thuận lớn.

Khoa CK&ĐL, ngành CNKT CĐT cùng với Nhà trường đã đổi mới toàn diện phương pháp dạy và học theo hướng phát huy tính tích cực sáng tạo của người dạy và người học nên sinh viên CĐT của Nhà trường được đánh giá là năng động, sáng tạo, ham học hỏi, tính thực tiễn và thực hành nghề nghiệp tốt.

Cấu trúc các học phần trong CTĐT và tỷ lệ giữa giờ giảng lý thuyết, thảo luận, bài tập và bài tập lớn trong từng học phần giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng lập

luận và giải quyết vấn đề, suy luận, thu nhận, xử lý và truyền đạt thông tin đồng thời phương pháp giảng dạy mới hiện nay coi người học là trung tâm đã khuyến khích sinh viên ham học hỏi, nâng cao khả năng học tập suốt đời. Các đề cương chi tiết hướng tới hoạt động tự nghiên cứu, tự học thông qua hệ thống tài liệu tham khảo, bài tập cá nhân, bài tập lớn.

Về đánh giá kết quả học tập của người học

Nhà trường có kế hoạch đánh giá KQHT của người học trong suốt quá trình học tập. Việc thực hiện đánh giá được công bố và có những đánh giá, phản hồi giữa Phòng KT&ĐBCL và Khoa được thực hiện kịp thời cho sinh viên. Các quy định về đánh giá KQHT của người học là rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.

Việc thực hiện các phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp với đặc thù ngành CNKT CĐT, giúp kiểm tra chính xác CDR (kiến thức, kỹ năng và thái độ) hay đánh giá trong thực hành thực tế giúp sinh viên có được kết quả công bằng, khách quan và chính xác.

Nhà trường đã có đầy đủ các hệ thống văn bản liên quan đến phản hồi đánh giá kết quả học tập của người học. Khoa CK&DL có những quan tâm, kết hợp tốt với Phòng KT&ĐBCL trong việc đánh giá phản hồi của người học. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập đảm bảo công bằng cho sinh viên.

Về đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Nhà trường đã xây dựng được một số chính sách phù hợp, mang lại hiệu quả cao khi áp dụng vào thực tiễn của Nhà trường; xây dựng kế hoạch tuyển dụng, sử dụng và phát triển đội ngũ giảng viên hiệu quả; các tiêu chí tuyển dụng rõ ràng, minh bạch. Nhờ đó, Khoa đã tuyển được đội ngũ cán bộ, giảng viên có trình độ cao, đáp ứng được nhu cầu đào tạo trong ngành CNKT CĐT, công tác nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Tỷ lệ giảng viên/sinh viên của ngành CNKT CĐT đảm bảo quy định của GD&ĐT. Khối lượng công việc của từng giảng viên được xác định rõ ràng ngay từ đầu năm học; được giám sát chặt chẽ và đánh giá định kỳ (theo phân công quản lý môn học và tiến độ đào tạo). Nhà trường đã ban hành những quy định trong đó có tiêu chí cụ thể và đầy đủ để đánh giá hiệu quả công việc của cán bộ giảng viên theo các chức danh khác nhau.

Các tiêu chí, quy trình tuyển dụng và bổ nhiệm được công khai, minh bạch;

đảm bảo đúng quy định hiện hành. Tuyển được đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn tốt, đáp ứng tốt yêu cầu công việc và các điều kiện về tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT và của Nhà trường. Nhà trường đã có những chế độ ưu đãi để thu hút tuyển dụng tiến sĩ.

Năng lực giảng viên của Khoa CK&DL được xác định rõ ràng và được đánh giá thường xuyên, theo đúng quy định. Kết quả đánh giá năng lực giảng dạy của các giảng viên được đánh giá bằng nhiều hình thức khác nhau.

Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của đội ngũ giảng viên luôn được xác định rõ ràng và có kế hoạch thực hiện cụ thể hàng năm. Các giảng viên ngành CNKT CĐT được lên kế hoạch học tập, nâng cao trình độ, phát triển khả năng nghề nghiệp của cá nhân giảng viên (tăng cường kiến thức, nghề nghiệp).

Nhà trường đã có những quy định cụ thể, rõ ràng về khối lượng công việc của mỗi giảng viên, có những quy chế đánh giá kết quả, bình xét thi đua và cơ chế chính sách lương không những giúp tạo động lực cho giảng viên trong giảng dạy, NCKH mà còn giúp nâng cao hiệu quả của công tác quản trị theo kết quả công việc của giảng viên.

Nhà trường đã có những quy định cụ thể về các loại hình KHCN và khối lượng NCKH đối với từng chức danh giảng viên. Các hoạt động NCKH được giám sát chặt chẽ và được đánh giá hàng năm khi kết thúc năm học. Giảng viên Bộ môn Cơ điện tử, Khoa CK&DL tích cực tham gia NCKH, trao đổi các vấn đề chuyên sâu.

Về đội ngũ nhân viên

Đội ngũ cán bộ thư viện, CNTT và các bộ phận dịch vụ hỗ trợ người học đủ về số lượng và thành thạo nghiệp vụ, có trình độ từ cao đẳng trở lên, được đào tạo đúng chuyên ngành, phù hợp với vị trí việc làm đáp ứng yêu cầu thực hiện CTĐT.

Đội ngũ cán bộ đã hỗ trợ sinh viên tận tình, giải đáp mọi thắc mắc của sinh viên liên quan đến vấn đề học tập và rèn luyện giúp sinh viên có thành tích học tập tốt đồng thời, giúp sinh viên hoàn thiện các kỹ năng mềm, tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng tốt hơn.

Các tiêu chí, quy trình tuyển dụng và bổ nhiệm được công khai, minh bạch; đảm bảo đúng quy định. Việc lựa chọn, bổ nhiệm theo quy hoạch, rà soát hàng năm. Nhân viên hỗ trợ, phục vụ có đủ năng lực, phẩm chất chính trị đáp ứng được các điều

kiện, tiêu chuẩn được đề nghị bổ nhiệm để hỗ trợ tốt cho ngành đào tạo.

Đội ngũ hỗ trợ phục vụ có kinh nghiệm và gắn bó lâu dài với Nhà trường, có trình độ chuyên môn vững vàng, trình độ công nghệ thông tin tốt; liên tục được đào tạo, nâng cao trình độ đảm bảo thích ứng kịp thời với công việc; hỗ trợ tốt cho hoạt động đào tạo. Nhà trường luôn quan tâm đến công tác hỗ trợ phát triển nghề nghiệp của đội ngũ hỗ trợ, phục vụ.

Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của đội ngũ hỗ trợ, phục vụ luôn được xác định rõ ràng và có kế hoạch thực hiện cụ thể hàng năm.

Nhà trường có những quy chế đánh giá kết quả, bình xét thi đua rõ ràng và công khai; có cơ chế chính sách lương không những giúp tạo động lực cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ, phục vụ mà còn giúp nâng cao hiệu quả của công tác quản trị theo kết quả công việc của giảng viên.

Về người học và hoạt động hỗ trợ người học

Công tác tuyển sinh của Nhà trường được xây dựng một cách bài bản, khoa học, dựa trên sự phân tích, đánh giá nhu cầu xã hội, chỉ tiêu của Nhà trường, xu hướng phát triển của ngành, được thực hiện theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT và được công bố công khai trong toàn xã hội. Tiêu chí và phương pháp tuyển sinh, tuyển chọn người học của Nhà trường rõ ràng, theo quy định của Bộ GD&ĐT và được đánh giá thường xuyên để đảm bảo tuyển chọn được những thí sinh có đủ năng lực và trình độ vào trường cũng như ngành CNKT CĐT.

Việc quy định chi tiết và ban hành công khai trong cuốn sổ tay sinh viên về quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ và quy chế đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên hệ chính quy của Nhà trường cùng với sự hỗ trợ của phần mềm quản lý đào tạo đã giúp Nhà trường giám sát tốt kết quả học tập, rèn luyện của sinh viên nói chung và sinh viên ngành CNKT CĐT nói riêng.

Nhà trường, Khoa CK&ĐL, đã có nhiều hoạt động ngoại khóa, hoạt động hỗ trợ sinh viên trong ngành CNKT CĐT tìm hiểu về việc làm khi tốt nghiệp, tư vấn hỗ trợ học tập, Trao học bổng, thực hiện đầy đủ chế độ chính sách giúp sinh viên nâng cao thành tích học tập và cơ hội tìm kiếm việc làm khi ra trường.

Người học được học tập, nghiên cứu và phát triển đầy đủ cả về thể chất cũng như tinh thần trong một môi trường đào tạo thuận lợi về an ninh, an toàn, xanh, sạch,

đẹp. Thường xuyên tổ chức hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục, thể thao, các phong trào tình nguyện... qua đó giúp rèn luyện sinh viên về thể chất, tinh thần, có tác dụng giáo dục tốt, góp phần nâng cao chất lượng học tập của sinh viên.

Về cơ sở vật chất và trang thiết bị

Nhà trường có đủ phòng làm việc cho các cán bộ, giảng viên và nhân viên cơ hữu theo quy định và đều được trang bị đầy đủ điều kiện, trang thiết bị để làm việc. Nhà trường có đủ số phòng học với các trang bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Nhà trường có quy định về chế độ quản lý, sử dụng máy móc thiết bị.

Thư viện được Nhà trường phân công cho Trung tâm Học liệu chuyên trách quản lý, có chức năng nhiệm vụ rõ ràng, được xây dựng ở vị trí độc lập với khu giảng đường, không gian rộng, thoáng, yên tĩnh, cơ sở vật chất khang trang giúp cho việc học tập và nghiên cứu đạt hiệu quả tốt. Hệ thống mạng được trang bị rộng rãi với tốc độ cao, giúp bạn đọc dễ dàng truy cập và sử dụng đáp ứng việc học tập và nghiên cứu. Thư viện có nguồn học liệu phong phú trên nhiều lĩnh vực và chủng loại: sách, tài liệu, từ điển, ngoại ngữ, luận văn, luận án, báo cáo khoa học và các tạp chí, tài liệu chuyên ngành. Năm 2019, Thư viện đã được Nhà trường đầu tư cải tạo sửa chữa, nâng cấp về cơ sở vật chất, trang thiết bị và phần mềm, ứng dụng đọc tài liệu số giúp cho bạn đọc tiến tới tra cứu, đặt chỗ mượn tài liệu giấy và mượn, đọc tài liệu số mà không phải đến tận nơi.

Phòng máy phục vụ CTĐT được giao cho Trung tâm CNTT phụ trách quản lý tạo điều kiện thuận lợi cho trang bị, bảo dưỡng, thay mới. Việc có bộ phận quản lý riêng cũng giúp cho việc quản lý sử dụng phòng máy được tốt hơn. Các máy tính trang thiết bị mới được đầu tư bổ sung phục vụ nhu cầu học và thi tốt hơn. Nhà trường đã trang bị đầy đủ hệ thống công nghệ thông tin để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy và học, nghiên cứu khoa học và quản lý. Đội ngũ quản lý, vận hành thiết bị tin học có trình độ chuyên môn cao, có khả năng tự phát triển và vận hành các hệ thống phần mềm phục vụ công tác quản lý của Nhà trường.

Môi trường, an toàn, sức khỏe được xác định và triển khai đáp ứng được yêu cầu. Trường có đội ngũ nhân viên bảo vệ, cán bộ phục vụ có bề dày kinh nghiệm, tính kỷ luật và trách nhiệm cao, được tập huấn, học nghiệp vụ công tác bảo vệ thường xuyên. Nhà trường đã kết hợp tốt với các cơ quan quản lý trên địa bàn, triển khai nhiều biện pháp hữu hiệu bảo vệ tài sản, trật tự, an toàn cho cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và người học.

Về nâng cao chất lượng

Việc xây dựng và hiệu chỉnh CTĐT luôn được Trường ĐHDL và Khoa CK&DL dựa trên ý kiến phản hồi của các bên liên quan nhằm đưa ra những thay đổi phù hợp cho phát triển CTDH. Các kênh tiếp nhận thông tin phản hồi đa dạng gồm: Bảng hỏi khảo sát, hội thảo, tọa đàm phương pháp học tập, họp Khoa, họp bộ môn.

Việc xây dựng và hiệu chỉnh CTDH luôn được thực hiện đúng theo quy định, hướng dẫn của trường Đại học Điện lực, bám sát chuẩn đầu ra. CTDH được định kỳ hiệu chỉnh, cải tiến thông qua đánh giá của các bên liên quan giúp CTDH luôn đáp ứng được nhu cầu của người học và nhà tuyển dụng.

Các quy định, bộ phận rà soát, đánh giá được thiết kế và tổ chức thực hiện một cách có hệ thống, đồng bộ, chặt chẽ và nghiêm túc, góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở đánh giá được thực chất chất lượng dạy và học nhưng đồng thời phát huy được tính chủ động, sáng tạo của cả giảng viên và người học.

Các quy chế về NCKH của Nhà trường là đầy đủ, có khả năng khuyến khích giảng viên, sinh viên thực hiện nhiệm vụ NCKH cũng như thực hiện các đề tài NCKH có tính ứng dụng cao.

Trên cơ sở phân tích đánh giá tiện ích phục vụ cho hoạt động giảng dạy và học tập, Nhà trường đã kịp thời có những sự cải tiến để đáp ứng nhu cầu người học. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan đã được xây dựng chặt chẽ giữa Phòng KT&ĐBCL với Khoa CK&DL, giữa Khoa CK&DL với các doanh nghiệp giúp tiếp nhận thông tin để cải tiến chất lượng đào tạo.

Về kết quả đầu ra

Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp và sinh viên thôi học được Khoa và Nhà trường theo dõi sát và được công bố công khai đến các bên liên quan (Ban giám hiệu Nhà trường, Phòng ban chức năng, Khoa chuyên môn, giảng viên, CVHT, sinh viên...).

Nhà trường có quy định rõ ràng và cơ chế giám sát chặt chẽ đối với thời gian tốt nghiệp của sinh viên, Nhà trường giao cho Phòng Đào tạo thống kê và Khoa CK&DL, Phòng CTSV phối hợp với cố vấn học tập hỗ trợ kịp thời cho sinh viên, tạo điều kiện cho sinh viên hoàn thành các điều kiện tốt nghiệp, nâng cao chất lượng đào tạo.

Nhà trường và Khoa tạo các điều kiện tốt nhất cho sinh viên, giúp sinh viên đáp

ứng được yêu cầu từ nhà tuyển dụng về cả chuyên môn, ngoại ngữ và các kỹ năng khác. Tỷ lệ có việc làm sau 01 năm rất cao với 95% sinh viên tốt nghiệp đã có việc làm. Sinh viên tham gia tích cực trong NCKH, ý tưởng sáng tạo phù hợp với xu thế. Khoa chủ động trong công tác NCKH sinh viên.

Mức độ hài lòng của các bên liên quan đã được Nhà trường, Khoa và ngành ghi nhận, giám sát việc thực hiện phản hồi thông tin, đưa ra những điều chỉnh để cải tiến. Sự kết hợp chặt chẽ giữa Phòng KT&ĐBCL với Khoa CK&ĐL trong nhận thông tin phản hồi sự hài lòng từ các bên liên quan.

2. Tóm tắt những điểm tồn tại của chương trình đào tạo ngành CNKT CĐT

Về mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Khoa CK&ĐL chưa lấy ý kiến toàn diện về đóng góp cho mục tiêu của CTĐT của các nhà tuyển dụng, số lượng các đơn vị tuyển dụng được khảo sát còn hạn chế, tập trung chủ yếu ở các tỉnh phía Bắc.

Về bản mô tả chương trình đào tạo

Bản mô tả CTĐT ngành CNKT CĐT được cập nhật các thông tin mới nhất liên quan đến CTĐT theo kế hoạch định kỳ nhưng chưa toàn diện. Nội dung các đề cương học phần ngành CNKT CĐT được chú ý cập nhật theo quy định nhưng việc cập nhật còn chưa hoàn toàn đầy đủ và thường xuyên. Bản mô tả CTĐT và thông tin đề cương chi tiết đã được cập nhật, công bố công khai trên trang Web của khoa và phần mềm quản lý người học để các bên liên quan có thể tiếp cận được nhưng công tác truyền thông trên các kênh khác chưa thường xuyên.

Về cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Khoa CK&ĐL chưa thảo luận sâu để đánh giá mức độ phù hợp giữa phương pháp giảng dạy và nội dung học phần trong CTDH. Chưa có công cụ để phân tích chi tiết mức độ đóng góp của các học phần trong CTĐT trong việc đạt được chuẩn đầu ra. Khoa CK&ĐL chưa phân tích chi tiết nội dung các học phần trong các CTĐT tham khảo.

Về phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Hình thức phổ biến mục tiêu giáo dục chưa phong phú, sinh động, hấp dẫn. Khoa CK&ĐL chưa phân tích chi tiết sự phù hợp của các phương pháp dạy - học với

từng học phần. Khoa CK&ĐL chưa mở rộng mạng lưới chuyên gia tham dự các buổi trò chuyện, giao lưu với sinh viên.

Về đánh giá kết quả học tập của người học

Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học còn chưa được đăng tải rộng rãi trên nhiều trang thông tin. Việc tra cứu các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học còn chưa thuận tiện, dễ dàng.

Nhà trường chưa thực hiện phân tích kết quả bài thi giữa các khoá, các lớp sinh viên ngành CNKT CĐT trong cùng một học phần để có những điều chỉnh phù hợp. Nhà trường chưa khai thác hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin trong tiếp nhận kết quả đánh giá của người học. Một số sinh viên chưa nắm rõ các quy định trong công tác khiếu nại về KQHT nên chưa thực hiện phúc khảo điểm kịp thời theo quy định.

Về đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Tỷ lệ giảng viên trong Khoa là có học hàm Phó giáo sư, học vị Tiến sĩ còn thấp. Trường ĐHDL chưa thực hiện phân tích các báo cáo thống kê khối lượng công việc để làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo. Tiêu chí kinh nghiệm thực tế về lĩnh vực CĐT chưa được chú trọng trong tiêu chí tuyển dụng.

Sinh viên chưa nhận thức được tầm quan trọng của phiếu đánh giá giảng viên. Việc đánh giá giảng viên chưa tổng hợp đầy đủ các ý kiến đánh giá của các bên liên quan.

Khoa CK&ĐL chưa có kế hoạch rõ ràng và dài hạn để phát triển chuyên môn sâu ngành CNKT CĐT. Chính sách NCKH mới áp dụng cho giảng viên, nghiên cứu viên tiến sĩ, chưa được mở rộng cho giảng viên, nghiên cứu viên có trình độ Thạc sĩ. Một số giảng viên chưa có định hướng NCKH, số lượng giảng viên thực hiện NCKH còn tập trung chủ yếu vào một số tiến sĩ, nghiên cứu sinh.

Về đội ngũ nhân viên

Đề án vị trí việc làm còn chưa cập nhật tác động của CMCN 4.0. Trường ĐHDL chưa sử dụng hiệu quả kết quả phân tích khảo sát đóng góp của các bên liên quan đến vị trí việc làm để bổ nhiệm và luân chuyển cán bộ.

Nhà trường chưa sử dụng kết quả đánh giá để phân tích và cải tiến kết quả lao động của những năm sau. Nhà trường chưa thực hiện kiểm tra hiệu quả đánh giá đào tạo bồi dưỡng hàng năm. Việc sử dụng kết quả khảo sát để phân tích và cải tiến việc

quản trị kết quả theo công việc tại Nhà trường chưa thường xuyên, liên tục.

Về người học và hoạt động hỗ trợ người học

Các thông tin về tuyển sinh chưa được truyền thông một cách thuận tiện cho việc tiếp cận thông tin cho học sinh. Trường ĐHĐL và Khoa CK&ĐL chưa sử dụng có hiệu quả các kết quả phân tích tuyển sinh hàng năm để cải tiến tiêu chí, phương pháp tuyển sinh và dự báo số lượng thí sinh nhập học các ngành.

Hệ thống giám sát từ các bộ phận như CVHT, Phòng CTSV, Phòng đào tạo còn chưa kịp thời phát hiện, đôn đốc các sinh viên ngay từ khi bắt đầu có hiện tượng chểnh mảng trong học tập, hoặc chưa hỗ trợ kịp thời các hoạt động nghiên cứu có ứng dụng thực tiễn của sinh viên các ngành. Công tác truyền thông cho các chương trình và đưa thông tin hỗ trợ đến từng người học còn hạn chế, thủ tục hành chính để sinh viên có thể được hỗ trợ còn chậm.

Tiến độ xây dựng còn chưa đáp ứng nhu cầu (mặc dù đã có quy hoạch, kế hoạch).

Về cơ sở vật chất và trang thiết bị

Các phòng làm việc của Khoa chuyên môn và phòng Seminar còn chưa đáp ứng nhu cầu. Tỷ trọng các tài liệu học tập được số hoá chưa cao. Số lượng máy tính và một số thiết bị phục vụ thí nghiệm, thực hành còn ít chưa đáp ứng nhu cầu thực hành của sinh viên.

Trường đã áp dụng hệ thống CNTT hợp nhất toàn trường nhưng chưa ổn định và chưa khai thác hết chức năng sử dụng.

Nhà trường chưa khai thác hiệu quả các dữ liệu khảo sát để cải tiến các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn.

Về nâng cao chất lượng

Số lượng phiếu khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan để phát triển CTDH còn chưa nhiều. Kết quả khảo sát sinh viên tại thời điểm tốt nghiệp chưa tổng hợp theo từng ngành đào tạo. Thực hiện phân tích phổ điểm kết quả học tập học phần trong CTDH còn ít. Số lượng sinh viên CĐT tham gia NCKH, các đề tài NCKH chưa nhiều. Một số dịch vụ sinh viên chưa được khai thác hiệu quả (Thư viện điện tử, phần mềm quản trị trường), số đầu sách còn ít, chưa cập nhật. Trường ĐHĐL chưa phân tích và xử lý thông tin hiệu quả từ phản hồi của các bên liên trong việc cải tiến CTĐT ngành

CNKT CĐT.

Về kết quả đầu ra

Hiện nay, Khoa CK&ĐL và Phòng CTSV chưa phân tích chi tiết những lý do sinh viên CĐT thôi học. Trường ĐHĐL chưa thống kê, đánh giá tính hiệu quả thời gian tốt nghiệp của sinh viên và các biện pháp hỗ trợ người học rút ngắn thời gian tốt nghiệp của sinh viên. Việc phân tích, thảo luận hỗ trợ việc làm của sinh viên cần được làm sát sao, chi tiết. Trường ĐHĐL khai thác chưa hiệu quả kết quả khảo sát các bên liên quan để thực hiện cải tiến chất lượng.

3. Kế hoạch cải tiến chương trình đào tạo ngành CNKT CĐT

Về mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Tổ chức lấy ý kiến toàn diện về đóng góp về mục tiêu của CTĐT của nhà tuyển dụng, tổ chức nghề nghiệp, Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam.	Khoa CK&ĐL	Từ năm 2024
		Tổ chức lấy ý kiến toàn diện về đóng góp về CĐR của CTĐT của nhà tuyển dụng, tổ chức nghề nghiệp liên quan đến lĩnh vực CĐT.	Khoa CK&ĐL	Từ năm 2024
		Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin để người học tiếp cận thuận tiện.	Khoa CK&ĐL, Phòng Đào tạo, Phòng CTSV	Từ năm 2024
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục triển khai lấy ý kiến đóng góp của sinh viên, giảng viên, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng về CTĐT thông qua các hình thức đa dạng: email, khảo sát, phỏng vấn trực tiếp.	Bộ môn Cơ điện tử, Khoa CK&ĐL	Hàng năm
		CĐR được xem xét định kỳ, có sự tham gia các bên liên quan – việc thực hiện được duy trì thường xuyên với nhóm các đối tác	Bộ môn Cơ điện tử, Khoa CK&ĐL	Hàng năm

		doanh nghiệp, cựu sinh viên thông qua các hoạt động kết nối.		
--	--	--	--	--

Về bản mô tả chương trình đào tạo

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Chủ động cập nhật các thông tin mới đến CTĐT thường xuyên.	Khoa CK&DL	Từ năm 2024
		Chủ động cập nhật thường xuyên về nội dung đề cương học phần	Khoa CK&DL	Từ năm 2024
		Tăng cường công tác truyền thông Bản mô tả CTĐT	Khoa CK&DL, Phòng ban chức năng	Từ năm 2024
2	Phát huy điểm mạnh	Việc cập nhật đúng quy định và những vấn đề phát sinh trong CTĐT được bổ sung kịp thời theo đóng góp của các bên liên quan.	Bộ môn Cơ điện tử, Khoa CK&DL	Từ năm 2024
		Việc giao quản lý môn học và thực hiện nhóm giảng dạy theo môn học cùng với việc trao đổi thường xuyên giúp cho đề cương môn học có được những cập nhật mới nhất.	Bộ môn Cơ điện tử, Khoa CK&DL	Hàng năm
		CTĐT ngành CNKT CĐT được công bố công khai rộng rãi, tạo điều kiện cho các bên liên quan dễ dàng tiếp cận, tạo cơ hội tăng cường hợp tác, gắn kết giữa Nhà trường và doanh nghiệp trong đào tạo và sử dụng nhân lực cho xã hội, đáp ứng yêu cầu của các nhà sử dụng lao động.	Khoa CK&DL, Phòng Đào tạo	Hàng năm

Về cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Thường xuyên đánh giá mức độ phù hợp giữa phương pháp giảng dạy và nội dung học phần trong CTDH.	Khoa CK&ĐL	Từ năm 2024
		Thực hiện đánh giá kết quả sinh viên thi học phần.	Khoa CK&ĐL	Từ năm 2024
		Tham khảo rộng rãi các CTDH các quốc gia tiên tiến trên thế giới trong các lần cập nhật CTĐT.	Khoa CK&ĐL	Từ năm 2024
2	Phát huy điểm mạnh	Các đề cương chi tiết của từng học phần trong các khối kiến thức đều thể hiện tính gắn kết, liền mạch; cấu trúc CTDH hợp lý. Các học phần đảm bảo tính tích hợp, cập nhật và linh hoạt với sự thay đổi của thị trường nghề nghiệp CĐT	Bộ môn Có điện tử, Khoa CK&ĐL	Hàng năm
		Sự gắn kết của học phần trong các khối kiến thức khác đảm bảo quá trình dạy – học, đánh giá nhằm đạt được mục tiêu của CĐT của CTĐT.	Bộ môn Có điện tử, Khoa CK&ĐL	Hàng năm

Về phương pháp tiếp cận trong dạy và học

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Các đơn vị trong Nhà trường tăng cường tuyên truyền về mục tiêu giáo dục cho cán bộ giảng viên, sinh viên	Các phòng ban chức năng	Từ năm 2024
		Đa dạng hoá phương pháp dạy và học, tăng cường áp dụng công nghệ thông tin trong dạy và học	Khoa CK&ĐL	Từ năm 2024

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
		Tăng cường hoạt động ngoại khoá, mời chuyên gia tham dự các buổi trò chuyện, giao lưu với sinh viên.	Khoa CK&ĐL	Từ năm 2024
2	Phát huy điểm mạnh	Lan toả mục tiêu giáo dục tới các giảng viên bộ môn, khoa, sinh viên và các doanh nghiệp, hiệp hội nghề nghiệp và nhận được sự đồng thuận lớn.	Khoa CK&ĐL	Hàng năm
		Phát huy tính tích cực sáng tạo của người dạy và người học nên sinh viên CĐT của Nhà trường được đánh giá là năng động, sáng tạo, ham học hỏi, tính thực tiễn và thực hành nghề nghiệp tốt.	Khoa CK&ĐL	Hàng năm
		Các đề cương chi tiết hướng tới hoạt động tự nghiên cứu, tự học thông qua hệ thống tài liệu tham khảo, bài tập cá nhân, bài tập lớn.	Khoa CK&ĐL	Hàng năm

Về đánh giá kết quả học tập của người học

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Rà soát ngân hàng đề thi phù hợp với CDR ngành CNKT CĐT.	Phòng KT&ĐBCL, Khoa CK&ĐL	Từ năm 2024
		Ứng dụng công nghệ thông tin trong hỗ trợ người học tra cứu các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học.	Phòng KT&ĐBCL cùng các phòng ban chức năng	Từ năm 2024
		Rà soát, đánh giá ngân hàng đề ngành CNKT CĐT thông qua phân tích kết quả thi từng học phần để có những điều chỉnh phù hợp	Phòng KT&ĐBCL, Khoa	Từ năm 2024

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
		CTĐT, bộ đề thi.	CK&DL	
		Tăng cường ứng dụng thông tin trong việc tiếp nhận kết quả đánh giá kịp thời.	Phòng KT & ĐBCL và TTCNTT	Từ năm 2024
		Tăng cường tuyên truyền phổ biến về quy trình đánh giá KQHT.	Phòng KT & ĐBCL cùng các đơn vị chức năng	Từ năm 2024
2	Phát huy điểm mạnh	Có kế hoạch đánh giá, quy định về đánh giá KQHT của người học trong suốt quá trình học tập.	Khoa CK&DL, Phòng KT&ĐBCL	Hàng năm
		Các KQHT của người học là rõ ràng và được thông báo công khai tới người học	Phòng KT&ĐBCL	Hàng năm
		Phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp với đặc thù ngành CĐT giúp kiểm tra chính xác CDR (thuế, thực hành CĐT) hay đánh giá trong thực hành thực tế	Khoa CK&DL	Hàng năm
		Có đủ các hệ thống văn bản liên quan đến phản hồi đánh giá kết quả học tập của người học.	Phòng KT&ĐBCL	Hàng năm
		Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập đảm bảo công bằng cho sinh viên.	Phòng KT&ĐBCL	Hàng năm

Về đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn	Xây dựng chính sách khuyến khích các giảng viên nâng cao trình độ học hàm, học vị.	Phòng TCCB	Từ năm 2024

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
	tại	Thực hiện phân tích các báo cáo thống kê khối lượng công việc để làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo.	Phòng TCCB, Khoa CK&DL	Từ năm 2024
		Nâng cao tiêu chí tuyển dụng giảng viên, NCV ngành CNKT CĐT.	Phòng TCCB, Khoa CK&DL	Từ năm 2024
		Phổ biến tới sinh viên tầm quan trọng của phiếu đánh giá trong việc đánh giá năng lực của đội ngũ giảng viên. Nhà trường cần thay đổi phương thức thực hiện đánh giá giảng viên để thu nhận được nhiều ý kiến phản hồi hơn trong công tác đánh giá. Việc đánh giá cần được đánh giá toàn diện (bao gồm các bên liên quan) và có tỷ trọng phù hợp.	Phòng KT&ĐBCL, Khoa CK&DL	Từ năm 2024
		Có kế hoạch học tập chuyên sâu cho các giảng viên ngành CNKT CĐT nâng cao trình độ.	Bộ môn Có điện tử, Khoa CK&DL	Từ năm 2024
		Xây dựng chính sách khuyến khích NCKH (cho các giảng viên, NCV có trình độ thạc sĩ).	Phòng TCCB	Từ năm 2024
		Thực hiện phân tích, đánh giá số liệu thống kê NCKH.	Phòng QLKH&HTQT và Khoa CK&DL	Từ năm 2024
2	Phát huy điểm mạnh	Nhà trường đã xây dựng được một số chính sách phù hợp, mang lại hiệu quả cao khi áp dụng vào thực tiễn của Nhà trường; xây dựng kế hoạch tuyển dụng, sử dụng và phát triển đội ngũ giảng viên hiệu quả; các tiêu chí tuyển dụng rõ ràng, minh bạch.	Phòng TCCB	Hàng năm
		Khối lượng công việc của từng giảng viên được xác định rõ ràng ngay từ đầu năm học; được giám sát chặt chẽ và đánh giá	Phòng TCCB, Khoa CK&DL	Hàng năm

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
		định kỳ (theo phân công quản lý môn học và tiến độ đào tạo).		
		Nhà trường đã có những chế độ ưu đãi để thu hút tuyển dụng tiến sĩ.	Phòng TCCB	Hàng năm
		Kết quả đánh giá năng lực giảng dạy của các giảng viên được đánh giá bằng nhiều hình thức khác nhau.	Phòng TCCB	Hàng năm
		Các giảng viên ngành CNKT CĐT được lên kế hoạch học tập, nâng cao trình độ, phát triển khả năng nghề nghiệp của cá nhân giảng viên (tăng cường kiến thức, nghề nghiệp).	Phòng TCCB, Khoa CK&DL	Hàng năm
		Có những quy chế đánh giá kết quả, bình xét thi đua và cơ chế chính sách lương giúp tạo động lực cho giảng viên trong giảng dạy, NCKH	Phòng TCCB	Hàng năm
		Các hoạt động NCKH được giám sát chặt chẽ và được đánh giá hàng năm khi kết thúc năm học. Giảng viên Bộ môn, Khoa CK&DL tích cực tham gia NCKH, trao đổi các vấn đề chuyên sâu.	Phòng QLKH&HTQT, Khoa CK&DL	Hàng năm

Về đội ngũ nhân viên

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
		Cập nhật đề án vị trí việc làm theo yêu cầu của CMCN 4.0.	Phòng TCCB	Từ năm 2024
1	Khắc phục tồn tại	Phân tích sâu kết quả khảo sát đóng góp của các bên liên quan đến vị trí việc làm.	Phòng KT&ĐBCL và Phòng TCCB	Từ năm 2024
		Sử dụng kết quả đánh giá để phân tích và	Phòng	Từ năm

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
		cải tiến kết quả lao động của những năm sau.	TCCB và các đơn vị	2024
		Thực hiện kiểm tra hiệu quả đánh giá đào tạo bồi dưỡng hàng năm.	Phòng TCCB và các đơn vị	Từ năm 2024
		Đề xuất cán bộ, nhân viên của mình chủ động hơn trong đăng ký khoá đào tạo ngắn hạn	Các phòng ban chức năng	Từ năm 2024
		Sử dụng kết quả khảo sát để phân tích và cải tiến việc quản trị kết quả theo công việc.	Phòng KT&ĐBCL và Phòng TCCB	Từ năm 2024
2	Phát huy điểm mạnh	Đội ngũ cán bộ đã hỗ trợ sinh viên tận tình, giải đáp mọi thắc mắc của sinh viên liên quan đến vấn đề học tập và rèn luyện giúp sinh viên có thành tích học tập tốt.	Các phòng ban chức năng trong trường	Hàng năm
		Việc lựa chọn, bổ nhiệm theo quy hoạch, rà soát hàng năm.	Phòng TCCB	Hàng năm
		Đội ngũ hỗ trợ phục vụ có kinh nghiệm và gắn bó lâu dài với Nhà trường, có trình độ chuyên môn vững vàng, trình độ công nghệ thông tin tốt.	Phòng TCCB và các đơn vị	Hàng năm
		Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của đội ngũ hỗ trợ, phục vụ luôn được xác định rõ ràng và có kế hoạch thực hiện cụ thể hàng năm.	Phòng TCCB và các đơn vị	Hàng năm
		Có những quy chế đánh giá kết quả, bình xét thi đua rõ ràng và công khai.	Phòng TCCB	Hàng năm

Về người học và hoạt động hỗ trợ người học

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Phân tích kết quả tuyển sinh hàng năm để cải tiến tiêu chí và phương pháp tuyển sinh.	Phòng Đào tạo	Từ năm 2024
		Phân tích kết quả tuyển sinh hàng năm để cải tiến tiêu chí và phương pháp tuyển sinh.	Phòng Đào tạo	Từ năm 2024
		Sử dụng hiệu quả các dữ liệu thống kê cho việc phân tích kết quả và đưa ra các giải pháp để nâng cao tiến độ chất lượng của người học.	Phòng CTSV, Phòng Đào tạo, Khoa CK&ĐL cùng các CVHT	Từ năm 2024
		Thực hiện hiệu quả việc phân tích các kết quả khảo sát nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động hỗ trợ sinh viên.	Phòng KT&ĐBCL và các đơn vị liên quan	Từ năm 2024
		Đẩy nhanh tiến độ xây dựng đáp ứng nhu cầu học tập, rèn luyện của sinh viên.	Phòng HCQT cùng các đơn vị liên quan	Từ năm 2024
2	Phát huy điểm mạnh	Công tác tuyển sinh xây dựng một cách bài bản, khoa học, dựa trên sự phân tích, đánh giá nhu cầu xã hội, xu hướng phát triển của ngành.	Phòng Đào tạo	Hàng năm
		Tiêu chí và phương pháp tuyển sinh, tuyển chọn người học của Nhà trường rõ ràng, theo quy định của Bộ GD&ĐT và được đánh giá thường xuyên.	Phòng Đào tạo	Hàng năm
		Có sự hỗ trợ của phần mềm quản lý đào tạo, giám sát tốt kết quả học tập, rèn luyện của sinh viên nói chung và sinh viên ngành CNKT CĐT nói riêng.	Phòng CTSV	Hàng năm

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
		Nhà trường, khoa, đã có nhiều hoạt động ngoại khóa, hoạt động hỗ trợ sinh viên trong ngành CNKT CĐT tìm hiểu về việc làm khi tốt nghiệp, tư vấn hỗ trợ học tập	Phòng CTSV, Khoa CK&DL	Hàng năm
		Thường xuyên tổ chức hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục, thể thao, các phong trào tình nguyện	Đoàn Thanh niên, Liên chi đoàn Khoa CK&DL	Hàng năm

Về cơ sở vật chất và trang thiết bị

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Bố trí phòng làm việc của Khoa chuyên môn và phòng Seminar.	Phòng HCQT và các đơn vị liên quan	Từ năm 2024
		Tăng tỷ lệ số hoá các tài liệu học tập.	Trung tâm Học liệu	Từ năm 2024
		Tăng số lượng máy tính đáp ứng nhu cầu thực hành của sinh viên.	Phòng HCQT	Từ năm 2024
		Hoàn thiện hệ thống CNTT trong Nhà trường và tiếp tục khai thác chức năng của phần mềm hợp nhất.	Phòng HCQT, Trung tâm CNTT	Từ năm 2024
		Khai thác hiệu quả các dữ liệu khảo sát để cải tiến các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn.	Phòng HCQT	Từ năm 2024
2	Phát huy điểm	Trang bị đầy đủ điều kiện, trang thiết bị cho cán bộ, giảng viên và nhân viên.	Phòng HCQT	Hàng năm
		Thư viện được Nhà trường đầu tư nâng cấp	Phòng	Hàng năm

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
	mạnh	phần mềm nghiệp vụ, cơ sở vật chất	HCQT, Trung tâm Học liệu	
		Có bộ phận quản lý riêng cũng giúp cho việc quản lý sử dụng phòng máy được tốt hơn.	Trung tâm CNTT	Hàng năm
		Đội ngũ quản lý, vận hành thiết bị tin học có trình độ chuyên môn cao, có khả năng tự phát triển và vận hành các hệ thống phần mềm phục vụ công tác quản lý.	Trung tâm CNTT	Hàng năm
		Môi trường, an toàn, sức khỏe luôn triển khai đáp ứng được yêu cầu và tạo ra môi trường học tập, an toàn cho sinh viên.	Phòng HCQT và các đơn vị liên quan	Hàng năm

Về nâng cao chất lượng

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Tăng số lượng phiếu khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan để phát triển CTDH.	Khoa CK&DL	Từ năm 2024
		Ban hành hướng dẫn chi tiết quy trình thiết kế và phát triển chương trình dạy học ngành CNKT CĐT.	Phòng KT&ĐBCL, Phòng Đào tạo	Từ năm 2024
		Thực hiện phân tích phổ điểm kết quả học tập các học phần trong CTDH.	Phòng KT&ĐBCL, Khoa CK&DL	Từ năm 2024
		Tăng số lượng sinh viên CĐT tham gia NCKH, các đề tài NCKH.	Khoa CK&DL	Từ năm 2024
		Tăng cường phổ biến để sinh viên có thông tin khai thác hiệu quả các dịch vụ và tiện ích của Nhà trường (Thư viện điện tử, phần mềm quản trị trường).	Khoa CK&DL và Trung tâm Học liệu	Từ năm 2024

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
		Xây dựng các biểu mẫu và báo cáo chi tiết phân tích ý kiến các bên liên quan để cải tiến CTĐT ngành CNKT CĐT.	Phòng KT&ĐBCL và Khoa CK&ĐL	Từ năm 2024
2	Phát huy điểm mạnh	Các kênh tiếp nhận thông tin phản hồi đa dạng gồm: Bảng hỏi khảo sát, hội thảo, tọa đàm phương pháp học tập, họp Khoa, họp bộ môn.	Phòng KT&ĐBCL, Khoa CK&ĐL	Hàng năm
		Duy trì định kỳ hiệu chỉnh, cải tiến CTDH thông qua đánh giá của các bên liên quan.	Phòng KT&ĐBCL, Phòng Đào tạo, Khoa CK&ĐL	Định kỳ
		Các quy định, bộ phận rà soát, đánh giá được thiết kế và tổ chức phát huy được tính chủ động, sáng tạo của cả giảng viên và người học.	Phòng KT&ĐBCL, Khoa CK&ĐL	Hàng năm
		Các quy chế về NCKH của Nhà trường là đầy đủ, có khả năng khuyến khích giảng viên, sinh viên thực hiện nhiệm vụ NCKH.	Phòng QLKH&HTQT	Hàng năm
		Duy trì phân tích đánh giá tiện ích phục vụ cho hoạt động giảng dạy và học tập là cơ sở cho việc cải tiến để đáp ứng nhu cầu người học.	Phòng KT&ĐBCL và các đơn vị	Hàng năm
		Duy trì cơ chế phản hồi của các bên liên quan đã được xây dựng chặt chẽ giữa Phòng KT&ĐBCL với Khoa CK&ĐL, doanh nghiệp.	Phòng KT&ĐBCL, Khoa CK&ĐL	Hàng năm

Về kết quả đầu ra

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục	Phối hợp với gia đình những sinh viên thôi học để nắm bắt được thông tin tốt	Khoa CK&ĐL, Phòng CTSV	Từ năm 2024

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
	tồn tại	hơn về những sinh viên này, tìm hiểu nguyên nhân thực sự có phải từ phía Nhà trường hay từ phía người học.		
		Thống kê và báo cáo về thời gian tốt nghiệp của sinh viên và đưa ra các đề xuất phù hợp giúp sinh viên rút ngắn thời gian tốt nghiệp.	Phòng CTSV và Phòng Đào tạo	Từ năm 2024
		Chú trọng phân tích kết quả để hỗ trợ việc làm cho sinh viên ngành CNKT CĐT.	Khoa CK&ĐL	Từ năm 2024
		Có chính sách hỗ trợ hoạt động NCKH của sinh viên.	Phòng QLKH&HTQT	Từ năm 2024
		Phân tích và khai thác hiệu quả kết quả khảo sát các bên liên quan để thực hiện cải tiến chất lượng.	Khoa CK&ĐL	Từ năm 2024
2	Phát huy điểm mạnh	Gắn tỷ lệ thôi học với hiệu quả đánh giá từng Khoa, Phòng ban.	Phòng TCCB và các đơn vị liên quan	Hàng năm
		Có quy định rõ ràng và cơ chế giám sát chặt chẽ đối với thời gian tốt nghiệp của sinh viên.	Phòng Đào tạo, Phòng CTSV	Hàng năm
		Duy trì và giám sát tỷ lệ có việc làm trên 90% sau 01 năm của sinh viên tốt nghiệp.	Phòng CTSV, Phòng KT&ĐBCL, Khoa CK&ĐL	Hàng năm
		Duy trì chủ động trong công tác NCKH sinh viên.	Khoa CK&ĐL	Hàng năm
		Duy trì sự kết hợp chặt chẽ giữa Phòng KT&ĐBCL với Khoa CK&ĐL trong nhận thông tin phản hồi sự hài lòng từ các bên liên quan.	Phòng KT&ĐBCL, Khoa CK&ĐL	Hàng năm

4. Tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT

Tên cơ sở giáo dục: Trường Đại học Điện lực

Mã: DDL

Tên CTĐT: Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử

Mã CTĐT: 7510203

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼			
Tiêu chuẩn 1								5.00	3	100%
Tiêu chí 1.1					5					
Tiêu chí 1.2					5					
Tiêu chí 1.3					5					
Tiêu chuẩn 2								5.00	3	100%
Tiêu chí 2.1					5					
Tiêu chí 2.2					5					
Tiêu chí 2.3					5					
Tiêu chuẩn 3								5.00	3	100%
Tiêu chí 3.1					5					
Tiêu chí 3.2					5					
Tiêu chí 3.3					5					
Tiêu chuẩn 4								4.00	3	100%
Tiêu chí 4.1				4						
Tiêu chí 4.2				4						
Tiêu chí 4.3				4						
Tiêu chuẩn 5								4.40	5	100%
Tiêu chí 5.1				4						
Tiêu chí 5.2					5					
Tiêu chí 5.3					5					
Tiêu chí 5.4				4						
Tiêu chí 5.5				4						
Tiêu chuẩn 6								4.00	7	100%
Tiêu chí 6.1				4						

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼			
Tiêu chí 6.2				4						
Tiêu chí 6.3				4						
Tiêu chí 6.4				4						
Tiêu chí 6.5				4						
Tiêu chí 6.6				4						
Tiêu chí 6.7				4						
Tiêu chuẩn 7								4.00	5	100%
Tiêu chí 7.1				4						
Tiêu chí 7.2				4						
Tiêu chí 7.3				4						
Tiêu chí 7.4				4						
Tiêu chí 7.5				4						
Tiêu chuẩn 8								4.00	5	100%
Tiêu chí 8.1				4						
Tiêu chí 8.2				4						
Tiêu chí 8.3				4						
Tiêu chí 8.4				4						
Tiêu chí 8.5				4						
Tiêu chuẩn 9								4.00	5	100%
Tiêu chí 9.1				4						
Tiêu chí 9.2				4						
Tiêu chí 9.3				4						
Tiêu chí 9.4				4						
Tiêu chí 9.5				4						
Tiêu chuẩn 10								4.33	6	100%
Tiêu chí 10.1					5					
Tiêu chí 10.2					5					
Tiêu chí 10.3				4						
Tiêu chí 10.4				4						

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼			
Tiêu chí 10.5				4						
Tiêu chí 10.6				4						
Tiêu chuẩn 11								4.60	5	100%
Tiêu chí 11.1				4						
Tiêu chí 11.2					5					
Tiêu chí 11.3					5					
Tiêu chí 11.4					5					
Tiêu chí 11.5				4						
Đánh giá chung CTĐT								4.35		100%

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

Q. HIỆU TRƯỞNG

Đinh Văn Châu

PHẦN IV. PHỤ LỤC

CƠ SỞ DỮ LIỆU

KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 30 tháng 11 năm 2023

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo quyết định thành lập):

- Tiếng Việt: Trường Đại học Điện lực

- Tiếng Anh: Electric Power University

2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục (tiếng Việt và tiếng Anh):

- Tiếng Việt: ĐHDL

- Tiếng Anh: EPU

3. Tên trước đây (nếu có):

- Từ 1962 đến 1966: Trường Trung Cao Cơ điện

- Từ 1966 đến 1997: Trường Trung học Kỹ thuật điện

- Từ 1997 đến 2000: Trường Trung học Điện I

- Từ 2000 đến 2006: Trường Cao đẳng Điện lực

- Từ 2006 đến nay: Trường Đại học Điện lực

4. Cơ quan quản lý trực tiếp: Bộ Công Thương

5. Địa chỉ:

- Cơ sở I: Số 235 Hoàng Quốc Việt, Phường Cổ Nhuế I, Quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội.

- Cơ sở II: Xã Tân Minh, huyện Sóc Sơn, TP. Hà Nội.

6. Thông tin liên hệ: Số điện thoại: 024.22185607; Số fax: 024.38362065;

Email: epu@epu.edu.vn; Website: <http://www.epu.edu.vn>.

7. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập): Năm 2006 (Quyết định số 111/2006/QĐ-TTg ngày 19/5/2006 của Thủ tướng Chính phủ)

8. Thời gian bắt đầu đào tạo khoá I: 2006

9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I: 2011

10. Loại hình cơ sở giáo dục:

Công lập ☒ Bán công ☐ Dân lập ☐ Tư thực ☐

11. Loại hình khác (đề nghị ghi rõ)

II. Thông tin chung về cơ sở giáo dục thực hiện chương trình đào tạo

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)

- Tiếng Việt: Khoa Cơ khí và Động lực/ Bộ môn Cơ điện tử

- Tiếng Anh: Mechanical and Power Engineering Faculty/Section of Mechatronics

13. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:

- Tiếng Việt: Khoa CK&DL/Bộ môn CĐT

- Tiếng Anh: MPE/SM

14. Tên trước đây (nếu có):

- Tiếng Việt: Khoa Công nghệ Cơ khí

- Tiếng Anh: Department of Mechanical Engineering

15. Tên CTĐT

- Tiếng Việt: Ngành Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử

- Tiếng Anh: Mechatronics

- Mã CTĐT: 7510203

16. Tên trước đây của CTĐT (nếu có):

17. Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:

Khoa Cơ khí và Động lực – Phòng M304 nhà M, Trường Đại học Điện lực,
Số 235 Hoàng Quốc Việt, Phường Cổ Nhuế I, Quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội.

18. Số điện thoại liên hệ: 024.22185580 Số fax:

E-mail: cnck@epu.edu.vn Website: mpe.epu.edu.vn

19. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập):

- Năm 2006: Ban đầu là Khoa Công nghệ Cơ khí

- Năm 2018: Đổi tên thành Khoa Cơ khí và Động lực

20. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của chương CTĐT): Năm 2008.

21. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): Năm 2013.

III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

22. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT

Khoa Cơ khí và Động lực (CK&DL) tiền thân là Khoa Công nghệ Cơ khí, là một trong những khoa có quy mô lớn trong trường Điện lực. Hiện nay (tính đến

11/2023), Khoa CK&ĐL có 30 giảng viên trong đó có 05 Phó Giáo sư-Tiến sĩ, 15 Tiến sĩ, 10 Thạc sĩ, 01 Thư ký - Giáo vụ. Số lượng học viên của Khoa CK&ĐL hiện nay khá đông, trong đó có khoảng gần 1300 sinh viên đại học. Ngoài nhiệm vụ giảng dạy, giảng viên của Khoa CK&ĐL còn tham gia tích cực vào các hoạt động nghiên cứu khoa học. Cụ thể là đã tiến hành thực hiện rất nhiều các đề tài cấp Bộ, đề tài cấp cơ sở... Các sản phẩm nghiên cứu khoa học của Khoa CK&ĐL đã được các đơn vị đánh giá hoàn thành tốt và đang dần được ứng dụng vào thực tế.

Bên cạnh nhiệm vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học, các giảng viên còn tham gia vào các khóa đào tạo để nâng cao trình độ, hoàn thiện kỹ năng. Các giảng viên của Khoa CK&ĐL còn tham gia nhiều hội thảo cũng như các khóa đào tạo về nâng cao kỹ năng, như hội thảo về công tác ứng dụng phần mềm vào sản xuất.

Trong những năm qua, Khoa CK&ĐL đã tích cực đẩy mạnh công tác hợp tác quốc tế về giảng dạy và NCKH trong lĩnh vực Cơ khí và Cơ điện tử. Khoa CK&ĐL đã làm việc và trao đổi với Trường Đại học Nam Đài Loan, một số trường đại học của Trung Quốc, Đại học quốc gia KyungPook Hàn Quốc, Đại học Anna University Ấn Độ, kết hợp làm việc với các chuyên gia đến từ nhiều nước như Ấn Độ, Đức, Nhật Bản, Trung Quốc ...

Trong trường, ngoài lực lượng giảng viên của Khoa CK&ĐL, trong chương trình đào tạo trình độ đại học các ngành của Khoa CK&ĐL còn có nhiều môn học do các giảng viên khác có học hàm Phó giáo sư và học vị Tiến sĩ ở các khoa, các phòng ban khác trong và ngoài Trường cùng tham gia giảng dạy. Cụ thể là có 8 Tiến sĩ ở các khoa và các ngành khác cùng tham gia giảng dạy. Ngoài ra, Khoa CK&ĐL còn liên kết hợp tác mời giảng viên của một số trường đại học lớn tham gia như Đại học Bách khoa, Đại học giao thông, Đại học Mỏ, Học viện Kỹ thuật quân sự .v.v.

Khoa CK&ĐL là đơn vị trực thuộc trường Đại học Điện lực, với các nhiệm vụ chính là thực hiện đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong các lĩnh vực: Công nghệ cơ khí, Cơ điện tử, Thiết bị điện và công nghệ ô tô. Các loại hình đào tạo của Khoa CK&ĐL hiện nay gồm: Chính quy, Tại chức, Liên thông, Đào tạo ngắn hạn. Các bậc đào tạo bao gồm: Đại học, Cao học.

Về cơ sở vật chất, Khoa CK&ĐL hiện tại có 01 văn phòng với đầy đủ các trang thiết bị phục vụ cho giảng viên. Khoa CK&ĐL cũng xây dựng thư viện để các giảng viên có nguồn tài liệu cơ bản quan trọng phục vụ công tác giảng dạy và nghiên cứu

khoa học.

Về nguồn nhân lực, trong đào tạo chuyên ngành CNKT CĐT, (tính đến 11/2023) Khoa CK&ĐL có 30 giảng viên trong đó có 05 Phó Giáo sư-Tiến sĩ, 15 Tiến sĩ, 10 Thạc sĩ, 01 Thư ký - Giáo vụ. Ngoài ra, Khoa CK&ĐL còn có sự hợp tác tham gia thỉnh giảng từ các chuyên gia, các nhà khoa học có nhiều năm kinh nghiệm nghiên cứu và đào tạo trong lĩnh vực cơ khí và cơ điện tử. Đặc biệt, hội đồng Khoa CK&ĐL quy tụ được các nhà khoa học trong và ngoài trường có đủ lĩnh vực và trình độ chuyên môn.

Kết quả đào tạo dài hạn: Trong công tác đào tạo, Khoa CK&ĐL đã và đang đào tạo được 18 khoá với tổng số lượng khoảng 10000 sinh viên. Số lượng sinh viên đã ra trường khoảng 9000 sinh viên và số lượng đang theo học các ngành của Khoa khoảng 1300 sinh viên.

Theo thống kê từ bộ phận quản lý cựu học viên, tại các thời điểm khảo sát, gần 100% cựu sinh viên phản hồi thông tin đã có việc làm và trên 80% trong số đó là làm đúng hoặc liên quan đến chuyên ngành được đào tạo.

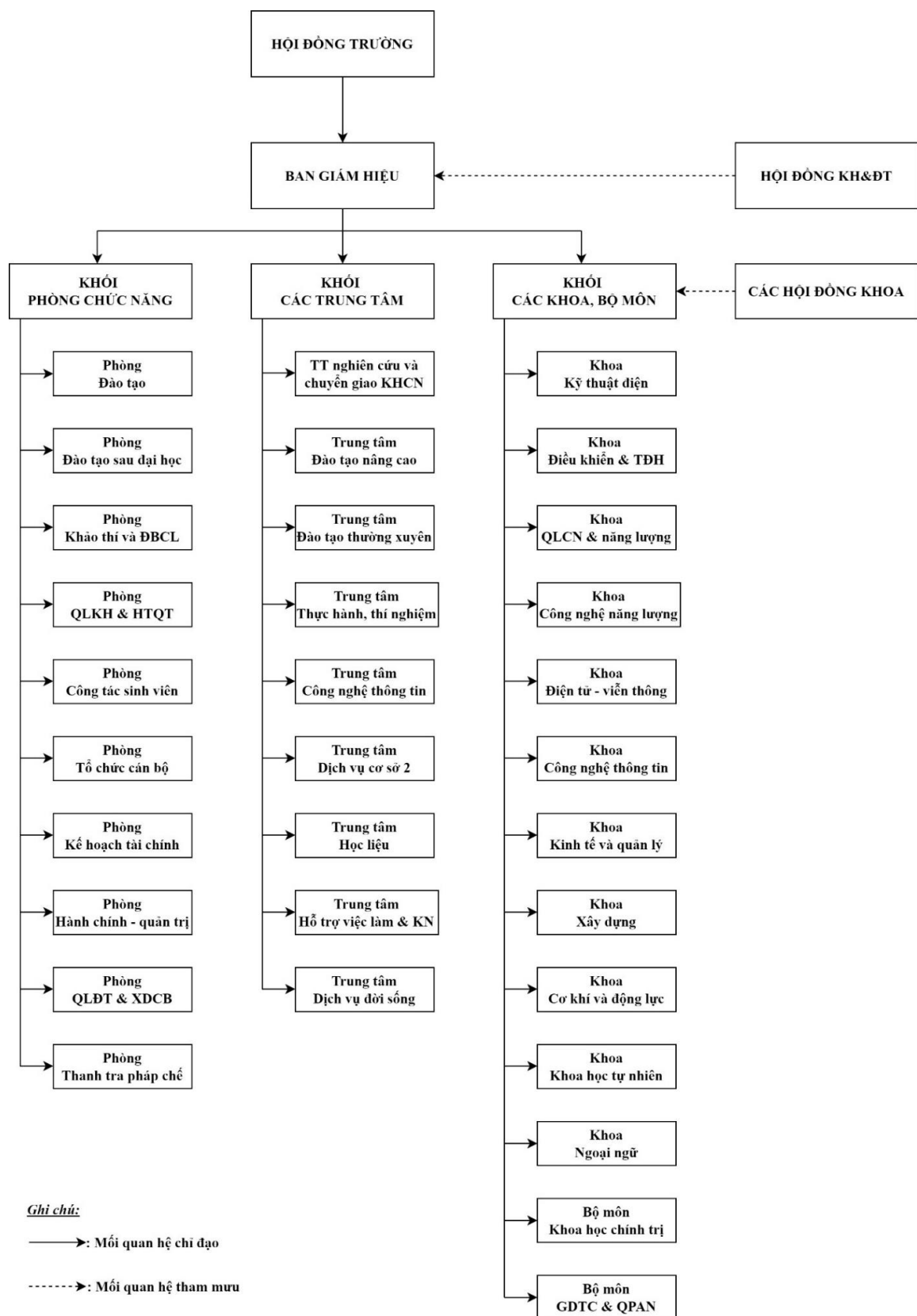
Kết quả nghiên cứu khoa học: Khoa CK&ĐL luôn là một trong những đơn vị tiên phong trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học. Tính đến nay Khoa CK&ĐL đã chủ trì được trên 20 đề tài các cấp (cấp Bộ Công Thương và cấp cơ sở) và tham gia nhiều dự án cấp Bộ Công Thương được đánh giá có chất lượng tốt và có tính ứng dụng cao trong áp dụng thực tế.

Cùng với công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học, Khoa CK&ĐL cũng tích cực tham gia và các chương trình sản xuất thử nghiệm, thiết kế và chế tạo hỗ trợ các doanh nghiệp sản xuất, các nhà máy và xưởng bảo dưỡng, sửa chữa công nghiệp.

Sau hơn 17 năm thành lập, Khoa CK&ĐL đã khẳng định được vị trí và vị thế trong lĩnh vực đào tạo, tư vấn về lĩnh vực cơ khí và CĐT. Khoa CK&ĐL đã trở thành địa chỉ đào tạo tin cậy của lớp lớp thế hệ sinh viên và học viên, là đối tác tin cậy của các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp trong lĩnh vực cơ khí và CĐT.

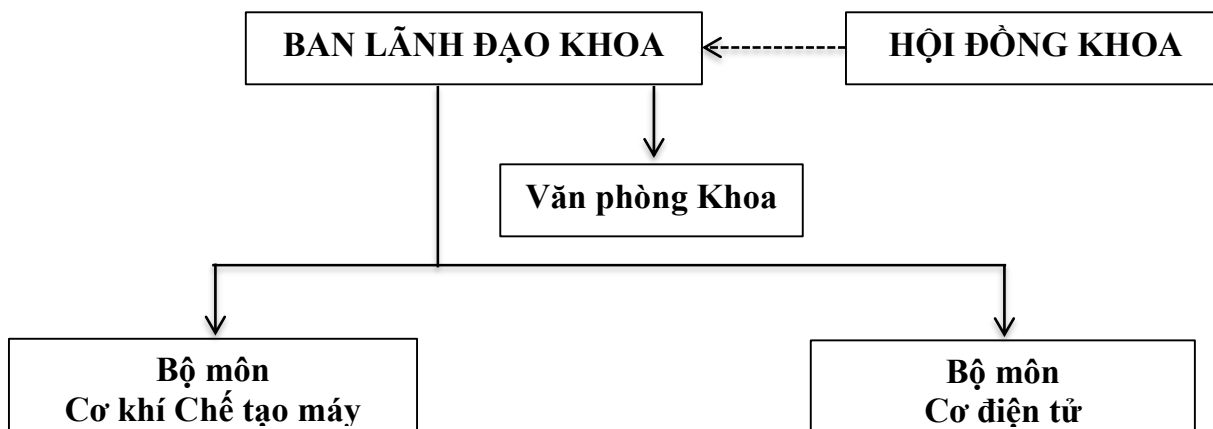
23. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT

23.1. Cơ cấu tổ chức hành chính của Trường ĐHĐL



Hình 1: Cơ cấu tổ chức hành chính Trường Đại học Điện lực (www.epu.edu.vn)

23.2. Cơ cấu tổ chức Khoa CK&DL



Hình 2: Cơ cấu tổ chức Khoa CK&DL

24. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
	Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục					
1	Hội đồng trường	Vũ Đình Ngộ	1966	PGS.TS, Chủ tịch HĐT	0989771666	vudingngo@vui.edu.vn
2	Ban Giám hiệu	Đinh Văn Châu	1975	PGS, TS, Q. Hiệu trưởng	0914262666	chaudv@epu.edu.vn
3	Ban Giám hiệu	Nguyễn Lê Cường	1976	TS, Phó Hiệu Trưởng	0913546234	cuongnl@epu.edu.vn
4	Ban Giám hiệu	Dương Trung Kiên	1981	TS, Phó Hiệu Trưởng	0912661982	kiendt@epu.edu.vn
	Đơn vị thực hiện CTĐT - Khoa CK&DL					
I	Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị					
1	Ban lãnh đạo Khoa	Bùi Văn Bình	1978	TS, Phó Trưởng khoa	0949000226	binhbv@epu.edu.vn
II.	Các tổ chức Đảng, Đoàn					

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
	TN, Công đoàn, Hội					
1	Chi bộ	Bùi Văn Bình	1978	TS, Bí thư Chi bộ	0949000226	binhbu@epu.edu.vn
2	Chi bộ	Nguyễn Hồng Lĩnh	1982	Phó BT	0986426282	linhnh@epu.edu.vn
3	Chi bộ	Chu Việt Thức	1981	Chi uỷ viên		thuccv@epu.edu.vn
3	Đoàn TN liên chi đoàn	Lê Hà An	1997	ThS, Bí thư LCD Khoa	0978972772	anh@epu.edu.vn
4	Công đoàn Khoa	Nguyễn Thị Tuyên	1982	ThS, Phó Chủ tịch CD Khoa	0904555003	tuyennt@epu.edu.vn
III.	Văn phòng Khoa					
1	Văn phòng Khoa	Nguyễn Thị Tuyên	1983	ThS, Thư ký khoa	0904555003	tuyennt@epu.edu.vn
IV.	Bộ môn					
1	Bộ môn Cơ điện tử	Nguyễn Trường Giang	1980	TS, Phụ trách BM	0986348080	giangnt@epu.edu.vn
2	Bộ môn Cơ khí Chế tạo máy	Nguyễn Hồng Lĩnh	1982	TS, Trưởng BM	0986426282	linhnh@epu.edu.vn

25. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT: Ngành CNKT CĐT

26. Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: 0

27. Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: 01

28. Số lượng ngành đào tạo đại học: 02

29. Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: 0

30. Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác đề nghị nêu rõ:

31. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT

	Có	Không
Chính quy	☒	☐
Không chính quy	☒	☐
Từ xa	☐	☒
Liên kết đào tạo với nước ngoài	☐	☒
Liên kết đào tạo trong nước	☐	☒

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình):

32. Tổng số các ngành đào tạo: 02

IV. Cán bộ, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT

33. Thống kê số lượng cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT (tính đến tháng 11/2023):

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Đội ngũ cơ hữu <i>Trong đó:</i>			
1.1	Cán bộ trong biên chế	14	1	15
1.2	Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	14	1	15
II	Các cán bộ khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng)	1	0	0
	Tổng số	15	1	16

34. Thống kê, phân loại giảng viên của đơn vị thực hiện CTĐT (tính đến tháng 11/2023):

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng giảng viên	Giảng viên cơ hữu			Giảng viên thỉnh giảng trong nước	Giảng viên quốc tế
			Giảng viên trong biên chế trực tiếp giảng dạy	Giảng viên hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ	-	-		-		-
2	Phó giáo sư	3	-	3	-	-	-
3	Tiến sĩ khoa học	-	-	-	-	-	-
4	Tiến sĩ	8	6	2		-	-
5	Thạc sĩ	3	2	1	-	-	-
6	Đại học	-	-	-	-	-	-
7	Cao đẳng	-	-	-	-	-	-
8	Trình độ khác	-	-		-		-
	Tổng số	14	8	6	-	-	-

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 14 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 100%

35. Quy đổi số lượng giảng viên của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định hiện hành của Bộ GDĐT (Thông tư 01/2019/TT-BGDĐT)

Số liệu trong bảng mục 35 được lấy từ số liệu trong bảng của mục 34 nhân với hệ số quy đổi (Theo số liệu nhân sự đến tháng 11/2023)

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng giảng viên	Giảng viên cơ hữu			Giảng viên thỉnh giảng	Giảng viên quốc tế	Giảng viên quy đổi
				Giảng viên trong biên chế trực tiếp giảng dạy	Giảng viên hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư, Viện sĩ	5	-	-	-	-	-	-	-
2	Phó Giáo sư	3	3	-	3	-	-	-	9
3	Tiến sĩ khoa học	3	-	-	-	-	-	-	-
4	Tiến sĩ	2	8	6	2	-	-	-	16
5	Thạc sĩ	1	3	2	1	-	-	-	3
6	Đại học	-	-	-	-	-	-	-	-
	Tổng		14	8	6	-	-		28

Cách tính: Cột 10 = cột 3*(cột 5 + cột 6 + 0,3*cột 7 + 0,2*cột 8 + 0,2*cột 9)

36. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người) (Theo số liệu nhân sự đến tháng 11/2023)

TT	Trình độ/học vị	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (người)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	3	21,43	3	0	0	0	0	0	3
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	8	57,14	8	0	0	2	4	0	2

TT	Trình độ/học vị	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (người)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
5	Thạc sĩ	3	21,43	3	0	2	0	0	0	1
6	Đại học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng số	14	100	14	0	2	2	4	-	6

36.1. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 51 tuổi.

36.2. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 78,57%.

36.3. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 21,43%.

37. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) giảng viên cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)		100%
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	87,5%	
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	12,5%	
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)		
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)		
	Tổng	100%	100%

V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

38. Người học bao gồm học sinh, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Ngành/ Chuyên ngành	Số TS đăng ký vào CTĐT	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số sinh viên trúng tuyển nhập học	Điểm tuyển đầu vào/thang điểm 30	Điểm trung bình sinh viên được tuyển
2018-2019 (D14)	CĐT	369	90	4,1	69	Khối A00, A01, D07, D01: (Kết quả thi: 15đ; Học bạ: 18đ)	17,95
2019-2020 (D15)	CĐT	627	242	2,6	141	Khối A00, A01, D07, D01: (Kết quả thi: 15đ; Học bạ: 18đ)	19,56
2020-2021 (D16)	CĐT	1590	347	4,6	301	Khối A00, A01, D07, D01: (Kết quả thi: 19đ; Học bạ: 19đ)	20,77
2021-2022 (D17)	CĐT	2493	102	24,4	96	Khối A00, A01, D07, D01: (Kết quả thi: 24.5đ; Học bạ: 22đ)	23,24
2022-2023 (D18)	CĐT	1284	120	10,7	112	Khối A00, A01, D07, D01: (Kết quả thi: 23.5đ; Học bạ: 23.25đ)	24,24

39. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm 2018 -2019	Năm 2019 -2020	Năm 2020 -2021	Năm 2021 -2022	Năm 2022 -2023
1. Nghiên cứu sinh	0	0	0	0	0
2. Học viên cao học	0	0	0	0	0
3. Sinh viên đại học	474	455	533	764	719
Trong đó:					
Hệ chính quy	474	455	533	764	719
Hệ không chính quy					
4. Sinh viên cao đẳng	0	0	0	0	0

Các tiêu chí	Năm 2018 -2019	Năm 2019 -2020	Năm 2020 -2021	Năm 2021 -2022	Năm 2022 -2023
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
5. Học sinh TCCN	0	0	0	0	0
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
6. Khác...	0	0	0	0	0

40. Số sinh viên quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

	Năm học				
	Năm 2018 -2019	Năm 2019 -2020	Năm 2020 -2021	Năm 2021 -2022	Năm 2022 -2023
Số lượng (người)	0	0	0	0	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số người học	0	0	0	0	0

41. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu (Hiện tại, ký túc xá của Nhà trường đủ đáp ứng nhu cầu của sinh viên):

Các tiêu chí	Năm học				
	Năm 2018 -2019	Năm 2019 -2020	Năm 2020 -2021	Năm 2021 -2022	Năm 2022 -2023
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	13.851	13.851	13.851	13.851	13.851
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)	1102	1102	covid	1102	1102
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)	1102	1102	covid	1102	1102
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m ² /người)	6,58 (13851/2104)	6,58 (13851/2104)	6,58 (13851/2104)	6,58 (13851/2104)	6,58 (13851/2104)

42. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia NCKH

	Năm học				
	Năm 2018 -2019	Năm 2019 -2020	Năm 2020 -2021	Năm 2021 -2022	Năm 2022 -2023

Số lượng (người)*	0	2	0	2	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên*	0%	0,52%	0%	0,52%	0%
Số lượng (người)**	57	48	44	69	86
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên**	65%	76%	69%	78%	62%

Ghi chú: (*): Sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học Cấp trường (đề tài cấp trường);

(**): Sinh viên được làm đồ án tốt nghiệp lần đầu sẽ được tính là có tham gia NCKH (số sinh viên tốt nghiệp/số sinh viên nhập học theo khoá học)

43. Thông kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	Năm 2018 (D9)	Năm 2019 (D10)	Năm 2020 (D11)	Năm 2021 (D12)	Năm 2022 (D13)
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ	0	0	0	0	0
2. Học viên tốt nghiệp cao học	0	0	0	0	0
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học Trong đó:	42	48	57	69	86
Hệ chính quy	48	42	57	69	86
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng Trong đó:	0	0	0	0	0
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp Trong đó:	0	0	0	0	0
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
6. Khác: Vừa làm vừa học	0	0	0	0	0

(Tính cả những người học đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng)

44. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy của CTĐT:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp
--------------	----------------

	Năm 2018 (D9)	Năm 2019 (D10)	Năm 2020 (D11)	Năm 2021 (D12)	Năm 2022 (D13)
1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).	57	48	44	69	86
2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).	65%	76%	69%	68%	55%
3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:					
A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4					
B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	89%	91%	90%	94%	92%
3.2. Tỷ lệ người học trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	8%	7%	6%	4%	5%
3.3. Tỷ lệ người học trả lời <i>không</i> học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp	3%	2%	4%	2%	3%
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:					
A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5					
B. Cơ sở giáo dục/ đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%).	95%	96%	94%	96%	95%
- Sau 6 tháng tốt nghiệp.	89%	89%	90%	88%	90%
- Sau 12 tháng tốt nghiệp.	5%	7%	4%	8%	5%
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).	5%	4%	6%	4%	5%
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm.	5-6 triệu/tháng	6-7 triệu/tháng	6-7 triệu/tháng	7-8 triệu/tháng	8-9 triệu/tháng

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:					
A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này.					
B. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).	86%	87%	90%	94%	92%
5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).	8%	9%	6%	4%	5%
5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).	5%	4%	4%	2%	3%

Ghi chú:

- Người học tốt nghiệp là người học có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những người học chưa nhận được bằng tốt nghiệp.
- Người học có việc làm là người học tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm.
- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp.

VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

45. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số (**)	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	Đề tài cấp NN	2,0	0	0	0	0	0	0
2	Đề tài cấp Bộ*	1,0	0	2	0	0	0	2,0
3	Đề tài cấp trường	0,5	4	3	1	1	1	5,0
4	Tổng		4	5	1	1	1	7,0

Cách tính: Cột 9 = cột 3*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh

giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 7,0

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 0,50

46. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	Năm 2016-2017	0	0	0
2	Năm 2017-2018	0	0	0
3	Năm 2018-2019	0	0	0
4	Năm 2019-2020	0	0	0
5	Năm 2020-2021	0	0	0

47. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	4	3	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	2	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số cán bộ tham gia	0	4	5	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

48. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số **	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	
1	Sách chuyên khảo	2,0	0	0	0	0	0	0
2	Sách giáo trình	1,5	0	0	0	0	0	0
3	Sách tham khảo	1,0	0	0	0	0	0	0
4	Sách hướng dẫn	0,5	0	0	0	0	0	0
5	Tổng		0	0	0	0	0	0

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh

giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 0,0

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,0

49. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	0	0	0	0
Từ 4 đến 6 cuốn sách	0	0	0	0
Trên 6 cuốn sách	0	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	0	0	0	0

50. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số **	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	4	3	4	1	1	19,5
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	10	6	10	10	8	44,0
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	0	0	0	0	0	0
	Tổng		14	9	14	11	9	63,5

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 63,5

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 4,55

51. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	3	2	0
Từ 6 đến 10 bài báo	0	6	0
Từ 11 đến 15 bài báo	0	0	0

Trên 15 bài báo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	3	8	0

51. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số **	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	
1	Hội thảo quốc tế	1,0	1	1	0	0	0	2,0
2	Hội thảo trong nước	0,5	1	0	0	0	0	0,5
3	Hội thảo cấp trường	0,25	0	0	0	0	0	0
4	Tổng		2	1	0	0	0	2,5

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 2,5

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,19

52. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	2	1	0
Từ 6 đến 10 báo cáo	0	0	0
Từ 11 đến 15 báo cáo	0	0	0
Trên 15 báo cáo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	2	1	0

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

54. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp: Không

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
Năm 2018-2019	0
Năm 2019-2020	0
Năm 2020-2021	0
Năm 2021-2022	0
Năm 2022-2023	0

55. Nghiên cứu khoa học của người học

55.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	0	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số người học tham gia	0	0	0	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

55.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		Năm 2016-2017	Năm 2017-2018	Năm 2018-2019	Năm 2019-2020	Năm 2020-2021
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	0	0	0	0	0
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	0	0	0	0	0

VII. Cơ sở vật chất, thư viện

56. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m²): 99.128 m²

57. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (phòng làm việc) (tính bằng m²): 64.111 m²

58. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²):

- Nơi làm việc: 3.782 m²

- Nơi học: 25.390 m²

- Nơi vui chơi giải trí: 11.985 m²

59. Diện tích phòng học (tính bằng m²)

- Tổng diện tích phòng học: 14.629 m²

- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 8,35 m²/người

60. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Học liệu:

160. Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có): 101

61. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 5

- Dùng cho người học học tập: 218 (Sử dụng chung hệ thống máy tính của Nhà trường).

Tỷ số số máy tính dùng cho người học/người học chính quy: 0,14.

VIII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên:

- Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 14 người

- Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 100%

- Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 78,57%.

- Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 21,43%.

2. Người học:

- Tổng số người học chính quy năm học 2022-2023 (người): 719 người

- Tỷ số người học chính quy trên giảng viên: 26,63 sinh viên/giảng viên quy đổi (năm học 2022-2023)

- Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào năm 2022 (%): 55%

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp (năm 2022) về chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 92%

Tỷ lệ người học trả lời chỉ học được một phần kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 5%

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%): 95%

Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%): 5%

Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ): 8-9 triệu đồng/tháng

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): 86%

Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo

thêm (%): 11%

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi)
trên cán bộ cơ hữu: 0,50

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu: 0

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 4,55

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 1,19

7. Cơ sở vật chất:

Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: 0,04 bộ/sinh viên

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 2,88 m²/sinh viên

Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy: 1,43 m²/sinh viên

DANH MỤC MINH CHỨNG